

CON ĐƯỜNG VÔ TẬN

Huỳnh Trung Chánh

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 8-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Lời nói đầu
Một Vị Phật Khai Sinh
Phổ Nguyện
Ngưỡng Cửa Của Thương Yêu
Cửa Thiên Cửa Tịnh
Tri Thiên
Tri Tịnh
Bờ Mé Pháp Không Phân Biệt
Tô Canh Bù Ngót
Con Đường Vô Tận
Một Niệm Buông Lung

---o0o---

Lời nói đầu

Trên bước đường lánh nạn cơn chiến chinh khốc liệt năm 1945, từ Trà Vinh về Cao Lãnh bằng xuồng chèo trên giòng sông Cửu Long, hằng ngày tôi đã phải ngắm nhìn vài mươi xác người sinh chương trôi lênh bênh trên giòng nước. Hình ảnh ghê rợn đó đã ám ảnh tôi suốt quãng đời thơ ấu. Tôi hằng khoắc khoải về thân phận bé bỏng của con người, và ước mong tìm ra giải đáp về lẽ sống chết qua tôn giáo. Do đó, tôi đã không ngần ngại viếng các ngôi thánh đường công giáo, Tin Lành và Cơ Đốc Phục Lâm để tìm hiểu. Thánh đường nào cũng đồ sộ nguy nga, quý vị linh mục và mục sư hùng biện, chương trình nghi lễ tươm tất, tổ chức thanh thiếu niên vui tươi, hợp với ban ca thánh điệu luyện..., nên đứng ra phải có sức lôi cuốn tuổi trẻ rất mạnh. Thế nhưng, dẫu cố gắng hết sức, tôi vẫn thấy mình xa lạ ngàn trùng với tôn giáo này. Nỗi niềm xa lạ

đó, không phát sinh từ lý luận đúng sai, mà thật ra chỉ dựa vào một thứ trực giác mơ hồ khó giải thích. Tôi có cảm giác rằng, vĩnh viễn mình chỉ là người khách đứng bên ngoài chớ không thể nhập cuộc thành một con chiên ngoan ngoãn được.

Mãi đến năm mười tám tuổi tôi mới đặt chân đến cổng chùa. Lần đó, tôi theo người bạn thân tên Trịnh Hưng Vận đến chùa Linh Sơn, chợ Cầu Muối, Saigon do hòa thượng Thích Tác Thuận trụ trì, để dự lễ sám hối. So với thánh đường, ngôi chùa tiêu tụy nghèo nàn, tổ chức lợm lợm, không có ban ca nhạc, không phần thuyết giảng, không có ban “làm chứng đạo” nồng nhiệt chiêu dụ. Có lẽ nhờ vậy mà tôi dễ cảm thấy tự nhiên thoải mái. Tôi chiêm ngưỡng tượng Phật từ bi, tôi lặng nhìn thầy trụ trì hiền hòa từ ái, tôi lắng nghe tiếng chuông thanh thoát, tôi hòa hợp với niềm vui mộc mạc của những cụ bà Phật tử quê mùa... Và tôi bỗng khám phá rằng dường như tất cả những gì ở chốn này đều thân thương đều quen thuộc với tôi tự kiếp nào. Tôi lễ Phật trong niềm vui lạ lùng của một đứa con hoang đang lạc lõng bất ngờ được quay về ngôi nhà xưa ấm êm. Dù chưa hiểu chút giáo lý, chỉ trong một thời gian ngắn, tôi xin thọ tam quy ngũ giới và được thầy ban pháp danh Thiện Tâm, về sau, tôi chọn cho mình pháp hiệu Hư Thân. Hư thân vừa mang nghĩa là thân hư huyền, vừa ngầm gợi lại hình ảnh đứa con hoang đang hư hỏng về nhà, tâm trạng của tôi khi vừa “trở về” chùa.

Tôi bắt đầu tự tìm hiểu Phật giáo qua bộ Phật Học Phổ Thông của thầy Thiện Hoa. Khi nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm, đến đoạn Đức Phật dạy vua Ba Tư Nặc : “Này Đại Vương! Thân thể mặt mày ông tuy già, mà cái thấy vẫn không già. Cái nào già thì cái ấy sẽ bị biến đổi sanh diệt; còn cái nào không già, thì không biến đổi sanh diệt! Nó đã không sanh diệt, thì làm sao bị luân hồi sanh tử được...”bất chợt lòng tôi rung động, một niềm vui mênh mang tràn ngập thân tâm tôi và đã kéo dài hàng tháng. Từ đó tôi vững tin rằng tôi vốn đã không sanh và cũng sẽ không bao giờ diệt. Tôi thường tìm đến chùa Án Quang xin gặp thầy Thiện Hoa thỉnh thầy chỉ dạy những điều chưa thông suốt. Pháp như thầy giản dị, dễ hiểu và có lẽ đã đi thẳng vào tâm tôi, nên bao năm tháng trôi qua, mà lời dạy của người vẫn hiển hiện sáng ngời trong tâm khảm. Tôi luôn luôn kính thầy là bậc ân sư đã khai mở cho tôi phát tâm bồ đề. Điểm tâm đặc mà tôi đón nhận nơi ân sư là tinh thần hài hòa dung hợp tông phái : thầy tu tịnh độ, nhưng trong tịnh lại tràn ngập thiền, giáo, mật. Về sau, có lúc tôi dành rất nhiều thời giờ để học hỏi và thực tập thiền.

Thế nhưng, càng nghiên cứu thiền, thì niềm tin của tôi đối với pháp môn tịnh độ càng tăng thêm phần kiên cố.

Sau năm 1963, tôi lại có duyên học Phật tại Viện Cao Đẳng Phật Học (tiền thân của Phân Khoa Phật Học, Viện Đại Học Vạn Hạnh). Tôi được quý thầy Nhất Hạnh, Thanh Từ, Minh Châu, Thiên ân, Thanh Kiểm... cùng các vị cư sĩ như cụ Mai thọ Truyền, Nguyễn đăng Thục, Phan Khoang... giảng dạy. Đối với tôi, vị thầy đặc sắc nhất mà tôi học hỏi và chịu ảnh hưởng sâu đậm là thầy Nhất Hạnh. Tôi mang ứng dụng những điều thầy dạy vào cuộc sống hàng ngày và nhận thấy đã gặt hái rất nhiều lợi lạc.

Tôi ghi lại vài giòng vắn tắt về bước đầu học Phật, để nhân dịp này nói lên lòng thành kính và biết ơn sâu xa của tôi đối với bốn sư, ân sư Thiện Hoa, quý thầy, quý bạn đã dạy dỗ và hướng dẫn tôi tìm về suối nguồn Phật Pháp.

Phật Giáo đã là niềm tin, lẽ sống của tôi bao năm qua. Nhờ chỗ dựa tinh thần này mà khi giòng đời trắc trở, tôi không đến nỗi bị cái thắng thua, vinh nhục... làm xao xuyên, và vẫn có thể tìm được những giây phút thanh thản nhẹ nhàng. Từ khi lưu lạc xứ người, nghĩ đến thâm ân Tam Bảo, tôi hằng ước nguyện sẽ làm điều gì để góp phần nào vào công cuộc hoàng dương đạo pháp. Nhân duyên tình cờ đưa đến khi quý thầy kêu gọi tôi viết bài cho một tập san Phật giáo. Tôi dẫn đo định viết bài khảo cứu, nhưng cuối cùng tôi thử chọn thể truyện ngắn phảng phất chút hương vị đạo, và cứ thế mà tiếp tục sản xuất cho đến ngày nay. Với tôi, viết truyện đạo là một phương cách biểu lộ niềm tin sâu xa vào Phật Pháp, vừa có cơ hội nhìn lại chính mình để tu dưỡng thân tâm. Khuyết điểm của truyện ngắn là, do nhu cầu câu chuyện, phần giáo lý không thể trình bày đầy đủ, rõ ràng và có thứ lớp, do đó, bạn đọc nên thận trọng, tránh tiếp thu một cách dễ dãi. Qua những mẩu chuyện đạo, tác giả chỉ ước mong gợi đến người đọc chút hương đạo nhẹ nhàng và nếu may mắn, có vị nào nhân đọc truyện mà hứng thú tìm hiểu sâu rộng Phật Pháp, thì hân hạnh cho tác giả biết bao. Ngoài ra, tác giả cũng xin lưu ý bạn đọc là một truyện ngắn, dù đã được dựa vào sử liệu và nhân vật có thật, thì tình tiết cũng bị thêm bớt và nhồi nắn lại nên phải được coi là một sản phẩm tưởng tượng.

Nhân đây, tác giả xin có lời cảm tạ quý thầy, quý thân hữu và bạn đọc đã hướng dẫn, khuyến khích, cung cấp tài liệu và giúp đỡ tác giả hoàn thành các tập truyện.

Tác giả đặc biệt xin chân thành tri ân hòa thượng Đức Niệm, vị thầy đã hết lòng khuyến khích nâng đỡ tác giả sáng tác. Không có sự yểm trợ của hòa thượng, chắc chắn tác giả đã ngưng viết từ lâu.

**Trân trọng.
Tháng 7.1998
Hư Thân Huỳnh trung Chánh**

---o0o---

Một Vị Phật Khai Sinh

Lê lết từng bước, gánh đôi nước thứ mười trong ngày về đến chuồng heo bên hông nhà, thì sức lực bé Liên cùng đã rã rời. Em thở hổn hển lấy sức, khóa nước rửa mặt, đoạn vốc một bùm đưa lên miệng uống ừng ực. Ngụm nước giếng mát lạnh lên vào tạng phủ, như một chất thuốc bổ kỳ diệu, phục hồi cho em phần nào sinh lực. Em đã phải gánh nước liên tục để làm tròn công việc tắm rửa heo và quét dọn chuồng sạch sẽ mà mẹ đã giao phó. Đoạn đường lấy nước giếng không xa, nhưng bé mới 12 tuổi, thể chất gầy gò, chân tay ngắn ngủn yếu ớt, mà phải chịu đựng chiếc đòn gánh dài thông, đong đưa cặp thùng nước nặng trĩu, trên lối đi trơn trượt quả là một cực hình. Gánh nước về, bé lại phải kỳ cọ tắm rửa cả bảy heo sáu con mập ú, rồi lại phải quét dọn chuồng sạch sẽ, gom hết hết mớ cặn bã hôi thúi mang đổ ra cái hố sau nhà. Sau mấy giờ chật vật, bé mới có thể nhàn nhã đứng tựa vào cột chuồng heo ngắm nhìn công trình của mình, vừa thò tay vào túi lấy củ khoai luộc, bóc vỏ nhai ngon lành.

Thình lình, có tiếng la thét:

· Con quỉ làm biếng! dọn chuồng không lo, đứng đực ra đó làm gì?

Liên nuốt vội mẩu khoai cuối cùng, chùi mép, rồi lên tiếng:

· Thưa má! con đã làm xong rồi!

Bà mẹ liếc nhanh về hướng chuồng heo kiểm soát, rồi mới xoay qua con, gằm gừ:

· Mày nhai giống gì đó? ăn cắp ở đâu vậy?

· Dạ! dạ! Con đâu dám ăn cắp. Củ khoai này chị Hồng cho con! tự ý chỉ cho chứ con không có xin xỏ gì hết má ạ!

· Bốp!bốp!

Liên bị mẹ tát cho hai tát tay, đập đầu vào cột xi măng xiềng niềng, mà chỉ dám rung rung nước mắt, chứ không dám nức nở thành tiếng. Kinh nghiệm dạy bé Liên rằng khóc to thì mẹ sẽ điên tiết, đòn bông gia tăng gấp bội. Em chỉ thút thít vang lên:

· Con xin lỗi má! con không dám như vậy nữa!

Bà mẹ gằn từng tiếng:

· Nè tao đã dặn: 'Ở nhà có thì ăn, không có thì nhịn! cấm tuyệt không được không được ăn chực, ăn xin', mà tại sao mày lại đi xin ăn làm xấu hổ tao vậy hả?

Liên chỉ biết co rút người lại, tiếp tục điệp khúc van lơn:

· Con lại má! con lỡ dại! con xin lỗi má!...

Bà mẹ chụp lấy cái đòn gánh, tưởng chừng sẽ phang con bé vài hèo nữa, nhưng có lẽ hài lòng với cái chuồng heo sạch sẽ, nên hồi tâm, chỉ nhip đòn gánh lên đầu con mấy cái, rồi lên tiếng:

· Bỏ tật đó nghe không? Chuyện mày ăn chực mà đến tai tao lần nữa, thì tao đập nát thân đó nghe!...

Đang hùng hồ la con, bỗng dung nhớ đến chuyện gì, bà dịu nét mặt, lên tiếng:

· Nè! mày chạy lại nhà bà Huế, hỏi cái ni cô Công Tăng xem bà mời tao dự lễ Phật Đản ngày nào? tao quên mất rồi!

Không ngờ cái vụ Phật Đản lại cứu mạng mình, bé Liên mừng rỡ 'ba giò bốn cẳng' chạy một mạch đến nhà bà Huế. Nhìn cánh cửa khép im lìm, lại nghe tiếng thì thầm là lạ trong nhà, ngó quanh bốn bề vắng vẻ, Liên bỗng cảm thấy ớn lạnh, nên đứng sững lại. Bà Huế mới chết chừng ba tháng nay, tiếng

thì thậm là tiếng người hay ma, Liên muốn lên tiếng kêu cửa mà sợ hãi hai hàm răng cắn chặt, không mở thành lời được.

Bà Hai Huế tên thật là gì không mấy ai biết rõ! Bà lưu lạc đến Khánh Hậu lâu đời, khi cô con gái nhỏ xíu mà lại có tên dài sọc là Công Tăng Tôn Nữ Thị Phương Khanh, chưa tròn tuổi thôi nôi. Khi tiếp xúc với bà, dân địa phương chột nghe cái giọng trọ trẹ nặng chình chịch, kèm với những tiếng bí hiểm 'mô, tê, răng, rứa' điếc đặc cả tai, tưởng bà là người ngoại quốc. Đến chừng biết bà chánh gốc là dân cố đô Huế, họ ùa nhau gọi bí danh bà là Huế cho 'tiện bề sô sách'. Thân gái cô đơn sứ người, vậy mà chỉ trong một thời gian ngắn, với nồi bún bò cai thâu trời mây chinh phục dễ dàng khẩu vị người dân địa phương, bà Huế bắt đầu tạo dựng được nếp sống vững vàng tại chốn này. Bà tậu được ngôi nhà xin xắn tại xóm lăng Nguyễn Huỳnh Đức, và thừa sức lo cho cô con gái ăn học tại Sài Gòn. Bà Huế hãnh diện về cô con gái học hành xuất sắc cấp đại học không được bao lâu, bỗng choáng váng điên đầu khi cô con trở chứng đòi cạo đầu đi tu. Dĩ nhiên, lúc đầu bà Huế cũng lòng lộng chống đối cản ngăn, vậy mà, cuối cùng thấy con tha thiết quá, bà cũng phải xiêu lòng. Có một dạo, bà Huế háo hức tuyên bố với bà con xóm giềng rằng bà đã chiêm nghiệm được lý vô thường và chán ngán cuộc đời tạm bợ vô nghĩa này, nên 'dọa' sẽ bỏ tất cả để cùng cô con tầm sư học đạo. Lời dọa này ngay dân nghiền bún bò cũng chẳng ai sợ tí nào, nhứt là khi mục sáu Lé, ngụ sát vách nhà bà, te rẹt khắp làng trên xóm dưới, cười ngặt nghèo tố cáo:

· Di Hai hả! Bà mà dám đi tu thì tui cùi sức móng cho bà con coi! Nè! mỗi năm di long trọng tuyên bố ăn chay có ngày mừng một, vậy mà vừa mới chạng vạng đã thấy bà lục đục bắt gà nấu cháo! Tu theo bà là 'tu hú' đó mà!

Không tu được, bà Hai Huế đành sống thui thủi một mình cho đến ngày, đang mạnh cùi cùi, bỗng ngã bệnh liệt giường. Sư cô Công Tăng - đúng ra pháp danh cô là Quảng Hạnh, mà dân quê lại cứ mang máng nhớ thành 'hoảng hồn, hoảng hốt' gì đó, lộn xộn quá chừng, bèn cứ gọi sư cô là Công Tăng, cái tên quen thuộc từ thuở cô còn bé tí ngày xưa cho dễ - vội vã về nhà chăm sóc cho mẹ. Hai tháng sau thì bà Hai qua đời. Tang ma mẹ xong, sư cô xin bôn sư cho ở lại nhà một năm để tiện tụng niệm vãng sanh và chăm nom săn sóc mộ phần mẹ. Sư cô cũng nhân dịp này tạo duyên Phật Pháp cho bà con lối xóm: tạm biến ngôi nhà thành một niệm Phật đường nhỏ, mời cô bác đến tụng kinh, lễ Phật để tùy duyên hướng dẫn họ vài giáo lý căn bản Phật giáo.

Trưa hôm đó, sư cô vừa mới chấm dứt thời kinh, nhìn qua khe cửa thấy dáng bé Liên lấp ló, vội bước ra nắm tay em đưa vào nhà. Bé Liên lấp vấp lên tiếng:

- Sư cô à! Má con dặn con hỏi sư cô mời Phật Đản ngày nào, con phải về trả lời liền kẻo má trông!
- Phật Đản tổ chức vào ngày mai con à! Ồ! khoan về đã! con hãy vào nhà chờ cô một chút, cô cùng đi với con, có cô con đừng lo!

Sư cô xót xa nhìn mặt mũi thê thảm của con bé. Cô nhúng khăn ướt lau mặt, thoa dầu lên vết sưng mười ngón tay còn in trên gò má, đắp nước muối lên cục u trên đầu, rồi như một bà mẹ hiền, sư cô lại ân cần đem bánh trái ép em ăn.

Sư cô dịu dàng dễ thương quá, bé Liên cảm động đón nhận tình thương của sư cô, rồi bỗng rụt rè lên tiếng:

- Tại sao sư cô lại đi tu vậy?
- Cả đời má sư cô phải cam chịu biết bao nhiêu điều khổ sở, sư cô thương quá muốn đi tu để tìm đường thoát khổ và cũng để độ má sư cô thoát khổ nữa!
- Sư cô à! con cũng muốn đi tu như sư cô vậy đó!
- Con muốn đi tu để làm gì?
- Cả đời má con cũng khổ sở quá chừng hà! con muốn đi tu để độ má con hết khổ cũng giống như sư cô vậy!

Sư cô ngạc nhiên không ngờ con bé bị mẹ hành hạ tàn nhẫn, mà vẫn thương mẹ không chút oán hờn. Mà hành vi độc ác của mẹ Tám bánh tâm bì thì đâu có vừa gì! Cả xã Khánh Hậu này ai chẳng kêu rêu bất mãn. Họ lên án, oán trách mẹ Tám đã bắt bé Liên nghỉ học từ năm lớp bốn, để ở nhà lãnh hết mọi công việc nặng nhẹ trong ngoài, từ việc nấu cơm, gánh nước, giặt giũ, cho đến những công tác dơ dáy ở chuồng gà, chuồng heo. Ba giờ sáng con bé đã bị dựng dậy để se bánh tâm cho kịp giờ bán điếm tâm, tối mịt em vẫn còn phải lóc cóc xách thùng đi khắp xóm soát cơm thiu, canh cận về bổ dưỡng thêm cho bầy heo háu ăn. Hành con bé làm việc bù đầu suốt ngày vẫn chưa hả nư, mẹ Tám bỏ bê con bé đói rách xác xơ, chửi mắng thô tục nặng nề và

đánh đập nó tàn nhẫn như đối với kẻ tử thù. Điều làm kẻ bàng quan bất mãn hơn nữa, là chị bé Liên tên Thảo, lại được mẹ Tám cưng yêu chiều chuộng tốt bọc, ăn ngon, mặc đẹp đi học, không phải động móng tay, vì chỉ cần ọ ẻ thì đã có đứa em nai lưng ra phục dịch rồi. Su cô thầm nguyện tìm phương kế giải tai ách cho bé Liên nên đã đích thân lân la đến thăm mẹ Tám ba lần, cố gắng gieo hạt giống thương yêu hiểu biết vào tâm mẹ, hai người luận bàn vui vẻ đủ mọi đề tài đạo và đời, nhưng mấy lần áp ứng đáng đo, su cô vẫn chưa dám khơi vạ bé Liên ra nói được. Mẹ Tám có tính quái đản là mỗi khi nghe ai lưu tâm đến bé Liên hay khuyên lơn cản ngăn mẹ thì mẹ lại đập con bé dữ tợn hơn nữa. Chị ruột của mẹ, thương hại cháu, ngõ lời xin cháu làm con nuôi, chẳng những mẹ Tám phản đối, mà bé Liên bị đòn nát bét mông đít và bị đay nghiến, bỏ đói cả ngày. Lần này, đi theo bé Liên để gặp mẹ Tám, su cô quyết tâm sẽ đề cập thẳng vào điều muốn nói, vậy mà, su cô nghĩ ngợi rồi cả ruột cũng chưa biết phải bắt đầu làm sao cho ổn...

Su cô đi khoan thai quá khiến bé Liên bồn chồn lo lắng. Khi còn cánh nhà chừng năm mười thước, con bé sốt ruột vượt tay su cô chạy một mạch về trước, hỏn hển báo cáo: 'Má ơi! su cô nói ngày mai!'

Su cô bỗng nghe tiếng hét:

· Đồ quý cái! Sao ân hoàn dịch lệ' không vật mảy chết cho tao nhờ! Từ đây đến nhà bà Hai Huế gần xị, mà mảy 'chết liệt' đi đâu mất không chịu về liền!

Nghĩ đến an nguy của bé Liên, su cô không thể đứng đĩnh giữ 'oai nghi' của người tu sĩ nữa. Su cô chạy vội đến nhà mẹ Tám, hấp tấp lên tiếng:

· Cái vạ này, vạ về trẻ này do lỗi của tôi đó chị Tám! Tôi giữ cháu lại để cùng đi đường cho có bạn, chị ạ!

Mẹ Tám đơn đả:

· Chào su cô! Mời su cô vào nhà chơi!

Rồi xoay qua con mẹ hát hàm ra lệnh:

· Ra sau xắt chuối cho heo ăn đi mảy!

Mẹ Tám vốn bị xóm giềng tẩy chay, nay được su cô viếng thăm nói chuyện, nên dễ sanh cảm tình, mặc dù, thật ra mẹ chẳng mấy ưa các câu chuyện đạo

lý ngán ngẩm của sư cô. Có lẽ, hơi sượng sùng về lời chửi mắng con quá ư thô lỗ của mình, vừa hướng dẫn sư cô vào nhà, mẹ Tám vừa phân bua:

· Cái con bé này coi vậy mà ương ngạnh lắm sư cô ạ! Tôi mà lơ mơ thì nó 'quậy' nát tan cái nhà này như chơi hà!

· Bé Liên mặt mũi trông hiền mà, chắc không đến nỗi khó dạy đâu chị Tám! Đôi khi, mà... ơ... ơ..., trong đám con thế nào cũng có đứa hạp, có đứa không hạp... nên đứa thì mình thấy dễ dạy, đứa khó dạy... phải không chị!

· Đúng đó sư cô! cái con dịch vật này quả không hạp tôi tí nào. Thật ra phải nói nó là thứ oan gia phá nhà hại cửa thì mới đúng! Ông thầy tử vi Nhãn Thần đã giải thích như vậy đó! Ông nói chồng tôi tuổi dần, nó tuổi thân, mà 'dần thân tị hại là tứ hành xung', nên sanh nó ra đời thì chồng tôi tử trận chết, và tôi thì phải lâm cảnh nghèo khổ tàn tật từ đó cho đến ngày nay.

· Tôi nói điều này mà nếu thấy sai xin chị đừng giận nhen! Trên thế gian này có biết bao đứa bé kỵ tuổi cha mẹ mà cha mẹ vẫn sống, cũng có đứa hạp tuổi lại lâm cảnh mồ côi! Người ta nói 'bói ra ma, quét nhà ra rác', thầy bói họ vẽ vôi ra vụ kỵ vụ hạp, bàn ngang tán rộng nhắm thăm dò tâm lý kẻ nhẹ dạ để khai thác trục lợi,... tin tưởng làm sao được chị Tám!

· Đáng tin lắm chứ sư cô! cái anh Toàn bạn cùng khóa với chồng tôi, anh cũng tuổi dần, sanh đứa con tuổi ngộ, mà 'dần, ngộ, tuất là tam hạp'. Từ đó bình nghiệp ảnh lên như diều, vồn vện trong vòng bốn năm mà ảnh lên được ba 'lon', bây giờ ảnh đã mang cấp bậc đại tá, uy quyền một cõi rồi. Cái con ba Khòm, vợ của ảnh, đen thui xấu ỉn, vậy mà bây giờ cũng làm bà này bà nọ, đồng đa đồng đánh, thấy ghép dễ sợ! Chỉ vì phận tôi hẩm hiu, nơi mới sanh nhằm thứ con báo đời, để phải khốn khổ như thế này!

· Chị Tám ạ! Hôm trước chị em mình có thảo luận về lý nghiệp báo và nhân duyên, theo đó, mỗi người tự mình chủ động trong việc tạo nghiệp cho mình, mình đã gieo nhân thiện hay ác gì, thì mình phải gánh chịu cái quả phát sanh từ các nhân đó, không sai chạy đi đâu cả! chị Tám chắc vẫn còn nhớ điều đó?

· Ủa, 'chiện' gì tôi không ý kiến chớ cái 'chiện' gieo nhân nào gặt quả này thì tôi chịu lắm!

· Như vậy đó chị Tám, nghiệp của mình do mình tạo ra, lành dữ tự mình gieo nhân, như vậy thì không có ai dù là thần thánh cũng không thể ban phước

hay gây họa cho mình được, thành thử ra, một đứa con sanh ra cũng không làm thay đổi nghiệp của mình, không gây ra chuyện hên sui gì cả, phải không chị Tám?

· Không phải vậy đâu sư cô! đành rằng có luật nhân quả, nhưng chuyện đứa con tạo hên sui cho mình có thiệt mà sư cô. Nè! kinh nghiệm của tôi về vụ sanh con Liên quá rõ, vụ anh đại tá Toàn cũng vậy, và còn biết bao vụ khác nữa..., không tin làm sao được a sư cô!

· Về việc này thì tôi xin góp ý kiến như vậy đây, chị Tám. Hành vi tạo nhân thiện hay ác ở quá khứ của một con người, có thể đã được đóng góp ít nhiều bởi một vài người khác, liên hệ đó đã tạo cho họ một nghiệp chung, Phật giáo gọi là cộng nghiệp. Khi nhân chuyển biến thành quả, thì những người đã có giây liên hệ từ trước, do cộng nghiệp lôi kéo, sẽ hiện diện bên cạnh người chủ động để cùng nhận lãnh cái nghiệp tương cận với nhau. Nhìn bề ngoài, mình có thể nhận định rằng sự hiện hữu của một người thân đã ảnh hưởng đến thịnh suy của mình, nhưng xét kỹ, thì không ai ảnh hưởng đến số phận của ai hết, mỗi người lãnh cái phần nghiệp của mình trong cái nghiệp chung mà thôi. Tôi trình bày như vậy, chị Tám có đồng ý không ạ!

· Sư cô nói vậy thì tôi hay vậy, chớ tôi vẫn thấy con cái nó cũng gây ra chuyện hên xui cho mình nhiều lắm!

Sư cô nghĩ mớ tà kiến này đã bám rễ lâu đời trong tâm thức mẹ Tám nhất thời sư cô khó mà gột rửa ngay được. Sư cô sẽ trở lại gặp mẹ Tám thảo luận đề tài này nhiều lần nữa để giải tỏa từ từ, còn bây giờ, chuyện cấp bách là an nguy của bé Liên thì tạm thời sư cô sẽ tìm phương cách khơi dậy tình thương con nơi quả tim khô cứng của mẹ cũng được. Sư cô ngần ngừ một lúc, rồi ra chiều thân mật, lên tiếng:

· Chị Tám ạ! Chắc chị không thể nào ngờ là ngày tôi sanh ra đời, chính là ngày má tôi đau khổ cùng cực. Đây là một việc mà bà đã bưng kín miệng bình, không thổ lộ cho một ai ở xã Khánh Hậu này biết!

· Ô! Thật vậy sao sư cô! Sư cô kể rõ tôi nghe đi! Tôi kín miệng mà!, mẹ Tám lộ vẻ hào hứng khi sắp được nghe một câu chuyện bí mật.

· Cha tôi là con trai duy nhất của một gia đình hoàn tộc giàu sang tại cố đô Huế. Bà nội tôi đã chọn mẹ tôi, một cô gái nghèo thuộc gia đình đông con, về làm dâu vì hy vọng sẽ sớm có cháu trai nối dõi tông đường. Mẹ tôi lại sanh liên tục hai gái, khiến nội thất vọng, nội cần nhờ cậy giận dỗi vu vơ, rồi

gán cho mẹ tôi cái tội thiếu đức nên không sanh được con trai. Mẹ tôi cần thai lần nữa, nội hy vọng tràn trề nên vừa ngọt ngào với con dâu, vừa công khai tỏ ý sẽ bắt con trai cưới vợ khác nếu lần sanh này vẫn là gái. Lo âu thái quá, sức khỏe mẹ tôi suy yếu rõ rệt, đó là lý do chính đáng để ngoại tôi, xin với nội được đem con gái về nhà chăm sóc khi sanh nở. Sanh con ra, mệt đứt hơi mẹ tôi vẫn ráng thều thào tìm hiểu đứa nhỏ là trai hay gái. Thật là bất hạnh cho bà, đứa bé đó chính là tôi, là gái. Bà nhìn con sững sờ rồi ngất xỉu. Khi bà tỉnh dậy, ngoại vừa an ủi con vừa đề nghị một giải pháp mà ngoại đã tính toán và thu xếp chu đáo, là đánh tráo tôi với đứa con trai chị bếp, đứa bé này đã chào đời trước tôi hai ngày. Mẹ tôi phản đối quyết liệt. Bà ôm cứng tôi, không cho ngoại và cậu thi hành ý định. Bà nói thà bà chịu khổ chung với con, chứ không vì việc cũng cố địa vị, vì tham lam phú quý, mà bỏ con lẫn lóc với người dung nước lã. Đúng như ngoại tôi tiên liệu, nội tôi chẳng nhìn nhõi gì đến đứa cháu vô phước, cha tôi thì chỉ viếng thăm một lần, rồi biệt dạng luôn, chẳng hề đề cập đến việc rước vợ con về nhà. Sau mấy tháng đốn đau tuyệt vọng, mẹ tôi bồng tôi vào Nam lập nghiệp, thề trọn đời chẳng trở lại đất thần kinh. Chị Tám thấy không? Chỉ vì tôi mang thân gái, mà mẹ tôi phải đau khổ suốt cả cuộc đời. Thế mà bà chẳng hề ghét bỏ tôi.

Bà thương yêu chăm sóc tôi từng ly từng tí, không dám ăn, không dám mặc để nhường tất cả cho con. Tôi mà ấm đầu hay tay chân bị trầy trụa chút đỉnh thì bà xót xa như đứt từng khúc ruột. Ôi! tình thương của bà đối với tôi như bao la biển rộng, tôi đâu có tan xương nát thịt cũng chưa đền đáp nổi thâm ân!...

Sư cô mang tâm sự đời mình thổ lộ cho mẹ Tám mong mẹ cảm động, rồi tình thương bé Liên sẽ nhen nhúm trong lò mẹ. Ngờ đâu, khi sư cô dứt lời, mặt mày mẹ Tám đang tươi rói bỗng dung biến sắc, mẹ hậm hực 'hứ' một cái, nhổ bãi nước bọt cái phệt, rồi ngoảnh mặt hướng khác, không thềm tiếp chuyện với sư cô nữa. Sư cô bàng hoàng ngớ ngẩn không hiểu việc gì đã xảy ra. Chừng mười giây sau, sư cô mới khám phá rằng lời ca tụng bà mẹ dịu hiền vô tình khiến người mẹ hung dữ nhột nhạt nghi sư cô kể chuyện với thâm ý chê bai châm chọc.

Sư cô bối rối tự trách mình đa sự, đạo đức hèn kém đã không cảm hóa nổi mẹ Tám, mà còn đổ dầu trên lửa, gây tai họa thêm cho bé Liên. Sư cô đứng dậy, dợm thôi lui rồi lại rụt rè muốn mở lời giả lả, nhưng thấy quyết định nào cũng không ổn cả.

Thình lình mẹ Tám quay người lại, chăm chăm nhìn sư cô gằng từng tiếng:

· Nè! tôi nghe nói Phật Đản nhằm ngày rằm, mà sau sư cô lại nói ngày mừng tám, như vậy nghĩa là sao? Mấy người tu hành mà sao ăn nói bất nhất quá vậy?

Sư cô thở phào nhẹ nhõm, lời lẽ mụ Tám tuy xía xói gắt gao, nhưng mụ còn chịu đối thoại thì còn hy vọng, 'còn nước còn tát', sư cô dịu dàng đáp:

· Thưa chị! Theo truyền thống Phật giáo Trung Hoa thì Phật Đản nhằm ngày mừng tám tháng tư âm lịch. Phật giáo Việt Nam vốn chịu ảnh hưởng Trung Hoa nên cũng tổ chức vào ngày này. Theo truyền thống Phật giáo Nam Tông, thì Phật Đản nhằm ngày trăng tròn tháng tư. Vấn đề sai khác này được đặt ra trong một phiên họp của Phật Giáo Thế Giới; sau khi thảo luận, Đại Hội đã đồng thanh quyết định thống nhất ngày Phật Đản là ngày rằm tháng tư. Do đó Phật giáo Việt Nam hiện đang tổ chức ngày Phật Đản ngày rằm, tuy vậy có nhiều chùa vẫn cố gắng giữ chút lệ xưa, nên tổ chức thêm ngày mừng tám. Tôi tính rủ chị em mình làm cái lễ nhỏ nhỏ trong xóm ngày mừng tám, vì đến ngày rằm thì tôi phải về lại Sài Gòn làm lễ chánh thức tại tu viện. Tôi đã không trình bày rành mạch với chị em vấn đề này, điều đó quả thật có lỗi.

Thái độ bình tĩnh và mềm mỏng của sư cô khiến mụ Tám nguôi ngoai cơn giận phần nào, sư cô mừng rỡ tiếp lời:

· Thật ra, tổ chức lễ chỉ là một hình thức, thì ngày nào cũng như nhau có khác chi đâu phải không chị Tám! Vấn đề quan trọng là mình biết vận dụng được ý nghĩa của ngày đó để tưởng nhớ công ơn Phật và noi gương Ngài đồng mãnh tu sửa thân tâm sao cho xứng đáng là một người con Phật. Chị Tám biết không? theo niềm tin riêng của tôi, thì ngày Phật thực sự khai sinh không phải ngày mừng tám hay ngày rằm, mà là một ngày xa xôi mù mịt vô số kiếp về trước khi đức Phật còn phải chịu hình phạt ở chốn địa ngục vô gián lận kìa...

· Ua! Sao có cái ngày gì lạ quá vậy ha?, mụ Tám mĩa mai.

· Đây là chuyện tiền kiếp của Phật. Vào những a tăng kỳ kiếp cực kỳ xa xôi, thuở đức Phật chưa biết tu tập, nên có khi thì tạo nhân lành khi gây nhân ác hỗn tạp với nhau, do đó, cứ bị lăn lộn lên xuống trong lục đạo luân hồi. Cho đến một kiếp nọ, đức Phật là một đứa con bất nhân, bất hiếu, đã tàn nhẫn chửi mắng đánh đập mẹ ruột của mình nên khi chết bị đọa vào địa ngục vô gián. Tội nhân trong ngục bị vòng lửa bóm trên đầu thiêu đốt đau đớn, chết lên chết xuống, khô sở không thể kể xiết. Đức Phật thăm hỏi ngục tốt đến

chùng nào mình mới thoát khỏi nơi này thì được bảo rằng, bao giờ trên thế gian có tên nào bất hiếu, bằng hay hơn người chết xuống đây thay thế chỗ người, người mới thoát nạn. Đức Phật móng niệm ước mong thế gian có càng nhiều càng tốt những kẻ ác nhân bất hiếu, để sớm có kẻ thế mình. Niệm xấu vừa khởi, tức thời vòng lửa xiết chặt hơn, lửa thiêu đốt dữ dần hơn, khiến Phật lăn ra, chết ngất lên ngất xuống. Trong giây phút cực kỳ đau đớn đó, bỗng nhiên Phật nghĩ chón này khổ sở quá chùng chùng, thật cảm thương cho ai đã lọt đến chón này, mong thế gian không còn ai bất hiếu để họ khỏi rơi vào đây, còn phần mình nếu không ai thay thế thì đành cam chịu khổ sở hoài vậy. Niệm lành vừa sanh, tức thời Phật thoát khỏi chón địa ngục sanh trên cõi Trời, và kể từ kiếp đó, Đức Phật luôn luôn tinh tiến tu hành cho đến ngày thành Phật cách nay hơn hai ngàn năm trăm năm. Giây phút phát khởi niệm lành 'chịu khổ thay thế chúng sanh' quả là thời điểm đặc biệt! Tôi tin tưởng rằng mầm móng một vị Phật đã thực sự khai sinh từ đó, chị đồng ý với tôi không chị Tám?

Câu chuyện tiền thân có lẽ hấp dẫn mẹ Tám nên mẹ theo dõi chăm chỉ và góp ý vui vẻ:

· Đúng đa! Giây phút đó quả là khúc quanh lớn, đã biến đổi một kẻ ác thành vị Phật. Ừ! nói rằng Phật đã thật sự khai sanh từ lúc đó cũng có lý lắm chứ!

· Chị Tám ạ! tôi xin kể chị nghe tiếp chuyện này, khó tin mà có thật, mới xảy ra rành rành tại xóm mình nè! Hồi nãy đây, tôi đích thân chứng kiến một vị Phật khai sinh đó chị!

· ???

· Chuyện thật trăm phần trăm mà! Thì mới hồi nãy đây cháu Liên có thỏ thẻ với tôi là cháu muốn đi tu. Tôi hỏi lý do thì cháu chân thành đáp: 'Thưa cô! Con thấy cả đời má con phải chịu khổ sở quá chùng hà! Con muốn đi tu để độ cho má con hết khổ.' Chứng kiến thái độ thành khẩn của cháu, tôi xúc động cảm nhận rõ ràng rằng một vị Phật đã vừa khai sanh trong tâm em. Tôi tin tưởng nguyện vọng của em sẽ thành. Em sẽ thành Phật và em sẽ độ được mẹ em!

Mẹ Tám vụt chạy ra nhà sau và sự cô cũng lo lắng phóng theo bèn gót. Sự cô thấy mẹ Tám bước nhanh tới chỗ con gái đang xắt chuỗi heo, lặng lẽ nhìn con bé, gương mặt bậm trợn đánh đá thường ngày bỗng mềm dịu hẳn ra, rồi mẹ lên tiếng:

· Liên à! bộ con nói với sư cô con muốn đi tu để độ má con hả con?

Bé Liên không biết chuyện gì sẽ xảy ra, mặt mày em tái mét, em rụt rè đáp nhỏ nhỏ:

· Dạ! Con thấy má khô sở quá chừng hà! Con thương má! Con muốn bắt chước sư cô, đi tu để độ cho má hết khô! má à!

Hai hàng nước mắt của mẹ Tám bỗng nhiên ràn rụa, mẹ ôm con bé vào lòng..., lúng túng chẳng ra lời: Ái! thương quá! Tội nghiệp con tôi quá!

' Một vị Phật lại vừa được khai sanh!', sư cô cảm nhận điều đó trong niềm vui mênh mang. Ý thức sự hiện diện của mình đã trở thành thừa thãi, sư cô lặng lẽ rút lui; bước ra ngoài nhìn vạn vật mọi loài, sư cô cảm thấy tất cả dường như đã bừng dậy, để hân hoan chia sẻ niềm vui với sư cô.

Tháng 04.1995

---o0o---

Phổ Nguyễn

Chuyến hành trình về phương Nam đã được đại sư Nhất Nguyễn suy tính và chuẩn bị chu đáo, vậy mà khi sắp sửa lên đường sư cũng cảm thấy băng khuâng ngàn ngại. Sư chỉ lẩn quẩn tu tập trong khuôn viên Thiếu Lâm tự, quen nếp sống thanh vắng, quyền luyện núi rừng hùng vĩ, thân thuộc với từng cành cây, từng hốc đá trên đỉnh Thiếu Thất, núi Tung Sơn, nên thật ra, nếu không vì lý do chánh đáng, thì đã không cất bước. Sư sớm có nhân duyên lớn với cửa Phật, đã được sư bà Diệu Từ, nhận làm dưỡng tử, mang về chùa Phổ Nguyễn, Giang Nam nuôi dưỡng từ lúc mới sơ sinh. Khi lên năm tuổi, sư bà cho cậu bé thọ giới khu ô sa di, ban pháp danh là Nhất Nguyễn. Ngôi chùa nữ không còn thuận tiện cho việc tu tập của một cậu con trai sắp đến tuổi dậy thì, nên đến năm mười ba tuổi, cậu được sư bà mang gởi gắm làm thị giả cho pháp huynh Không Tuệ, thủ tòa Đạt Ma viện, Thiếu Lâm tự. Nhờ vậy, sư đã may mắn tu tập dưới sự hướng dẫn ngày đêm của những bậc tôn túc đạo cao đức trọng. Trong ba mươi năm nghiêm túc tu học, sư nghiêm nhiên trở thành bậc anh tài tinh thông Phật học, nổi tiếng là một học giả uyên bác, lâu thông ba tạng kinh điển có thể xếp vào hàng thượng thủ trong giới tu sĩ trung niên tại tu viện. Tuân theo lời khuyên bảo của Vô Sắc thiền sư, Phương Trượng Thiếu Lâm tự, sư đã lánh mình trong tịnh thất ba năm, để đem hết tâm trí mình sơ giải bộ Kinh Lăng Già Tâm Ấn gồm

thành hai mươi lăm quyển, để lưu lại hậu thế. Trong thời gian này, phương trượng Vô Sắc đã được nhà vua cử làm quốc sư, triệu về lưu trú tại Trường An. Vì vậy, sư buộc lòng xuống núi, mang bộ số giải đi Trường An, dâng cho quốc sư thẩm duyệt, nhân tiện, sư dự định sẽ về Giang Nam thăm lại ngôi chùa xưa, và vị thầy quý yêu hằng thương nhớ. Tác phẩm đã được quốc sư tán thán là một bộ luận giải công phu, văn cú mạnh lạc khúc chiết, đã chuyên chở trọn vẹn ý nghĩa thâm sâu của đạo màu, nên đã quyết định cho khắc bản in, để phổ biến khắp các tự viện trong nước. Quốc sư cũng yêu cầu tác giả lưu lại Trường An, để trông nom, sửa chữa bản in cho đến khi hoàn tất công cuộc ấn loát. Do đó, dù có chán ngán cảnh bon chen náo nhiệt của chốn kinh thành như thế nào, sư Nhất Nguyên cũng phải gượng gạo kéo dài thời gian sống ở chốn đô hội thêm cả năm nữa, rồi mới có thể nghêu ngao sơn thủy:

"Bình bát cơm ngàn nhà
Thân chơi muôn dặm xa.
Mắt xanh xem người thế.
Mây trắng hỏi đường qua"(1)

Khác hẳn với cảnh non cao ngất ngều, gió lạnh buốt xương của đỉnh Thiếu Thất, nằm trong dãy núi Ngũ Nhạc trùng trùng điệp điệp, vùng đất Giang Nam bằng phẳng, mông mênh đồng ruộng, chằng chịt sông ngòi, khí hậu ấm áp, cây cỏ xanh tươi thịnh mậu. Khi sư đến trấn Lăng Hồ, phủ Hồ Châu, tìm lần về ngôi chùa Phổ Nguyên năm xưa, thì bao kỷ niệm ấm êm thuở thiếu thời, mà sư tưởng chừng như đã buông bỏ không còn dấu vết, đột ngột hiện về khiến sư chao đảo xúc động. Phong thái đĩnh đạc uy nghi của một vị đại sư bỗng nhường chỗ cho hình ảnh một đứa bé mồ côi khờ khạo, dù được sư phụ nâng niu như từ mẫu, mà vẫn ôm ấp mối hoài nghi khôn nguôi về hai đấng sanh thành vắng bóng. Xóm làng vắng vẻ đìu hiu năm xưa, nay đã san sát nhà cửa, đường vào chùa được trải đá, sạch và rộng hẳn ra. Ngôi chùa cũng khang trang, không còn chút dấu vết hình dáng gầy gò ngày trước, đến nỗi nếu không thấy chữ "Phổ nguyên tự" màu hoàng kim rực rỡ trên cổng tam quan, sư nghĩ mình đã lạc đường. Đặc biệt nhất là cái đầm sinh lầy lội sau chùa đã được cải biến thành một cái hồ sen xinh xắn bao quanh bởi một vườn cây trái xanh um. Đang bâng khuâng trước cảnh đổi thay, chợt nghe ba hồi chuông trống bát nhã vang rền, sư vội vã rảo bước nhanh vào chùa. Mọi người đang rộn rịp lo cho một đại lễ, không ai để ý gì đến sự hiện diện của sư. Sư len vào chánh điện, đúng lúc đại chúng đang nghiêm trang thỉnh sư bà ban đạo từ. "Thầy hiển hiện sáng ngời đức từ bi và niềm an lạc, nhưng thầy đã già lắm lắm rồi", sư thầm nhủ. Sư xúc động muốn chạy ngay đến

trước mặt thầy, quì lạy rồi để cho giòng nước mắt mặc tình tuôn chảy. Nghĩ thế, nhưng sư đầu còn là đứa trẻ con chộn rộn nữa, sư chỉ hơi nhón lên một chút mong sư bà nhìn thấy mặt, nhưng cố gắng nầy dường như vô hiệu.

Sư bà chấp tay xá thật sâu chào đại chúng, rồi từ hòa lên tiếng:

- Đại chúng! Theo lệ hằng năm, nhân lễ kỷ niệm ngày khởi công gầy dựng ngôi chùa Phổ Nguyên, thầy thường nhắc nhở quý vị về hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền. Hôm nay, để thay đổi đôi chút, thầy muốn kể cho đại chúng nhân duyên kỳ diệu năm xưa đã đưa thầy đến quyết định tạo dựng ngôi giả lam nầy!

Sư bà trầm ngâm giây lát như lắng lòng về với dĩ vãng, rồi mới chậm rãi tiếp lời:

- Như đại chúng đã rõ, thầy vốn là đệ tử của chùa Nga Mi. Theo truyền thuyết, Nga Mi sơn là chôn ả cư của Bồ Tát Phổ Hiền, và hình bóng Ngài đang tọa thiền vẫn thường xuất hiện cho khách hành hương chiêm ngưỡng. Vào những buổi sáng đẹp trời, đứng trên đỉnh núi phía sau chùa, khách hành hương có thể thấy hiển hiện rõ ràng dưới thung lũng hình bóng uy nghiêm của Ngài(2). Thầy đã chứng kiến hiện tượng đó hàng trăm lần, và lần nào thầy cũng xúc động chân tâm, thành kính quí xuống tụng Phổ Hiền thập nguyện(3) và phát nguyện noi gương Ngài hành mười hạnh nguyện này để cứu độ chúng sanh. Thầy đặc biệt quan tâm đến đệ nhất nguyện "lễ kính chư Phật", do đó thầy đã hằng nhắc nhở chư đệ tử khi lễ Phật phải đem hết "thân tâm cung kính" để lễ, nghĩa là phải nghiêm chỉnh chấp tay, đứng thẳng, tưởng nhớ đến đức hạnh cao cả của Phật, nguyện noi gương Phật tu tập, rồi mới gieo năm vóc xuống sát đất phủ phục trước Phật. Với thầy, thì nếu năm vóc không sát đất, hoặc đang ngồi hay quì mà mọp xuống, thì trong việc lễ Phật đã có phần giải đãi, thiếu chân thành. Lễ Phật có chân thành, thì hành giả mới có thể tiến lên bốn phép lễ về lý như "pháp lý thanh tịnh lễ", - nghĩa là thấu suốt rằng cả Pháp giới đều do tâm hiện bày, lạy một vị Phật tức là lạy chư Phật -, "biến nhập pháp giới lễ", "chánh quán lễ" và "thật tướng bình đẳng lễ"(4).

Thuở thầy còn là ni cô trẻ trên Nga Mi, thầy thuộc thành phần lễ Phật quá khích, ngày ngày thầy đi vòng quanh đỉnh núi, mỗi một bước lễ một lễ, say mê không nhàm chán. Thế nhưng thầy đã lễ Phật với tâm sùng bái, chớ chưa hiểu lễ Phật là pháp môn tu sửa thân tâm. Có lẽ, đó là lý do khiến sư phụ thầy không hài lòng. Một hôm, sư phụ truyền lệnh cho thầy phải xuống núi

để "lập hạnh", nếu lập hạnh chưa sáng tỏ thì tuyệt đối không được lễ Phật, và cũng không được trở về Nga Mi sơn. Thầy bàng hoàng ra đi với tâm trạng đốn đau cùng cực, vừa tủi thân vừa điên đầu về lời dạy bảo quái dị của sư phụ. Mình đã lập hạnh lễ Phật rồi còn bảo lập hạnh gì nữa đây? Mình có tội tình gì mà bị đuổi xuống núi, bị ngăn cấm lễ Phật một cách độc đoán như vậy?

Lòng dạ hoang mang rối bời, thầy đi lang thang vô định từ địa phương này sang chốn khác cả năm trời, để tận lực tìm cơ duyên lập hạnh mà chẳng thấy có hạnh nào đáng để lập. Đã bao lần thầy thối tâm muốn hoàn tục, nhưng có lẽ nhờ chư thiện thần hộ pháp yểm trợ, nên dù thân tâm đã mỗi mệt chán chường, thầy vẫn gắng gượng lê lét tiếp nối con đường đã đi. Thế rồi, thầy vô tình đến trấn Lăng Hồ, đúng vào lúc mà nơi này đang lâm vào tình trạng hạn hán trầm trọng, mùa màng thất bát, đời sống khó khăn. Hôm đó, thầy ôm bình bát đứng tại chợ Đông khát thực lâu hằng giờ mà chưa gặp được thí chủ hảo tâm nào cúng dường; lão mù ngồi gần đó cất giọng van xin thăm thiết từng hồi mà cũng chưa có mấy kẻ động lòng. Trong thời gian này, đi xin ăn, dù dưới hình thức nào cũng lắm khó khăn cay đắng. Con chó què quặt, ghè lác trụi lông, gầy đói trơ xương đang lê lét trước mặt thầy càng bi đát hơn. Con vật rón rén đến quán ăn, hau háu chực chờ thực khách quăng cho chút xương thừa. Không may, vừa trông thấy con vật dơ dáy, người chủ quán vội chụp ngay cay gậy, đập con vật mấy hèo, khiến nó đau đớn rên la ăng ẳng. Sự kiện đó, có lẽ đã giúp cho mấy đứa bé trai đang hùng hục đấu võ với nhau, khám phá ra trò chơi mới. Chúng hùa nhau đuổi rượt hành hạ con vật khốn khổ. Thầy muốn khuyên giải đám trẻ, nhưng chưa kịp mở lời thì chúng đã chạy khá xa rồi. Thầy là tu sĩ, phải giữ bốn uy nghi, đâu có thể la oí oí hay phóng chạy theo chúng được. Thầy đành rảo bước theo sau, mắt vẫn lom lom theo dõi con chó chạy về hướng cuối chợ. Chợ có tiếng can thiệp nhỏ nhẹ:

- Xin các cậu tha cho nó đi! Tội nghiệp lắm!

Lạ thật, lời nói phát xuất từ miệng ăn mày ngồi ở vỉa hè, vậy mà có hiệu lực khiến đám trẻ ngỗ nghịch tuân lời, tản lạc bỏ đi. Con chó khôn ngoan men đến gần người vừa che chở, ngúc ngoắt đuôi như để chào mừng. Thầy cũng hiếu kỳ, bước đến gần để nhìn người tốt bụng. Hốt nhiên, vừa thấy người đó, thầy kinh khiếp đến mức sững sờ, dợm bỏ chạy ngay như lũ trẻ ác độc kia. Đó là một người bệnh phong hủi, mặt mày u nần lở lói, mũi tai bẹp dí biến dạng, ngón tay ngón chân bị khuyết cụt lầy nhầy máu mủ, bu quanh bởi đám ruồi thềm khát vị thanh hôi... Nhòm gớm quá! thầy dự định len lén

rút lui về hướng khác. Chợt thấy thầy người ấy vuốt ve con vật, ngọt ngào an ủi:

- Tội nghiệp con quá! chúng làm con đau lắm phải không?

Trái với những kẻ sống đầu đường xó chợ nói năng thô lỗ, người đàn bà này đối với loài vật lại thốt lời êm ái dịu dàng như người mẹ hiền trao cho đứa con yêu, quả là điều lạ lùng! Thầy phỏng đoán có lẽ người đàn bà này điên loạn, lầm tưởng con chó là đứa con đã chết, nên lời nói mới tràn ngập yêu thương như vậy! Do đó, thầy nán lại để lắng lắng quan sát thêm chút nữa.

- Chắc con đói lắm phải không? Ta mới vừa xin được một bát cơm, chia cho con phân nửa nhé!

Mụ ăn xin sót cơm ra chăm sóc cho con chó ăn với "ánh mắt từ bi" diệu hiền khôn tả. Có lẽ, thấy con vật quá đói, "dùng thiết tình, không khách sáo", mụ cầm bát cơm còn lại, ngần ngừ một chút, rồi trút hết cho nó. Con chó ăn xong lấy lại hơi sức để bò đi nơi khác. Người ăn xin nhìn theo sung sướng mỉm cười, rồi bỗng nhiên mắt mụ sáng lên, mụ vét mấy hạt cơm còn sót lại trong bát, nhai ngấu nghiến.

Thầy tình cờ chứng kiến rõ ràng diễn tiến xảy trước mặt, không bỏ sót một chi tiết nhỏ. Càng nhìn, càng lắng nghe, thầy càng cảm phục mụ ăn xin, và cũng cảm thấy hổ thẹn vương vấn trong lòng. Ôi! Thầy đã lấy cái bụng nhỏ nhen của mình để phán đoán người có tâm địa bồ tát, đã thâm khinh thường mụ là thứ hạ tiện khùng điên, ngờ đâu, ẩn bên trong hình hài xấu xa đó là nguồn suối từ bi vô lượng sẵn sàng trao cho mọi loài chúng sanh. Người đã khuyên mấy đứa trẻ tránh điều ác, ban cho con vật thức ăn và sự che chở, an ủi, nói khác, người đã bố thí pháp, tài vật và phép vô úy theo tinh thần ba la mật(5): cho tất cả với tâm bình đẳng không phân biệt, không mong cầu, không tiếc nuối, không còn thấy kẻ cho người nhận. Thầy vốn phát nguyện hành hạnh tùy hỷ, lẽ ra thầy nên thân cận lên tiếng tán thán công đức người lạ, nhưng lúc đó thầy cứ ngần ngừ không mở lời. Thật ra, dù đã học thuộc lầu lầu giáo lý "sắc bất dị không", nhận thức rằng hình hài bên ngoài là "huyễn", là giả dối tạm bợ, nhưng khi đối diện với hoàn cảnh thực, thầy mới biết rõ là từ chỗ nói đến hành động là một khoảng cách nghìn trùng. Người có tâm Phật, tâm Bồ Tát nếu mang hình hài phong hủi, thúi tha, ghê tởm...., thì mấy kẻ dám thân mật gần gũi, hướng chi là lễ kính, xưng tán, cúng dường. Thầy còn ngần ngại, thì mụ ăn mày bỗng nhìn thấy thầy, vội đứng lên trang trọng chấp tay vái chào, khiến thầy cũng bối rối xá đáp lễ.

- Kính chào sư thái! Có lẽ sư thái từ phương xa mới đến địa phương này?

Thầy hãnh diện đáp:

- Đúng vậy! Bần ni là đệ tử chùa Phổ Hiền, núi Nga Mi!

Người ăn mày bỗng quỳ xuống lâm râm khấn: "Cảm tạ chư Phật, chư Bồ Tát linh thiêng, đã đun rui cho con gặp được vị sư thái hiền đức này!", đoạn hướng về thầy, mụ tiếp lời:

- Kính thưa sư thái! Con có một nguyện vọng tha thiết đã ôm ấp hơn ba năm qua, là mong gặp vị tu sĩ hành hạnh Phổ Hiền, để dâng cúng chút tài vật hèn mọn. Bồ Tát đáp ứng lòng thành cho con hạnh ngộ với sư thái, kính xin sư thái đại từ đại bi hoan hỉ chấp nhận cho con được hoàn thành tâm nguyện!

Tài vật của mụ ăn mày dĩ nhiên nhỏ nhoi không đáng kể, nhưng nhà Phật chủ trương của cúng dường quý là ở lòng thành, hướng chi mụ đã tán thán thầy hiền đức và van xin lòng đại từ đại bi của thầy, thầy nở lòng nào từ chối. Thầy vui vẻ đáp:

- Lành thay! Lành thay! Lòng thành của cư sĩ sẽ được chư Phật mười phương chứng giám!

- Cảm tạ sư thái! Xin sư thái hoan hỉ đi theo con đến chỗ con dấu tài vật! Dạ không xa đâu sư thái!

Tưởng nhận cúng dường là có thể chia tay ngay, ngờ đâu thầy còn phải dây dưa mãi với chuyện phiền hà khó giải bày này. Dù sao, lỡ hứa khả rồi, thầy buộc lòng leo đèo đi theo mụ, giữ khoảng cách chừng ba bước, không quá gần, cũng không quá xa, để tránh cho mụ khỏi tủi thân. Điểm khó chịu là mụ tật nguyện, bụng lại bị cổ trướng như bụng bầu, đi ngả nghiêng xiêu vẹo, mà thầy "tảng lờ" không diu đỡ, kể ra cũng hơi kém từ bi một chút. Không bao lâu, người ấy đưa thầy đến cái miếu hoang tại một vùng sinh lầy vắng vẻ, lau sậy rậm rạp, nơi tạm trú của mụ. Tưởng lần này vụ dâng hiến sẽ êm xuôi, ngờ đâu vừa tới nơi thì mụ đã ngồi vật xuống, ôm bụng rên rỉ. Thầy lảng xãng chạy tới chạy lui, muốn cứu giúp mà không dám đụng chạm vào thân thể mụ, nên cũng chẳng giúp gì được. Ôm bụng lăn lộn một hồi, mụ mới khai "toạt" ra là mụ đau bụng đẻ. Ôi! Thân thể bệnh hoạn mà phải sinh nở cô đơn ngoài bờ ngoài bụi, không mụ bà, không thuốc thang củi lửa, quả là chuyện hiểm nghèo! Thầy tội nghiệp cho người mà nghĩ cũng tội nghiệp cho chính mình, bỗng dưng mình phải lâm vào hoàn cảnh trở trêu khó nghĩ này.

Thầy phân vân chẳng biết nên hành động như thế nào đây? Thầy tự đề ra bao giải pháp để vận hỏi chính mình: lẳng lẳng bỏ đi chẳng? Lương tâm xôn xao bức rức!, xả thân cho người chẳng? ghê tởm quá không dám!, vào xóm tìm người tốt bụng giúp đỡ chẳng? Không ỏn tí nào, mình hành đạo từ bi mà né tránh thì còn xúi giục ai lặn vào địa ngục này! Hai chữ địa ngục lóe lên trong tâm thức nhắc nhở thầy liên tưởng đến tuyên ngôn thân của Bồ Tát Địa Tạng: "Ta không vào địa ngục thì ai mà vào". Thông điệp này xuất hiện đúng lúc, giúp thầy nắm vững niềm tin và sức mạnh để sẵn sàng xả thân cho người. Thầy bình tĩnh kê cận chăm lo cho người đàn bà đau khổ, không còn phân biệt dơ sạch, thơm hôi gì nữa. Thành linh, cơn đau của người đàn bà trở nên dồn dập và quyết liệt hơn. Cuối cùng, sau những đợt vận mình tập trung hơi sức vận chuyển thai nhi, người mẹ đưa được con ra đời. Thầy đỡ hai tay đón nhận đứa bé. Vừa khỏi lòng mẹ, thì nó đã "oe oe", cất tiếng khóc chào đời. Thầy nâng cháu lên, nhìn vẻ kháu khỉnh của nó, rồi hân hoan lên tiếng: "Con trai chị ơi! thằng bé dễ thương quá!". Thế nhưng, bà mẹ sau khi đã vận dụng hết hơi sức cho con ra đời, dường như đã bất tỉnh, nên vẫn lặng yên. Thầy vội đặt tạm đứa bé lên cái y hậu, rồi xoay qua lo lắng người mẹ. May là thầy có mang theo chai dầu, thầy xoa dầu thoa bóp cho cơ thể bà ấm lại, nhờ vậy bà tỉnh dần, sau đó thầy mới dìu đưa bà vào trong miếu tránh gió. Phần người mẹ vừa tạm yên, thầy quýnh quýnh đập bể cái tô mè, dùng miếng sành cắt rún cho thằng bé, xé vải y quần chặt, rồi định bồng vào xóm hy vọng tìm chút nước ấm tắm rửa nó. Khi thầy đi chừng mười bước bầu trời đang trong xanh quang đãng, bỗng dung xuất hiện những giọt mưa lất phất, mịn và tươi mát. Nước mưa vô tình gột rửa sạch sẽ thân thể thằng bé, trông nó kháu khỉnh dễ thương vô cùng. Thằng bé hớn hở chu miệng nếm hương vị cam lồ, và quơ hai tay nhỏ xíu như để đón nhận những giọt nước thanh lương màu nhiệm. Thầy trang trọng chiêm ngưỡng cảnh tượng trước mắt và bỗng dung thầy so sánh mưa là những cánh hoa ưu đàm mà chư Thiên từ các tầng trời rải xuống cúng dường vị Phật chào đời. Thầy đột ngột cười vang: "Đúng vậy! đứa bé này quả là một vị Phật, một vị Phật tương lai, và mình đang thật sự đích thân hành lễ mộc dục, tắm Phật sơ sinh đây!". Mỗi nghi nặng trĩu đeo đẳng thầy ngày đêm từ ngày xuống núi Nga Mi nhẹ hồng rồi biến mất, nhường chỗ cho niềm vui vô tận tràn ngập khiến thầy ràn rụa nước mắt. Thì ra, hạnh nguyện Phổ Hiền không nhất thiết chỉ có thể hành trì hạn hẹp qua hình thức lễ kính hình tượng gỗ đá vô tri hay chờ đợi đến khi Đức Phật Di Lặc hạ sanh thì mới thực hiện được. Nếu biết trải tâm rộng lớn, hành giả có thể nhận thức được rằng ở bất cứ nơi nào, lúc nào cũng có Phật thị hiện, để mình lễ kính, xưng tán, cúng dường... Thầy hân hoan bồng đứa bé trở vào miếu, trang trọng hướng về vị "Phật mẫu" đang nằm thiêm thiếp lên tiếng:

- Thí chủ ạ! Bần ni xin đặt vị Phật sơ sinh này bên cạnh thí chủ nhé!

- Xin sư thái để cháu bé tránh xa con kéo lây bệnh thì khổ! Thưa sư thái, sức của con đã mỏi mòn, con sắp lia đời rồi. Kính xin sư thái mở lượng hải hà nhận nó làm dưỡng tử, cho con được yên tâm nhắm mắt!

- Đứa bé này sanh ra đã được quán y, hẳn là đã có nhân duyên lớn với cửa Phật. Thí chủ đã có lòng ủy thác, thì ta cũng sẵn sàng đón nhận!

- Và đây là tâm nguyện cuối cùng của con. Con xin sư thái cho con được cúng dường sư thái bảo vật này.

Người đàn bà, nạy hai viên gạch sát vách lòi ra một cái bọc nhỏ, trong đó có một quyển sách và tám viên minh châu chiếu lấp lánh, trao cho thầy. Thầy ngần ngại chưa cầm vội vì chẳng biết xuất xứ của bảo vật như thế nào? Một người ăn mày làm sao có thể là sở hữu chủ những thứ này! Có lẽ đoán được thâm tâm thầy, chị lên tiếng giải thích:

- Tuy con là kẻ ăn mày, nhưng tài sản quý giá đó chính thực là của con. Xin sư thái yên tâm! Con họ Lý, vốn thuộc một giòng họ giàu sang ở Hồ Bắc, chuyện thân con phải lưu lạc thảm chôn này dài dòng lắm!...

Thế rồi, chị ta trầm ngâm giây lâu, mơ màng nhớ lại những ngày xưa xa xôi, rồi lầm bầm kể tiếp:

---o0o---

Tôi tên là Tường Vi, con duy nhất của một gia đình giàu sang tại phủ Hồ Bắc. Mẹ tôi qua đời khi tôi mới lên năm, khiến cho cha tôi, một nho sĩ vốn theo đòi nghiệp bút nghiên, trở nên yếm thế. Người sống lủi thủi một mình, bầu bạn với trăng hoa, và dành phần lớn thời giờ để vui đùa chăm sóc "tiểu Vi", mà thôi. Tôi may mắn được người dạy dỗ chữ thánh hiền, nên đã sớm thích thi thơ xướng họa. Vào lứa tuổi trăng tròn, tôi đã nổi tiếng là cô tiểu thơ tài hoa, xinh đẹp, đặc biệt với làn da trắng mịn và đôi gò má đỏ hây hây tự nhiên không cần trang điểm. Nhiều gia đình trâm anh đã nhờ mỗi mai dò la dặm hỏi, nhưng tôi tha thiết muốn được kề cận với cha thêm vài năm nữa, nên một mực chối từ. Vào năm mười tám tuổi, một hôm soi gương tôi thấy có mấy mụn đỏ sần sùi nổi trên hai gò má. Lúc đầu, tôi thoạt tưởng đó chỉ là mụn thường nên không mấy lưu tâm, nhưng những mụn này cứ tăng trưởng dần và lây lội ra. Cha tôi lo lắng đưa tôi đi khắp nơi tìm thầy chạy thuốc, nhưng bệnh tình ngày càng trầm trọng, và cuối cùng, tôi mới được một y sĩ

có lương tâm cho biết tôi bị phong hủy. Vì trùng bệnh nan y này đã tiềm ẩn lâu ngày trong làn da trắng mỏng, thảo nào đôi gò má của tôi luôn hồng hào xinh đẹp.

Chỉ trong vòng có bốn năm mà hình dung tôi tàn tạ một cách kinh khủng. Mặt tôi biến dạng, tay chân lở lói tanh hôi, suốt ngày tôi phải che mặt, băng bó tay chân, và sống cô đơn không tiếp xúc với ai ngoài thân phụ và người thị nữ Nguyệt Hà thân tín. Sống trong nhung lụa mà tôi đau khổ cùng cực. Cha tôi, có lẽ còn đau khổ hơn tôi bội phần, người chỉ ước mơ lo cho tôi yên bề gia thất, để có thể an tâm lên non cao tu tiên mà tiêu dao ngày tháng.

Một hôm, bỗng có người nhờ mai mối dạm hỏi tôi về làm dâu tại phủ Hồ Nam. Cha tôi biệt phái viên quản lý tâm phúc, cậu của thị nữ Nguyệt Hà, xuôi về Nam dò la gia thế nhà trai. Theo báo cáo, thì đàn trai tuy nhà cửa chỉ ở mức trung bình nhưng rất có tư cách, họ lại đặc biệt quá trọng đạo đức nhân nghĩa của cha tôi. Chính vì vậy, nên mặc dù đã được cha tôi thành thật khai rõ bệnh tình của con gái, mà đàn trai vẫn không đổi ý; họ giải thích rằng họ chỉ quan tâm đến đạo đức và gia giáo, chứ không màn cân nhắc hình dung. Dù đàn trai giải thích thế nào, tôi vẫn cảm thấy chút nghi ngại trong lòng, tôi không tin có người thật tâm chịu gán gũ kẻ bệnh hoạn như tôi. Trái lại, cha tôi lại tuyệt đối tin tưởng nên tỏ ra hân hoan vui sướng tột độ, khiến cho tôi, tuy bất đồng ý kiến, mà không nỡ làm người thất vọng. Lo lắng cho hạnh phúc con gái, cha tôi viện cớ sắp đi tu chẳng cần tiền bạc gì nữa, nên đã hứa tặng hết gia sản mình cho rể làm của hồi môn; người tin tưởng rằng khi đã nhận lãnh tài sản này, thì con rể sẽ phải bao bọc cho vợ nó suốt đời. Chỉ mấy tháng sau, một hôn lễ đơn giản đã được cử hành. Đến phút chót trước lễ rước dâu, cha tôi trao cho một cái túi nhỏ xíu, đựng tám viên minh châu vô giá căn dặn giữ kỹ để phòng thân. Con đường rước dâu về phương Nam xa xôi, để tránh cảnh chia ly nào nê, cha tôi chỉ đưa đi một quãng ngắn rồi quay về, ủy thác mọi việc cho viên quản lý tùy nghi thu xếp. Những ngày đi đường, tôi ngồi kiệu riêng, mặt trùm kín, và chỉ tiếp xúc với thị nữ thân tín Nguyệt Hà, vì theo sự sắp xếp trước, thì khi về đến nhà chồng mới làm lễ động phòng hoa chúc. Khi đoàn rước dâu sang đến địa phận phủ Hồ Nam, viên quản lý vừa quay về, thì đám họ hàng nhà trai bỗng nhiên chia tay mỗi người mỗi ngả, phu khiêng kiệu cũng biến dạng. Tối đêm đó, tôi đang ở trong phòng tại một quán trọ vắng vẻ với Nguyệt Hà, thì chồng tôi gõ cửa bước vào. Mặt hấn đỏ gay, nức nồng mùi rượu. Hấn nhìn tôi trợn trừng, rồi hung dữ chụp cái khăn che mặt của tôi liệng đi:

- Hừ! cái thứ cùi hủi thúi tha mà dám đòi làm vợ tao hả!

Hắn lại định tát tay tôi, nhưng có lẽ sợ dính máu mũi, nên đổi ý đưa nắm tay ra dọa, rồi ngoắt Nguyệt Hà dặn dò:

- Em lột sạch nó nhan đi em!

- Anh đừng lo! Em đã tính toán đâu vào đó cả rồi!, Nguyệt Hà âu yếm trả lời.

Nguyệt Hà nhanh nhẹn lột bộ quần áo cô dâu của tôi ra, lột luôn cả dây kiềng vàng, râu chuỗi hạt trai, đôi bông..., rồi quăng cho tôi bộ đồ rách rưới, hạ lệnh:

- Mặc nhanh lên! Con cùi!

Thế rồi, hai đứa đẩy tôi ra khỏi cửa, khoái trá cười vang.

Diễn tiến phũ phàng xảy ra đột ngột đến nỗi tôi đặng cả người, ngẩn ngơ chẳng biết nói gì, nghĩ gì. Mãi đến khi bị tống ra ngoài đường, bò lê trong đêm tăm tối, tôi mới hiểu rõ là hai cậu cháu người thị nữ lâu năm mà cha con tôi thương yêu như ruột thịt, đã toa rập với nhóm lưu manh âm mưu dàn cảnh cưới gả, để cướp đoạt tài sản của cha con tôi. Nhớ tới cha, bao nhiêu nỗi hờn căm, khổ đau mà tôi đè nén khô cứng trong lòng bỗng biến thành tiếng khóc nức nở. Thương cha quá! người cha đã hy sinh tất cả để mưu cầu hạnh phúc cho con, đâu có thể ngờ rằng đứa con yêu đã phải lâm vào trạng huống đốn đau cùng cực như thế này. Tôi lang thang lê lét đêm ngày, mong được chết cho xong đời mà chẳng biết phương cách để chết, đói khát điên cuồng mà chỉ biết ngậm cam chịu đựng chứ không biết cách gì xoay sở. Tôi đã quen được chăm sóc, chưa từng tiếp xúc với người lạ, nay ra đường ăn mặc rách rưới, thân thể như nhuốc gồm ghiết, không tiền không bạc, thì làm sao dám mở lời. Cuối cùng, mệt mỏi người tôi ngã quỵ tại vỉa hè một căn nhà phố chợ, tưởng rằng sẽ chết tại đó. Không ngờ người nhà láng xăng cho tôi thức ăn, nước uống, rồi "xua" tôi đi nơi khác. Tôi bèn khám phá ra một sự thật, là mang bệnh phong hủi này, thân cận với người thật khó nhưng xin xỏ thực phẩm thì quá dễ, người ta thà "thí" chút cơm cá thừa thãi hầu tôi "xéo nhanh" nơi khác, hơn là để tôi lê lét gần họ. Từ đó, tôi đành ăn xin đây đó qua ngày. Có những lúc tôi định hỏi đường về quê, nhưng cha tôi chắc hẳn đã đi tu biệt dạng rồi, tôi mang thân tàn ma dại này về thì chỉ nhục nhã với bà con lối xóm mà thôi. Tôi cũng có ý định bán vài viên minh châu để có tiền xoay sở, nhưng mấy ai chịu tin một kẻ ăn mày có của. Nghĩ cho kỹ, nếu có người tin tôi có bảo vật, thì mạng sống tôi chưa chắc đã vẹn toàn.

Một hôm, vô tình tôi gặp một nhà sư khả kính khoan thai đi tới. Tôi hằng mong được giới tu sĩ giảng dạy giáo lý nhà Phật để voi khổ, nên tiến đến vái chào. Nhà sư vừa nhìn thấy tôi, đã luống cuống quay mặt bước nhanh như trốn chạy, vô tình làm rơi một quyển sách dưới đường. Tôi vốn quý trọng chữ nghĩa thánh hiền, nên ngồi sụp xuống cầm lấy, lên tiếng dâng trả cho nhà sư. Không ngờ, nhà sư thấy bàn tay cùi hủi của tôi cầm sách lại càng sợ hãi, khoác tay không nhận lại sách, rồi bỏ đi một nước.

Tôi lật từng trang sách đọc kỹ, thì mới biết đó là phẩm "Phổ Hiền Hạnh Nguyện", trích trong kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Lời kinh vừa vĩ đại, vừa thâm ảo nhiệm mầu, càng đọc tụng tôi càng ngưỡng mộ hạnh nguyện bao la của Bồ Tát Phổ Hiền, và ước mong được noi gương Ngài mà tu tập. Tôi thích nhất là lời nguyện thứ tư: sám hối nghiệp chướng. Tôi ý thức được rằng cái quả khổ đau ngày nay tôi nhận lãnh, là do cái nghiệp ác đời trước mà ra, do đó, tôi chí thành nguyện xin sám hối, thề không bao giờ tái phạm điều ác, luôn giữ tịnh giới và làm việc lành. Nhờ nhân duyên được kinh, mà trong khổ đau kiếp người lòng tôi vẫn thanh thản nhận lãnh, không chút hờn than oán trách.

Bệnh tình của tôi ngày càng trầm trọng. Đêm giá lạnh, đầu lóng tay chân đau buốt thấu tận xương tủy, khiến tôi có cảm tưởng rằng dẫu có đốt cháy lóng tay lóng chân đó, chắc hẳn mình sẽ sung sướng hơn nhiều. Một lần đang oằn oại rên siết, bỗng dừng tôi nghĩ, trên đời này còn biết bao kẻ bị phong cùi như tôi, cũng đang bị đốn đau như tôi. Tôi nghiệp họ quá! Tôi nghĩ đến Đức Phổ Hiền và hạnh nguyện đại từ đại bi bao la của Ngài, rồi tôi quỳ xuống cương quyết phát nguyện: "Trên thế gian này có bao người bị bệnh cùi hành hạ nhứt nhối, con đều xin chư Phật, chư Bồ Tát chứng giám con nhận lãnh hết những nghiệp chướng của họ và cơn đau của họ". Điều khó hiểu là khi lòng tôi tràn ngập từ bi, nghĩ đến kẻ khác và quên mình, thì tôi lại quên cả những cơn đau nhứt đang diễn ra trong cơ thể của chính tôi.

Chân thành ngưỡng mộ Bồ Tát Phổ Hiền, tôi tha thiết dự định sẽ hành hương núi Nga Mi, để cúng dường những viên minh châu gia bảo, cho mục đích hoằng dương giáo pháp "Phổ Hiền hạnh nguyện". Đêm đó, nằm ngủ tại miếu hoang này, tôi nằm mộng thấy Bồ Tát Phổ Hiền thị hiện, cõi voi sáu ngà xoa đầu tôi khuyên tôi yên tâm chờ đợi một thời gian sẽ gặp người hữu duyên nhận lãnh trách nhiệm phát huy và xây dựng đạo tràng tại đây.

Chín tháng trước đây, một hôm vào giờ Ngọ, bỗng nhiên có một vị tu sĩ đắp y màu hồng sậm, mũ đỏ theo lối Lạt Ma Tây Tạng(6), ôm bình bát đứng

trước miếu khát thực. Bao năm trời, tôi mong mỗi thân cận giới tu sĩ nhưng luôn luôn lâm cảnh bẽ bàng, lần này, vị tu sĩ đã không tránh né mà lại dành cho tôi phúc duyên cúng dường, quả là một dịp may hiếm có. Tôi vừa xin được mấy trái chuối, bèn cung kính dâng hết cho người. Vị lạt ma ngồi bên hông miếu, ung dung thọ thực. Tôi thành khẩn chờ đợi cơ hội đánh lễ, hầu thỉnh cầu người chấp nhận cho tôi cúng dường mấy hạt minh châu.

Trong khi tôi còn ngẩn ngại chờ đợi cơ hội thuận tiện mở lời, thì vị lạt ma đã từ hòa lên tiếng:

- Thí chủ lòng dạ chí thành, ta rất cảm mến. Thí chủ có ước mơ thâm thiết gì cứ thành thật cho ta biết, ta sẵn sàng hoàn thành tâm nguyện cho thí chủ!

Từ thuở lang thang bụi đời đến nay, tôi luôn luôn gặp cảnh xô đuổi và chửi mắng khinh thị, nên khi được vị tu sĩ ban cho những lời dịu dàng thân mật, tôi cảm động nghẹn ngào:

- Có những đêm đen cô đơn buồn thảm, tủi thân mình lâm trọng bệnh bị người đời hắt hủi khinh khi, con bỗng ước ao có kẻ thực dạ thương con, dù chỉ ga nghĩa với con một ngày, thì con cũng sẽ sung sướng trọn cả cuộc đời.

Không hiểu tại sao lúc đó tôi quên mất nguyện vọng cúng dường minh châu, mà lại khùng điên nói lên cái ước mơ xằng bậy nhất thời thuở trước. Ước mơ đó có thể là một thứ ẩn ức hình thành bởi nỗi đau thương trong vụ cưới hỏi lường đảo, mà tôi cố đè nén cho chìm sâu trong tiềm thức, nay gặp cơ duyên có người ân cần thăm hỏi đã đột ngột tuôn trào. Lỡ lời, thẹn đỏ mặt, tôi luống cuống:

- Lạy sư! Con xin lỗi đã nói chuyện nhảm nhí...

- Không có chi đâu! Thí chủ yên tâm! Ta và thí chủ đã có đoạn nhân duyên từ trước! Ta đã hứa hoàn thành tâm nguyện cho thí chủ mà thí chủ chỉ ước mơ được làm vợ trong một ngày, nguyện vọng đó không có gì là quá đáng, ta có thể giữ lời. Vậy, kể từ giờ phút này, cho đến cuối giờ Ngọ ngày mai thì chúng ta là vợ chồng.

- Chao ôi! Con ăn nói vụng dại lỡ mạo phạm đến sư, xin sư thứ tha và xin đừng nói giỡn như vậy! tội nghiệp cho con. Thật ra, thân con cùi hủi đê tiện, với kẻ bình thường con còn chẳng dám nghĩ chuyện đèo bồng thì làm sao lại dám tơ tưởng đến các vị tu hành...

- "Tiểu Vi"! em mang nặng mặc cảm tự ti quá! Trong sự sống miên viễn không bao giờ cùng tận này, thân xác bất quá chỉ một chiếc áo mà mỗi chúng sinh khoác vào cho một kiếp. Do tham, sân, si che khuất, từ kiếp này sang kiếp khác chúng sinh theo nghiệp lực mà thay đổi lớp áo thân mạng của mình. Có lớp áo đẹp đẽ, sang trọng cũng có lớp áo sần sùi, loang lổ, xấu xa..., nhưng có lớp nào bền lâu? hơn thua gì thứ đó!

Không hiểu tại sao vị Lạt Ma lại biết cái tên "Tiểu Vi" này. Cái tên thân mật đó, chỉ dành cha mẹ tôi gọi đứa con gái cưng bé bỏng ngày xưa. Tiếng gọi này đưa tôi trôi về với chuỗi ngày thơ dại ấm êm, trong tình thương vô bờ chở che đùm bọc của mẹ cha. Tôi run rẩy cảm động, không còn nghe thấy suy nghĩ gì nữa..., tôi ngã quì vào lòng người như đứa con chui vào lòng mẹ...

- Khoan đã! Mình phải làm lễ tơ hồng chứ!

... Đến cuối giờ Ngọ hôm sau, người lại ăn vận như một vị Lạt Ma như cũ, và khăn gói lên đường. Hạnh phúc đã đến với tôi thật tuyệt vời, tôi đã được cung yêu chiều chuộng như một người vợ chân chính, tất cả hiện ra như một giấc mơ thần tiên, thành tựu bằng phép lạ, không thể tượng tượng nổi. Tôi biết đủ nên lòng rất mãn nguyện khi đưa tiễn người đi. Đến lúc này, tôi mới nhớ đến mấy hạt minh châu nên quì xuống dâng cho người để làm Phật sự, nhưng người cương quyết từ chối:

- Ta là kẻ lang thang như mây nổi, vốn không thích hợp với chuyện xây chùa lập hội, vả chăng ta chỉ hứa một điều và đã hoàn thành, sao thí chủ còn kèo nài ta chi chuyện khác. Theo ta dự đoán, thì không bao lâu thí chủ sẽ gặp được vị hữu duyên đảm nhận trách vụ này! Xin thí chủ yên tâm!

Nhờ lối đối xử nhân ái của vị Lạt Ma, tôi bắt đầu học nhìn mọi loài chúng sanh với tâm bình đẳng, tôi hiểu rằng ẩn hiện bên trong cái thân xác giả tạm mang lớp con trùng, con kiến, con trâu, con chó..., là Phật tánh sáng ngời, bình đẳng như nhau không khác. Tất cả đều có khả năng thành Phật, đều đáng tôn kính, và là đối tượng sinh động để hành thập nguyện Phổ Hiền...

Nay nhờ duyên lành, tôi may mắn hội ngộ với sư thái nên tâm nguyện đã có cơ hoàn mãn, tôi rất an lòng khi nhắm mắt.

---o0o---

- Bà thí chủ họ Lý kể chuyện đến đây thì hơi thở yếu dần. Thầy chợt nhớ đến đứa bé, vội bồng đến cho bà nhìn và xin đặt tên nhưng bà lắc đầu lộ ý để thầy tùy nghi. Không kịp suy nghĩ, thầy lên tiếng: "Nhất Nguyên! Chị nhé!". Lý thí chủ gạt đầu, mỉm cười mãn nguyện rồi tắt thở. Điều lạ lùng là gương mặt lờ lói trước kia của bà bỗng biến thành tươi nhuận an lạc, và từ trong búi tóc rối, một mùi trầm hương thoang thoang tỏa ra. Sáng hôm sau, thầy nhờ bà con lối xóm giúp đỡ làm lễ thiêu xác Lý thí chủ, và bắt đầu khởi công xây dựng ngôi già lam này. Chuyện xảy ra đã tròn bốn mươi bốn năm, vậy mà thầy vẫn tưởng như mới rành rành ngày hôm qua! Thời gian trôi thật nhanh!

Sư bà ngậm ngùi và đại chúng cũng lặng lẽ bàng khuâng. Ngừng một lúc lâu sư bà bỗng nhìn xuống hàng người chen chúc ở dãy núi cuối cùng bên trái chánh điện, lên tiếng:

- Nhất Nguyên! Con đã về thì hãy lên đây với thầy!

Sư Nhất Nguyên len lỏi tiến lên, kính cẩn lễ lạy sư bà ba lần, nước mắt tràn ngập, cảm động không thốt ra lời. Sư bà, hướng về đại chúng lên tiếng:

- Đây là Nhất Nguyên, con của Lý thí chủ và cũng là dưỡng tử của thầy. Sư Nhất Nguyên đã dày công tu học trên chùa Thiếu Lâm, và vừa hoàn thành bộ số giải về Kinh Lăng Già Tâm Ấn rất công phu.

Quay sang Nhất Nguyên, sư bà tán thán:

- Thầy rất hãnh diện về con! Tác phẩm giá trị của con là một đóng góp lớn cho sự nghiệp hoằng pháp! Công đức vô lượng vô biên!

- Thưa thầy! trước đây con nghĩ con cũng có công đức, nhưng nhờ thầy chỉ điểm, con mới khám phá rằng con chẳng có công đức nào đáng để tán thán cả! Tất cả những điều con đã viết, chẳng qua là những thâm nhận từ lời dạy của chư Phật, chư Bồ Tát, chư tổ sư, của thầy của bạn..., không có cái gì thực sự là của con cả, thì làm sao con dám tự cho mình có công đức. Huống chi, suy cho cùng, làm sao con có thể tự làm được việc gì, nếu không có sự yểm trợ của xã hội, mà xã hội làm sao tồn tại nếu không có sự đóng góp của mọi loài chúng sinh. Như vậy, trái tâm càng rộng lớn, con càng thấy cả pháp giới chúng sinh trùng trùng lớp lớp chằng chịt tương ưng nhau nâng đỡ con và yểm trợ con làm Phật sự, vậy thì, tất cả công đức đương nhiên là công đức của cả pháp giới chúng sanh! Con chẳng hề thấy thứ công đức nào là công đức của riêng con cả!

- Lành thay! Lành thay! Biết công đức là công đức của cả pháp giới chúng sanh, thì hạnh nguyện hồi hướng mới thêm thang vô chướng ngại!

Sư bà trang trọng chấp tay lại. Đại chúng, không ai bảo ai, cũng đồng chấp tay và đồng tụng theo sư bà:

"Nguyện đem công đức này
Hồi hướng về tất cả
Khắp pháp giới chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo".

Tháng 07.1995

Ghi chú:

1. Kệ của Bồ Đại hòa thượng.

2. Nga Mi sơn là một đỉnh núi thiêng liêng, mà theo sự tin tưởng của Phật giáo Trung Hoa thì đó là nơi cư ngụ của Bồ Tát Phổ Hiền. Vào những buổi bình minh, đứng ở phía sau ngôi chùa trên đỉnh núi, khách hành hương sẽ thấy hình ảnh to lớn của một người đang ngồi thiền dưới thung lũng, mà người ta tin tưởng là bóng của đức Bồ Tát Phổ Hiền. Có người cho rằng hiện tượng đó chỉ cái bóng phản chiếu của rặng núi lúc rạng đông. Không ai chối cãi điều đó, nhưng theo những người hành hương thì tốt hơn mỗi người nên tự đến đó, tự quan sát, tự đón nhận suối nguồn an lạc, và sẽ tự có kết luận cho riêng mình.

3. Phổ Hiền thập nguyện:

Một là Lễ kính chư Phật

Hai là Xưng tán Như Lai

Ba là Quảng tu cúng dường

Bốn là Sám hối nghiệp chướng

Năm là Tùy hỷ công đức

Sáu là Thỉnh chuyển pháp luân

Bảy là Thỉnh Phật trụ thế

Tám là Thường tùy Phật học

Chín là Hằng thuận chúng sanh

Mười là Phổ giai hồi hướng

4. Bốn phép lay thuộc về lý:

- Pháp trí thanh tịnh lễ: người hành lễ thấu suốt rằng cảnh giới của chư Phật, đều tùy tâm hiện bày, nên lay một đức Phật tức là lay tất cả chư Phật...

- Biến nhập pháp giới lễ: người hành lễ tự quán thân tâm cùng các pháp, từ thuở giờ vẫn không rời pháp giới.

- Chánh quán lễ: người hành lễ lay đức Phật ngay nơi tự tâm, chớ không duyên vào đức Phật nào khác.

- Thật tướng bình đẳng lễ: người hành lễ không thấy có tự có tha; người và mình là một, phàm và thánh nhưt như; thể và dụng không hai.

(theo Phật Học Phổ Thông quyển 1, Thượng Tọa Thiên Hoa)

5. Bồ thí ba la mật: nghĩa là một pháp môn tu có công năng đưa qua bờ bên kia, thực hành bằng cách cho cùng khắp, cho tất cả mọi người, mọi vật, mọi nơi. Có ba loại bồ thí ba la mật:

- tài thí

- pháp thí, và

- vô úy thí (bồ thí sự không sợ hãi)

6. Lạt Ma giáo: là một tông phái thuộc Phật Giáo Đại Thừa, phát xuất từ Tây Tạng từ thế kỷ thứ 7, và lan truyền đến Mông Cổ, Mãn Châu, Lạt Ma giáo có hai phái:

- Hồng mao phái: tức thầy tu đội mũ đỏ, là phái cố cựu, dung hòa với tư tưởng bình dân, chuyên luyện các phép thuật thần bí, giới hạnh lỏng lẻo...,

và có chủ trương rất rộng rãi về tình dục, việc giao hợp nam nữ đôi khi lại được ca ngợi là một phương tiện hữu hiệu cho việc tu tập...

- Hoàng mạo phái: tức thầy tu đội mũ vàng, là phái cải cách do đức Tsongkhapa lãnh đạo từ thế kỷ XIV. Phái này nổi tiếng về giới hạnh thanh tịnh và là phái chánh thức lãnh đạo quốc gia.

(ghi chú về Lạt Ma ghi trên rất sơ sài, xin đọc với tất cả sự dè dặt)

---o0o---

Ngưỡng Cửa Của Thương Yêu

*Kính dâng thiền sư Nhất Hạnh,
Vị thầy đã dạy con biết dừng lại và nhìn sâu
để biết hiểu và biết thương.*

Tiếng chén đĩa nôi niêu khuua rộn ràng hòa nhịp với những lời cầu nhau vô nghĩa của vợ trong bếp, tựa như một thứ vũ khí bén nhọn liên tục châm chích đâm thọc Bảo, khiến cơn giận điên cuồng mà chàng đang cố gắng đè nén bỗng sôi sục trở lại. Bảo "ức súc" muốn vào bếp, túm tóc vợ đập cho một trận "toi bời hoa lá" thì mới hả cơn. Thoáng nghĩ vậy thôi, chớ Bảo đâu phải là kẻ vũ phu lỗ mãng đánh đập vợ; đôi khi, giận "cái mụ" lắm mồm hỗn hào, chàng tức tối đập chén đĩa, đá bàn, đá ghế... là tội cùng rồi. Lần này, để đối phó lại, Bảo rầm rầm dẫn chiếc xe đạp ra cửa. Trước khi phóng lên xe, chàng còn ngoái cổ lại dò xem phản ứng mụ vợ có thay đổi gì không? nào ngờ, cái mặt "mâm" của vợ vẫn chằm vằm lạnh nhạt chẳng thêm lưu tâm đến sự giận dỗi của chồng, khiến Bảo vừa tức vừa thẹn, phóng xe đi một nước.

Bảo điên tiết lái xe bừa bãi loạn cuồng, suýt tông vào những chiếc xe xuôi ngược, bị thiên hạ chửi bới bóp còi inh ỏi, mà vẫn đứng đưng chẳng hay biết. Những chuyện giận hờn xưa cũ, từng cử chỉ, từng lời nói chanh chua, nặng nhẹ... của vợ cứ thi đua nhau múa may quay cuồng trong đầu, khiến cho cơn sân hận của chàng lại càng tăng ngùn ngụt. Tình cờ, Bảo đạp xe qua cầu Hoàng Diệu, chàng ngẩn ngơ nhìn ngôi trường Thoại Ngọc Hầu, nơi đã ghi bao kỷ niệm ấm êm của cặp tình nhân thưở còn son trẻ. Chàng lắc đầu xua đuổi hình bóng năm xưa, thần thờ đạp xe về hướng bệnh viện, rồi lần về công viên Nguyễn Du. Công viên ngày xưa là nơi hò hẹn lý tưởng nhất của cặp tình nhân, chỉ cần nhìn nhau, chỉ cần nắm tay nhau... là hạnh phúc đã

ngát ngậy đầy ắp. Những ngày thơ mộng đó, công viên tràn ngập những cánh bông móng ngựa rực rỡ, với giòng sông Cửu Long bao la trời nước, thấp thoáng bên kia là cù lao Ông Hồ xanh tươi, được tô điểm đây đó bằng vài chiếc xuồng chèo xuôi ngược. Công viên giờ đây hắt hiu tàn tạ, lối đi loang lổ xình lầy, cỏ cây xơ xác, bờ sông cần đá đã bị soi mòn sục đổ. Có lẽ, chỉ có đài vi ba cô đơn bên Ty Bru Điện, tuy cũng bị thời gian soi mòn rỉ sét, mà vẫn còn gắng gượng giữ nét hào hùng cao ngất như xưa. Bảo thử dài tự nhủ: "Ôi! Dầu mình cố sức bám víu cái hào quang xưa cũ thế nào thì cũng không che giấu nổi chuỗi ngày sự nghiệp xuống dốc tan hoang được. Mình đã mất hết, mình đã te tua rách nát gầy còm, nên mẹ vợ mới khinh lờn hỗn láo, từ những chuyện con con chẳng ra gì mà cũng cầu nhau, gây gỗ hành hạ chồng!...". Bảo ngắm nhìn giòng nước phù sa cuộn cuộn để tìm quên, nhưng hình ảnh vụ cãi vã nóng sốt cứ hiển hiện rõ ràng từng chi tiết nhỏ, không cách gì trốn tránh được. Mới hôm qua đây, trong khi Ngọc đi chợ, Bảo buồn tình lang thang ngoài phố, tình cờ gặp lại người bạn thân xa xưa. Hai người kéo vào quán tí tê tâm sự, quên mất ngày giờ. Về nhà trễ bữa cơm trưa, thấy mặt Ngọc bùng thụng, lẽ ra Bảo già già đôi lời thì yên xuôi, thế nhưng khi sáng thấy vợ lúi húi soạn mớ thuốc tây cho bà nhạc, chàng hơi bực bội nên lơ là chẳng mở lời. Bữa cơm chiều ăn uống lơ là trong bầu không khí giận dỗi vu vơ, chợt Bảo lỡ lời chê món canh nêm hơi nhạt. Thế là Ngọc dùng dùng nổi giận hét vang: "Muốn ăn uống cho vừa ý, sao không lặn vào bếp nấu nướng! Hứ! suốt ngày mài miệt rong chơi chẳng ra trò trông gì! Tất cả mọi việc đều đổ lên đầu con mọi cái này, vậy mà còn bày đặt khen với chê!". Bảo nạt một tiếng đàn áp cho vợ câm mồm, ngờ đâu, Ngọc lại ồng ồng đốp chát chẳng kiêng nể tí nào. Thế rồi nàng bù lu bù loa khóc lóc, kể lể hàng trăm thứ chuyện, lên án Bảo hàng trăm thứ tội, đoạn chia mũi dùi sang gia đình chồng, chỉ trích oán trách không sót một người. Kể về chuyện nhớ dai, thù vật, đặt điều thêm bớt... thì Ngọc thuộc vào hàng cao thủ thượng thặng, như vậy làm sao một thằng đàn ông "tâm hơ tâm hát" như Bảo có thể ngang tài giao đấu. Bảo thua sát ván, không vạch được lỗi gì của vợ để đối phó, cuối cùng tức quá, chàng đành móc ngoéo đến bà già vợ khó ưa, phóng cho mấy chiêu hiểm độc để khóa miệng Ngọc. Trận khẩu chiến nhờ vậy tạm ngưng, nhưng tình trạng căng thẳng ngầm ngầm lại có nguy cơ tác hại mãnh liệt. Vợ chồng Bảo nhìn nhau toé lửa như hai con thú dữ sẵn sàng phun nọc độc và cắn xé nhau bằng những lời lẽ hiểm hóc cay chua.

Nghĩ cho cùng, mầm mống tình trạng gia đình khủng hoảng quả đã phát xuất từ bà nhạc mẫu đoản hậu của chàng. Nhạc mẫu Bảo nguyên là một nhà thầu khai thác đá tại vùng núi Sập. Bảo là Phó Ty Công Chánh Pleiku, tuy không trực tiếp nâng đỡ mẹ vợ, nhưng bà cũng dựa được vào uy thế con rể, để tiến

hành thuận lợi cho dịch vụ cung cấp đá trải đường cho các Ty Công Chánh miền Tây. Do đó, tuy là phận rể con, mà Bảo lại được bà tôn quý, vồn vã đón rước, trọng vọng tiếp đãi một cách khác thường, đến nỗi chính chàng cũng cảm thấy ái náy ngại ngùng. Thế nhưng, sau khi thời cuộc đổi thay, Bảo tiêu tan sự nghiệp phải đưa gia đình về An Giang nương náu, thì thái độ của bà đã xoay chiều nhanh chóng. Bà lơ là, tránh né con rể. Thời gian ngắn sau đó, bà ra mặt công khai ruồng rẫy kẻ thất thời: xua đuổi Bảo, coi rể như thứ cùi hủi, gằn gỏi sẽ bị lây bệnh "ngụy" nan y. Thậm chí, bà còn gợi ý khuyên con gái bỏ chồng ngụy, chọn chồng mới làm cán bộ cho sung sướng tẩm thân. Bảo không kè sinh nhai, phải hành nghề thợ mộc, và bất cứ mọi thứ công việc nặng nhọc nào, miễn là có được chút đỉnh tiền gặng gượng nuôi gia đình bữa đói bữa no. Đói rách thì chịu, Bảo thề độc rằng thà chết, chớ trọn đời tuyệt đối sẽ không nhờ vả mẹ vợ. Tuy đã thề độc, vậy mà vì thương con, cần tiền lo cho hai đứa con vượt biên sang Hoa Kỳ sống với bên nội, vợ chồng Bảo đã phải lóc cóc dẫn nhau đến nhà mẹ vợ khóc than, năn nỉ mượn bốn lượng vàng, hứa sẽ bán ngay căn nhà trả nợ. Bà mẹ đã thẳng thừng từ chối mà vợ chồng Bảo cứ lải nhải van xin, bực quá, bà dọa tố cáo nội vụ cho công an khiến vợ chồng Bảo hoảng hốt gạt nước mắt lủi thủi ra về tức khắc. Trong hoàn cảnh tuyệt vọng đó, Bảo bất ngờ nhận được tiền tiếp tế và thơ của thân nhân tại Hoa Kỳ. "Có lúa mới vay được gạo", Bảo cầm cái thơ chứng minh nguồn tiếp tế của mình, ghé thăm vài thân hữu là vay được ngay số tiền cần thiết. Mẹ vợ Bảo tuy gắt gao tiền bạc với rể nhưng lại dễ dãi với thằng con trai út. Chẳng biết cậu út òn ỉ cách nào, mà bà cứ mở hồ bao, "lòn" ra từ mười lượng vàng này đến mười lượng khác, để hấn kinh doanh. Thua keo này, cậu út bày keo khác, cứ thế mà rút rĩa tiền bạc bà già cho đến lúc cạn queo. Bấy giờ, thì cô con dâu mới trở mặt hắt hủi bà, khiến chuỗi ngày còn lại của bà cũng trăm cay ngàn đắng. Phần Bảo nhờ được thân nhân tại Hoa Kỳ thỉnh thoảng tiếp tế nên bắt đầu đỡ vất vả, sau đó, hai đứa con hiếu thảo lớn lên, lại gởi tiền về chu cấp đều đặn, nhờ vậy, nếp sống ngày càng trở nên sung túc phong lưu. Thừa tiền, Bảo rộng rãi chia xẻ cho mọi người, kể cả những kẻ hoàn toàn xa lạ, nhưng riêng đối với mẹ vợ, mỗi hạn năm xưa chưa phai, nên Bảo vẫn lăm lăm tìm đủ mọi phương cách kềm kẹp, ngăn chặn Ngọc phụng dưỡng bà. Mỗi lần nghi ngờ Ngọc lén lút mang thuốc men tiền bạc chu cấp mẹ, tuy chàng ngại mang tiếng là nhỏ mọn, không mở lời trách thẳng nhưng mỗi bực bội cứ canh cánh bên lòng, chờ cơ hội móc ngoéo sang chuyện khác, nên sớm muộn gì thì gia đình chàng cũng có chuyện "gấu ó" giận hờn.

Bảo lơ đãng nhìn giòng sông An Giang cuộn cuộn, chàng chợt nghĩ nếu thân xác mình được chìm sâu dưới giòng nước kia thì bao nhiêu chuyện rắc rối

phiền hà: thương yêu, thù hận... đều tan biến mất, và mình sẽ khỏe khoắn biết bao nhiêu! Bảo lắc đầu xua đuổi ý nghĩ chết chóc lớn vờn trong đầu, rồi chẳng biết do động lực nào thúc đẩy, chàng lùng khùng dắt xe đạp xuống đò ngang đi qua cồn Mỹ Hòa Hưng. Chàng đi để mà đi, chớ thật ra thâm tâm lơ mờ chẳng biết sẽ đến đâu và làm gì? Mãi đến khi thuyền cập bến, Bảo mới sực nhớ đến người bạn cũ cư ngụ gần bên đò, liền phóng xe đến nhà bạn. Thuận là người bạn thân thiết thuở thiếu thời, khi cả hai còn là huynh trưởng Gia Đình Phật Tử Chánh Nghĩa, chùa Quảng Đức. Lớn lên hai người vẫn thường gặp nhau tâm sự chuyện đời, chuyện đạo, nhưng từ khi cô con gái duy nhất đột ngột xuất gia, vợ chồng Thuận dứt khoát bỏ nghề dạy học, bán căn nhà ở chợ để lui về quê nhà tại xã Mỹ Hòa Hưng sinh sống với nghề rẫy bái, thì việc qua lại thưa dần.

Bảo vừa dựng chiếc xe đạp dưới gốc cây vú sữa trước sân, khóa kỹ lại, thì lại đã nghe mẩu đối thoại vui tươi của cặp vợ chồng Thuận và Thảo ra ngoài:

- Ôi chà! Người đẹp của anh lại cung chồng, lại thết đại tiệc nữa rồi!

- Anh kỳ quá hà! Em già khù xấu hoắc rồi, mà cứ giỡn chơi gọi người đẹp hoài, rui ai nghe được, người ta cười thú đầu đó!

- Hi! Hi! Nè! Lúc trẻ thì em đẹp theo trẻ, về già đẹp theo tuổi già! Anh thấy sao nói vậy, ai cười anh cứ cười, việc gì anh mắc cỡ!

- Anh cứ trắng nói cuội hoài! Em đã già cả hom hem, da nhăn tóc bạc rồi thì còn đẹp nỗi gì!

- Ấy! Em có nhớ câu kệ "mỗi khi dùng đến lại thành mới tinh" (1) của sư tổ Trúc Lâm không? Đây là anh học theo cách nhìn của tổ: "Mỗi lần nhìn vợ, mỗi lần thấy đẹp ra"! Hi! Hi!

Là chỗ bạn thâm giao, Bảo chẳng cần báo trước, ngang nhiên xô cửa bước vào, cắt đứt câu chuyện thân mật của vợ chồng gia chủ, rồi cười vang lên tiếng:

- Hai ông bà này, già mà còn "mùi tận mạng" đa!

- A chào Bảo! Lâu quá không gặp nhau! Anh đến chơi thật bất ngờ! Làm vợ chồng tôi mừng quá! ủa! Chị Ngọc đâu? sao không đi với anh?

Bảo ngậm ngừng một lúc, rồi bịa chuyện cho qua:

- Bà nhức đầu nên bà về đằng đó chăm sóc! Chớ lúc đầu đã định cùng đi với tôi rồi!

Điều bất ngờ là vợ chồng gia chủ lại tỏ vẻ quan tâm đặc biệt đến sức khỏe bà cụ, họ thay phiên nhau hỏi han rồi rít:

- Tội cho bà cụ quá! bà đau bệnh gì? Lâu chưa? Nặng không anh? Bác sĩ cho biết bệnh tình như thế nào vậy anh?...

Bảo vốn "k" mẹ vợ, mỗi khi nghe tin bà gặp việc chẳng lành, tuy bề ngoài tỏ vẻ thương hại, nhưng thật ra rất khoái trá trong lòng, không mở miệng mắng thăm "cho đáng đời!" là tốt lắm rồi. Lời thăm hỏi bệnh tình chân thành của gia chủ khiến Bảo nhột nhạt, lúng túng mấy giây mới ngậm ngừng đáp:

- Bệnh già mà anh chị! Bà chỉ yếu tổng quát chớ đâu có gì quan trọng!

Rồi để tránh khỏi phải trả lời dông dài về một đề tài khó ưa, Bảo giả vờ ngắm thích thú bức tranh treo trên vách, lên tiếng:

- Anh chị có bức tranh đẹp quá! Ô! Mà lại có điểm thêm hai câu thơ Kiều nữa!

"Bây giờ rõ mặt đôi ta!

Biết đâu rồi nữa, chẳng là chiêm bao!" (2)

Ồi chà! Chàng và nàng tình quá, bỏ thị thành để đi xây dựng "một mái tranh hai quả tim vàng" ngâm thơ vịnh nguyệt đây này!

Thuận cười hếch hạc:

- Ô! tụi này thỉnh thoảng cũng đọc thơ Kiều, nhưng không đọc với tâm trạng chìm đắm theo đoạn đời khổ đau sâu muộn của Kiều, mà chỉ nhằm khám phá đạo vị trong thơ Nguyễn Du, để nương vào đó tu sửa thân tâm anh ạ!

- Nói như vậy! thì hai câu thơ này có đạo vị, nhưng đạo vị ở chỗ nào, anh có thể giải thích tôi nghe được không?

- Tranh này bắt nguồn từ suy tư của bà xã tôi, tôi chỉ ghi lại bằng nét vẽ. Suy tư của bà, chắc tôi phải nhờ bà trình bày thì mới đầy đủ.

- Ô! em...

- Thôi mà! Ngại ngừng gì em! anh Bảo là bạn đạo lâu đời của mình! Em cứ trình bày suy tư của em, nghĩ sao nói vậy, có trật ảnh cũng không cười mà!

Thảo trầm ngâm nhớ lại chuyện xưa, rồi chậm rãi mở lời:

- Tôi là đàn bà, nếu tôi có "cà kê dê ngỗng" dài dòng vẫn tự xin anh thông cảm nhen. Chuyện xảy ra đã lâu lắm rồi. Ngày đó, anh Thuận vừa được trả tự do, sau khi bị giam giữ hai tháng, vì đã tham dự buổi hội họp "bị coi là khả nghi" của Gia Đình Phật Tử tại Saion. Vui mừng đoạn tụ mà tôi vẫn ngay ngáy lo lắng an nguy cho anh sau này, nên tôi cô lập hóa không để anh liên lạc với bạn bè, và thường xuyên gây gổ lăng nhăng anh về cái tính tào lao lo chuyện bao đồng tự chuốc khổ vào thân, mà còn làm khổ lây đến vợ con nữa. Một hôm ngủ trưa, trong chiêm bao tôi thấy anh chết trong tù. Tôi đau đớn rụng rời khóc ngất thì tỉnh dậy. Mắt nhắm lệ, chân quính quít, tôi nhón nhác tìm anh. Anh đứng lặng yên bên khung cửa sổ, gầy gò tiêu tụy. Tôi thấy anh "rõ ràng trước mặt còn ngờ chiêm bao"(3). Tôi dụi mắt véo tai mấy lần để được yên tâm, rồi tôi chợt nghĩ nếu chiêm bao là thật thì mình mất tất cả rồi, mình đâu có cơ hội nào nhìn chồng nữa. Khi đó, lòng tôi không còn tha thiết điều nào khác, tôi buông bỏ hết mọi sự mọi việc, để tập trung tất cả vào chồng, ngắm nhìn từng chi tiết nhỏ: một sợi tóc bạc, một vết nhăn..., thấy được nỗi ưu tư hoài bảo, thấu suốt cả tấm lòng vị tha suốt đời tận tụy hi sinh cho vợ con, cho đạo pháp của chồng. Cảm nhận được điều đó, tôi xúc động thân tâm, hạnh phúc ngập tràn. Tôi khám phá rằng sống với chồng bao năm mà chưa lần nào tôi nhìn chồng suông mà hạnh phúc như lần này. Có thể trước đây, ngoài việc sống bên nhau tôi luôn đòi hỏi phải chờ hội đủ thêm hàng trăm điều kiện khác về công danh sự nghiệp, gia đình, xã hội... thì mới có hạnh phúc, nên hạnh phúc lúc nào cũng ở ngoài tầm tay, không với tới được. Tôi lại luôn luôn bận bịu đầy ắp chuyện vui buồn, hờn giận, hơn thua..., nên lúc nào cũng qua loa hời hợt, chỉ biết vùi vỉnh, nhẩn nhó, cảm ràm... thì làm sao thấy được hạnh phúc tràn đầy bên cạnh người mình thương. Tôi nghĩ nếu chồng tôi không chết trong tù, thì ngày nào đó hai vợ chồng già cũng có người gầy gảnh. Ai biết chắc ngày đó là ngày nào? Ngày nay kề cận bên nhau, tại sao mình lại không thể nhìn nhau, thương nhau, chăm sóc nhau, tận hưởng cho hết hạnh phúc bên nhau liền bây giờ,

kéo chờ đến ngày mai sẽ không còn kịp nữa. Trong chiều hướng suy tư đó, tôi đã chọn hai câu thơ Kiều:

Bây giờ rõ mặt đôi ta

Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao!

để làm phương tiện nhắc nhở tôi biết tận dụng những giờ phút bên nhau, bởi vì biết đâu ngày mai sẽ như mộng mị chiêm bao và không bao giờ có thực!

Nghe chuyện người, ngẫm phận mình Bảo xót xa trầm nghĩ: "Mình lỡ dại chết đi, mẹ vợ mình chắc sẽ khoái chí vật heo ăn mừng, chớ làm gì có chuyện khóc với thương!". Chàng ta buồn hiu, nhưng gắng gượng nhếch môi nửa cười nửa mỉa lên tiếng:

- Hi! Hi!... Chị là một người đàn bà yêu thương chồng tốt bụng! Yêu đến độ phải làm tranh, đề thơ để nhắc nhở phải yêu nhiều, yêu lập tức, yêu dài dài... quả là việc thế gian hy hữu, khó tin mà có thật...

Tránh cho vợ đỡ ngỡ ngàng nghiu trước lời nói bốn cột của Bảo, Thuận giải thích:

- O! thật ra, chữ "đôi ta" phải hiểu rộng ra là ta và đối tượng đang hiện hữu, "đôi ta" có thể là ta và em bé, ta và tách trà, hay ta và giòng sông...; và trong giây phút hiện tại này, "đôi ta" chính là anh và vợ chồng tôi, chúng mình phải biết tận hưởng buổi hội ngộ này, "nếu không rồi nữa chẳng là chiêm bao!".

Thảo bỏ túc:

- Đúng vậy anh ạ! Theo tinh thần đó vợ chồng tôi rất hoan hỉ tiếp đón anh và mong sao buổi gặp mặt đặc biệt này tràn đầy vui tươi và lợi lạc!

- Cảm ơn anh chị! Tôi đã cảm nhận được điều đó! sự ân cần thành thực của anh chị giúp tôi vô cùng thoải mái, điều mà tôi không bao giờ có được khi nói chuyện với người khác!

- Anh Bảo ăn cơm trưa với vợ chồng tôi nhé! Cơm nước xong mình sẽ tiếp tục câu chuyện, kéo thức ăn nguội lạnh hết!

Vốn quen nếp sống rượu thịt phong lưu, Bảo nhìn mâm cơm đạm bạc chỉ gồm có chén nước tương, một đĩa ớt rau lang, bông điên điển, một đĩa rau cànng cua trộn dấm, cùng với hai miếng đậu hủ muối xả... mà chán ngán trong lòng, nhưng nếu từ chối lại ngại người bạn nghèo tủi thân, nên đành sốt sắng cầm đũa.

Tuy nhiên, có lẽ nhờ đang cơn đói bụng, lại gặp món ăn đồng nội quê mùa lạ miệng, Bảo "tự nhiên quá trớn" tấn công tới tấp, khiến Thảo phải tíu tít chạy ra sau vườn hái thêm rau tiếp tế.

- Chị nấu ăn ngon tuyệt vời! Thảo nào khi tôi vừa tới cửa đã nghe ảnh tán tụng là được cho ăn đại tiệc!

- Hi! Hi! Đối với tôi, thức ăn nào vợ nấu nướng chẳng là đại tiệc!

Thảo nghe chồng tán tỉnh thẹn thùng trách chồng::

- Anh đùa như vậy không sợ anh Bảo cười trạo quai hàm sao?

Rồi quay sang Bảo, Thảo ấp úng phân bua:

- Cảm tạ anh quá khen! Thức ăn toàn là rau luộc thì ai làm chẳng được! Sở dĩ anh Thuận dùng chữ "đại tiệc" chỉ vì hôm nay có đậu hủ mà thôi! Số là hoa lợi của mấy giò khoai và nửa công ớt của anh Thuận trồng chỉ đủ đổi gạo và vài vật dụng cần thiết, nên thông thường mâm cơm toàn là "cây nhà lá vườn" miễn phí, lâu lâu tôi mới dám xài sang, mua đậu hủ để có thêm chất đạm.

Nghe rõ nếp sống bản chất của gia chủ, Bảo động lòng trầm ngâm nghĩ ngợi mông lung: "Họ nghèo rớt mồng tơi, thiếu trước hụt sau, ngụ trong gian nhà lá trống trải, phục sức đơn sơ, ăn uống đạm bạc, một miếng đậu hủ rẽ rẻ mà cũng phải dè xén ăn tiêu... tội nghiệp quá! Mình tội nghiệp họ, nhưng dường như chính họ chẳng cảm thấy khổ sở tí nào! Họ bình thản với cái nghèo, sống hồn nhiên, vui tươi an lạc kia mà? Hạnh phúc đến với họ xem ra dễ dàng quá: họ nhìn nhau, họ âu yếm đối thoại, họ nâng niu săn sóc nhau... là đủ, họ không ước mơ, không đòi hỏi điều gì khác, dù là loại của cải quý giá hay thứ "phép lạ nhiệm mầu nào". Còn mình thì sao? Mình tuy chưa hoàn toàn phục hồi được thời vàng son, nhưng đời sống vật chất mình quá ư đầy đủ: nhà cao cửa rộng, tiền bạc thừa thãi, áo quần thơm tạt, mâm cơm thịt cá ê hề..., mà mình có hạnh phúc tí nào đâu? Vợ chồng tranh cãi nhau dài dài, ai cũng lăm le rình cơ hội đối thủ sơ hở để nặng nhẹ chửi bới, thì nhìn mặt

nhau đã là việc khó hướng chi nghĩ đến việc thương yêu chăm sóc nhau". Thế rồi Bảo thở dài lên tiếng:

- Tôi đang có chuyện nhưc đầu, vậy mà tiếp xúc với anh chị trong bầu không khí vui tươi an lành này tôi cũng cảm thấy nhẹ nhàng! Anh chị có nếp sống thanh cao đầy đạo vị tôi rất khâm phục! Thành thực mà nói, người làm tôi ngạc nhiên và phục nhất chính là chị. Tôi đâu có lạ lòng gì về tính nết của anh Thuận nữa! Nhưng làm sao tôi ngờ được một cô gái con nhà giàu sang xuất thân trường đầ, lại có thể từ bỏ những thú vui cùng tiện nghi của thành thị, kể cả nhà cửa, danh vọng, bạc tiền để chui về chôn quê mùa heo hút này, thanh thản sống giản dị, đạ, lấy việc cng chồng, chiều chồng làm vui!

- Cám ơn anh quá khen! Thật ra, là đàn bà thì tôi cũng thích chung điện, ăn sung mặc sướng, ở nhà rộng rãi thên thang, thên danh vọng, địa vị, bạc tiền, nên trước đây, cứ mè nheo, lằng nhằng anh Thuận, để đòi hỏi thúc đẩy ảnh phải bươn chầy xoay sở gầy dựng sự nghiệp công danh sao cho bằng người khác. Sau biến cố năm 1975, tiền bạc eo hẹp, sanh hoạt khó khăn khiến tôi khổ đau cùng cực, tôi oán trách đời, tôi giận chồng đã chậm chạp không chịu đi tản ra nước ngoài..., tóm lại tôi sống trong tâm trạng bất mãn thường trực, và trăm điều tội lỗi đều đổ lên đầu chồng, làm khổ chồng dài dài... Cho đến một hôm, anh Thuận mang thông điệp hiểu biết và thương yêu về cho cả nhà tu tập, từ đó tính nết tôi thay đổi dần. Tôi hiểu biết chồng, thương chồng nhiều hơn, lần lần hòa hợp với tâm tư chồng, và cuối cùng đã thực sự tìm thấy được suối nguồn an lạc qua nếp sống đạ, giản dị tại chôn này.

- Thông điệp hiểu biết thương yêu như thế nào mà hiệu nghiệm như thế? Ai truyền cho anh vậy Thuận?

- Thông điệp hiểu biết thương yêu tạo thành một luồng sinh khí mới cho gia đình chúng tôi thực tập, đã phát xuất từ một chuyện thật tình cò vào khoảng chín năm về trước. Năm đó, nước sông Cửu Long dâng cao gây nạn lụt trầm trọng. Một tổ chức Phật giáo người Việt nước ngoài gửi về một số quà cứu trợ. Mỗi phần quà gồm hai hộp phó mát, một hộp bơ, ba lon sữa đặc, một ký đường, hai cục xà bông thơm, một khăn lông... và một ít tiền mặt đủ để sinh sống trong vòng một tháng. Tôi được anh em giao trách vụ cứu trợ đồng bào vùng Tri Tôn và Hồng Ngự, một vùng đông đảo đồng bào Việt gốc Miên. Nhìn gói quà, tôi bỗng nhớ thầy tôi từng dạy "nếu gặp người không biết ăn trái sấu riêng, mà mình ép buộc người ta phải ăn, thì hành động thương yêu

đó chỉ gây khổ cho người ta mà thôi. Thương như vậy, là không biết đem hiểu biết soi sáng cho tình thương, do đó, tình thương trở nên què quặt, gây tổn hại cho người". Tôi nghĩ trường hợp phó mát và bơ, cũng tương tự như vậy. Nó có thể là món ăn xa xỉ quý giá đối với vài giới sang trọng ở thành thị, nhưng hoàn toàn vô dụng đối với dân quê. Mang tặng họ có khi chỉ làm họ khó chịu mà thôi. Do đó, trong buổi họp trước khi xuất phát, tôi đề nghị nên thay thế hai thứ đó bằng loại thực phẩm hữu dụng khác. Ban tổ chức không tán đồng ý kiến của tôi, vì họ chủ trương rằng quà tuy không thích hợp lắm, nhưng nếu đổi thành thứ khác chắc chắn sẽ nảy sinh lắm chuyện hiểu lầm, rồi bị xuyên tạc mang tay tiếng vô ích. Không thuyết phục được kẻ khác, tôi cương quyết thực hiện ý định một mình, bất chấp mọi hậu quả có thể xảy ra. Tôi tự động đem bốn thứ: phó mát, bơ, khăn lông và xà bông thơm, ra chợ trời bán để đổi thành hai mươi ký gạo, một cái mền, hai khăn rằn, ba ký lô xà bông đá và ba bình nước mắm. Đối với đồng bào Miền, thì nước mắm được thay bằng mắm bò hóc cho hợp với nhu cầu và sở thích của họ. Nhờ vậy, gói quà, đã tăng giá trị thực dụng lên hàng bốn, năm lần, và rất hợp với nhu cầu của nạn nhân bão lụt, nên đã được hân hoan đón nhận. Công tác hoàn mãn, trên đường trở về nhà, lòng tôi rộn ràng tràn ngập niềm vui. Tôi sung sướng vì nhận thấy nhờ nắm vững được thông điệp hiểu biết thương yêu, mà tôi đã mang được lợi ích thiết thực cho nạn nhân bão lụt. Tôi chợt nghĩ tại sao mình không mang thông điệp này thực hành trong gia đình để nắm vững được hạnh phúc kia. Thế rồi, với tinh thần hiểu biết, tôi tự đặt mình trong tư thế bà xã, để có thể cảm thông với bà. Tôi bèn nhớ lại, trước đây, sau chuyến công tác xã hội mệt nhoài, về nhà thấy vợ kém vui, tôi sanh ra bực mình nên cũng làm lì, thành thử không khí hờn hờn giận giận kéo dài đến mấy ngày mới trở nên bình thường. Giờ đây, đem sự hiểu biết vào soi sáng, tôi mới nghĩ đến hoàn cảnh khó khăn mà vợ tôi phải cô đơn gánh vác: bà điên đầu với đường lối dạy học thay đổi, phải hội họp liên miên ở trường, ở xóm, phải đảm trách thêm lớp bổ túc văn hóa, phải tham gia công tác thủy lợi, phải xếp hàng, phải chạy gạo từng bữa, phải chăm sóc dạy dỗ con, đã vậy, lại còn phải lo lắng an nguy cho người chồng đi biên biệt chẳng có tin tức gởi về. Thì ra, từ trước đến nay tôi chỉ nghĩ đến cá nhân mình, cho công tác của mình là cao quý nên đã đui mù không thấy được lòng hi sinh cao cả và nỗi khổ vô biên của vợ ở nhà. Suy tư đó giúp tôi thông cảm với vẻ mặt bùng thụng của vợ khi tôi bước vào nhà. Tôi âu yếm: "Em lo lắng lắm phải không? tội nghiệp em quá! anh bỏ bê để em phải chịu khổ sở trăm bề một mình! Thương quá là thương!". Chỉ nói chừng đó mà vợ tôi đã rung rung nước mắt. Tôi lại vỗ về: "Sao em lại khóc? Mình phải cười vui, mừng hội ngộ chứ!". Sau đó, tôi từ từ tường thuật vụ cứu trợ, mô tả từng thảm cảnh bị đất của nạn nhân, nhờ vậy, vợ hiểu chồng hơn, đồng thời cũng sung sướng

thấy sự hi sinh để chồng đi cứu trợ là xứng đáng. Chưa bao giờ, vợ chồng tôi hiểu nhau và hạnh phúc như lần này. Do đó, chúng tôi quyết định nuôi dưỡng thông điệp hiểu biết và thương yêu thương trực hiện diện trong nhà bằng phương pháp đặt tên cửa trước là cửa hiểu biết, cửa sau là cửa thương yêu. Từ bên ngoài vào nhà liền được nhắc nhở rằng mình phải bước qua ngưỡng cửa hiểu biết thì mới đạt đến ngưỡng cửa yêu thương tròn đầy chân thực. Từ sau ra trước, được nhắc nhở phải khơi mở tình thương tràn đầy để mở rộng cánh cửa hiểu biết hầu cảm thông với mọi loài, mọi người. Gia đình chúng tôi, cứ thế mà thực tập và ngày càng cảm thấy an vui hạnh phúc.

- Phương pháp này hay quá! nhưng liệu gia đình khác có thể áp dụng được không anh?

- Theo tôi, việc áp dụng được hay không cũng tùy gia đình, tùy hoàn cảnh. Kinh nghiệm nghề nông dạy tôi rằng nếu hội đủ ba yếu tố đất, nước, ánh sáng mặt trời thì hạt giống nào cũng nảy mầm, nhưng muốn cây bụ bẫm sinh hoa quả lại cần phải gia công nỗ lực săn sóc dài lâu thì mới thành công được!

- Kinh nghiệm trồng cây của anh hay thật! chắc tôi phải ra thăm vườn để học nghề tay trái này mới được!

Thế rồi, theo sự hướng dẫn của Thuận, Bảo viếng thăm sở vườn nhỏ bé, ngăn nắp và xanh um cây trái của bạn. Bảo ái ngại lên tiếng:

- Chắc anh phải cực khổ với sở vườn nhiều lắm?

- Cuốc đất, tưới cây, bón phân... tương đối cũng nhọc mệt, nhưng khổ thì không. Trái lại, tôi còn tìm được những giờ phút thoải mái, thanh thoi với sở vườn, rút tía học hỏi với cỏ cây nhiều điều bổ ích!

- A! như vậy! thì chắc anh đã đạt được cái nhìn: "Trúc biếc hoa vàng đầu cảnh khác! Trăng trong mây bạc lộ toàn chân". (4)

- Tôi đâu tu cao đến mức độ nhìn hoa lá thấy đạo như các bậc tổ sư! Tôi chỉ rút tía những bài học rất tầm thường từ cây cỏ mà thôi! Thí dụ như có lần tôi nhận thấy sau trận mưa to rau cải và cỏ hoang đều phát triển mạnh, nếu tôi lơ là không nhổ cỏ dại, thì cỏ dại sẽ lan tràn mau chóng lấn áp cây khác. Rồi tôi nghĩ, những biến cố lớn trong cuộc đời, vui hay buồn, có lẽ cũng giống như trận mưa to, giúp cho những hạt giống tốt lẫn xấu sinh sôi nảy nở. Nếu mình lơ là, thì cỏ dại tham sân si sẽ thao túng mảnh vườn tâm, ngược lại,

nếu biết chăm sóc, thì những hạt giống lành từ bi hỷ xả sẽ phát triển xinh tươi. Lần khác, khi săn sóc khóm cúc, khóm vạn thọ... tôi nhận thấy cây nào mình cắt tỉa, vô phân, tưới nước chu đáo thì nó sẽ bụ bẫm, hoa sẽ tươi thắm hơn. Tôi nghĩ con người cũng vậy, vợ con, thân nhân, xóm giềng mình, nếu được mình nâng niu chăm sóc bằng tình thương ngọt ngào, thì chắc chắn họ sẽ xinh xắn, dễ thương hơn...

- Hi! Hi! Tóm lại, bằng phương này thế kia, mục đích anh chẳng qua để tán thán thuyết "thờ vợ, kính vợ" phải không?

Thuận mỉm cười lảng tránh qua chuyện khác:

- Anh Bảo, anh xem giây bí tơ này, nó mới lên được ba lá mà đã thả cái vòi nhỏ xíu bám lên dàn rồi đây này. Vùng Long Xuyên mình có câu hát ru em ví von về giây bí rất dễ thương, có lẽ anh đã nghe qua:

"Bí lên ba lá, trách ba với má, không chịu làm dàn

Đề bí bò lang, vô dang(5) bạc phận...

"Duyên nợ ở gần, chẳng đặng xứng đôi..."

Thuở nhỏ, khi nghe câu ru em này tôi rất hồ hững, còn bây giờ làm vườn ngắm nghía giây bí mỗi ngày, tôi nhận thấy câu hát mộc mạc này tình ý thâm trầm vô cùng. Giây bí lên ba lá đã thả vòi tìm dàn mà leo tương tự như cô gái đến tuổi cập kê tìm chồng để nương tựa. Gái có chồng không xứng đôi, giống như giây bí phải bò lang dưới đất, thật là tội nghiệp. Ngày xưa mình từng tự hào là thứ dàn khá vững cho giây bí nương thân, nhưng giông tố đòi đòi xô ngã cài dàn sụp sập mặt đất, mà giây bí vẫn cam chịu cái phận hẩm hiu với cái dàn thất thời, không bỏ vòi tìm dàn khác, thật là tình nghĩa, thật là "đáng nể đáng kính" phải không Bảo?

Bảo nghĩ "vụ gì vợ mình tệ, chớ trung trinh với chồng, thì bà có thua ai đâu", nên anh ta gật gật đầu tỏ ý tán thành. Thuận lại bàn tiếp:

- Thật ra, trường hợp dàn cũ sụp đổ, rồi giây bí có bỏ vòi sang ngang tìm dàn khác, việc đó cũng thường tình, nên suy cho cùng, "giây bí" nào cũng đáng thương, đáng trọng phải không anh Bảo?

Thảo đang ngồi rửa chén sau nhà, bỗng góp ý:

- Anh nói mới nghe qua thật là chi lý, chùng bàn thêm chút nữa, suy nghĩ kỹ lại thì thấy nó "ba phải" quá chùng hà!

- Trước kia nếu tôi nghe ảnh lý luận kiểu này chắc tôi phải cãi đến cùng! Giờ thì tôi hiểu ảnh rồi chị ạ! Nếu mình biết đem trí hiểu biết để soi sáng cho mọi người, mọi việc... thì chỉ có tình thương tràn ngập, đâu còn chỗ đứng của lòng thù hận sân si nữa! Ảnh "ba phải" do tình thương, chứ không ba phải vì cù lần đâu chị!

---o0o---

Chỉ sau vài giờ hàn huyên tâm sự với bạn, Bảo cảm thấy nỗi hờn giận sâu đau vơi dần... Ngồi trên đò, trở về tỉnh l□ Bảo nghĩ "Bị và trí tức hiểu biết và thương yêu đâu phải là vấn đề xa lạ. Mình đã thuộc nằm lòng là trong bị có trí, trong trí có bị, mà không bao giờ biết đem áp dụng điều đó vào đời sống thực tiễn, thảo nào gia đình mình chẳng xào xáo. Mạnh vợ vợ nói, mạnh chồng chồng làm, không ai chịu hiểu ai, nên thương mà cứ chống đối nhau, ép buộc nhau, và do đó, càng thương nhau lắm, lại càng cắn nhau đau". Thế rồi Bảo dừng tâm lại, gạt bỏ mọi thành kiến, cố chấp, thành khẩn tự suy xét mình và cũng để tìm hiểu vợ sâu sắc hơn. Trong suy tư bỗng Bảo khám phá ra rằng khi chàng còn phải hành nghề mộc cực khổ, vợ chồng thương yêu nhau "hạt muối cắn làm đôi", mãi đến khi được con cái cung cấp tiền bạc phủ phê thì tình nghĩa phu thê mới bắt đầu rạn nứt. Không bận tâm sinh kế, lại thừa tiền Bảo giao du vui chơi với bè bạn suốt ngày, lơ là giờ giấc, không quan tâm đến người vợ ở nhà cực khổ nấu nướng, dọn sẵn mâm cơm tươm tất đợi chờ chồng. Đã bao ngày Ngọc phải sống thui thủi buồn tênh: con ở xa, chồng suốt ngày vắng mặt... thảo nào nàng chẳng "sanh tật" mặt mày bủng thụng, bực bội vu vơ... Chuyện này trùng hợp với việc Ngọc tới lui về nhà mẹ, thì mình lại nghi ngờ đề quyết là trăm chuyện lộn xộn lớn nhỏ đều do mẹ vợ xúi biếu mà ra. Chàng lại nghĩ, bà mẹ vợ mình tuy từng xử tệ với mình, nhưng vợ mình là con, nếu bà hiếu dưỡng mẹ cha đó là chuyện đáng khuyến khích, sao mình lại nhẫn tâm cản ngăn kềm kẹp! Ai cản ngăn, xúi giục con mình bất hiếu mình có khổ sở không? Thật ra, xét kỹ thì mẹ vợ mình cũng không có hành động gì tệ hại lắm! Bà xót xa trước cảnh con nghèo khổ nên xúi con lấy chồng khác cho sung sướng tâm thân. Bà có thức ngon bổ dưỡng nào liền nhẫn con gái về nhà cho được, buộc con gái ăn tại chỗ, chỉ sợ con gái chia bớt cho chồng con. Ngày xưa, những lần Ngọc được mẹ tâm bổ, về nhà thấy chồng con thiếu thốn, đứng ngoài cửa khóc rưng rức, Bảo biết chuyện cảm hận bà vô tả. Giờ đây, Bảo thông cảm bà, nghĩ rằng chỉ

vì bà mù quáng thương con mà thiếu hiểu biết, vô tình gây thương tổn cho người khác mà thôi!

Chìm đắm trong suy tư, Bảo đạp xe thong thả nên khi về đến nhà thì trời đã bắt đầu tối. Chàng hé cửa bước vào thấy vợ đang ngồi ủ rũ trước bàn cơm chờ đợi. Mắt nàng vụt sáng mừng rỡ, rồi xụ xuống ngay như chẳng thèm để ý đến sự hiện diện của chàng. Nhìn mâm cơm dọn sẵn, thấy có món mực dồn thịt, một thức ăn chàng vốn ưa thích, Bảo cảm thấy tội nghiệp nàng vô cùng, té ra, dù giận chồng như thế nào, Ngọc vẫn thương chồng, săn sóc chồng chu đáo.

- Anh về trễ khiến em phải chờ cơm! Thương quá!

Lần đầu tiên nghe chồng ngọt ngào, Ngọc trố mắt ngạc nhiên, nhưng vẫn làm lì không lên tiếng.

Bảo lẳng lẳng xơi cơm cho vợ, - một việc mà trước kia chàng cho đó là nhiệm vụ của đàn bà nên chẳng muốn đụng tay-, rồi mời mọc:

- Ăn đi em, kéo thức ăn nguội hết!

Đúng ra thì thức ăn đã lạnh tanh, tuy nhiên lần đầu tiên trong đời, Bảo nghiệm thấy được tình yêu của vợ đã gói ghém tràn đầy trong việc tỉ mỉ chăm sóc bữa cơm cho chồng, nên thức ăn nguội lạnh mà tình lại nóng sốt nồng nàn. Bảo chợt hiểu thâm ý của Thuận qua lời tán tỉnh vợ "thức ăn nào vợ nấu cũng ngon như đại tiệc cả". Thì ra, nếu biết cách thương thức mình có thể ném được hương vị thương yêu trong thức ăn, biến thức ăn tầm thường thành đại tiệc.

- Em làm thức ăn vừa ý anh quá! chưa bao giờ anh ăn ngon như vậy!

Ngọc được chồng khen, sung sướng thấy rõ, nhưng chưa từng gặp trường hợp chồng thay đổi thái độ đột ngột "đầy âm mưu" như thế này, nên vẫn giữ thái độ yên lặng đề phòng.

- Em à! hồi nãy, anh đến nhà anh Thuận bên Mỹ Hòa Hưng chơi, thấy cảnh vợ chồng ảnh sống hạnh phúc, nên mới nghĩ lại chuyện vợ chồng mình. Vợ chồng mình bây giờ đã già rồi! liệu mình còn chung sống với nhau bao năm nữa? Tại sao mình cứ tạo chuyện gây khổ cho nhau mãi, để rồi đến ngày nào đó, khi một đứa đi vào lòng đất, đứa còn lại mới hối tiếc khóc than rằng đã không còn cơ hội nào để yêu thương săn sóc nhau nữa!

- Dạ!

Nghe vợ lên tiếng, Bảo biết lời hòa giải mình đã có kết quả phần nào, nên vội vã "tấn công":

- Nè em! Lâu nay anh lơ là không thăm viếng má quả là có lỗi! Vì vậy, anh định ngày mai, hai vợ chồng mình đi ra chợ mua mớ trái cây làm quà cho má!

Bảo làm lơ như không để ý đến nét mặt ngạc nhiên sùng sốt của vợ, tiếp tục nói:

- Sẵn dịp anh cũng muốn mua một mâm hoa quả về làm lễ tạ ơn.

- Ủa! Sắp nhỏ viết thơ về kể chuyện lễ Thanksgiving nhằm cuối tháng mười một, đã qua lâu rồi mà!

- Minh đâu phải là người Hoa Kỳ mà vật gà lôi làm lễ Thanksgiving! Họ nội anh theo truyền thống chi phái Phật giáo "Tứ Ân Hiếu Nghĩa", theo đó người con Phật phải làm lễ tạ ơn mỗi ngày để tưởng nhớ bốn ơn lớn:

- Ôn Phật và thầy tổ

- Ôn cha mẹ tổ tiên

- Ôn quốc gia xã hội, và

- Ôn nhân loại. (6)

Tạ ơn là một phương thức nhắc nhở mình bằng lòng với cái hiện có, để khám phá được nguồn hạnh phúc ngay "bây giờ và ở đây" trong tầm tay của mình. Anh bằng lòng với cái nhà, với tiện nghi hiện có và anh hạnh phúc, anh không đòi hỏi, không mong ước phải có nhà khang trang hơn, tiện nghi nhiều hơn để có hạnh phúc! Anh bằng lòng với hai đứa con hiếu thảo và anh hạnh phúc tức thời chứ không cần chờ đợi hay đòi hỏi một số điều kiện khác về chúng như cấp bằng, địa vị... thì mới hạnh phúc. Cũng như thế đó, anh tạ bốn ơn lớn, đã ban cho anh hạnh phúc có được người vợ dễ thương như em...

Ngọc mềm nhũn người ra, nước nở:

- Em! em cũng cảm tạ Trời Phật đã ban cho em người chồng... người chồng đáng yêu, đáng kính như anh...

Tháng 12.1995

Ghi chú:

1. Vua Trần Nhân Tông, xuất gia tại núi Yên Tử, với tự hiệu là Hương Vân đại đầu đà. Ngài là vị tổ đã sáng lập phái thiền Trúc Lâm Yên Tử. Ngài lưu lại rất nhiều tác phẩm:

- Thiên Lâm Thiết Chủy ngữ lục
- Đại Hương Hải ấn thi tập
- Tăng già Toái sự
- Thạch thất mị ngữ

Pháp ngữ trong truyện ngắn đã được trích dẫn từ lời vấn đáp sau đây:

Một vị tăng hỏi đạo tổ Trúc Lâm:

- Thế nào là việc hưởng thượng?

Sư đáp:

- Khiên nhật nguyệt trên đầu gậy.

Hỏi tiếp:

- Dùng công án cũ mà làm gì?

Sư đáp:

- Mỗi khi dùng đến, lại thành mới tinh...

2. Truyện Kiều câu 443, 444

3. Tưởng bây giờ là bao giờ
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao
(truyện Kiều câu 3013, 3014)

4. vô dang: vô duyên

5. Nguyên văn:

Túy trúc huỳnh hoa phi ngoại cảnh
Bạch vân minh nguyệt hiện toàn chân
(kê của Thuyền Lão thiên sư)

Dịch nghĩa:

Trúc biết hoa vàng đâu cảnh khác
Trăng trong mây bạc, hiện toàn chân
(bản dịch của T.T. Mật Thể)

6. Theo truyền thống Phật giáo, tứ trọng ân gồm có:

- Ân quốc vương
- Ân tam bảo
- Ân cha mẹ, và
- Ân chúng sanh

Chi phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa hình thành bởi những phần tử yêu nước chống Pháp và chống chế độ quân chủ hèn yếu chủ bại, nên đã chủ trương cải tiến ơn quốc vương thành ơn quốc gia xã hội. Ngoài ra, nhằm mục đích để giới tân học dễ chấp nhận, ơn chúng sanh cũng được sửa đổi thành ơn nhân loại.

---o0o---

Cửa Thiên Cửa Tịnh

Truyện ngắn này phát xuất từ lòng chân thành ngưỡng mộ tổ Đạo Chân và Đạo Tâm, hai nhà sư Việt Nam, thế kỷ thứ XVII, đã ngộ đạo và để lại toàn thân xá lợi vẫn còn nguyên vẹn tại chùa Thành Đạo, tỉnh Hà Tây, Bắc Phần. Hai vị tổ đã âm thầm tu tập theo truyền thống hài hòa và bình dị của dân tộc Việt, một lối tu không cần phải lập tông hay tranh luận hơn thua về tông phái, nói khác, tu không cần phân biệt thiên, tịnh, giáo, mật (hoặc cũng có thể nói tổ đã vừa tu thiên, vừa tịnh, vừa giáo, vừa mật), và đó là đặc điểm mà tác giả trân quý và thành tâm tán thán.

Chùa Thành Đạo

Phật giáo bắt đầu du nhập vào đất Giao Châu bằng đường biển vào khoảng thế kỷ thứ hai, thứ ba trước Tây lịch, do những tu sĩ người Tây Trúc như Ma ha Kỳ Vực, Khương Tăng Hội, Chi Cương Lương, theo chân các đoàn thương thuyền đến hoàng dương đạo pháp... Trong thời kỳ phôi thai thiếu sử

liệu này, giáo lý đạo Bụt⁽¹⁾ truyền tụng trong dân gian bị trộn lẫn bởi huyền thoại về pháp thuật kỳ bí, về những đạo sĩ dị dạng, có tài kêu mưa, gọi gió hay đi trên nước, trên lửa, trên mây, cùng với những trận đấu phép kinh rợn, trấn yểm bùa chú linh thiêng, chất chứa đầy dẫy hận thù ân oán... Mẫu chuyện phổ biến nhất tạo ảnh hưởng sâu rộng từ thế hệ này sang thế hệ khác, để biến thành một nền tín ngưỡng dân gian mang tính chất cầu đảo mong mưa thuận gió hòa, là tín ngưỡng thờ tứ pháp⁽²⁾ tại miền Bắc. Tương truyền thì đồng thời với thiền sư Ma-ha-kỳ-vực, có người bà la môn tên Khâu-Đà-La (Ksudra), chuyên tu khổ hạnh, hành lối thiền độc cước (đứng một chân), đã đạt được nhiều phép thần thông biến hóa. Khâu Đà La chỉ thích ẩn thân chốn hoang vắng, nhưng thuận theo cơ trời, đã đến thành Luy Lâu, đất Giao Châu lưu lại vài năm để dốc lòng truyền dạy đạo mẫu cho người đệ tử gái duy nhất, tuổi mới mười hai, tên Man Nương. Đệ tử vừa thành tài, thì Khâu Đà La bèn ban cho nàng một cây gậy làm tín vật, rồi tiếp tục vân du. Không bao lâu, đất Giao Châu bị hạn hán trầm trọng, Man Nương với cây gậy mẫu nhiệm cứu dân độ thế, đi đến đâu chỉ cần phóng gậy ra, là có giòng nước tuôn trào như suối tưới ngập ruộng đồng, danh tiếng nổi vang lừng, khiến vị thái thú đương thời là Sĩ Nhiếp cũng sùng mộ. Thời gian sau, có một trận giông bão to lớn, nước lũ từ nguồn ồ ạt đổ về mang theo một cây dâu vĩ đại trôi đến thành Luy Lâu thì dừng lại dù không vướng mắc vật gì. Thái thú Sĩ Nhiếp truyền lệnh cho dân quân hàng ba trăm người, vận dụng đủ mọi phương tiện để kéo cây lên bờ vẫn không hiệu quả. Được thái thú triệu thỉnh, Man Nương gươm gậy ra ngoắc thì cây tấp vào, nàng bèn dùng gậy yểm cột thân cây lồi lên bờ, nhẹ như một tàu lá. Man Nương cho biết đây là một cây linh thiêng, cần tạc tượng để thờ hầu được mưa thuận gió hòa. Sĩ Nhiếp tuân lời, hạ lệnh cho thợ xẻ cây làm tượng. Khi xẻ khúc đầu thì trời nổi mây, khúc thứ hai thì mưa rơi, khúc ba và bốn thì sấm chớp vang lừng. Theo đó, các tượng được tôn xưng là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện, gọi chung là tượng tứ pháp. Tượng Pháp Vân thờ tại chùa Diên Ứng tức chùa Dâu, Pháp Vũ thờ tại chùa Thành Đạo tức chùa Đậu, Pháp Lôi chùa Phi Tướng và Pháp Điện tại chùa Trí Quả. Sắp xếp xong mọi việc thì Man Nương cũng thác hóa về trời. Sĩ Nhiếp tôn xưng nàng là Man Nương tiên vương và hạ lệnh tạc tượng thờ tại chùa Phúc Nghiêm, làng Mẫn Xá. Kể từ đó, Man Nương và tượng tứ pháp biến thành nền tín ngưỡng dân gian khiến vua quan các triều đại cũng thuận theo niềm tin này để tổ chức các lễ đảo vũ long trọng, cầu xin mưa thuận gió hòa. Phật giáo vốn không liên hệ gì đến tín ngưỡng cầu đảo, nhưng Man Nương và tứ pháp từ ngàn xưa đã nương nơi cửa Phật, nên các chùa liên hệ, hằng năm cũng phải chiều theo tín ngưỡng mang đầy tính chất đồng bóng, cúng vái thần thành để xin xỏ lợi lộc của dân gian mà yểm trợ việc cầu đảo. Hằng năm, vào ngày mùng tám tháng

tư, nhân dân khắp miền đồng bằng sông Hồng Hà, nhất là các làng xã trực thuộc tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên... đua nhau tung bùng tề tựu về những ngôi chùa liên hệ, nhưng không phải để mừng lễ Phật đản, mà chỉ nhằm mục đích mở hội đảo vũ long trọng. Nghi lễ thường kéo dài từ ba đến bảy ngày, trong khung cảnh vừa trang nghiêm, vừa ồn ào náo nhiệt.

Sau mấy tuần bị tràn ngập bởi làn sóng người nô nức đến chùa lễ bái cầu đảo tượng thần Pháp Vũ, chùa Thành Đạo⁽³⁾, tức chùa Đậu, mới được trả lại nếp sống thanh thản vắng lặng thường nhật. Đệ tử chùa Đậu đã được sư cụ Đạo Chân⁽⁴⁾, một bậc tam tạng pháp sư lâu thông kinh điển, rèn luyện theo đúng chánh pháp chơn truyền, nên có lẽ không mấy cảm tình với truyền thống yểm trợ cầu đảo xa xưa. Họ cho rằng dễ dãi với hủ tục là vô tình trở thành đồng lõa cho lối tín ngưỡng đồng bóng mê tín, gây thương tổn đến bầu không khí thanh tịnh của chốn tôn nghiêm. Do đó, chư đệ tử đồng lên tiếng thỉnh cầu sư phụ công khai bày tỏ thái độ minh bạch về việc thờ tứ pháp, và khẳng định chấm dứt yểm trợ hội hè lễ lạc cầu đảo trong khuôn viên chùa Đậu sau này. Sư cụ Đạo Chân trầm ngâm nghe những lời than phiền của đám đệ tử, sư gật gù ra vẻ tán đồng nhưng cuối cùng cũng như bao vấn đề nan giải khác, vị sư già "ba phải" không có lập trường nào dứt khoát cả. Sư cụ áp a áp úng trình bày loanh quanh dông dài... mà tựu trung theo cụ thì yểm trợ hay chống yểm trợ cầu đảo đều đúng, phương cách nào cũng có điểm lợi và điểm hại, tóm lại càng bàn cãi càng chẳng giải quyết được điều gì cả. Thế rồi, sư cụ đột ngột ngõ ý giao chùa cho hai đệ tử lớn là Tri Thiên và Tri Tịnh chăm sóc, hầu nhập thất ba tháng mười ngày để "tịnh tâm tụng kinh niệm Phật".

Tuy chỉ tạm thời đảm nhiệm trách vụ trụ trì, sư Tri Thiên liền sửa đổi thời công phu như một thiền viện, khiến cho sư đệ Tri Tịnh tức bực ra mặt. Đúng ý như pháp danh đã phản ánh, Tri Thiên tha thiết đặc biệt với pháp môn thiền định; sư lý luận rằng lối hành trì nhập thất của thầy là phương thức tu tập thiền tông, hướng chi, Chùa Đậu vốn có liên hệ đến vị sư thiền độc cước Khâu Đà La, nên đã thuộc hệ thống thiền tông lâu đời, do đó, việc sửa đổi môn qui theo thiền viện là một điều hợp lý. Và chẳng, theo sư thì thiền là lối hành trì duy nhất để ngộ nhập đạo mầu. Đức Phật đã thiền bốn mươi chín ngày dưới cội Bồ Đề để thành chánh quả, thì tại sao những người con Phật lại không noi gương đáng tôn sư để hành thiền đạt đạo. Và chẳng, đạo Phật vốn chủ trương tự lực, mỗi người phải tự đốt đuốc mà đi, phải đại hùng đại lực tự tu tự chứng, "tu nhưt kiếp ngộ nhưt thời" một phút minh tâm kiến tánh thì sánh bằng Phật bằng tổ, chớ còn lần mò trông cậy vào tha lực thì chừng nào mới thấy được đạo; niệm Phật để mong cầu vãng sinh tịnh độ chỉ là một

lỗi tu hèn yếu, dành cho những người có trình độ thấp kém mà thôi. Sư đệ Tri Tịnh tranh cãi rằng thầy nhập thất để niệm Phật, chứ không phải để thiền định. Chính thầy thường nhắc nhở rằng trong thời mạt pháp này chúng sanh nghiệp nặng tu pháp môn khác khó thành đạt, chỉ có pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh Tây phương cực lạc là pháp môn thù thắng, dễ tu dễ đắc... Chính vì vậy, nên Đức bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, chư Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Âm, Đại Thế Chí..., chư tổ sư Mã Minh, Triệt Ngộ, Liên Trì... cũng đều long trọng tán dương pháp môn tịnh độ và khuyên nhủ mọi người nên phát nguyện vãng sanh về Tây phương cực lạc. Hai huynh đệ tranh cãi ngày này qua ngày khác, khô cả họng mà không ai chịu thua ai. Cuối cùng, cả hai đành phải chờ đợi đúng một trăm ngày, khi cửa tịnh thất của vị thầy già vừa mở để nhao nhao xin thầy phân giải.

- Thưa thầy, thầy nhập thất thiền định để giải quyết công án nào vậy thầy? Chùa của mình là chùa thiền tông phải không thầy?, vị sư huynh lên tiếng.

Sư đệ cũng hậm hực:

- Thầy nhập thất để tụng kinh niệm Phật chứ đâu phải để thiền định phải không thầy? chùa mình chủ trương tịnh độ tông đã nhiều đời rồi phải không thầy?

Vị thầy già lặng yên một lúc lâu, rồi lầm bầm:

- Úa! Ta nào có nghe Đức Phật phân biệt thiền tông, tịnh độ tông gì đâu? Ta nhập thất là để tịnh tâm, tùy duyên mà tụng kinh, niệm Phật, hay tọa thiền... vậy thôi! Chớ nào có phân biệt, suy nghĩ đến tông môn này nọ mà chi?

Bao ngày tranh cãi và chờ đợi thầy quyết định hơn thua, mà thầy lại ầm ớ trả lời không đâu ra đâu cả, hai vị đệ tử ầm ức ra mặt. Tuy nhiên, vốn biết tánh thầy ba phải, không giải quyết được chuyện gì, nên họ chán nản rút lui không ai thốt lên lời nào nữa. Thế rồi, hai người đệ tử, kẻ trước người sau, trong vòng một tuần lễ đã quyết định từ giả sư phụ để lên đường tự do chọn lựa con đường tu tập theo đúng ý hướng của họ.

---o0o---

Tri Thiên

Thiết tha với pháp môn tu thiền, sư Tri Thiên khổ công vân du khắp các đại tông lâm, tầm cầu chư đạo đức cao tăng để mong thỉnh giáo tham thiền. Điềm khiến sư thất vọng não nề là sau thời kỳ hưng thịnh Lý Trần, đường

như thiền tông đã bắt đầu vắng bóng trên đất Việt. Sư ước mơ được chánh thức truyền thừa từ những giòng thiền Việt thuộc các phái Tì Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Trúc Lâm... nhưng không tìm manh mối chánh thức của những hệ phái thiền này, ngay những tự viện mà chư tổ sư thiền đã một thời hưng long đạo pháp, ngày nay sinh khí cũng đã mai một. Sư lại tìm đến những giòng phái thiền mới du nhập vào đất nước sau này, tham kiến những vị trụ trì tự xưng là "Lâm Tế chánh tông", "Tào Động chánh tông", để chỉ ngao ngán nhận thấy ngoài việc phô trương giòng phái, quý thầy chỉ biết chăm lo nhu cầu tín ngưỡng bình dân: phúng tụng lễ bái, cầu an cầu siêu,... thậm chí có nơi còn cổ xúy cho xăm que, sao hạn, bói toán, đốt giấy tiền vàng bạc... nữa. Đau lòng trước tình trạng Phật giáo suy đồi, sư tha thiết phát nguyện trọn đời dấn thân cho công cuộc chấn hưng Phật pháp, nhất là thiền tông. Vì vậy, sư chủ trương đem đạo Phật đi vào cuộc đời, hướng dẫn Phật Pháp cho Phật tử tu tâm dưỡng tánh ngay trong nếp sinh hoạt thường nhật để nhận chân được suối nguồn an lạc của đạo pháp trong đời sống nhiệm mầu hiện tại, và dĩ nhiên, sư cũng cực lực đả phá những tập tục mê tín dị đoan len lỏi vào cửa Phật. Chủ trương của sư vô tình làm tổn thương đến uy tín và tài lộc của quý thầy theo khuynh hướng tín ngưỡng bình dân, nặng phần lễ bái cúng kiến khấn cầu thần linh. Do đó, nương náu tự viện nào, sư cũng bị viên trụ trì tìm cách mời đi nơi khác, thậm chí, có kẻ còn tàn nhẫn trục xuất sư như xưa đuổi thứ "tà ma quỷ quái". Sau mười lăm năm cô đơn lạc lõng, bôn ba khắp nơi, lao tâm tổn khí hoàng pháp, sư chẳng gặt hái được thành quả nào đáng kể. Sư không nơi nương náu, đệ tử xuất gia không có, đệ tử tại gia thì lèo tèo lạt lẽo, không có phương cách nào phát triển nổi. Trong tình thế tuyệt vọng đó, sư lại lâm bệnh, lao phổi trầm trọng, không đủ tiền thang thuốc, phải thui thủi tạm trú tại một căn chòi lá ọp ẹp của người đệ tử nghèo, tọa lạc ở xóm rẫy thưa thớt dân cư, vùng Tây Bắc, ngoại thành Thăng Long, cạnh trang viên của cụ nghề Phan Kế, nguyên Hàn Lâm đại học sĩ đương triều, vừa cáo quan về mở trường dạy học. Môn sinh họ Phan, có người lân la tìm nơi ở trọ, vô tình khám phá được một vị tu sĩ tài năng xuất chúng, thông suốt cả nho lẫn Phật, rồi thông báo cho bè bạn cùng đến tham kiến sư. Thiền tông hợp với căn cơ giới trí thức, nên từ đám học trò họ Phan, giới nho gia bắt đầu đua nhau thân cận sư tầm cầu Phật Pháp. Giới danh gia vọng tộc chôn đế đô, trong đó có công nương Trịnh Ngọc Hương, cháu của chúa Trịnh, cũng hướng về sư mà quy ngưỡng. Công nương đích thân chu đáo lo cơm nước và thang thuốc cho sư, nên sức khỏe của sư lần lần hồi phục. Công nương lại dâng cúng cả sản nghiệp để biến căn chòi lá thành một cơ sở thiền viện quy mô, đồng thời cũng tận tụy yểm trợ cho việc xây dựng và phát triển phái thiền đời mới do sư khai sáng. Vết thương đau từ thời bị giới tu sĩ bạc đãi khó xóa nhòa, nên sư không muốn liên hệ đến sinh hoạt chùa

chiền gần xa và cũng lơ là với việc đào luyện tăng tài. Do đó, thiền phái canh tân của sư đặt trọng tâm vào giới cư sĩ, hướng dẫn cư sĩ thực tập thiền "giữ vững chánh niệm từng nhịp thở" trong mọi động tác thường nhật ở ngay gia đình và ngoài xã hội, hầu nếm được suối nguồn an lạc "bây giờ và ở đây". Đường lối thiền thực tiễn này là một phương thuốc kỳ diệu giúp cho những kẻ đang bị xã hội quay cuồng, thần kinh căng thẳng, tìm được chút thư giãn nhẹ nhàng, nó cũng tạo cho những gia đình lâm cảnh bất hòa biết thương yêu chăm sóc nhau mà đón nhận chân hạnh phúc. Thời gian đầu, trong tinh thần thiền đốn ngộ "bất lập văn tự giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật", sư chủ trương phá tướng tức vật bỏ kinh sách và những hình thức lễ bái rườm rà, ... hầu như có thể chỉ thẳng vào thể tánh cho hành giả thực tập tọa thiền chứng nhập đạo. Giáo chỉ của sư tạo niềm hứng khởi vô song cho hàng Phật tử, nơi nơi đua nhau tọa thiền tu tập, cao trào phát triển thiền phái xuất phát từ xứ đàng ngoài lan rộng nhanh chóng đến xứ đàng trong.

Thế nhưng, chỉ vài năm sau thì công việc phát triển bắt đầu đình trệ, môn sinh đông đảo tổ chức sinh hoạt khó khăn, rồi nội bộ đột ngột có mầm mống phân hóa. Một số đệ tử tại gia của sư bất mãn rời thiền viện, có người than trách thầy bất công, lại có kẻ bôi bẩn đạo đức thầy, qua lời dị nghị về những liên hệ mật thiết của thầy với công nương họ Trịnh. Đường lối tu tập của sư đã là đề tài cho bao kẻ hẹp hòi xuyên tạc chỉ trích, nhưng lúc nào tâm sư cũng an nhiên bất động. Tuy nhiên, những lời tố cáo phát xuất tự trong môn phái, -"dòi trong xương đục ra"-, tựa như một vết thương nhiễm độc ngầm mà nhức nhối triền miên, khiến sư buồn nản tột độ đến nỗi muốn giải tán thiền phái, buông bỏ chí hướng hoàng dương đạo pháp. Sư giao Trịnh công nương quản lý mọi việc, rồi lặng lẽ nhập thất một thời gian dài. Con đường tu thiền là con đường do đích thân sư tự mình vạch ra, chớ không do thầy tổ hướng dẫn, do đó, từ lâu dường như sư quên lãng nguồn gốc của mình. Sư lơ là tránh nhắc nhở đến bản sư, đôi khi nếu có kẻ lẽ về thầy, chẳng qua chỉ nhằm trách thầy đã không dạy cho mình pháp môn thiền định. Nay bị đệ tử gây phiền muộn bất giác sư nghĩ đến mình ngày xưa, cũng đã từng ngang bướng không từng phục thầy, mà thương thầy vô hạn. Thiền môn vốn chẳng trọng hình thức, nên từ lâu sư chủ trương dành hết thời giờ tọa thiền, ngoài ra chỉ lễ Phật đơn giản và tụng Bát Nhã Tâm Kinh mà thôi. Nhớ đến thầy, sư bỗng "thèm" trở lại nếp sống bình dị ngày xưa, nên trang trọng tụng trọn vẹn một thời công phu sáng. Khi sư tán lễ Phật, đến các câu:

...

"Tam thừa chúng đẳng qui tâm

Vô sanh dĩ chứng,

Hiện tiền chúng đẳng qui tâm

Vô sanh tốc chứng...",

lời tán cao vút và dồn dập hùng mạnh như tiếng hải triều chấn động thân tâm sư. Hốt nhiên, bao nỗi phiền não chán chường vụt tan biến, sư cảm thấy niềm tin đồng mãnh vô biên tràn ngập thân tâm giúp sư sẵn sàng tiếp tục dẫn thân cho đạo pháp. Diệu dụng bất khả tư nghì của thời tụng kinh nhắc nhở sư nghĩ lại thái độ chống báng hình thức quá khích của mình ngày trước, nhờ vậy, sư cũng xét lại tất cả đường hướng tổ chức của mình, hầu tìm ra ưu khuyết điểm để chấn chỉnh

nội bộ. Trước đây, sư chủ trương "bất lập văn tự", với chủ ý trở thẳng cho đệ tử lý đạo để họ dồn hết tâm lực hạ thủ công phu ngay và sớm được giác ngộ, chớ không phải phí phạm nhiều thời giờ lạc lối trong rừng kinh điển rồi trở thành hý luận huyền đàm vô tích sự. Thế nhưng, người quyết tâm hành thiền ngộ đạo thì ít, còn kẻ hành thiền lơ mơ thì quá nhiều. Tu thiền không đến nơi đến chốn mà đua đòi vất bỏ kinh điển là một đại họa. Họ không hiểu giáo lý, không câu nệ hình thức, bất chấp giới luật... nên khi được chỉ điểm về Phật tánh, được nghe giảng tư tưởng Bát Nhã, được học lóm vài câu nói "phá chấp" của vài vị tổ sư mà chưa hiểu nổi ảo diệu thâm kín, đã vội ngông nghênh sánh mình ngang hàng với chư Phật chư tổ. Từ đó, đối với vị bôn sư khổ công chăm sóc bước đầu thiền tập, họ có hủ báng, chê khen cũng là chuyện thường tình. Khuyết điểm thứ hai của tân phái thiền là đã dựa hoàn toàn vào giới cư sĩ. Cư sĩ bận bịu gia đình, rộn ràng với việc tranh sống..., nên sơ khởi dẫu hăng say tham thiền, nhưng sau đó giải đãi lần lần, và khó mà đi sâu vào con đường tu tập, vì vậy, giòng phái thiền thuần cư sĩ số lượng khá cao mà phẩm thì tương đối èo uộc. Ngoài ra, truyền thống ngàn đời của dân Việt là lòng tôn trọng tăng ni, còn cư sĩ với nhau thì không mấy ai biết quý kính đạo đức kẻ khác. Kẻ mới chập chững hành thiền đôi ngày đã tự coi mình ngang hàng với những đệ tử đã dày công theo thầy tu tập vài mươi năm, do đó, ai cũng muốn trực tiếp "thảo luận" với thầy, được thầy tín nhiệm tin tưởng, chớ đâu muốn qua trung gian sai sử của cư sĩ khác. Không vừa ý thì họ chống đối, ganh tị, chỉ trích những cư sĩ được thầy tín nhiệm trao trọng trách điều hành giòng phái.

Từ những suy tư trên, sư Tri Thiên âm thầm thay đổi đường lối tu tập căn bản của giòng phái. Các thời công phu, lễ Phật, tụng kinh, kể cả việc cầu an, cầu siêu, lạy sám hối..., trước đây bị lên án là những hình thức rỗng tuếch vô

ích, nay đã được dò dẫm cho xuất hiện thừa thớt trong sinh hoạt thiền viện. Sư cũng đề cao thuyết "thiền giáo đồng hành". Do đó, ngoài việc thúc đẩy đệ tử nỗ lực hành thiền, sư cực lực khuyến khích họ nghiêm túc học hỏi các khóa nội điển, do đích thân sư giảng dạy. Nắm được giáo lý căn bản, thì đâu chưa đốn ngộ họ vẫn còn có thể tiệm tu mà sửa đổi thân tâm. Chuyển hướng quan trọng nhất có lẽ bắt nguồn từ quyết định chấp nhận sự hiện diện của giới xuất gia trong giòng phái. Trước đây, lẫn lộn chung trong đám cư sĩ, kẻ tinh tiến người giải đãi, chất phẩm của giòng phái khó nổi bật, vì vậy, kẻ bàng quang có thể căn cứ bừa bãi vào bất cứ một vài thiền sinh tu tập lơ mơ nào để đánh giá chung chung, rồi nảy dạ nghi ngờ hiệu năng giòng phái. Nay đại diện giòng phái là giới tu sĩ, đầu tròn áo vuông, đỉnh đạc, oai nghi, chớ không phải là giới cư sĩ tạp nhạp lãng xăng nữa. Đệ tử xuất gia của sư, tuy mới cạo đầu, nhưng phần lớn là những cư sĩ tài đức vẹn toàn đã từng theo sư tu tập hằng mấy mươi năm, đã có ngay phong thái an lạc tự nhiên của kẻ thực tu thực chứng, nên sự hiện hữu của họ bên cạnh nhóm tu sĩ trẻ trung tươi mát đã tạo nên một "hòa hợp chúng" đạo hạnh, vững chãi, sẵn sàng dẫn thân cho sự nghiệp giác ngộ. Giới tu sĩ bắt đầu chia sẻ với sư Tri Thiên phần nào gánh nặng hoằng pháp và tổ chức điều hành giòng phái, những điều mà trước kia, trên cương vị cư sĩ họ cứ bị tị hiềm và bất phục. Không còn phải bận tâm đến sinh hoạt bình thường của môn phái nữa, sư Tri Thiên có thể dành nhiều thời giờ để nhập thất chuyên tu. Càng đi sâu vào chánh định, lòng từ bi của sư càng trải rộng ra khắp cả pháp giới, sư "hằng thuận chúng sanh", hòa hợp mọi người mọi tư tưởng.

Trước kia sư khăng khăng chủ trương thiền độc tôn: sư cực lực lên án tổ chức chùa chiền đương thời đã nhắm mắt rập khuôn theo những môn qui điều lệ thiếu sinh khí, cũ rích; người tu sĩ suốt đời lay quay với việc phụng tụng cầu an cầu siêu, chớ không có thực chất tu tập; kẻ chí thú tu thì cũng chỉ biết sớm hôm công phu, một thời khóa nhằm chán chứa đầy tinh thần mật tông và tịnh độ, mà sư nhận thấy có nhiều điều thừa thãi hay thiếu sót cần phải cải sửa toàn bộ. Giờ đây, quan điểm của sư nhẹ nhàng và thênh thang hẳn ra. Sư nghiệm thấy, bất cứ những điều gì do chư tổ đức đề ra đều hàm chứa ẩn ý sâu sắc, và do đó, có những diệu dụng khó ước lường. Đối với pháp môn tịnh độ, một pháp môn mà thuở trung niên sư rất tối kỵ, nay thái độ của sư cũng uyển chuyển hòa hợp. Có lần sư đã hé mở tư tưởng hòa hoãn của mình qua thời pháp:

"Đệ tử các con nên nhớ rằng tám mươi bốn vạn pháp môn trong Phật giáo, tuy đưa ra những phương tiện khác biệt, nhưng tất cả nhằm mục đích tu sửa tâm mà thôi. Con đường tu sửa tâm, như Đức Phật đã răn dạy trong kinh Di Giáo, là con đường lấy giới luật làm thầy. Nói khác, trên con đường tu học:

giới, định, huệ, thì giới đóng vai trò căn bản. Giới thanh tịnh thì định phát sanh, nhân có định, huệ mới khai mở mà thành tựu đạo quả. Nếp sống thiền là nếp sống thông dong trong giới luật. Thiền giả đi đứng nằm ngồi phải làm chủ thân tâm, không buông lung theo tà hạnh, tức thể hiện tu giới trong nếp sống hàng ngày. Chư tổ sư thiền đề ra vô vàn phương thức như: "giữ chánh niệm từng hơi thở", "thấy vọng đừng theo", "buông bỏ muôn duyên", "chết sống theo công án"... , tựu trung mọi phương thức đều chuyên chú vào việc nghiêm trì giới hạnh mà thôi. Tiếc thay, có những hành giả nhiệt tâm tọa thiền nhập định, mà không ý thức được rằng thiền chính thực là một phương tiện hiện hữu để giữ giới, đến nỗi tọa thiền mà tâm lại vọng cầu danh lợi, do đó mới lâm vào cảnh ma rồi bị kéo lôi vào tà đạo. Hành giả tu tịnh độ chân chính, tâm không rời câu niệm Phật, nên trong niệm đã hàm chứa chánh niệm. Như vậy, niệm Phật cũng chính là một phương tiện hộ giới bất khả tư nghì. Niệm Phật cho đến "nhất tâm bất loạn", tức là đã thâm nhập vào chánh định mà phát sanh trí tuệ. Suy cho cùng, thì thiền cũng hàm chứa giới, mà niệm cũng hàm chứa giới. Như vậy, thì tịnh độ tông: con đường của niệm, định, huệ và thiền tông: con đường của thiền, tịnh, huệ, đâu có điểm nào tương phản?".

Điều đáng tiếc là đệ tử của sư không mấy người thông cảm được những biến chuyển nội tâm của thầy, họ vẫn khăng khăng chủ trương thiền độc tôn và do đó, bất chấp những lời cảnh ngăn của sư, họ dành rất nhiều thời gian để tán dương thiền và chỉ trích chê bai tịnh. Thật ra, chủ trương thiền độc tôn đã là một niềm hứng khởi, một yếu tố then chốt đóng góp nên sự thành công và lớn mạnh của thiền phái, nên sư không thể đột ngột xóa bỏ khuynh hướng này mà chỉ đưa ra những nhận xét dè dặt nhẹ nhàng. Nhóm đệ tử hiện giờ có thể chưa hiểu được sư, nhưng trên con đường tu tập, rồi họ sẽ hiểu như một bước tiến đương nhiên mà thôi. Sư nghĩ "thái độ thiền độc tôn" chẳng qua chỉ là hậu quả tất nhiên của tinh thần đề cao tự lực của thiền tông, theo đó hành giả phải tự tu tự chứng, chớ không thể dựa vào kẻ khác, vì ngay như chư Phật chư Tổ cũng không thể tu dựa vào ai được. Nhờ nương vào ưu điểm tự lực, vững tin triệt để vào khả năng giác ngộ của chính mình, mà qua bao thế hệ, chư thiền sư luôn luôn chứng tỏ thái độ đại hùng đại lực đồng mãnh tinh tấn tu tập với tinh thần sáng tạo phong phú, xứng đáng để được ca tụng là "vườn hoa thiền thiên biến vạn hóa hương sắc tuyệt vời". Tuy nhiên, như một vị thuốc hay thường ngấm ngấm kèm một phản ứng bất lợi, hiệu năng ưu việt của tự lực trong bản chất cũng chứa mầm mống chấp ngã sâu dày và lòng nhiệt thành thiền phái cực đoan, làm ngăn trở sự phát triển của đức "tùy hỷ" và "hằng thuận chúng sanh", nên những thiền sinh sơ

cơ thường cảm thấy khó khăn trong sự hòa hợp với tư tưởng khác, pháp môn khác.

Chẳng lạ gì, mà trong Phật sử đã có rất nhiều vị thiền sư, dùng lời lẽ sân si kiêu mạn để ca tụng thiền mà đê bẹp pháp môn khác, thậm chí có nhiều vị không biết trình độ giác ngộ đến mức độ nào, đã dám buông lời khinh Phật, báng Tổ. Phải trải qua một thời gian dài thâm nhập nguồn thiền, vô cùng chấp ngã mỏng dần, tâm từ bi trải rộng, tâm phân biệt hơn thua mờ nhạt, hành giả tuy vẫn thấy tự lực là yếu tố quyết định nhưng đồng thời cũng khám phá rằng đạo quả không thể nào thành tựu nếu thiếu sự yểm trợ ảo diệu mệnh mang cùng khắp của tha lực. Không có tha lực của chư Phật, chư Bồ Tát, cùng tất cả pháp giới chúng sanh thì một niệm an lành còn chưa có, huống chi nói đến việc tu tập và giác ngộ.

Tháng ngày trôi qua, sinh hoạt thiền phái vẫn bình thường và lớn mạnh cho đến ngày chú sa di thị giả của sư Tri Thiên, tuổi mới mười lăm, bỗng nhiên lâm bệnh trầm trọng. Mặc dù công phu hàm dưỡng rất thâm sâu, trước cảnh người đệ tử bé bỏng hấp hối, đôi mắt áo não nhìn thấy khăn cầu giúp đỡ, sư Tri Thiên cũng xúc động mãnh liệt. Sư cầm tay chú, thương yêu khế bảo: "Con niệm Phật với thầy, con nhé!". Rồi sư hướng dẫn chú niệm: "Nam mô A Di Đà Phật", cho đến khi chú lìa trần.

Biến cố này nhắc nhở sư Tri Thiên đặc biệt quan tâm đến trình độ tu tập của toàn thể đệ tử. Sư chán ngán nhận xét rằng hạng đệ tử tạp nhạp, "huênh hoang nói thiền" thì đông đảo trong khi những hành giả quyết tâm hạ thủ công phu thừa thớt không đến mười phần trăm tổng số. Từ đó, suy ra, nếu lạc quan thì may ra sư có được một hoặc hai đệ tử nối gót thầy, số đệ tử hạng khá có thể tạm bình tĩnh trước cái chết cũng chỉ đếm được trong khoảng đầu ngón tay, còn lại mấy trăm

đệ tử xuất gia cộng với hàng ngàn cư sĩ, đối đầu với tử vong quả là một việc kinh hoàng nếu như họ không được hỗ trợ bằng con đường nương về Tịnh độ.

Thế rồi sư đột ngột sửa đổi thanh qui thiền viện đúng theo truyền thống của Tổ Bá Trượng(5), theo đó, khi tăng ni bị bệnh nặng, khi lâm chung và khi làm lễ trà tì, đại chúng dưới sự hướng dẫn của vị Duy Na, phải đồng tụng kệ tán Phật A Di Đà, cùng lớn tiếng hỗ trợ niệm Phật A Di Đà và đồng hồi hướng vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc.

Quyết định trên tuy phát xuất từ một vị tổ sư thiền lỗi lạc, và bản thanh qui của tổ từ đời Đường đến nay vẫn là khuôn vàng thước ngọc cho các thiền viện Trung Hoa noi theo áp dụng, nhưng đối với thiền phái quá khích hiện tại, thì thể thức này là một thỏa hiệp với tông tịnh độ, và là một bước "thoái

hòa" kém cỏi, nên đã bị nhóm đệ tử trung kiên chống đối mãnh liệt. Sư đã phải nhọc công khuyên giải một thời gian dài, thì nội bộ mới tránh được nguy cơ phân hóa. Sóng gió tạm yên, "ông già ba phải lắm lắm"- bí danh mà đám đệ tử chống đối đã gán cho sư -, cảm thấy mệt mỏi muốn tìm lại những giờ phút thanh thản hồn nhiên tại ngôi chùa Đậu ngày xưa, nên âm thầm chuẩn bị về thăm chốn cũ.

---o0o---

Tri Tịnh

Từ già thầy và ngôi chùa Thành Đạo, sư Tri Tịnh bôn ba viếng thăm tự viện khắp nơi, kết giao mọi giới tu sĩ để vận động thành lập một tổ chức Phật giáo nhằm phát huy pháp môn Tịnh độ. Hầu hết chùa chiền trong nước đều tự nhận thống thuộc tịnh độ tông, nên lúc ban đầu, khi mới bàn bạc sơ khởi thì đâu đâu cũng niềm nở cam kết sẽ hậu thuẫn cho đề nghị của sư Tri Tịnh. Tuy nhiên, khi bắt đầu thực hiện, kêu gọi đóng góp tài lực vật lực cho tổ chức, thì chùa nào cũng lúng lợ, hờ hững. Chừng đó, sư Tri Tịnh mới khám phá được sự thật phũ phàng là phần lớn chùa chiền tuy nhân danh tu tịnh nhưng thực hành thì khác hẳn. Chư vị tu sĩ rập theo hình thức khuôn mẫu: tự trang hoàng bằng xâu chuỗi đồ sộ kệ kệ trên cổ, mở lời bằng câu chào "Nam Mô A Di Đà Phật", tay lần chuỗi nhuần nhuyễn, nhưng có bao vị thật sự hạ quyết tâm trì danh niệm Phật, với lòng tha thiết cầu vãng sanh tịnh độ và bao vị chỉ dùng chiêu bài tịnh độ để lợi dưỡng? Nhiều chùa hoàn toàn không hiểu biết gì về pháp môn tịnh độ, người ta chỉ tụng kinh làm đám để phục vụ nhu cầu tín ngưỡng bình dân và do đó, đã biến pháp tu tịnh tích cực, - tinh tấn tu để được vãng sinh cõi tịnh độ hầu tiếp tục tu tập thành bậc bất thối chuyển, rồi trở lại cõi ta bà cứu độ chúng sanh -, thành lối tu tiêu cực, ỷ lại và mê tín

- không tự tu tâm mà chỉ dựa hoàn toàn vào đức A Di Đà cứu độ, và ban phát đủ thứ tài lộc danh lợi ngay trong đời sống hiện tại này. Đức Phật vô tình bị hạ thấp thành hạng thần thánh có thể nịnh hót và nhận hối lộ, nên chi không ai cần tu tập mà chỉ cần cúng vái và lôi danh hiệu Phật ra kêu réo, van xin, thì cầu phước cầu tự, cầu duyên, mua may bán đắt gì cũng suông sẻ cả. Sau bảy tám năm trời hao tổn tâm khí mà chẳng thu hoạch được kết quả nào đáng kể, sư Tri Tịnh chán nản từ bỏ cuộc vận động kết hợp, và dự định tìm về một vùng núi non phương Nam ẩn tu. Thuận đường, sư ghé thăm gia đình lưu trú tại khu xóm nghèo, ở Đông Nam ngoại thành Thăng Long. Trong hoàn cảnh nào, mỗi ưu tư hoàng pháp trĩu nặng vẫn thúc đẩy sư tận tụy dành

rất nhiều thời giờ tiếp xúc bà con thân hữu, để khuyên dạy họ học Phật tu sửa thân tâm, bằng phương pháp trì danh niệm Phật. Pháp môn Tịnh độ rất thích hợp với căn cơ trình độ giới bình dân, do đó, chỉ trong một thời gian ngắn đông đảo quần chúng đã tề tựu theo sư tu tập. Thành quả bất ngờ này khuyến khích sư quyết định tự mình đơn độc thành lập và phát triển tịnh độ tông trong nước. Sư vừa ngộ ý, thì Phật tử đã đua nhau cúng dường, và chỉ trong vòng hai năm một ngôi già lam khang trang đã được xây dựng xong. Từ đó, sư bắt đầu giảng thuyết pháp, nhiệt thành ca ngợi pháp môn tịnh độ thù thắng, và chính thức thành lập tịnh độ tông, để cùng đại chúng phát nguyện niệm Phật cầu vãng sanh cõi Tây Phương Cực Lạc. Chỉ trong vòng mười năm, sư đã dựng được tám ngôi chùa tịnh độ tại các phủ huyện quanh kinh thành với hàng vạn Phật tử tại gia theo sư quy y tu tập, số đệ tử xuất gia cả trăm người, ngoài thiếu số phụ trách điều hành các ngôi chùa thống thuộc, đa số còn lại được sư huấn luyện thành những đoàn tăng ni lưu động thực hiện chương trình hoằng hóa khắp xứ đàng ngoài.

Công cuộc phát triển đang tiến hành thuận lợi bỗng nhiên bị đình trệ vì những sự đánh phá từ bên ngoài. Vài đoàn hoàng pháp lưu động đã tỏ ra bối rối khi bất ngờ bị vài nhóm chống đối đưa những câu hỏi khó khăn chất vấn. Rồi người ta còn vẽ vời và phóng đại ra hình ảnh những mù đàn bà đánh đá trong khi đang lẩn chuồn và niệm Phật lia lịa, mà vẫn hung hăng đuổi gà làm thịt, "chửi chó máng mèo" tru tréo bà con lối xóm, để chỉ trích pháp môn Niệm Phật yếu kém, không tiến bộ. Thời buổi nào, pháp môn nào chẳng có những kẻ "khẩu Phật tâm xà" hay "mở miệng Nam mô, bụng chứa cả bồ dao găm", vậy mà những lời xuyên tạc này lại khiến một số Phật tử mất niềm tin, cao trào Niệm Phật lụn bại lần, nội bộ vì thế bị chia rẽ, sau cùng lại có một số đệ tử cốt cán âm thầm rời bỏ tông phái, tầm cầu một đường lối tu riêng biệt.

Thoạt đầu, sư Tri Tịnh tỏ ra đứng vững trước mọi diễn biến bất lợi. Sư quan niệm rằng những kẻ ra đi thật ra, thuộc thành phần Phật tử đã đến với pháp môn tịnh độ không phải do thực tâm tu tập, mà chỉ "hùa theo phong trào niệm Phật" như chạy theo một thứ thời trang. Do tâm chuộng thời trang này, lúc nào họ cũng lảng xảng nghe ngóng tầm cầu thứ thời trang khác mới mẻ, hấp dẫn, cầu kỳ hơn để thay đổi. Chuyện họ đi hay ở tưởng chẳng có điều gì quan trọng, nhưng thái độ nhẵn nhụi của sư Tri Tịnh đối với những đòn đánh phá xuyên tạc từ bên ngoài, đã bị một nhóm đệ tử lên án là hèn yếu, thế rồi nội bộ bị phân hóa, niềm tin bị lung lay, và sau cùng có kẻ lảng lẽ ra đi. Bây giờ, sư Tri Tịnh mới bàng hoàng nao núng, sư vừa lo lắng cho sự trường tồn của một phong trào tu tập mà sư đã dày công gây dựng, lại vừa chua xót nãy nê vì bị những đệ tử tin yêu lạnh lùng bỏ rơi. Trong hoàn cảnh này, sư mới

nhớ đến vị thầy già ngày xưa có lẽ cũng đau buồn khi sư đột ngột ra đi không một lời từ tạ. Chuỗi ngày xưa sao êm đềm quá! sư hồi tưởng lại từng lời nói, từng cử chỉ của thầy, rồi phương pháp đào tạo đệ tử tùy theo căn cơ chớ không chấp chặt vào pháp môn nhất định của thầy, chợt hiển hiện rõ ràng trong tâm khảm. Thế rồi, bỗng nhiên sư hiểu được khuyết điểm của mình để kịp thời đưa ra những biện pháp cứu vãn.

Trước đây, do lòng nhiệt thành phát triển môn phái, sư chủ trương hành giả không cần phải có một kiến thức Phật Pháp to rộng, vì biết càng nhiều thì càng dễ lạc lối vào việc hý luận huyền đàm chớ không thực tâm tu, nên sư chỉ rèn dạy đệ tử thuần túy về pháp môn tịnh độ, miễn là chư đệ tử có đủ "tín, hạnh, nguyện" làm hành trang thì có thể sách tấn họ tu tập. Nguyên tắc này chỉ có thể đúng đối với những hành giả mộc mạc chơn chất, một lòng một dạ thẳng tắp mà đồng mãnh tu tập cho đến khi được nhất tâm bất loạn. Trên thực tế, hạnh nguyện của hành giả tùy theo thuận duyên nghịch duyên mà thay đổi, mà thói thường đó là sự thay đổi theo chiều hướng đi xuống, theo châm ngôn "học đạo thì cần, chung tắc đãi". Sau vài năm tu tập, hành giả bắt đầu giải đãi dần, "hạnh nguyện" đã lui sụt, thì "tín" cũng theo đó mà lung lay, nhất là khi, hành giả tu tịnh bị vấn nạn rắc rối không tìm được giải đáp thỏa đáng.

Do nhận xét trên, sư Tri Tịnh chủ trương hành giả không thể chỉ hiểu biết thuần túy về tịnh, mà còn phải nắm vững giáo lý căn bản đạo Phật và tông chỉ các tông phái khác, nhất là, phải thông suốt yếu lý "Pháp môn Niệm Phật gồm nhiếp cả Thiên, Giáo, Luật và Mật"(6). Được như vậy, thì dẫu có bị chỉ trích, xuyên tạc... "tín hạnh nguyện" vẫn không hề suy suyển. Từ đó, sư bắt đầu dịch kinh, tạo luận và liên tục mở các khóa kiết hạ, kiết đông để giảng dạy một chương trình

Phật Pháp sâu rộng cho các giới đệ tử.

Ngoài ra, trước đây sư chỉ khuyên nhủ tổng quát là việc niệm Phật phải được nghiêm trì liên tục và thiết tha, rồi theo đó chư đệ tử cứ tùy nghi mà thực hành chớ không đưa ra những thời khóa và phương cách nào rõ rệt cả. Sư nhận thấy đây cũng là một điều thiếu sót, vì thông thường nếu không qui định thể thức tu tập rành rẽ, theo dõi để sách tấn, thì chúng đệ tử chỉ tinh tấn niệm Phật liên tục trong thời gian đầu, sau đó bận rộn chuyện đời, chuyện đạo việc niệm Phật thưa thớt dần, rồi đi đến chỗ đình trệ, gọi là "vô niệm!!!". Để đối trị bệnh giải đãi này, sư khuyên họ phải tự ấn định những thời khóa, ước số chặt chẽ để tu tập bền bỉ. Ngoài ra, sư cũng dẫn giải nhiều thể thức niệm Phật như: Phán văn trì danh(7), Sổ châu trì danh, Tùy tức trì danh,

Truy đành trì danh, Lễ bái trì danh, Ký thập trì danh, Kinh hành trì danh..., rồi tùy theo căn cơ và hoàn cảnh từng người mà khuyến cáo họ áp dụng. Về thanh âm Niệm Phật, tuy sư chủ trương có thể tùy nghi mà niệm thầm, cao thấp, hay nhanh chậm..., nhưng sư nhấn mạnh điểm quan yếu là phải rõ ràng từng tiếng với âm điệu, vừa thiết tha vừa hân hoan tin tưởng, bởi vì, hành giả phải luôn luôn ý thức rằng, một câu niệm Phật là một bước gần gũi cõi Tây Phương Cực Lạc. Ngoài ra, mặc dầu việc niệm Phật được khuyến khích phải giữ liên tục ngay trong khi bận rộn, có nghĩa là không câu nệ hình thức và nơi chốn, nhưng nếu có điều kiện mà tư thế niệm Phật thiếu nghiêm trang, cẩn mật sẽ dễ sanh tâm khinh lờn, lười biếng. Chính vì vậy, sư quyết định trong các thời khóa, môn sinh tịnh độ phải nghiêm chỉnh ngồi trước tượng Phật A Di Đà niệm Phật. Sư đặc biệt ca ngợi tư thế ngồi kiết già hoặc bán già như tọa thiền để niệm Phật, vì theo sư trong tư thế này, hành giả dễ nhiếp tâm, mà thân cũng thoải mái, máu huyết điều hòa, tránh mọi thứ bệnh phát sinh từ việc ngồi lâu mà xương sống thiếu ngay ngắn. Giới tu sĩ quanh quẩn trong chùa thiếu vận động dễ sanh bệnh hoạn, đây cũng là một vấn đề khiến sư quan tâm. Do đó, trong khóa công phu sáng, sư dành ra nửa thời để "Lễ bái niệm Phật", ngoài ra, xen kẽ các thời niệm Phật bình thường nhất là sau khi thọ trai, thì phương thức "Kinh hành niệm Phật" được áp dụng, và vào buổi tối vắng lặng thì phương pháp "Tùy tức niệm Phật" để điều hòa hơi thở... cũng được đề ra.

Tóm lại, sư Tri Tịnh vận dụng đủ mọi phương tiện, kể cả giáo và thiền để sách tấn đệ tử tu tập, và chính nhờ những cải tiến này, chỉ trong vòng vài năm, tông tịnh độ nói chung đã tiến bộ vượt bực về phương diện phẩm chất tu học. Nhận thấy nội bộ đã được củng cố vững vàng, sư Tri Tịnh yên tâm trao gánh nặng điều hành cho các đệ tử, rồi phát nguyện nhập thất vô thời hạn, để có thể dứt tuyệt ngoại duyên, mà thúc liễm thân tâm hoàn thành sự nghiệp niệm Phật làm gương sáng cho đời chúng.

Thời gian kéo dài vượt xa dự liệu của sư Tri Tịnh, sư gia công niệm Phật ba năm thì trình độ "nhất tâm bất loạn" mới nhuần nhuyễn, thêm bảy năm ròng rã nghiêm trì nữa mới đạt đến cảnh giới "vô niệm vô bất niệm". Tuy vậy, phải chờ đến hai năm sau, khi sư đã rõ chắc ngày giờ về với Đức Phật A Di Đà, sư mới chịu ra thất tiếp xúc đồ chúng. Sau những giờ phút cực kỳ xúc động trước hàng ngàn đệ tử trung kiên ở khắp nơi tề tựu về hân hoan đón nhận những lời thiết tha sách tấn tu tập của thầy, sư lần lượt khám phá trong nội bộ đã xảy ra vài biến chuyển bất thuận lợi. Các đại đệ tử trụ trì tám ngôi chùa thống thuộc, trong những năm dài sư nhập thất, không ai chịu lệ thuộc ai và lần lần tách rời khỏi đường lối do sư đã vạch ra. Thậm chí phần lớn coi chùa là sở hữu riêng của mình, rồi mặc tình thao túng sắp xếp mọi việc theo đường hướng riêng. Họ lơ là hoằng nguyện phát huy tịnh độ, để chạy theo

nhu cầu lợi dưỡng: chuyên phúng tụng khấn cầu danh lợi và dung túng xăm quẻ, bói toán, sao hạn... để thu hút quần chúng mê tín. Sư ôn hòa khuyên bảo, nhưng sau một thời gian dài tự do buông lung, không mấy người chịu sửa đổi đường lối. Có kẻ lo lắng quá đáng, nghi ngại sẽ bị thấy "đòi chùa", nên vội vã ra tay trước: chê thầy già cả lắm lắm, đường lối tu tịnh không rõ rệt, và có kẻ còn rêu rao xuyên tạc đạo đức thầy. Đệ tử của sư chắc chắn phải hiểu rất rõ lẽ sống chết, lý nghiệp báo, nhân duyên..., và đã được sư ân cần trao truyền pháp môn Niệm Phật, một pháp môn thù thắng cứu thoát nẻo luân hồi..., thế nhưng tại sao họ không tu? Họ còn gây thêm nghiệp chướng? Sư tự hỏi, rồi sư chỉ

biết than thầm: "Ôi! Lòng người sao khó hiểu quá!". Thế nhưng sư không trách móc, xét nét lỗi lầm của ai cả. Sư nghĩ trăm điều tội lỗi đều do sư mà ra. Sư đã không dạy dỗ đệ tử đúng mức, trong khi lại trao truyền cho họ một pháp môn thù thắng được tôn xưng là dễ tu dễ chứng, một cách quá dễ dàng. Có thể họ nghĩ rằng lối tu quá "dễ", mà họ còn ỷ lại được vào tha lực, thì chuyện tu hành đâu có gì cấp bách, dẫu họ hưỡn đãi tà tà cũng còn kịp chán kia mà! Sư lại nghĩ, có lẽ

bước đầu nên trao cho đệ tử một pháp môn khó khăn, họ phải gia công "bầm dập" cả đời mà không đi đến đâu, thì họ mới biết trân quý đêm ngày thực hành cho đến trình độ nhất tâm bất loạn. Thảo nào chư cổ đức như tổ Bá Trượng, cả đời chủ trương thiền, dạy dỗ thiền mà đến phút cuối cùng, lại nhắc nhở đệ tử pháp môn Niệm Phật. Chỗ cao thâm của chư tổ sư giờ đây sư mới thấu hiểu được...

Hành động phản bội của đám đệ tử khiến sư ngỡ ngàng trong giây phút, rồi sư coi như không có việc gì quan trọng xảy ra. Sư dẫn thân cho đạo pháp trọn đời, những gì cần làm sư đã tận tụy làm, không có gì phải luyến tiếc, phải ân hận cả. Sư chỉ còn tâm nguyện cuối cùng, là mong trở về thăm lại ngôi chùa Đậu ngày xưa, rồi sẽ sẵn sàng chuẩn bị cho ngày rời cõi ta bà, cũng chẳng còn bao lâu nữa.

---o0o---

Bờ Mé Pháp Không Phân Biệt

Không hẹn mà Tri Thiên, Tri Tịnh cùng đến viếng thăm chùa Thành Đạo vào ngày giờ trùng hợp. Hai vị thân mật sóng vai nhau bước vào cổng chùa, như đã cùng đi bên nhau trọn quãng đường dài. Vị trụ trì, đệ tử lớp sau, không hiểu rõ lai lịch xưa của nhị vị lão sư, nhưng chỉ vừa nghe pháp hiệu của hai nhân vật lãnh đạo hai môn phái lừng danh chốn đế đô, đã vội vàng dùng đại lễ hân hoan đón rước.

Sư khiêm cung thưa:

- Khải bẩm nhị vị tôn sư! Chùa chúng con được nhị vị tôn sư quang lâm thật là một vinh hạnh to lớn. Chúng con xin cung thỉnh nhị vị vui lòng dời bước vào chánh điện lễ Phật, rồi chúng con xin hướng dẫn quý vị tham quan khuôn viên chùa.

- Sư đệ Đạo Tâm khỏe chẳng?

Vị trụ trì ngạc nhiên không hiểu tại sao khách lại gọi sư phụ mình là sư đệ, nhưng không dám thắc mắc, chỉ kính cẩn đáp:

- Sư phụ chúng con hiện đang nhập thất, nên rất tiếc không thể đích thân đón tiếp nhị vị! Nhị vị có điều chi dạy bảo, chúng con sẽ thay mặt sư phụ bồi tiếp cung phụng...

- Không dám! Không dám! Chúng ta chỉ phiền thầy hướng dẫn chiêm bái di thể của sư phụ Đạo Chân mà thôi!

Vị trụ trì đưa hai lão sư đến góc phải chánh điện, kéo bức màn che kín, để lộ ra thân xá lợi của tổ Đạo Chân trong tư thế tọa thiền, vẫn giữ nguyên nét tươi mát, và sống động. Viên trụ trì kê lễ:

- Bẩm nhị vị lão sư! Tổ sư con thị tịch ba mươi năm nay rồi. Lần chót khi nhập thất, tổ sư có di chúc "Ta vào nhập thất một trăm ngày tụng kinh, niệm Phật, sau đó xác thân sẽ được giữ nguyên(8)". Đúng theo di chúc của tổ, xác thân của tổ được giữ nguyên cho đến nay, và lúc nào cũng thoang thoang mùi thơm nhè nhẹ như vậy!

Hai vị lão sư bồi hồi xúc động trước di thể thầy, niềm vui dâng tràn theo giòng nước mắt tuôn rơi ràn rụa... Thời gian ngưng đọng. Thật lâu, thật lâu, hai vị mới long trọng cung kính quỳ lạy thầy rồi lui ra.

Dường như một vị lâm bẩm: "Thầy vẫn như vậy đó! thầy tùy thuận tu, đâu cần phải phân biệt thiên, tịnh, giáo, mật..., đâu cần tranh luận hơn thua tông phái... Thầy hồn nhiên giản dị mà lặng lẽ ngộ nhập đạo mầu!

Lại vắng vắng, tiếng vị khác trả lời: "Ôi! Còn chúng mình thì phải khổ công lằng xằng lập tông, lập môn, tu hành gian nan mỗi người mỗi hướng... Cũng may, cuối cùng thì mình cũng gặp nhau bên bờ mé giáo pháp không phân biệt của thầy trao truyền ngày trước...".

Thế rồi, hai vị lão sư huynh đệ quay lại yên lặng nhìn nhau, mỉm cười cảm thông và tràn đầy thương yêu, hiểu biết.

Trái ngược với mẫu đối thoại đơn sơ mà mệnh mang tình đạo đó, xa xa ngoài cổng chùa, hoạt cảnh của hai vị tu sĩ trẻ gay cần và vô cùng huyền ảo. Họ là thị giả của hai vị tôn sư vừa mới quen nhau, đang nhiệt tình tranh luận hơn thua giữa hai tông phái thiền và tịnh, lập lại in hệt câu chuyện lịch sử xảy ra hơn bốn mươi năm về trước, cũng tại ngôi chùa này.

Tháng 7.1996

Ghi chú:

1. Bụt: Đạo Phật truyền đến nước ta đầu tiên do những tu sĩ Thiên Trúc, chữ Buddha tiếng Sancrit được nghe trại thành chữ Bụt. Mãi về sau, khi Phật giáo nước ta chịu ảnh hưởng Phật giáo Trung Quốc, thì chữ Buddha âm theo Trung Hoa, rồi đọc lại theo nho gia thành chữ Phật. Chữ Phật trở thành thông dụng cho đến ngày nay.

2. Sự tích Man Nương và tục thờ tứ pháp đã được ghi chép trong rất nhiều truyện sách cổ xưa như: Lĩnh Nam Trích Quái, Kiến Văn Tiểu Lục, Văn Hiến Thông Khảo, An Nam Chí Lược..., với những chi tiết khác biệt nhau.

3. Chùa Thành Đạo: tọa lạc tại làng Đông Cốc, nay đổi thành làng Gia Phúc, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây. Chùa còn có tên là Pháp Vũ tự, chùa Vua, chùa Bà và thường được dân quê thân mật gọi là chùa Đậu.

4. Tổ Đạo Chân: tục danh Vũ Khắc Minh, tu tại chùa Thành Đạo vào khoảng cuối thế kỷ XVII. Sư đã để lại toàn thân xá lợi (thân xác giữ nguyên không hôi thúi) trong tư thế tọa thiền, và hiện vẫn còn nguyên vẹn và thờ tại chùa Đậu. Vị tổ nối tiếp pháp danh Đạo Tâm, cũng ngộ đạo và cũng để lại toàn thân xá lợi.

5. Tổ Bá Trượng Hoài Hải (724-814): Sư là đệ tử của tổ Mã Đạo Nhất, là vị thiền sư đã soạn ra qui tắc nhà thiền thường gọi là "Bá Trượng thanh qui", dùng làm khuôn mẫu cho tổ chức thiền viện từ đời Đường cho đến ngày nay. Sư cũng nổi tiếng với thuyết "một ngày không làm, một ngày không ăn" (nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực).

6. Pháp môn Niệm Phật gồm nhiếp cả Thiền, Giáo, Luật, Mật: Niệm Phật dứt trừ vọng tưởng chấp trước là Thiền; hồng danh bao gồm vô lượng nghĩa, vô lượng nghĩa ẩn trong một và xuất hiện từ nơi đây, đó là Giáo; niệm Phật đến cảnh giới sâu, ba nghiệp đều trong sạch vắng lặng, đó là Luật; câu niệm

Phật có công năng như thần chú, giải nghiệp, hằng ma, đó là Mật (theo Niệm Phật Thập Yếu, T. Thiên tâm, trang 68, 69).

7. Phản văn trì danh: phương pháp này miệng vừa niệm, tai vừa nghe vào trong, kiểm soát từng chữ từng câu cho rành rẽ hết câu này đến câu khác. Nghe có hai cách, hoặc dùng tai nghe, hoặc dùng tâm để nghe. Tuy nghe vào trong nhưng không trụ nơi đâu, lần lần quên hết trong ngoài, cho đến quên cả thân tâm cảnh giới, thời gian không gian, chỉ còn một câu Phật hiệu. Cách thức Phản văn, khiến hành giả dễ gạt trừ vọng tưởng, mau được nhất tâm. (Trích theo Niệm Phật Thập Yếu, T. Thiên Tâm, trang 117). Về những phương thức trì danh khác, nếu cần đọc giả có thể tham khảo trong quyển Niệm Phật Thập Yếu, T. Thiên Tâm, từ trang 116.

8. Lời di chúc của tổ Đạo Chân do Đại Đức T. Thanh Nhung, trụ trì chùa Đậu kể lại trong bài viết tựa đề "Chùa Đậu, một di sản với những báu vật, những điều bí ẩn". Tác giả sao chép lại nguyên văn.

---o0o---

Tô Canh Bù Ngót

Suốt ngày phải quay cuồng "bù đầu nhưc óc" với việc nhà việc sở, vừa có chút rỗi rảnh thì máy truyền hình lại thu hút hết hồn vía, thành thử Đông chẳng còn chút thời giờ để sống riêng cho chính mình, huống hồ có thể nhàn nhã tưởng nhớ đến thân nhân bè bạn. Mãi đến khi phải ngồi bó gối hàng giờ trên chiếc phi cơ hành khách, không lảng xãng gì được, Đông mới mặc tình thả hồn trôi thật xa, về với chuỗi ngày ấu thơ êm ấm, tại căn nhà ngói ba gian, mặt tiền hướng ra rạch Cái Sơn, thuộc xã Hòa An, Cao Lãnh. Đông là con trai duy nhất, lại là út, nên được cả nhà chiều chuộng nâng niu. Các chị là gái thì lúc nào cũng phải giữ gìn ý tứ, đi đứng đoan trang, và chia xẻ công việc nhà với mẹ, chớ đâu có buông lung nhong nhong suốt ngày phá làng phá xóm, khi thì phóng xuống sông quậy bùn đục ngầu, lúc lại thượng lên cây mận, cây vú sữa, ngồi vắt vẻo vừa ăn, vừa lơ đãng ngắm trời xanh. Cùn chân cùn cẳng, chán chuyện phá phách ngoài đường thì về nhà chọc gheo ba bà chị cũng thú vị. Chọc gheo quá trớn "giỏi lắm" bị mắng "thằng quỉ", thằng "mắc dịch" là tốt cùng, còn như muốn trừng phạt thì "sức mấy" ba chị rượt kịp thằng nhỏ. Thật ra, chuyện chọc gheo bị đòn tuy hiếm hoi, nhưng đi đêm có ngày gặp ma, Đông cũng lâm nạn một lần khiến cái đầu lãnh cục u tròn như trái chanh. Giờ đây, bỗng nhiên nhớ lại chuyện xưa tích cũ này, Đông cảm thấy vui quá đôi là vui. Chàng tùm tùm cười, lầm thầm: "Ông bà già mình lắm rằm vậy mà hay ghê! Phát họa kế hoạch sản xuất bốn năm, rồi

đúng theo tiêu chuẩn mà thi hành y chang, mới tài tình chứ!". Tuy là một nông dân chân chính, nhưng tài nghệ đặt kế hoạch sản xuất của ông già, được "hậu thế nhắc nhở" phải kể là chuyện sản xuất con. Bà già cứ tà tà sanh con năm một, ông già lại theo bốn mùa mà đặt tên con là Xuân, Hạ, Thu, Đông. Hết tên đặt thì bà chấm dứt cái rụp, chứ không còn ten kèm theo thằng Ráng, thằng Thêm, con Thôi, con Nữa như người khác. Ông già rất hãnh diện về cái mục này, nên chỉ chờ đợi nhà có khách khứa thì gọi đám con ra, kể tên từng đứa để khoe khoang thành tích, vô tình khiến chị Ba tức tối đến điên người. Cũng giống như bất cứ cô gái mỹ miều nào, chị Ba thích trang điểm, làm dáng và dĩ nhiên rất mong được khoác một cái tên thơ mộng thanh tao. Điều éo le, là người đẹp hoa mỹ lại bị gán cho cái tên Hạ, lè tè thấp thỏi, thì sao chẳng đau lòng. Chẳng cần ai chỉ dẫn, vừa lên trung học, chị bèn lẳng lẳng khai tử tên Hạ, sửa khai sanh bằng cách bôi dầu nặng thêm dấu huyền thành chữ Hà, đồng thời, lúc trò chuyện với bạn bè lúc nào, cũng xưng tên "Kim Hà thế này, Kim Hà thế kia" rất ư là điệu hạnh. Thế nhưng trường trung học quận Cao Lãnh chẳng lớn, bạn bè năm trước có đứa cũng lên học chung, thành thử cái tên cúng cơm "con ba Hạ" không thể dấu diếm ai được. Cái tên Hạ nhèm gớm, khó chịu dính cứng với chị Ba, giống như cục đàm kẹt cứng nơi cổ, khạc nhỏ không xong, mà nuốt cũng chẳng trôi. Bực bội quá, có lần chị Ba lên tiếng cảm ràm:

- Ba à! miền Nam mình đâu có đủ bốn mùa. Ba đặt tên tụi con là Xuân Hạ Thu Đông, thiệt chẳng hợp tí nào!

Đông vọt miệng:

- Đúng rồi! miền Nam mình chỉ có hai mùa là mùa nắng và mùa mưa. Vậy nếu Ba đặt tên đúng theo thời tiết, thì có lẽ chị hai mang tên "Phơi Nắng", còn tên chị là "Mắc Mưa" mới phải! Chị Ba! Chị nghĩ sao chứ theo em thì cái tên ba Hạ "bảnh tên" hơn cái tên ba Mắc Mưa nhiều lắm chị à!

Chị ba háy thằng em một cái bén ngót rồi lên tiếng: "Xí! ai bàn chuyện với mày mà bày đặt ăn cơm hót!", đoạn chị tiếp tục phân bua với ba:

- Con nghĩ chữ Việt có rất nhiều bộ bốn chữ hay ho như tứ quý, tứ đức, tứ phương...sao ba không chọn, nè chọn bốn mùa chi, nghe chẳng thanh chút nào!

Tánh nào tạt này, Đông lại nhanh nhẩu xía vào:

- Coi bộ đặt tên chị em mình theo bốn phương Đông Tây Nam Bắc hấp dẫn thiệt tình a! Chà! Trường hợp này chị sẽ mang mỹ danh là Tây, gọi đầy đủ là

cô Ba Tây mới đúng! Chị ơi! ba Tây hay má Tây gì cũng đâu có đẹp hơn cái tên ba Hạ, chị Ba!

Thằng nhỏ ba hoa chích chòe không ngờ lời chọc ghẹo "ba Tây má Tây" lại khiến ông già nổi giận thành linh, ông cốc trên đầu thằng bé một cú đau điếng, rồi găng giọng mắng:

- Thằng ăn nói bá láp! Cái miệng ăn mắm ăn muối độc địa nói tầm bậy rui... có gì... thì sao?

Lời nói quàng xiên của Đông chắc đã phát ra đúng giờ linh, nên giờ này thì chị hai Phơi Nắng lại sinh sống tại vùng nắng cháy sa mạc Arizona, còn chị ba Mắc Mưa thì mặc tình dầm mưa tại vùng bão lụt Mississippi. Nhưng chuyện "linh ứng" thật sự đã xảy ra chỉ vài năm sau đó tại Việt Nam, liên quan đến chuyện tình duyên gây cản của chị Ba. Vừa chuyển lên Saigon tiếp tục việc học, thoát khỏi bàn tay kèm kẹp của cha mẹ, chị Ba liền có ngay một nếp sống tình cảm khá tự do. Chị giao du rộng, có nhiều bạn trai, mà ai thì chị cũng đẩy đưa tình tứ, khuyến khích họ đeo đuổi. Với chị thì càng có nhiều người cạnh tranh trồng cây si thì càng có giá trị, nó thú vị như một thứ trò chơi, chớ chị đâu hề toan tính chuyện hôn nhân mà phải ra điều đứng đắn. Ông bà biết tính bay bướm của con gái, ngày đêm thấp thỏm lo âu, chẳng biết "hũ mắm nêm" hiểm nghèo nổ tung lúc nào. Ông bà chỉ biết khuyên lơn năn nỉ con gái dứt khoát "ưng" một chàng nào cho xong, nhưng cô nàng cứ "phớt tình Ấng Lê", và cứ nhờn nhờn đùa giỡn. Một hôm chị Ba đột ngột mang hộp bánh trung thu về làm quà thăm cha mẹ. Sau buổi cơm chiều, chọn lúc cha mẹ đang nhâm nhi trà bánh vui vẻ, chị mới thổ lộ:

- Ba má à! vâng lời ba má, con đã dứt khoát chọn được người chồng tương lai cho con rồi!

Bà già đang ngồi ghé mừng quá nhóm dậy hỏi một hơi:

- Thiệt vậy hả con! Thằng (1) đến nhà mình lần nào chưa? Nó làm nghề gì? Mặt mày nó lịch sự không con?

Ông già cũng ôn tồn:

- Tánh tình nó ra sao? Học hành tới cỡ nào vậy con?

- Ô! ảnh làm Cố vấn tại Bộ Xây Dựng Nông Thôn, cùng một cơ quan với con, ảnh cao ráo trắng trẻo đẹp trai lắm má ạ! Ô! tánh ảnh hiền hậu dễ thương... làm sao á! ảnh đã tốt nghiệp đại học ở Hoa Kỳ đó ba!

- Tốt lắm! Thành phần du học thì sự nghiệp đương nhiên vững chãi, không có gì phải lo nữa! Còn gia đình nó như thế nào vậy con?

- Ô!... ơ! cha mẹ ảnh không có ở đây ba à!

- Ủa! Như vậy té ra nó di cư vào Nam một mình à! điều đó cũng được đi, nhưng ít nhất thì nó cũng phải tìm ra chú bác cô dì hay anh chị để đứng làm chủ hôn chứ!

- Ô...ơ! ảnh "mình ên" ở xứ này, ... ảnh là người... Hoa Kỳ ba à!

Ông bà già sống quanh quẩn tại xứ Đồng Tháp quê mùa, đầu óc thủ cựu, nên có một quan niệm rất hẹp hòi về việc kết hôn với người nước ngoài. "Cực chẳng đã, mới gả con cho chệc"(2), gả con cho người Trung Hoa, cùng màu da, sông cung đụng trong nước lâu đời mà còn bị khe khắc cho là chuyện cực chẳng đã, huống chi gả con cho người da trắng, để bị mỉa mai là con gái làm "me Mỹ, me Tây". Do đó, vừa nghe thỉnh cầu "động trời" của chị Ba, ông già đỏ mặt tía tai, nổi giận bưng bưng, còn bà già thì tái xanh như gà bị cắt tiết, khuyu xuống ghế thờ chẳng ra hơi.

- Mà nói cái gì? Cho mày lấy Mỹ đặng người ta cười thúì đầu tao hả?, ông già hét lên, rồi đứng lên thờ hồng học chừng mười phút cho dịu cơn nóng giận, mới tiếp lời:

- Nó là người ngoại quốc làm sao tao biết gốc gác, biết cha mẹ họ hành nó! Rồi không mai mối, không ai đứng chủ hôn đàn trai thì tao gả bán với ai đây? Tao nhứt định không là không? Thà chết chứ tao không gả con cho Tây cho Mỹ nghe chưa?

- Con à! sao con đại quá vậy! con ưng thằng Việt Nam nào ba má cũng chiều ý con, chứ người Mỹ họ khác với người mình quá mà! gia đình lễ giáo đâu có ai lấy chồng ngoại quốc, a con!, bà già lên tiếng vỗ về.

Chị ba im lặng để mặc cho cha mẹ giảng "mo ran" đã đời, rồi mới lùng khùng nói:

- Con hiểu ba má chẳng ưa gì người Mỹ, nhưng con đã lỡ dại..., con đã có bầu với người ta rồi! Con biết phải làm sao bây giờ?

Ông bà đang ào ào giảng dạy con, bỗng nín khe không thốt thêm được một lời nào nữa. Bà nhìn ông, ông nhìn bà chua xót não nề. Phai lâu hàng giờ, ông già mới thở phào ra như quả bóng xì hơi, xuôi xì lên tiếng:

- Thôi được! Con muốn chọn ai thì chọn!

Thế rồi, ông bà cấp tốc lên Saigon tổ chức một đám cưới giản dị cho cô con gái, đoạn quày quả về quê, gặm nhấm nỗi buồn khổ khôn nguôi. Chị ba thì đâu cần đám cưới rình rang, cũng không có nhu cầu nở mặt nở mày với bà con xóm giềng. Chị lấy được người chồng chị thương, chị được xuất ngoại như mơ ước, và nhất là được hợp pháp "xô toẹt" cái tên cúng cơm, để mang tên họ hoàn toàn Mỹ: bà Sue Johnson, thì chị đã hả dạ tột cùng rồi. Bà già nghe chuyện con gái đổi tên họ lắc đầu thở than: "Tuồng nó lựa chọn tên gì sang trọng, chớ tên Xu, tên Cắc thì hay hơn tên Hạ ở điểm nao?"

Năm 1975, khi gia đình Đông được đưa về tạm trú tại trại Fort Smith, chị Sue có đến thăm. Lần đó, Đông nhận thấy chị có vẻ xa cách, chị hà tiện từng lời nói, thường hay khinh khỉnh "à há, á à" thay câu đối đáp, nên Đông ngần ngại không đề cập đến chuyện nhờ vả chị lập hồ sơ bảo lãnh. Đông là người rất nặng tình gia đình, nên khi nếp sống tị nạn tạm ổn định, từ Houston chàng lần mò tìm đường viếng thăm chị Sue tại Jackson, Mississippi. Lần này, ngược lại chị Sue nói năng thật nhiều. Chị hãnh diện về kiểu cách sống rạch ròi Mỹ, chị khoe chồng con, khoe tài sản, sau cùng chị dành rất nhiều thời giờ để cười chê cái đám người Việt tị nạn quê mùa ngớ ngẩn để than phiền rằng sự hiện diện của họ ở xứ sở văn minh này chỉ làm tăng thêm phần lộn xộn, khiến chị mất mặt với bè bạn Hoa Kỳ mà thôi. Đông háo hức viếng chị hi vọng tìm lại những giây phút đậm đà tình ruột thịt ngày xưa, nhưng chị Sue đã vĩnh viễn cắt đứt quá khứ, đề tài mới mẻ về đời sống Mỹ của chị lại chẳng hấp dẫn chàng tí nào. Đông ngao ngán ra về, và từ đó, mỗi liên lạc chị em thưa dần. Người chị giàu tình cảm, có nếp sống giản dị, phù hợp với Đông nhất có lẽ là chị tư Thu. Chị không lập gia đình, ở lại Việt Nam chăm sóc cha mẹ cho đến ngày ông bà mãn phần thì đi xuất gia. Từ đó, viết thơ thăm hỏi phải hạn chế, ngôn từ sử dụng phải dè dặt để tránh khuấy động nếp sống thanh tịnh của kẻ tu hành. Bây giờ, dẫu Đông về nước thăm chị, thì hoàn cảnh kẻ tu người tục, Đông cũng khó tìm lại khối tình ruột thịt thắm thiết ngày xưa được. Do đó, bao nhiêu tình cảm gia đình, Đông dành hết cho người chị thứ hai ngụ tại Tucson, Arizona. Mặc dù vị trí thành phố này nằm

trèo đường, Đông phải đổi chuyến bay cực nhọc, nhưng mỗi khi có dịp đi Cali, chàng luôn tìm cách sắp xếp để ghé thăm chị đôi ngày. Về với chị cũng là về với quãng đời ấu thơ êm ấm ngày xưa tại quê hương yêu dấu.

---o0o---

Vừa bước ra khỏi cửa phi cơ, Đông đột ngột bị phủ chụp bởi một độ nóng kinh khủng như đang bị thiêu đốt trong một lò lửa vĩ đại, khiến chàng tối tăm mặt mũi muốn thối lui lại. Thế nhưng nhìn thiên hạ, Đông thấy ai cũng nhàn nhã không lộ chút khẩn trương, nên đành từ từ nôi gót nhau đi vào bên trong phi trường. Đông đảo dác tìm thân nhân, thì nghe tiếng reo:

- Cậu năm! Thưa cậu năm!

- A! cháu Toàn! Mới hai năm không gặp mà trông cháu trưởng thành và đẹp trai hẳn ra!

- Dạ cảm ơn cậu! Lần này cậu đến nhằm mùa hè nên khí hậu khá nóng phải không cậu?

- Nóng dễ sợ chớ khá khá cái gì! Nóng như vậy mà sao dân ở đây chịu đựng nổi? hay thiệt!

Thằng nhỏ cười hếch hạc đáp:

- Cái gì cũng quen dần cậu ạ! Cậu biết không! dân ở Arizona thường tiếu rằng "địa ngục còn mát hơn xứ này vài độ, nên sống được ở đây rồi, thì chẳng ai còn sợ bị đọa xuống địa ngục cả!".

- Ba má cháu mạnh khỏe?

- Dạ mạnh! Ba vẫn đi làm "ca hai" nên đến hơn một giờ khuya mới về, phần má con tuy muốn ra phi trường đón cậu lắm nhưng lại kẹt nồi mắm chưng đang nấu dở dang!

- Tội nghiệp chị Hai! Cứ khổ công nấu với nướng!

- Hi! Hi! Cậu biết tánh má con mà! Bả lo lắng cả tuần lễ, bả chuẩn bị nấu nướng đâu vào đó từ ngày hôm qua lận, gồm toàn các món cậu ưa là bánh canh giò heo, tôm kho tàu, mực dồn thịt, gỏi sứa... Rồi hồi trưa này, trong khi đang lim dim nằm ngủ, chợt bả trỗi dậy nói: "Chèn đét ơi! xem

chút nữa tao quên món mắm chưng rồi! đây là món hẩu (3) nhứt của cậu út mày đó". Thế rồi má con hối hả đi chợ để nấu liền cho kịp!

- Đúng là cậu thích những món đó! nhưng cậu chỉ lưu lại hai ngày mà má cháu nấu "ấp lẫm" như vậy, bụng dạ nào cậu chịu nổi!

- Hi hi! Bởi tính má con như vậy nên thích thức ăn gì thì con ra tiệm ăn, tuyệt đối không hờ môi. Nếu lỡ dại để bà biết, bà sẽ nấu đầy ắp, nấu dài dài, rồi ép ăn trọn lên trọn xuống đến nổi vừa thấy đã rùn mình ròn óc mà chưa chắc bà buông tha!

- Hề! Hề! Cháu là út mà! Má cưng út quá nên mới ngóng tìm món nào út thích để nấu nướng cực khổ mà cưng phụng út! Cháu sung sướng quá mà còn kêu rêu gì nữa?

- Thưa cậu! Được thương dĩ nhiên là điều sung sướng, nhưng được thương quá mức đôi khi nó lại ngọt ngọt khó thở lắm cậu ạ!

Đông cũng là con út nên rất thông cảm cháu, vỗ về:

- Ngày xưa, ngoại cũng thương yêu lo lắng cho cậu tột độ như vậy, tình thương của ngoại trở thành mù quáng và độc quyền, đến nỗi cậu cảm thấy tù túng khó chịu. Đây là chuyện "nổi lòng khó gỡ cùng ai" phải không cháu? Mình hờ môi than thở thì bị lên án ngay là con bất hiếu, nên đành phải câm nín. Nổi khổ của người bị thương chưa chắc dễ thở hơn nổi khổ của người bị ghét cháu ạ!

Câu chuyện đành bỏ dở dang khi hai cậu cháu bước ra ngoài trời đến chỗ đậu xe, và Đông lại phải gồng mình chống đỡ độ nóng kinh khủng của vùng sa mạc. Khi Toàn lái xe còn cách nhà mười thước, Đông đã thấy bà chị lấp ló bên cửa ngóng chờ mình. Càng về già chị hai càng giống mẹ. Thoáng nhìn mái tóc bạc phoi, vẻ mặt phúc hậu, nụ cười dễ dãi của chị, Đông cảm thấy như mẹ đang hiện hữu, chàng xúc động run giọng lên tiếng:

- Chị hai!

Chị cũng mừng rỡ ứa nước mắt:

- Em út!

- Chị hai à! Chị giống má quá chừng hà! Cho chị quần cái khăn rằn, miệng bồm bẻm nhai trầu, thì y chang má ngày xưa, chẳng khác tí nào!

- Hi hi! Còn em hả! Cái trán sói, khuyết sâu hai bên như hai cái ụ tàu của em cũng chẳng khác gì ba! Cho em vận cái áo bành tô, chống cây ba toong thì giống hệt ông già rồi!

Chỉ đối đáp đôi câu mà cả bầu trời thương nhớ với bao nhiêu kỷ niệm ấm êm hiện về tràn ngập tâm khảm hai chị em. Đông mừng tượng như mình còn là thằng bé con lẩn quẩn bên cha mẹ tại căn nhà ngói ven bờ rạch Cái Sơn, chàng đang tung tăng chạy nhảy quanh gốc xoài, gốc ổi, gốc mận trong vườn. Bất chợt, Đông bùi ngùi hỏi:

- Sau hè nhà mình có trồng rau đắng không chị hai?

- Vườn nhà mình chẳng có rau đắng! Ồ... mấy thuở mà má nấu thứ rau này, sao em nhắc đến kia?

- Vậy thì em lầm rồi! mỗi lần em nghe bản nhạc "Con thương rau đắng mọc bên hè", em lại cứ liên tưởng đến món canh rau ngọt ngọt nấu với chuối mà má thường cho mình ăn lúc nhỏ. Lớn lên, sao má không còn nấu món này nữa chị há?

- A! đó là canh rau búp ngọt! Em biết không? ở nhà quê đâu có phương tiện dự trữ thành thử thức ăn khi thừa thãi, có lúc khan hiếm chẳng có món gì, kể cả rau cải. Trong trường hợp này, để bổ túc với món khô sặc, má ra sau hè "quơ" mớ rau búp ngọt, chế ra món canh chuối, ngọt ngọt cho con cái dễ nuốt cơm. Về sau, thì con lộ trước nhà đã được xây đắp, chợ búc đi lại dễ dàng, nên món canh tạm bợ này không còn xuất hiện nữa! Lạ quá hén! Tại sao bao thức ăn ngon lành em không nhớ, nè nhớ món canh quê mùa này?

- Hi! Hi! Em cũng chẳng hiểu tại sao em còn ghi nhận rõ ràng hương vị đậm đà của tô canh búp ngọt, cùng với chi tiết cảnh gia đình mình quây quần ăn bữa cơm chiều hôm đó. Có thể vì hôm đó em được món đồ chơi mới, một cái vòng làm bằng vành nia cũ, mà chị vừa buộc sửa lại cho em. Em chan món canh này lua một hơi, để tự do xách cái vòng phóng ra ngoài chơi. Em đánh vòng chạy lanh quanh trên con đường bờ sông thiệt là vui!

- Vui quá hén! Vui quá đến nỗi lọt tuốt xuống sông, khiến cho bà già chửi chị một trận toi tả về cái tội bày đầu, bày đặt...

Trong khi hai chị em đang cười khúc khích thì Toàn ăn mặc chải chuốt bước ra phòng khách, lễ phép khoanh tay:

- Thưa má! Thưa cậu! Con đi dự sinh nhật bạn con!

- Con tẻ quá hà! Lâu lâu cậu mới đến chơi một lần, đáng lẽ con nên ở nhà ăn cơm với cậu chứ?, chị hai cảm rằm.

Thằng bé nhăn nhó như khi ăn ớt:

- Con hứa với thằng Thanh cả tháng trước! Mà con cũng đã thưa với má hôm qua rồi mà!

- Thôi chị! đừng nhần nó tội nghiệp! Nó đã hứa với bạn thì phải giữ lời, vả chăng, ở nhà để nghe chị em mình kể chuyện đời xưa chán phèo thì chịu đời sao cho thấu!

Thằng bé vừa bước ra khỏi cửa, thì chị hai đã than vắn thở dài:

- Thằng đó tẻ lắm! Nó chỉ biết bè bạn nó thôi, chớ chẳng nghĩ gì đến cha, đến mẹ!

- Chị nói sao chớ em nhận thấy thằng Toàn khá ngoan chớ!

- Không nhắc chi chuyện xa xôi, mới rành rành tuần trước đây nè! Hôm đó, nghe nó nhắc bún bò Huế, đi làm về mệt đừ, chị vẫn ráng bươn bả đi chợ, nấu ngay món này cho nó. Cơm nước xong, chờ đợi mỏi mòn đến chín giờ rưỡi tối, mới thấy nó mới dẫn thằng Thanh về nhà. Chị vừa mừng vừa giận, xum xoe trách: "Sao con về trễ quá vậy? con đi chơi với bạn sao không cho má hay, làm má lo lắng gần chết! Má chờ cơm đói rã ruột vậy đó!". Chỉ có vậy mà mặt nó chù ụ, nó hậm hực trả lời: "Tụi con vào thư viện tra cứu sách vở, chớ đi chơi hồi nào đâu? Mà con nói với má nhiều lần rồi! con đã hai mươi bảy tuổi, đâu còn con nít nữa mà lo lắng mãi! Má đã biết rằng con phải học bù đầu, lại còn trực nhà thương, giờ giấc bất thường, lúc nào con về thì con ăn! Sao má cứ chờ đợi hoài, để rồi lên tiếng cằn nhằn?". Nó tẻ như vậy đó em! có mặt bạn nó mà nó lớn tiếng với chị, nó không nghĩ gì đến tình thương bao la của người mẹ, suốt đời hi sinh tận tụy, chịu đủ điều gian khổ để chăm nom lo lắng cho con...

- Như vậy thì nó hư giống như cậu nó rồi! Chị hai biết không có lần em về Cao Lãnh thăm má. Trong khi má lẳng xăng nấu nướng mừng con, em ra

chợ chơi chợ nghe tin thằng Danh, bạn chí thiết của em lâm bệnh nặng. Em vội tìm nó, được biết nó bị bệnh ung thư gan không phương cứu chữa, mạng sống chỉ kéo dài tới đa sáu tháng. Nó rủ em ra quán cà phê rỉ rả tâm sự với nhau lần chót. Lẽ ra, em nên nhận lời, nhưng em biết má trông ngóng ở nhà, nên nài ép nó ăn cơm tại nhà mình. Vừa dẫn nó bước vào cửa, em chưa có cơ hội phân trần thì má đã trách móc tùm lum, em bực bội quá nên trả lời tương tự như thằng Toàn vậy đó. Chuyện này má không nhắc với em nữa, nhưng bả lại than thở với mấy dì, khiến em buồn phiền không ít. Thật ra, thằng con trai nào cũng muốn chứng tỏ mình ngon lành, mình trưởng thành đối với bạn bè. Do đó, trước mặt bạn nó, nếu mình tỏ ra cung lo thái quá thì thằng nhỏ đã bối rối thẹn thùng rồi, huống chi, mình còn cần năn nó, thì trách sao nó chẳng nổi con!

- Ô! thằng Thanh thì chị coi như con cháu trong nhà nên có gì phải úy ky!... Ô! nãy giờ chị em gặp nhau mừng quá quên cả việc cơm nước! Chắc em đói lắm hả?

- Chưa đói đâu chị!

- Chị có làm món này đặc biệt cho em nè! Đố em đó!

- Mắm chung! Đúng không? hi! hi! thằng Toàn báo cáo trước với em rồi! em đã thèm nhỏ dãi từ lúc ở phi trường lận! Trời đất! chị nấu gì mà tới sáu, bảy món đầy khảm như vậy? làm sao ăn cho nổi? Thôi! Em chỉ xin ăn món mắm là đủ rồi!

- Ấy! Dĩ nhiên ưu tiên là mắm chung nhưng em cũng phải nếm các món khác chứ!

- Ô! Chị hai tài quá! ở xứ này mà chị tìm đâu đủ thứ rau thơm, lại còn có chuối chát và khế nữa!

- Ủa! Thì đủ hết, nhưng so với quê mình thì vẫn còn thiết đợt lựa, đợt chiết, đợt chum ruột... em à!

Nghe nhắc đến chum ruột, Đông bỗng rùng mình tưởng nhớ hình ảnh mẹ hiền ngày xưa. Có lần bà thần thờ nhìn nhánh chum ruột sai oằn, rồi lầm bầm: "Má mong nhà mình giống như nhánh chum ruột, con cháu cả đàn quần quít san sát bên nhau, thì hạnh phúc biết chừng nào!". Chàng ứa nước mắt nhũn thềm: "Ước mơ thâm thiết của má vẫn rành rành trước mắt, mà nay má không còn nữa, con cháu tản lạc mỗi người một nơi, phần con thì biết

chùng nào mới có thể về thăm lại mảnh đất quê nhà!". Để che dấu nỗi xúc động dâng tràn, Đông vội vã xới cơm mời chị. Chàng gấp miếng mắm, cẩn thận kèm theo khế, chuối chát, rau thơm. Chàng nhai chậm chậm, để cho vị mắm mặn mà trộn lẫn với khế chua, chuối chát, cùng với rau thơm the the, biến thành đặc chất khoái khẩu đậm đà, chan chứa cả bầu trời thương nhớ quê hương.

Đông buộc miệng khen:

- Chị nấu mắm chung quá ư độc đáo! Ngon ơi là ngon!

- Ngon như vậy đó, vậy mà con cái nó chê mới tức chó! Chị hai chép miệng thờ dài, rồi buồn hiu tiếp tục than thở:

- Con cái đời bây giờ không ngoan ngoãn với cha mẹ như mình ngày xưa đâu em. Chị em thằng Toàn đều như vậy hết. Con Hồng nhan sắc mặn mèi nên có bao chỗ xứng đáng đánh tiếng muốn làm xuôi gia với chị. Chỗ nào nó cũng phản đối hết, để rồi đi ung một thằng học hành chẳng hơn gì nó. Tức chết đi được! Giờ thì tụi nó sinh sống ở Los Angeles, đâu có xa xôi gì, vậy mà năm đầu nó còn về thăm cha mẹ, sau đó biệt dạng luôn. Thằng Tú đang làm kỹ sư ở Phoenix cách đây một trăm dặm, tới lui gần gũi cũng tiện. Chị thấy nó giao thiệp toàn gái Mỹ hơi lo ngại nên gạ dẫn nó đi Cali coi mắt con gái người bạn, thì nó cười ngất hê chuyện đó kỳ quá. Tới chùng chị nghe tin nó có con bồ gốc Mễ, chị bực quá la cho nó một trận, rồi chị lại thường xuyên tới lui khuyên nhủ và kiểm soát nó. Ngờ đâu, nó giận, nó âm thầm xin chuyển về hảng chánh ở Chicago, mà chẳng thèm hỏi ý kiến cha mẹ một tiếng. Còn thằng Toàn ở nhà thì cũng như không. Nó học bù đầu suốt tuần, mà hễ có chút giờ rảnh thì chụp cái điện thoại hò hẹn bạn bè, chẳng thèm ngó ngang gì tới chị. Chị cảm tưởng như chúng bỏ rơi mình, chúng khinh thường mình như một thứ thừa thải, một kẻ dốt nát quê mùa, không xứng đáng để chúng bàn bạc, hỏi han ý kiến. Trước kia chị còn nhắc nhở chúng những chuyện vụn vặt như đội nón, che dù, mặc áo ấm, uống thuốc cảm..., nhưng thấy chúng chỉ "ạ! ạ!" lấy lệ, rồi lơ là chẳng thèm nhớ nghĩ..., nên đành câm họng! Ai cũng tưởng chị sung sướng có con cái ngoan giỏi, nhưng đâu có biết nỗi cô đơn, buồn tủi của chị đối với con cái như thế nào? Chắc chị chờ thêm một năm nữa cho thằng Toàn lấy xong mảnh bằng bác sĩ, chị sẽ vào chùa tu phứt cho rồi!

- Chị hai à! sống ở xứ người thì ngay bọn người lớn cũng bị ảnh hưởng mà thay đổi ít nhiều, huống chi là bọn trẻ. Chúng phải học hành, tiếp xúc

suốt ngày với nền văn hóa nước người, thì làm sao mình có thể đòi hỏi chúng hoàn toàn giữ trăm phần trăm chất Việt Nam trong người cho được! Em chỉ mong sao chúng nó còn biết dạ thưa, chào hỏi bằng tiếng mẹ đẻ là an ủi lắm rồi!

- Ủa! Thì đành chịu như vậy chớ biết làm sao bây giờ!

- Thật ra dầu đám con cái của mình vẫn còn giữ nguyên chất Việt Nam, thì chắc chắn vẫn có lắm chuyện rắc rối khác xảy ra, và bậc làm cha mẹ cũng kêu rêu như thường. Nguyên nhân đích thực chính là quan niệm khác biệt giữa hai thế hệ, mà mâu thuẫn này thì ở nước nào, thời đại nào cũng xảy ra. Đây chính là mầm mống khổ đau không phải chỉ riêng giới cha mẹ gánh chịu, mà đám con cái cũng lãnh đủ nữa. Nói chi xa xôi, chị em mình ngày xưa cũng làm khổ ba má đâu có ít phải không chị?

- Làm khổ ba má thì còn ai ngoài con ba Hạ nữa!

- Chị Ba và em là hai đứa con tội lỗi ngấp đầu, đâu đáng kể tới. Ngoan hiền nhất như chị tư Thu mà còn có chuyện cho ba má khổ nữa kia. Chị xin xuất gia, ba má không thuận, chị cũng vâng lời. Rồi chị lại xin chuyển về quận nhà dạy học để săn sóc ba má lúc tuổi già. Thế nhưng mối quan tâm lớn nhất của bậc làm cha mẹ là mong cái yên bề gia thất nên ba má cứ đôn đáo, tìm người mai mối để ép chị lấy chồng. Chị tư không thuận, thì trách móc, giận hờn..., khiến chị Tư cũng phiền muộn không kém...

- Hừ! Người ta nói "ép dầu ép mỡ ai nỡ ép duyên", vụ ba má ép con Tư lấy chồng cũng hơi quá đáng phải không út? Về phần con tư thì tánh nó cũng dị hợm quá chừng hà! Chị thấy cái đám thằng kỹ sư Danh được quá chớ, vậy mà nó không ưng quách cho rồi, nếu được như vậy có phải nó làm cho ba má vui lòng không?

Có lẽ hừng chí với lời phê bình đặc sắc của mình, chị gật gù đúng theo giọng kẻ cả, trịnh trọng phán:

- Ba đứa em còn nhỏ không gần gũi ba má và hiểu ba má nhiều như chị, nên mới dễ làm cho ba má buồn phiền như vậy đó!

- Bộ chị tưởng..., ơ...ơ..., chị còn nhớ những chuyện sôi nổi về việc chị đòi uốn tóc, đòi quần áo son phấn thời trang không? À! còn cái vụ thằng con tiệm vàng Hữu Lợi cậy mai mối xin hỏi chị mới gay cần hấp dẫn từng hồi chớ!

Dù tuổi đã gần sáu mươi, khi nghe cậu em nhắc những chuyện bực bội xa xưa hằng bốn mươi năm, chị hai vẫn cảm thấy nóng mặt. Chị ầm ức tuôn ra một hơi:

- Ông bà già mình hủ lậu hết chỗ nói! Cả nước người ta uốn tóc quăn, người ta chung diện theo thời trang mà ông bà cứ chủ trương con gái nhà lành thì phải kẹp tóc, quần đen áo trắng kín mít, may rộng thùng thình, mặt mày thì để mét chằng chớ cầm kỳ thoa chút phấn son. Nội cái việc chị muốn mặc cái quần trắng thôi mà cũng lắm gian nan với ông bà rồi. Thuở đó, phong trào mặc quần trắng muốt ôm sát thân hình thật hấp dẫn khiến chị thèm thuồng vô cùng. Đúng lúc đó, ba cho tiền sắm một cái áo dài và cái quần mỹ a để dự tiệc cưới con đầu lòng của chú bảy Dinh. Vải mỹ a rất mắc tiền, nhưng đi đứng nghe sột soạt khó chịu, nên với quan niệm của con gái thời đó thì nó quê mùa, chớ đâu hấp dẫn bằng cái quần xa teng rẻ tiền. Chị ầm thắm may quần xa teng trắng và dấu kỹ cho đến ngày đám cưới mới lòi ra. Má vừa thấy quần đã nổi giận ùng ùng rầy la chị một trận toi bời, rồi bà còn lấy kéo cắt quần ra từng mảnh, nát tan như chính cõi lòng của chị.

- Ủa! Chuyện đó sao em chẳng nghe vậy kìa?

- Khổ sở thì chị khóc thầm thôi, chớ chị đâu dám đòi co lời qua tiếng lại với má, thì làm sao em hay biết được! Chị hiền thì ba má đối xử khắc khe như vậy đó. Đến khi con ba Hạ ăn vận theo đợt sống mới, ông bà giận lắm nhưng vừa mới mở lời khuyên giải, thì nó đã nhảy dựng lên dọa bỏ nhà đi bụi đời, ông bà đâu dám hó hé gì nữa. Chuyện chồng con của nó cũng vậy, nó muốn ngang nào được ngang nấy, chớ đâu bị hành hạ, "cà riềng cà tỏi" cần nhân tới ngày như chị vậy! Chớ nhất là vụ thằng con chủ tiệm vàng Hữu Lợi xin hỏi chị! Em nghĩ coi, cái thằng tướng tá tròn vo như hột mít, lại vô duyên, bất tài... chỉ giỏi ngón nghề chạy chọt được giấy miễn dịch... vậy mà ba má khăng khăng cho rằng nó "thọ", nó có tương lai... để rồi áp bức dày vò chị dài dài để buộc chị ưng hẳn! Ngược lại, đến khi chị và anh hai thương nhau xin tiến tới hôn nhân, thì ông bà ngăn cản đủ mọi cách. Ông bà chê anh hai là người Trung, tính nết khó lường, tiếng nói khó nghe, xuôi gia xa xôi khó thân thiết, đời quân ngũ hiem nghèo, không chăm sóc được vợ con... thế rồi, để làm nản lòng anh chị, ông bà kiếm chuyện bắt lỗi phải từng cử chỉ, từng lời nói... khiến anh chị phải điêu đứng gian nan cả năm trời cho đến ngày cử hành hôn lễ mới được yên thân...

- Chị hai à! hành động nào của ba má cũng đều phát xuất từ tình thương vô bờ đối với con cái! Em nhắc nhở chuyện xưa không phải trách móc ba

má, mà chỉ muốn chứng minh một điều là bậc làm cha mẹ, đôi khi thương yêu con mà thiếu hiểu biết, lại vô tình gây khổ đau cho con, đồng thời cũng tự làm khổ mình nữa. Đây là kinh nghiệm thời trẻ ai cũng đã trải qua, nhưng chẳng ai rút tĩa được bài học này hết! Khi trở thành bậc cha mẹ, người ta sẽ cố chấp và thiếu hiểu biết đối với con cái y hệt như cha mẹ họ ngày xưa! Đây là đầu giây mối nhợ của bao bất hòa, của nỗi khổ đau xảy ra trong mọi gia đình! Chị hai có đồng ý với em điều này không chị hai?

Chị hai trầm ngâm suy tư, rồi gục gặc gật đầu.

Chừng như đã chán ngán bàn chuyện con cái, hai chị em đổi đề tài sang chuyện cây xoài cây ổi, bánh phồng bánh tráng, tát đĩa bắt cá... toàn là chuyện tâm ruồng chẳng đầu chẳng đuôi, vậy mà vui vẻ tận cùng. Món mắm chung lại hợp khẩu nên Đông đã vui miệng nói, lại vừa vui miệng ăn "miếng đặng miếng được" đến khi no cứng mới ngừng. Thế nhưng chị hai đâu chịu để yên. Chị nằn nì nài ép: "em ăn thêm miếng gỏi sứa cho chị vui!", "tôm càng kho tàu nấu y chang như má nè"! Em thử một miếng chứ!, "mực dồn thịt chị làm cực khổ lắm nghen! Em không ăn thì phụ lòng chị đó!"... Đông nể chị, ăn thêm món này đến món kia, cho đến khi thở chẳng ra hơi, mới được bà chị buông tha. Đông có ý định chờ ông anh rể để chào mừng, nhưng chưa quen giờ giấc miền Tây, chàng buồn ngủ híp mắt, không thể thức thêm được nữa. Nửa đêm, cái bụng căng phồng khó chịu quá, Đông phải làm xấu, dựng chị dậy, kêu gào mấy viên thuốc tiêu thì mới tạm yên. Sáng hôm sau thức dậy, bữa ăn sáng thịnh soạn đã dọn đầy bàn, nhưng rất may, Đông không bị ép ăn nữa. Chàng nhâm nhi cà phê, hàn huyên hào hứng đủ mọi đề tài vô thưởng vô phạt với ông anh rể, cho đến giờ anh chị đưa trở ra phi trường.

Trong giờ phút chia tay quyến luyến, chị hai nắm tay em ân cần han hỏi:

- Cái bụng em đã đỡ chưa út?

- Đỡ nhiều rồi chị ạ!

Rồi với giọng nửa đùa nửa thật, Đông tiếp lời:

- Chị hai thấy không? cái gì quá mức thì cũng nguy hiểm cả! Được cho ăn quá mức thì bị trúng thực, còn được thương quá mức thì... ơ...ơ... nó cũng tù túng ngột ngạt lắm chị hai ạ!

- Hi! hi! té ra em chỉ giả vờ đau bụng để nhắc khéo chị điều đó phải không?

*

Đông trở về Houston quay cuồng kiếm sống, thỉnh thoảng chàng cũng điện thoại vẫn tất thăm chị, nhưng những mẩu chuyện tâm tình sôi động trong chuyến đi Tucson vừa qua, không ai buồn nhắc đến nữa. Bất ngờ, đúng ngày Tết âm lịch, Đông lại nhận được một bức thơ đầy cộm của chị. Lo sợ có điều bất tường. Đông háp tấp mở ra xem:

Tucson, ngày 3 tháng 01 năm 1997

Em út thương của chị,

Lụi hụi mà chỉ còn một tuần lễ nữa thì mình lại ăn thêm một cái Tết tha hương. Tết bên này sao tẻ lạnh quá út ạ! Giờ này năm xưa ở bên nhà, không khí Tết rộn ràng lắm! Ba đã tỉ mỉ chọn cành mai đơm đầy bông búp chung lên bàn thờ, cân xứng với một cặp dưa hấu to, và bộ lư hương bằng đồng sáng giới. Má chuẩn bị bánh mứt, trái cây từ mấy tuần trước, dự trữ thật nhiều, hầu đến cận Tết rảnh tay nấu một nồi bánh ích và bánh tét đầy âm áp sẵn sàng chờ đợi đám con cháu tề tựu về tung bừng ăn uống. Tình thương con cháu của má thật bao la, má gian nan cực khổ thế nào cũng được, miễn là thấy mặt đám con cháu đông đủ sum vầy quây quần trong ngôi nhà, thì bà mãn nguyện lắm rồi.

Tánh chị có lẽ chẳng khác gì má. Bao nhiêu tâm ý chị đều đặt tất cả vào các con: nhìn chúng ăn uống cười nói, chị hân hoan rộn rã; thấy chúng chột đăm chiêu, lòng chị thẳng thốt bất an. Chị chỉ muốn con cái sống gần gũi trong tầm tay của mình, vắng đũa nào chị cũng nhớ thương ủ rũ, chúng về nhà trễ thì ruột chị quặn thắt từng cơn. Đối với chị, đám con chị là nhất, quý giá không con cái ai sánh bằng, cho nên chị thấy có nhu cầu lo lắng bảo vệ chúng từng li từng tí, sợ chúng ốm đau, gặp tai nạn, sợ chúng bị bạn bè lợi dụng, sợ chúng lầm lạc chọn người không xứng đáng gây khổ đau suốt đời... Thế nhưng chị càng lo lắng chăm sóc chúng thì chúng lại tỏ ra bất cần, chị muốn ôm chặt chúng trong vòng tay thì chúng càng vượt ra ngoài, than trách thì chúng tỏ vẻ bực bội tránh xa. Chị cảm thấy bị con cái bỏ rơi, chúng khinh thường, chúng bất cần mình. Chị cô đơn quá! chị hờn tủi và khổ sở cùng cực mà chỉ biết âm thầm chịu đựng, chớ tìm đâu được kẻ tâm giao để chia xẻ nỗi niềm. Chị đâm ra quạu quọ rắc rối, nhưng chỉ quạu quọ rắc rối với anh hai, chớ với chúng thì vẫn mềm mỏng để chiêu hồi.

May là trong chuyến thăm chị, em nhắc nhở chuyện ngày xưa, khiến chị lưu tâm suy tư cặn kẽ những mâu thuẫn của hai thế hệ. Từ đó chị nhận chân được một sự thật là: Ba má rất thương yêu con cái, nhưng thương yêu một cách mù quáng và không hiểu biết hoặc lưu ý gì đến tuổi trẻ, vì vậy mà ba má đã có cái nhìn cố chấp hẹp hòi, kết quả là ba má tự chuốc lấy khổ đau, mà đồng thời lại gây phiền lụy cho con cái nữa. Đó cũng là một khuyết điểm mà chị đã vấp phải. Chị đinh ninh rằng chỉ cần ôm "chính nghĩa thương con", thì chẳng cần đếm xỉa điều gì khác nữa, cứ mặc tình "tự tung tự tác" muốn thương con cách nào cũng đúng, vì vậy mới gây ra bao lúng củng trong nhà. Do khám phá này, chị không còn oán trách con cái nữa, mà chỉ tự quán sát tìm hiểu những khuyết điểm của chính mình. Trước hết, chị nghĩ đến mối bất hòa giữa chị và đứa con gái đầu lòng. Thật ra thì thằng rể cũng hiền lành dễ thương, nhưng theo quan niệm "phi cao đẳng bất thành phu phụ", chị cho rằng nó không xứng đáng nên ngăn cản tình yêu của chúng rất mãnh liệt, với thâm ý tách rời hai đứa hầu đem cháu Hồng gả cho con anh tư Thời đang học nha khoa. - Hồi nhỏ chị chủ trương tiền bạc và cấp bằng không đem lại hạnh phúc, chị chống đối ép duyên đến cùng, mà nay sao chị lại ép duyên con kia? - Ngăn cấm không kết quả, chị đành thuận cho chúng tiến hành hôn lễ, nhưng nỗi ám ức cứ tuôn tràn qua thái độ kém thân thiện của chị đối với thằng rể. Có lẽ vì vậy mà chúng nó viện cớ tìm được việc làm tốt ở Los Angeles, rồi dọn đi mất. Nó đi xa, chị nhớ chị buồn, rồi chị lại cần nài oán trách, chúng càng né tránh rồi trốn biệt luôn. Ôi! giờ này chị hiểu và thương chúng nó, kể ra cũng hơi muộn màng. Kinh nghiệm vụ con Hồng, chị canh giữ hai thằng con trai rất kỹ. Chị gợi ý cho thằng Tú đám nào, nó cũng chẳng mản đễ ý, mà hễ hai anh em nó giao thiệp ai, chị lại thấy chẳng cô nào xứng đáng cả. (Chị mới nghiệm ra điều này em ạ! Đường như trong máu của người đàn bà thương con đã ngầm chứa chút tị hiềm với con dâu nên bạn gái nào của nó mình cũng chê. Ngay nàng dâu do mình chọn rồi giới thiệu cho con, không bao lâu mình cũng sẽ khám phá ra vô số khuyết điểm của nó.). Thời gian ngắn ngủi sau đó, chị hốt hoảng khám phá rằng thằng Tú dính líu với một cô gái gốc Mỹ. Hôn nhân là chuyện chúng nó, chủng tộc nào tùy nó, đâu chắc gì có vợ Việt thì hạnh phúc bền bỉ? Kể ra, ở bên này mà có vợ Mỹ thì cũng đâu có gì quá đáng hơn ngày xưa tại xứ Đồng Tháp quê mùa có chị nằng nặc đòi kết hôn với người Huế, nói tiếng gì mà cả xóm Cái Sơn chẳng ai hiểu một câu! Thế nhưng, lúc đó chị không nghĩ vậy, chị làm dữ với thằng Tú trước mặt con nhỏ đó, hi vọng con đó bỏ thằng Tú thì tốt biết bao nhiêu. Kết cuộc, như em biết đó, thằng Tú xin đổi lên Chicago. Từ chuyện tình duyên của con cái, chị quán sát cả đến những chuyện lật vạt khác và chợt dạ thấy mình sao lắm cảm quá chừng đi. Em nghĩ coi, thằng Toàn đã 27 tuổi, học năm chót y khoa, mà chị lải nhải bắt nó

uống thuốc này thuốc nọ, phải mặc áo ấm, đội nón, che dù... lo như lo cho đứa con nít tiểu học, vậy mà nó lơ là thì chị lại hờn tủi mới chớ! Đến như việc việc giao tế của nó, chị thường cảm râm rã nó dành hết thời giờ cho bạn bè, nhưng thật ra thì nó học bạc đầu, mỗi tuần được chừng vài giờ rảnh rỗi, liên lạc với bạn bè trang lứa khác nhau chuyện tầm phào cho thoải mái, mà chị đòi dành thời giờ đó cho chị, điều đó chắc hơi quá đáng phải không em?

Càng suy tư quán sát chị càng thông cảm hiểu biết con cái, chị không còn khổ sở, hờn giận gì nữa. Chúng nó, giống như chị ngày xưa, sẽ đến lúc trưởng thành, rồi có cuộc đời riêng. Con chim mẹ, phải tập nhìn bầy con của mình, tung cánh bay cao, với niềm hãnh diện hân hoan, chớ không phải với tâm trạng cô đơn hờn tủi.

Suy tư này vừa lóe trong tâm tư, chị liền cảm thấy niềm an lạc tràn ngập khắp cả châu thân. Chị vừa "ngộ" em ạ! Em đừng cười chị nhé! Chị nói giỡn nhưng không hẳn là đại ngôn đâu! Cái nguyên lý "vô thường" mà mình nghe quý thầy giảng hoài, chị tưởng như đã nắm vững, nhưng thật ra, trước kia mình nghe như nước đổ lá môn, mà chưa bao giờ thâm nhập. Bây giờ thì chị ý thức rõ rệt nguyên lý vô thường như một kinh nghiệm thực tại, nó hòa nhịp trong đời sống của mình, diễn tiến tuần tự, như nhiên và mầu nhiệm: hợp rồi tan, tròn rồi khuyết. Có cái gì thành trụ mà chẳng đi đến giai đoạn hoại không? Tâm thân tứ đại cũ mềm này, rồi cũng sẽ đến lúc tan hoại rã rời.

Em út thương,

Nguyên lý vô thường dính liền với ý niệm sống chết. Đã sanh ra đời thì ai cũng có một lần chết. Đó là sự thật hiển nhiên, vậy mà bấy lâu nay cơ hồ chị quên mất điều đó. Chị hành động in tuồng như chị sẽ sống dai như "Bành tổ" để đùm bọc, lo lắng cho các con mãi mãi. Ca dao nước mình so sánh sự sinh nở nguy hiểm như là chuyến phiêu lưu ra biển khơi cô đơn:

Người ta đi biển có đôi

Còn tôi đi biển mò côi một mình.

Ca dao trên không đúng với trường hợp của chị, vì khi sanh ba mụn con, lần nào chị cũng có chồng kề cận, được bác sĩ và hộ sinh chăm sóc, nên cảnh cô đơn hiểm nghèo chưa thật sự trải qua. Thế nhưng, giờ đây câu ca dao đó bỗng hiện về ray rứt chị, khi chị nhận thấy rằng dường như nó phản ánh khá trung thực tâm trạng cô đơn hoảng hốt của con người trong chuyến

ra đi cuối cùng của cuộc đời. Con người từ cõi sống bước vào cõi chết mù mịt bơ vơ, hoang mang chẳng biết trôi dạt về đâu thì có khác nào đi biển một mình trong đêm đen mưa gió bão bùng. Chuyển đi kinh khủng đó không có phương cách trốn tránh được, vậy thì chỉ có một giải pháp duy nhất là chuẩn bị sẵn sàng để đối diện: nếu mình nắm vững phương hướng, và được hành trang bằng niềm tin và nghị lực chắc chắn nổi hoang mang sợ hãi sẽ giảm thiểu! phải không út?

Anh chị đã may mắn quy y và học Phật Pháp với hòa thượng Thiện Hòa trước năm 1975, nhưng khi sang Hoa Kỳ phải quay cuồng với nếp sống mới, rồi chị lại "xà quần" với chuyện lo lắng, thương yêu, hờn giận con cái, mà xao lãng chuyện tu tập. Nay giật mình tỉnh thức, nhận thấy tình trạng đã vô cùng cấp bách, không còn chần chờ gì nữa, chị dứt khoát tu tập theo pháp môn Niệm Phật tu tâm, cầu vãng sanh về thế giới cực lạc của Đức Phật A Di Đà. Kinh sách hướng dẫn pháp môn tịnh độ nhiều lắm, nhưng chị thấy chỉ cần quyển Niệm Phật Thập Yếu của thầy T. Thiện Tâm cũng đủ lắm rồi. Chị căn cứ theo đó mà lập thời dụng biểu cần mật để tha thiết Niệm Phật cầu vãng sanh. Nếu "Tín, Hạnh, Nguyện" được vững vàng, thì chuyển đi cuối cùng mình đã rõ ràng phương hướng, đầy đủ tư lương nên không có gì phải hoang mang bối rối nữa! phải không em!

Từ ngày khởi sự tu tập, tâm chị dần dần thoải mái. Dĩ nhiên là chị vẫn chăm sóc và cơm nước cho hai cha con, nhưng chị không "ép ăn và ép thương" ai nữa. Chị không đòi hỏi con cái lúc nào cũng nghĩ tới chị, chị cũng không trách móc hờn tủi, cũng không bận bịu lo âu về những chuyện xa vời ngoài tầm tay mình nữa. Anh hai cũng đỡ bị chị lẳng nhăng cà khía nên rất hài lòng.

Có lẽ tụi nhỏ khéo với nhau rằng độ rày chị dễ dãi, nên mùa giáng sinh vừa qua, đám con Hồng và thằng Tú rủ nhau về cho một nhà. Chị để chúng sống thoải mái tùy thích, không đòi hỏi ràng buộc gì cả. Chị cũng tươm tất nấu nướng cho chúng toàn là những thức ăn đặc biệt Việt Nam, để biết đâu chừng, một ngày xa xôi nào đó, bất chợt nhớ lại khung cảnh gia đình ngày xưa, thì hình ảnh con tôm kho tàu, trái khổ qua dồn thịt, tô mắm chung... - giống như tô canh bù ngót của cậu út -, sẽ hiện về trong tâm khảm chúng như một kỷ niệm ngọt ngào tình thương. Chúng nó tụ về thì vui, chúng đi chị khỏe, thời giờ tu tập đỡ bị xáo trộn.

Ồ! có chuyện này khá vui, sẵn dịp chị kể em nghe cười chơi. Nhân dịp có đủ hai thằng con trai, anh dặn dò:

- Ba má đã bàn nhau và đồng ý rằng hôn nhân của các con do các con tự quyết định, hạnh phúc thì các con nhờ, đau khổ các con chịu. Ba má không muốn xen vào chuyện của các con, mà chỉ muốn nhắc nhở các con một điều là vợ chồng cùng chung một nền văn hóa, cùng chung một tôn giáo, để xây dựng hạnh phúc hơn. Lúc trẻ mình không thấy tầm quan trọng của hai vấn đề này, nhưng khi về già, người ta thường sống trở lại với dĩ vãng và cần nương tựa vào một niềm tin, thì văn hóa và tôn giáo, trở thành yếu tố then chốt giữ vững tình nghĩa mặn nồng cho chuỗi ngày già.

Chị cũng góp ý:

- Hôn nhân là chuyện quan trọng ảnh hưởng suốt cả đời. Do đó, các con nhớ phải cẩn thận, lựa thật kỹ kẻo mang khổ nghe các con!

Tú cười ngất đáp:

- Má yên chí đi! Vụ này thì con kỹ lắm! Con phải sống chung với nhau vài năm, biết rõ hết mọi chuyện rồi mới nghĩ đến chuyện kết hôn má ạ!

"Trời đất! Em nghe thằng Tú nói như vậy em có lòng bùng lỗ tai không út?". Chị thấy nó chủ trương kỳ lạ muốn răn dạy nó, nhưng mình đã nguyện buông bỏ mọi việc để rảnh rang tu tập, mà còn thắc mắc gì nữa, nên chị gượng cười cho xong.

Em út thương,

Chị biết em đã chứng kiến và hiểu biết nỗi đau khổ của chị, nên chị viết thư này kể lể hết mọi chuyện để em được yên tâm. Bắt đầu tu tập thì cũng bắt đầu cảm thấy an lành thư thái em ạ! Kể ra, đợi gần đến sáu mươi mới lo tu niệm là quá trễ phải không em?

Ít hàng thăm hai em và các cháu. Chúc gia đình em một năm mới an khang thịnh vượng.

Chị hai của em,
Nguyễn Thị Xuân.

Đông xếp thư chị lại trong niềm vui tràn ngập. Hình ảnh người chị thân thương thấp thoáng ẩn hiện trong tâm khảm chàng. Bóng dáng người chị tuổi lục trần đó thoát tan biến rồi hóa thành cô gái tuổi xuân cài nhí nhánh, đang chăm chỉ sửa chiếc vòng làm bằng vành nia cho thằng em út. Cạnh đó,

bên bàn ăn, một tô canh bù ngọt ngọt ngào vẫn còn nghi ngút khói...

Tháng 11.1996

Ghi chú:

1. Thẳng; thẳng ấy 2. Chệc: thô ngữ của người Tiều Châu có nghĩa là chú, như tiếng xăm có nghĩa là thím. Dân miền Nam hiểu khách gọi người Tiều là "chú thím" bằng ngôn ngữ của họ là "chệc và xăm", có người trùng dụng là chú chệc, thím xăm.

3. Hẫu: hay hầu sực là thô ngữ người Quảng Đông có nghĩa là thức ăn ngon, khoái khẩu.

---o0o---

Con Đường Vô Tận

**Kinh dân cụ cố Đinh thị Xuyên và hai con là
cụ bà Nguyễn thị Quỳnh & Nguyễn thị Sáu**

Chiếc tàu đò Cao Lãnh Sa Đéc Đại Tân hụ mấy đợt còi thúc giục hành khách inh ỏi, nhưng vẫn im lìm nằm vạ tại bến tàu, không có vẻ gì sắp di chuyển cả. Hành khách đã quen thuộc với sinh hoạt này nên một số đông vẫn tà tà trên bến thoải mái chuyện trò. Sinh hoạt trên tàu rộn rịp như cảnh chợ đông. Hàng hóa từng bao chỉ xanh tới tấp khuân lên tàu, chất tràn cả lối đi. Hành khách lên xuống, tới lui, ới ới chỉ điểm nhau chọn một chỗ tốt cho cuộc hành trình. Mấy em bé bán hàng rong len lỏi khắp nơi tha thiết rao hàng mời mọc : “Nước mía! Nước chanh đá đây!”, “Thử tô bánh canh giò heo, chị!”, “Cậu ăn đĩa cơm tấm bì cho chắc bụng! Còn kịp giờ chán mà!...”

Không lạ gì cảnh này, Đinh hữu Thuật(1) đứng dựa vào boong tàu lơ đãng nhìn cụm mây trắng xa xôi, cổ che dấu niềm riêng đang ngổn ngang trong dạ. Chàng vô tình đưa mắt nhìn về hai đứa bé, đang đứng co ro một góc tàu, dáo dác nhìn lên bờ sục tìm cha mẹ. Chúng đã được cha mẹ dẫn đến bất ngờ chờ để “xí phần” trước chỗ ngồi, rồi họ lại quày quã trở lên bờ giải quyết chuyện gì khá lâu mà sao vẫn còn biệt dạng. Tàu lại hụ lên ba còi liên tục, lần này tiếng còi có mời dòn dập quyết liệt; thế rồi, giây thừng cột tàu được tháo ra, và tàu từ từ xê dịch. Đám hành khách đang tùm năm tùm ba quyn

luyện nín kéo nhau trên bến mới vội vã trở tài khinh công ào ào phóng xuống tàu. Tới giây phút này vẫn chưa thấy cha mẹ xuất hiện, hai đứa bé lo sợ cuống cuống, đứabé gái méu cái miệng “méo xẹo” trông dễ thương vô cùng. Thuật chợt liên tưởng đến câu hát ru em :

“Tàu súp lê một, còn trông còn đợi!

“Tàu súp lê hai! Còn đợi còn chờ!

“Tàu súp lê ba! Tàu ra biển Bắc!

“Tay vịn song sắt mà nước mắt chảy hai hàng...”

Chàng tủm tỉm cười, thâm nghĩ : “Thì cũng có ba tiếng “súp lê”, tàu ra hướng Bắc và có hai hàng nước mắt, dù là nước mắt của trẻ con lạc mẹ”. Nước mắt nào chẳng làm cho người ta mềm lòng, Thuật chen vội đến bên em bé ngọt ngào dỗ :

- Không sao đâu cháu! Ba má cháu không bị trễ tàu đâu! Cháu đừng lo!

Được an ủi, con bé chẳng những không nín, mà lại còn ngoác mồm khóc thét lên, khiến Thuật bối rối chẳng biết phải làm thế nào cho ổn. May mắn là chiếc tàu đang đứng đĩnh xoay đầu, chưa cách bến bao xa, thì đã nghe tiếng kêu ới ới, rồi có chiếc xuống con chèo thật nhanh đưa ra thêm mấy hành khách chậm chạp nữa, trong số này có cả cha mẹ hai đứa nhỏ. Con bé đang bù lu bù la khóc, vừa thấy mẹ mừng rú lên. Em lại được dúi cho chiếc bánh cam, nên tuy nước mắt chưa khô, mà đã hí hửng cười tươi rồi. Đôi vợ chồng lúng túng ngỏ lời cảm ơn Thuật đã trông nom dùm hai đứa trẻ. Người đàn ông lịch thiệp tự giới thiệu tên là Lê Văn Cư hành nghề gõ đầu trẻ. Vợ chồng thầy phải gấp rút lên đường về quê nhà tại Bến Tre, vì thân phụ thầy đang lâm bệnh trầm trọng. Thuật cũng tự giới thiệu danh tánh và với giọng nửa đùa nửa thật, chàng cho biết từ ngày bỏ học về nhà “ăn bám” cha mẹ, suốt ngày chàng chỉ biết “rông chơi lêu lổng” với bè bạn mà thôi. Tuy Thuật dè dặt tránh tiết lộ thân thế và tư tưởng thâm kín của mình và đẩy đưa câu chuyện xoay quanh toàn những đề tài vô thưởng vô phạt, vậy mà, chỉ trong khoảng một thời gian ngắn hai kẻ xa lạ đã đối đáp dòn tan. Bên cạnh đó, thím giáo vừa quạt vừa dịu dàng cất tiếng ru con ngủ. Tiếng ru gợi cảm của thím nhỏ, nhưng trong sáng rõ ràng, từng âm thanh ngọt ngào như rót vào tai mọi người :

“Mười giờ Ông Chánh về Tây!

“Cô Ba ở lại lấy thầy thông ngôn

“Thông ngôn, ký lục, bạc chục không màn

“Lấy chồng thợ bạc, đeo vàng đỏ tay!...”

Vần thơ trên tuy chỉ mô tả một câu chuyện tình thời sự bình thường, nhưng chủ ý có lẽ nhằm cười cợt đức hạnh tội tệ của đám người Việt chạy theo thực dân Pháp, vì vậy, chỉ trong một thời gian ngắn sau khi xuất hiện, nó đã biến thành câu ca dao phổ biến trong dân gian.

Lời ru vô tình gọi cho hai người đàn ông một đề tài mới để bàn bạc. Thầy giáo Cư phê bình :

- Bọn “me Tây, bồi Tây” dễ ghét làm sao á!

Thuật thờ dài đáp :

- Cái bọn “bồi Tây, me Tây” bại hoại này thì đâu còn gì để phê bình nữa. Chúng hãm hại đất nước, ức hiếp dân lành còn hơn kẻ ngoại bang nữa kia!

Chẳng biết có lưu tâm đến mẫu đối thoại của hai người đàn ông không, mà bỗng nhiên lời ru của thím giáo lại trở nên ngậm ngùi u oán :

“ à..ơ..!

Non nước u sầu hệ bởi đâu?

Dàu dàu mây bạc cõi Ngao Châu!...”

và

Thà đui mà giữ đạo nhà...

Hơn là có mắt ông cha không thờ!...”

Thấy vẻ ngẩn ngơ của Thuật, thầy giáo giải thích :

Đây là những câu thơ của cụ đồ Nguyễn đình Chiêu! Dân Bến Tre chúng tôi, ai mà chẳng thuộc nằm lòng những vần thơ yêu nước thương nòi của cụ!

Thím giáo lại tiếp tục ru con :

“ à... ơ...”

“Chùng nào con xán bung vành!

“Tàu binh liệt máy, thì anh mới về!”(2)

- Câu hát trữ tình này rất phổ biến tại Cao Lãnh, xuất xứ như thế nào tôi chưa hiểu ra, nhưng tôi thấy có gì trật trật hay là lạ sao đó! Anh nghĩ coi chiếc tàu, chiếc xán là sản phẩm ngoại lai, đâu có gán gữ thơ mộng với dân quê như chiếc xuồng, chiếc ghe, vậy mà không hiểu tại sao tác giả lại mượn hình ảnh này để gợi cảm tình cảm của mình?, thầy giáo Cư lại lên tiếng.

Thuật góp ý :

- Câu ca dao này có lẽ phát khởi từ nhóm nghĩa quân Thiên Hộ Vương ngày trước. Thuở đó, bọn Pháp xâm lăng miền Tây đã dựa vào những chiếc tàu tối tân chở binh sĩ đi khắp nơi tấn công nghĩa quân yêu nước. Địa phương nào không có đường sông thuận tiện, như vùng Đồng Tháp Mười, chúng phải đào kinh ngang dọc làm đường vận chuyển quân. Thời đó, chiếc xán như con quái vật khổng lồ lạnh lùng nuốt trứng ruộng đồng, nhà cửa dân lành. Nó cũng khủng khiếp như đoàn quân viễn chinh độc ác giết người cướp của, cưỡng hiếp phụ nữ kể cả người già và trẻ con. Chính vì vậy mà nghĩa quân năm xưa đã xử dụng hình ảnh phá hủy tàu binh và xán đào kinh để nói lên chí nguyện đuổi quân xâm lăng của mình. Chừng nào hết kẻ xâm lăng thì người nghĩa quân mới có quyền nghĩ đến tình riêng.

- Ôi! Câu hát mộc mạc vụng về mà chan chứa tình nước tình nhà cao ngất! Hào khí của người xưa quả đáng cho chúng ta khâm phục!

Nhờ mấy câu hát ru con yêu nước, Thuật hiểu rõ lòng dạ của vợ chồng thầy Cư, chàng tin tưởng ngay người bạn mới và thố lộ hết những bí mật của đời chàng. Thuật đã dẫn thân đời mình cho sự nghiệp cách mạng dành độc lập, nhóm chiến hữu của chàng đã lập ra tổ chức “Đông Kinh Nghĩa Thục miền Nam”, với hoài bão vận động đưa những thanh niên nhiệt huyết sang Trung Hoa và Nhật học hỏi, chờ ngày thành tài về nước thành lập lực lượng võ trang đánh đuổi bọn xâm lăng. Lúc bấy giờ, một trận thế chiến đã có nguy cơ bùng nổ bên trời Âu, chánh quyền Pháp tăng cường kiểm soát an ninh, tung mật thám khắp nơi mưu đồ phá vỡ các đoàn thể cách mạng, do đó, con đường vượt biên xuyên qua vùng thượng du Bắc Việt trở nên nguy hiểm, nhất là đối với người miền Nam không hiểu rõ sinh hoạt miền Thượng du, và có giọng nói khác biệt. Thuật có vốn liếng Hán học, lại có thể đàm thoại sơ sài tiếng Quảng Đông, nên được anh em ủy thác tìm con đường vượt biên mới qua ngã Miền Lào. Do đó, hôm nay chàng về xã Mỹ Xương thăm nhà lần cuối cùng trước khi lên đường... Thế rồi, Thuật bỗng bùi ngùi run giọng : “Ngày mai, nếu “nhà tôi” hỏi tôi chừng nào trở lại, chẳng biết tôi có đủ can đảm nhắc lại câu hát của người xưa : “Chừng nào con xán bung vành. Tàu binh liệt máy thì anh mới về..” hay không?”

Tàu dừng bến xã nhà, Thuật bận bịu từ giã bạn mới nên vẫn còn chần chờ trên tàu. Bỗng Thuật nhìn lên bờ, chàng tái mặt khi thấy cai tổng Ninh, tên tai sai đắc lực của thực dân Pháp, đang chỉ chỗ ba hoa với mấy tên “phèn”(3)

mật thám Sa Đéc. Bọn họ chăm chú nhìn kỹ từng người xuống tàu như đang lục tìm ai.

Thầy giáo Cư tinh ý lên tiếng :

- Có gì lạ phải không anh?

- Nguy hiểm quá! Bọn phèn Sa Đéc đang bủa lưới chận bắt người! Có lẽ hành tung của tôi đã bị lộ, nên bọn chúng mới rình rập tôi ở chôn này!

Sau mấy giây phút bồi rối, thầy giáo Cư bình tĩnh bảo Thuật nằm cạnh thím giáo, ôm đứa cháu trai trong lòng giả vờ ngủ, rồi thầy giáo ra đứng bên hông tàu, thơ thẩn nhìn mây bay như người vô sự. Thím giáo hội ý chồng, lấy nón lá che mặt cho Thuật, phe phẩy quạt, đu đưa chiếc võng, rồi liên tục cất tiếng ru con ngọt ngào... Bọn mật thám lên tàu lục soát, không chú ý đến cảnh gia đình đầm ấm này, nên Thuật thoát nạn.

Thuật tránh liên lạc với bạn hữu vì sợ bị theo dõi mà gây nguy hại đến tổ chức. Ngày hôm sau, Thuật đón xe đò đi Châu Đốc, và nhờ mang sẵn giấy căn cước “thuộc dân”, chàng vượt biên giới hợp pháp đến Nam Vang, ghé Battambang thông báo cho đồng chí cơ sở tại đó, đoạn lên Luang Prabang Ai Lao, tạm ẩn thân tại đồn điền An Phong của vợ chồng cô em thứ năm nhũ danh Đinh thị Xuyên. Chủ nhân thường xuyên sinh sống tại quê nhà, giao cơ sở cho người chú họ tên tư Hanh toàn quyền điều khiển. Viên quản lý đang sống phong lưu với năm bảy nàng hầu, cảm tưởng bất thần bị anh bà chủ thanh sát, nên phục vụ Thuật vô cùng chu đáo, từ việc ăn ở cho đến việc di chuyển khắp nước Lào. Nhờ vậy, chỉ mấy tháng sau, Thuật đã tìm được người địa phương thông thạo dẫn đường vượt biên giới đến Côn Minh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Rủi ro bất ngờ, là chiến hữu Triệu thúc Ba, phụ trách cơ sở cho tổ chức tại địa phương này bị bạo bệnh qua đời ba ngày trước khi Thuật có cơ hội gặp mặt. Mất đường giây liên lạc, Thuật bơ vơ xư lạ quê người chẳng biết xoay xử ra sao. Tình cảnh của những người Việt làm cách mạng tạm trú tại miền Nam Trung Hoa lúc bấy giờ rất khó khăn. Tướng Đường kế Nghiêu, đô đốc Vân Nam, chủ trương hợp tác với chánh quyền Pháp tại Đông Dương, vừa ra lệnh lực lượng an ninh lùng bắt tất cả Việt kiều lưu vong sống bất hợp pháp để giao nộp cho Hà Nội. Tiếp tục chuyển đi trong thời điểm này rất nguy hiểm, mà trở về Ai Lao bằng con đường cũ cũng là chuyện nan giải, vì các trục giao thông chính yếu đều bị nút chặn an ninh kiểm soát chặt chẽ. Do đó, Thuật băng rừng lội suối hoặc

chọn những con lộ hoang vắng kiểm soát lỏng lẻo mà đi. Vì không có lộ trình nhất định, vô tình Thuật lạc sang địa phận huyện Tân Châu, phủ Đại Lý. Thuật lại nảy ý vượt biên giới theo ngã Tân Châu sang Miến Điện, rồi từ đó trở về Lào. Lộ trình này tuy quanh co khúc khuỷu nhưng rất an toàn. Chỉ mấy ngày xông bờ lướt bụi, ăn uống thất thường, chàng bệ rạc thất thểu như một kẻ ăn mày. “Lộng giả thành chân”, Thuật cũng mon men theo những tên hành khất chánh hiệu, lỳ mặt kiếm chút cơm thừa, tuy bị xô đuổi vẫn đỡ nguy hiểm hơn vào tiệm ăn uống, nói năng không thành thuộc dễ bị lộ chân tướng. Trên con đường đất đá Ngõa thôn thuộc địa phận huyện Tân Châu, Thuật lồm bồm nghe một khách thương kể hành trạng của một vị sư già khổ hạnh, cam và điếc, không danh tính nhưng được dân địa phương tôn kính gọi là “Lung Á đầu đả”(4). Vị sư già này từ phương xa lưu lạc đến đây lâu lắm rồi, ngày ngày cứ vác cuốc, vác búa... đi đập đá, sửa đường, đắp lộ. Con đường này thuở trước gập ghềnh, đi lại cực kỳ khó khăn, nhờ sư khổ công bồi đắp mà việc đi lại mới dễ dàng. Tuy nhiên, đoạn đường thì dài mà chỉ một mình sư âm thầm sửa chữa, nên chi, chỗ này vừa bằng phẳng thì chỗ khác lồi lõm hư hoại; sư phải dời chỗ tạm trú liên tục, từ khúc lộ này đến khúc lộ kia, bền bỉ làm việc không ngừng năm này sang năm khác, mà con đường dường như dài vô tận, chẳng có triển vọng chấm dứt công tác. Làm lụng cực khổ tới ngày, vậy mà nhà sư cam điếc luôn luôn tươi mát, gặp bất cứ người nào, dù đưa trẻ con, sư đều chấp tay trang trọng vái chào kèm theo một nụ cười hiền hậu. Cảm ân đức của sư, khách bộ hành có người xin cúng dường sư trọng hậu, nhưng sư chỉ nhận chút ít thực phẩm hộ thân mà thôi. Ai kính mến sư, phát tâm theo sư đắp lộ sửa đường đôi ngày, sư cũng hoan hỷ. Động tính hiếu kỳ Thuật ước mong gặp được nhân vật lạ lùng này. Thật ra, ngoài chuyện hiếu kỳ, Thuật còn có hậu ý riêng. Chàng nghĩ khi gặp lão tu sĩ này, nếu nhận xét ông ta không nguy hiểm, thì chàng có thể “giả dạng” làm một Phật tử thuần thành phát tâm theo sư làm công quả cũng được. Đâu ai để ý gì đến thằng sửa đường đắp lộ, chàng cứ nung nấu với sư một thời gian, chờ tình hình lắng dịu rồi tính. Giải pháp này chắc chắn sẽ đỡ nguy hiểm và khổ cực hơn cảnh chàng phải trốn chui trốn nhủi, đói rách và đi lang thang vô định như mấy ngày qua. Vả chăng, gần gũi với người cam điếc là chuyện lý tưởng, Thuật sẽ không bị tra hỏi gốc tích, và khỏi phải âm ố nói năng ngọng ngịu mà lộ chân tướng người Việt của mình. Điểm rắc rối là Thuật chẳng biết nhà sư cam điếc đang “hành nghề” ở khúc lộ nào để đi tìm, chàng muốn dò hỏi nhưng làm sao dám lên tiếng, còn kẻ bàng quan kháo chuyện với nhau cho vui, chớ đâu chỉ bày cặn kẽ ngọn ngành. Thuật đành phó thác cho số mạng, cứ âm thầm làm lúi đi tới trước. Mãi đến khi trời đã về chiều, chàng mới thấy xa xa dáng một người đang lui cui đắp đất vá một lỗ hổng giữa lộ. Đó là một lão già chừng sáu mươi tuổi, mặc chiếc áo bạc

màu rách nát, bê bết đất, nếu không nhờ cái đầu cao trội thì khó biết đó là một tu sĩ. Đoan chắc đã tìm đúng người, Thuật tới gần, giở nón chào. Vị sư già khoan thai từ tốn chấp tay xá đáp lễ và trao cho chàng nụ cười hoan hỷ cảm thông. Thuật lặng người rung động ràn rụa nước mắt. Chàng lâm vào một hoàn cảnh bi đát, thấy ai cũng hốt hoảng nghi ngại, lòng dạ rối như tơ vò vì chẳng biết nên làm gì, đi đâu, thăm hỏi ai? Vậy mà, vừa đón nhận nụ cười của sư, chàng liền cảm thấy an lành thư thái, giống như tâm trạng của một chú gà con bị điều hâu săn đuổi, bỗng tìm thấy được mẹ hiền đang dang rộng đôi cánh thương yêu che chở. Sư vỗ nhẹ vai chàng ngậm bảo chàng yên tâm, đoạn sư tiếp tục công việc dang dở. Nhờ biết rõ sư bị bệnh tâm và điếc nên Thuật không thắc mắc hỏi han câu nào, chàng trầm ngâm quan sát lỗi làm việc của sư, và chờ đợi khi sư hoàn tất việc đắp vá con lộ, quảy cuốc, xách giỏ đi, thì Thuật cũng lẳng lặng theo sau chẳng chút ngần ngại. Mãi đến khi trời sụp tối, lặn lội cả hai dặm đường dài, ông lão mới đưa chàng đến nơi tạm trú, một cái chòi nhỏ xíu nằm ven lộ. Sư lúi húi thổi lửa, luộc khoai, rồi giơ tay ra hiệu mời Thuật ăn. Thuật đang đói bụng, ăn liên tục hai củ mới chợt nhớ đến sư. Chàng lúng túng chấp tay mời sư. Sư lắc đầu, chỉ hướng mặt trời lặn. Suy nghĩ một lúc lâu, Thuật mới hiểu ý sư. Tuy làm việc nặng nhọc, nhưng sư vẫn giữ giới không ăn sau giờ ngọ. Thuật chẳng màu mè, khoan khoái vét sạch phần còn lại. Sư ngắm nhìn chàng ăn, hỷ hả như bà mẹ hiền đang chăm sóc đứa con “cưng”, vui với niềm vui của con. Aên xong, Thuật cũng muốn dọn dẹp nhưng đang đứng xớ rớ thì sư bảo chàng vào ô rơm nằm ngủ. Thuật đã mệt đừ đừ, mắt riu lại mở không lên, nên cứ lăn càn ra đó, ngáy vang như sấm. Sáng sớm hôm sau, vừa thức dậy chàng đã thấy sư lo lắng đầu vào đó sẵn cả rồi. Thế rồi, hai người ăn cơm, xới phần còn lại cho bữa trưa, rồi quảy gánh lên đường. Sau đó, cả hai cùng ra tay xúc đất đá đắp đường, trọn ngày không ai nói với ai một lời, nhưng mối liên hệ ngày càng mật thiết. Điềm lạ lùng là tuy tuổi đã cao, phải lao động nặng nề, mà thái độ sư lúc nào cũng ung dung thông thả... trong khi Thuật phải vất vả, vận dụng toàn lực, mệt thở hổn hển mà vẫn chưa theo kịp. Do đó, buổi chiều khi Thuật lê lét về tới lều, thì sức đã kiệt, đầu óc lơ đãng, chỉ đủ sức “nhét” tí thức ăn vào bao tử, là lăn ra nằm ngủ, chẳng quan tâm bất cứ chuyện gì, kể cả nỗi gian truân cơ cực hiện thời. Mấy tuần sau, khi thể xác đỡ bầm dập, đầu óc minh mẫn thì Thuật dần dần khám phá được niềm thú vị trong nếp sống “phu lục lộ” lao khổ này, nên cũng đỡ lo lắng cho thân phận hẩm hiu của mình.

Thuở nhỏ, Thuật đã được mẹ đưa đến chùa Bửu Lâm, Cái Bè, quy y với hòa thượng Hải Huệ. Thịnh thoảng chàng vẫn đến chùa, nhưng tánh chàng hiếu động nên chỉ lễ Phật, chào thầy rồi “chuồn” mất, chàng rất ngại khi phải

tiếp xúc với giới tu sĩ trầm lặng. Lần này, Thuật bị đặt vào cái thế phải chung sống toàn thời gian với một tu sĩ vừa già, lại vừa câm và điếc nữa..., nên ngoài nỗi khổ vì lao động cực nhọc, chàng còn cảm thấy tù túng và chán nản tột cùng. Thế nhưng, sau thời gian đầu bực bội khó chịu, Thuật lần lần lắng lòng, trầm ngâm, lặng lẽ quan sát và cuối cùng khám phá được rằng sau khi loại bỏ được mớ âm thanh ồn ào, lột bỏ được cái lễ nghi hình thức giả dối bên ngoài thì người ta mới sống thực với chính mình, mới cảm thông được với vạn vật mọi loài một cách thiêng liêng và sâu sắc. Nhận thức trên là một chuỗi dài chuyển biến nội tâm, nhưng thật ra có lẽ đã bắt nguồn từ những hành động “lắm cảm vô tích sự” của sư. Đang đi, bỗng nhiên sư dừng lại, cẩn thận dùng chiếc lá nâng con sâu, con bọ... hay búng một bụi cỏ dại ra khỏi mặt đường. Sư làm việc đó chân thành như một lễ nghi tôn giáo nên mất rất nhiều thời giờ, khiến cho kẻ chờ đợi bực bội không ít. Sư cũng từng bỏ cả ngày để săn sóc cho một con mèo hoang bị trọng thương đang thoi thóp chờ chết, rồi hì hục đào mộ chôn nó, chu đáo như lo lắng cho một thân nhân. Sư cũng có thể sốt phàn cơm cho con chó đói hay bớt phần nước uống, rưới cho bụi cỏ dại khô cần. Điểm đặc biệt là bụi cỏ dại may mắn đó hôm sau trở được một đóa hoa tí hon xinh xắn, khoe khoan màu sắc, mồm mĩm đón chào sư. Sư ân cần cuối xuống vuốt ve, trang trọng chiêm ngưỡng rồi gật gù tán thưởng. Đóa hoa chợt rung động, đong đưa theo gió nhảy nhót vui mừng. Chuyện khó tin, nhưng đối với Thuật, đó là sự thật : Họ - sư và bụi cỏ – đang trầm lặng đối thoại hào hứng với nhau. Thuật khám phá rằng trong con người chân chất của sư tiềm tàng một khả năng siêu việt có thể cảm ứng với muôn loài, tình thương bao la của sư chan hòa cả cỏ cây cát đá, nên bụi cỏ cũng quyến luyến thân thuộc với sư. Cảm nhận được điều đó, Thuật không còn xem nhẹ những chuyện “lắm cảm” của sư nữa. Chàng yên lặng quan sát thật kỹ, tìm hiểu thật sâu, để rút tĩa những bài thuyết pháp không lời tỏa ra từ hành vi của sư. Làm việc hay nghỉ ngơi, cuộc đất hay ngắm trăng, lúc nào sư cũng an lạc, sư tận hưởng sự sống trong từng giây phút hiện tiền không để rơi rớt phí phạm. Sư thông thả đi đứng, thở, cuộc đất, đập đá, rải đất đá đắp đường... rất bình thường, nhưng trong mỗi cử chỉ đều biểu lộ cho một hành động tràn đầy ý thức, và vì vậy, nên rất sống động và tự tại.

Gần gũi với bậc thanh thoát, Thuật cũng hưởng lây được niềm hạnh phúc. Càng nếm được hương vị đó, Thuật càng tha thiết mong tham học Phật Pháp với sư, nhưng ước mơ này khó thực hiện đối với vị thầy câm điếc. Thuật đành quan sát sư, tự tìm hiểu và tự vạch cho mình một phương pháp tu và sống lành mạnh. Bước đầu, Thuật tập theo dõi từng hành động, từng suy tư của mình. Chàng chiêm nghiệm được rằng khi dần dần tự kiểm soát được

thân tâm, mình mới có thể “tự làm chủ” lấy mình, không còn bị giặc tham sân si hoành hành khuấy phá nữa, vì vậy bản thân sẽ thư thái nhẹ nhàng hơn. Từ đó, đầu phải làm việc nặng nhọc, Thuật vẫn cảm thấy an vui như khi ngắm nhìn trời mây hay thưởng thức cỏ nội hoa ngàn. Giờ đây, chàng ý thức rất rõ, là thời gian làm việc chính là thời gian thụ hưởng giây phút hiện tại nhiệm mầu, nhờ vậy, chàng không nóng nảy mong làm cho chóng xong, để rồi rơi vào trạng thái bồn chồn, sầu lo, thương ghét, giận hờn...

Lụi bại mà Thuật đã nương nấu với nhà sư câm điếc tròn mười tháng. Thuật vui vẻ theo sư di chuyển dài dài trên con đường đất đá gập trâm dậm để sửa chữa, chẳng chút bận tâm đến thân phận trốn tránh bi đát của mình. Một hôm có đoàn khách thương dừng bước ngay chỗ chàng sửa đường, họ cúng dường cho sư chút thực phẩm, rồi có lẽ thấy không cần dè dặt với thầy trò kẻ mang bệnh câm điếc, họ bô bô bàn bạc những tin tức chánh trị nóng hổi đương thời. Các vị tướng lãnh quân đội tỉnh Vân Nam chia thành hai phe kình chống nhau để tranh đoạt chức đô đốc. Hai bên đã dàn quân đối đầu nhau, giao tranh lớn chắc chắn sẽ xảy ra. Phe của tướng Cổ phẩm Trân có phần hùng hậu hơn phe của tướng Đường kế Nghiêu, vị đô đốc đương thời. Giới lãnh đạo kình chống nhau không ai bận tâm điều hành guồng máy hành chánh kinh tế trong tỉnh. Các viên chức nhỏ bất động không dám giải quyết điều gì vì sợ trách nhiệm, thành thử luật lệ nội an lỏng lẻo, giới kinh doanh mặc sức làm ăn phi pháp để làm giàu nhanh chóng.

“Trong tình trạng này, có lẽ, lệnh ruồng bắt những người Việt lưu vong không còn hiệu lực nữa. Mình có thể tái hoạt động rồi đây!”, Thuật thầm nghĩ rồi bồn chồn chẳng yên. Bấy lâu, sống êm đềm với nhà sư câm điếc, Thuật tưởng mình đã quên lãng “trần gian khổ lụy”, nào ngờ vừa nghe tin này, thì hào khí người trai trời dậy, chàng hăm hở mong sớm lên đường để tiếp tục sự nghiệp cách mạng của mình. Thế nhưng nghĩ đến việc xa rời vị thầy tôn kính, Thuật cảm thấy bùi ngùi chẳng yên.

Sau một đêm trần trọc, chờ đến sáng khi đến lúc sắp lên đường, Thuật lay thầy từ tạ, rồi cảm động rung rung nước mắt lên tiếng :

- Con phải lên đường thầy ạ! Con muốn sống mãi nơi này với thầy, nhưng con không thể bỏ rơi quê hương và phụ lòng tin tưởng của bè bạn con được! – chàng nói tiếng Việt, vì nghĩ thầy điếc thì nói tiếng nào cũng vậy thôi, thầy đoán mò được điều gì cũng tốt –

- Ô, đương nhiên thì con phải ra đi! Nhưng nếu con nán lại thêm một thời gian ngắn nữa thì tốt lắm!

Thuật sừng sốt, nhón nhác nhìn sư. Chàng lắc đầu không tin tưởng lỗ tai mình. Chàng thâm nghĩ : “Lạ quá! sư? sư câm mà sao bỗng nhiên sư nói được, mà nói tiếng Việt mới dị kỳ chớ?, sư là người cõi trần hay từ cõi nào mà có thể hiển lộ thần thông như vậy???”

- Con à! Thầy không câm và điếc, và thầy cũng là người Việt như con vậy đó!

Thuật mừng rỡ hỏi lung tung :

- Thầy sang đây từ bao giờ? Cuộc đời tu tập của thầy như thế nào? Mà sao thầy lại chọn làm công việc này ở đây?

- Ô! Thầy vốn là tu sĩ chùa Phước Hưng, Sa Đéc(6). Thầy rời nước năm hai mươi lăm tuổi, tính đến nay đã tròn bốn mươi năm rồi! Cuộc đời tu tập, hạnh nguyện và nguyên nhân “câm điếc” của thầy dài dòng, nhưng thầy có ghi chép lại. Thầy sẽ trao cho con để tìm hiểu sau này!

- Đúng là Trời Phật dun rủi cho con trên bước đường cùng, may mắn gặp được thầy!

- Dĩ nhiên là như vậy rồi! Nếu không có nhân duyên ngày trước thì làm gì có chuyện hội ngộ về sau! Lần hội ngộ này tương đối sắp hoàn mãn rồi. Do đó, thầy chỉ mong con lưu lại chôn này chừng hai tháng nữa thì mọi việc sẽ diễn tiến trơn tru tốt đẹp. Thật ra, thì thầy cũng có chút việc dự định phú thác cho con!

- Thầy dạy điều chi con cũng xin tuân theo cả! Ô! hai tháng thì ngắn ngủi quá! Con nghĩ con nên lưu lại lâu hơn để có thời giờ học đạo với thầy!

Thế rồi Thuật ở lại tiếp tục theo thầy hành nghề phu lục lộ và học đạo. Chàng đã từng quy y với hòa thượng Hải Huệ, nhưng lúc đó nhỏ dại chẳng hiểu biết gì, pháp danh chàng cũng mù tịt nên thỉnh cầu được quy y lại. Thầy quở : “Nếu con chưa nắm vững nghĩa lý thì thầy sẽ giải thích con hiểu Tam Quy và Ngũ Giới, con quên pháp danh thì thầy đặt cho con pháp hiệu là Thiện Hữu để nhân đó mà tinh tiến tu tập, nhưng thầy không thể chấp nhận cho con quy y lại. Quy y lại là hành động vô tình khinh thường vị thầy đầu tiên, một điều mà người con Phật ân nghĩa tình thâm không thể làm được,

huống chi “một chữ là thầy, nửa chữ cũng là thầy”, khi lễ quy y đã tiến hành, dù con chưa tin hiểu đầy đủ, nhưng nhân lành đã được gieo, quả lành theo đó mà trùng trùng duyên khởi, phước báu mệnh mang, thâm ân thầy xưa sao quên cho được?”

Thuật thỉnh cầu sư trao truyền một pháp môn để tu tập thì sư đáp :

Phật Pháp mệnh mông chẳng bến bờ, mà thời giờ còn lại ngắn ngủi, vì vậy thầy đành bắt chước người xưa nhắc nhở con bằng bài kệ :

-

Chớ tạo các điều ác
Vâng làm mọi việc lành
Giữ tâm ý trong sạch
Đây lời dạy chư Phật.

Tích xưa kể rằng vào thời nhà Đường có vị cao tăng nổi tiếng là đạo cao đức trọng thường ngồi tu trên một nhánh cây nên được bá tánh tôn xưng là Điều Sào hòa thượng. Vị thái thú đương thời là Bạch lạc Thiên, nghe danh tìm đến, thỉnh cầu sư giảng dạy về đại ý Phật Pháp. Sư trả lời bằng bốn câu kệ ngắn gọn này. Bạch thái thú phản đối : “Tuồng sư dạy điều gì đặc biệt, chớ những lời này thì đứa con nít lên ba tuổi cũng biết”. Sư thản nhiên đáp : “Con nít ba tuổi tuy nói được, nhưng lão già tám mươi chưa chắc làm được!” Phật Pháp giản dị như vậy đó con. Chỉ cần tránh điều ác, làm việc lành là đủ, nhưng vấn đề là phải tâm tâm niệm niệm hết lòng hết sức thực hành điều đó, thì tâm ý mới giữ được thanh tịnh. Giới đã thanh tịnh thì định huệ sẽ phát sanh, con đường giải thoát chẳng còn bao xa nữa.

Nếp sống phu lục lộ vẫn tiến triển như thường lệ cho đến ngày thứ mười kể từ khi sư “khai khẩu”. Sáng hôm đó, khi Thuật lui cui gom đồ nghề chuẩn bị lên đường, sư bỗng ôn tồn ngăn lại :

- Con mang theo chiếc rựa đủ rồi. Từ bây giờ mình sẽ không còn gánh vác chuyện sửa đường lộ nữa, bởi vì, hôm nay là ngày cuối cùng của thầy ở chốn này, thầy sắp đi xa rồi con ạ!

- Uả! Thầy đổi ý không bảo trì con lộ này nữa sao? Mà thầy định đi đâu vậy thầy?

- Chúng sanh vô tận thì hạnh nguyện bồ tát cũng vô tận... Nhưng giờ đây đã đến lúc thầy sẽ vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di

Đà, thầy sẽ tu tập ở cõi này cho đến khi đạt đến trình độ bất thối chuyển, rồi mới trở lại cõi Ta Bà tiếp tục con đường vô tận của mình.

Nghe tin thầy từ già cõi trần đột ngột, Thuật choáng váng tối tăm mặt mũi. Chàng ước mong gần gũi với thầy thêm một thời gian nữa, nhưng làm sao có thể mở lời ngăn cản thầy vãng sanh cho được. Nước mắt tuôn tràn, Thuật lặng lẽ theo thầy như một người máy. Sư đi vào rừng sâu, qua khỏi hồ sen nhỏ, đến khoảnh đất cây cối thưa thớt thì dừng lại bên một tảng đá bằng phẳng, rồi lên tiếng :

- Chỗ này yên tĩnh hợp ý thầy lắm! Con hãy ngồi kế bên đây, thầy có lời cuối cùng dặn dò con! Ở hay! Tử biệt sanh ly là chuyện thường tình, đâu ai tránh được điều đó! Sao con ơ hờ quên làm chủ lấy mình, để cho tâm ý bấn loạn theo nỗi buồn vui giả dối như vậy?

Nghe thầy nhắc nhở, Thuật vội thở mấy hơi thật sâu, theo dõi tâm niệm mình và dần dần khôi phục lại thái độ điềm tĩnh thường nhật. Sư lại lên tiếng :

- Thuở sơ tâm xuất gia, có lần ta theo sư phụ làm lễ cầu an cho một gia đình ở xóm chài, mũi Nai, Hà Tiên. Ta xúc động chứng kiến cảnh vô số loài thủy tộc : cá, tôm tép ruốc... bị bắt làm khô làm mắm, nên nảy lòng phát nguyện tu hành để cứu độ loài thủy tộc này. Vì vậy, ta nhờ con thiêu xác thân ta, mang mớ tro tàn về nước để rải ở biển đó. Ta muốn kết thêm duyên và giữ lời ước nguyện năm xưa thêm bền chặt...

Sư trao cho chàng mấy tờ giấy chi chít chữ, rồi ôn tồn tiếp lời :

- Đây là tự truyện của ta! Con tùy nghi mà tìm hiểu, may ra giúp ích chút nào cho con trên bước đường tu tập. Ta cũng nhân cơ hội này nhắc con một điều là pháp môn nào của đạo Phật cũng quy vào việc tu dưỡng tâm, tức là chỉ nhằm chuyển sửa tâm tham sân si thành tâm thanh tịnh. Căn bản của phép tu tâm là giới mà hơn một lần thầy tóm gọn lại là “làm lành lánh dữ”. Hành giả càng tu, tâm càng thanh tịnh, cái ngã tan biến dần, nên tự tại mà hòa hợp. Trái lại, dẫu đạt đến trình độ giác ngộ như thế nào mà thiếu hòa hợp, thì có lẽ tâm đã bị cái ngã che lấp, đường lối tu âm thầm rẽ sang hướng khác mà hành giả không hay biết. Để tránh lầm lạc đó, hành giả nên luôn luôn thận trọng và thành thật quán sát từng động niệm của tâm, càng nhận thấy lỗi mình thì đạo hạnh càng có cơ phát triển.

- Khái quát thì như vậy, nhưng phải có pháp môn cao pháp môn thấp chớ thầy?

- Tâm bệnh của chúng sanh muôn vàn sai khác nên Đức Phật cũng “tùy bệnh cho thuốc” mà đưa ra những pháp môn khác biệt. Pháp môn nào cũng phát xuất từ Đức Phật và đều có hương vị giải thoát, nên không thể phán quyết pháp môn nào cao hơn pháp môn nào. Do đó, nếu quá khích tôn xưng pháp môn này, phỉ báng pháp môn khác là đã vô tình phỉ báng Phật Pháp. Vấn đề chính yếu của người hành giả là một khi đã chọn pháp môn phù hợp với căn cơ mình, thì cứ dứt khoát nhất trí tu tập, không để bất cứ ai lung lạc thay đổi đường lối, thì mới mong đạt được kết quả như ý.

- Tiếc quá! Giờ này con hiểu chút đạo lý thì mọi sự đã muộn màng! Con đã nguyện dâng hiến đời mình cho dân tộc thì đâu còn cơ hội tu tập gì nữa!

- Con ạ! Hi sinh đời mình cho dân tộc cũng là hạnh nguyện của bậc Bồ Tát. Con có thể làm cách mạng và tu tập được, nếu như hằng quán sát thân tâm không để cho niệm tham sân si sinh khởi là đủ.

Dứt lời, sư ngồi kiết già chấp tay về hướng tây liên tục niệm : “Nam mô A Di Đà Phật”. Thuật ngàn ngữ, rồi cũng cất tiếng niệm theo thầy, quên cả giờ giấc. Vừa đứng ngộ, ánh nắng gay gắt bỗng đổi thành dịu dàng, lung linh ngũ sắc, hương thơm hoa sen thoang thoảng. Thế rồi, trong không gian, bỗng có tiếng nhạc kỳ diệu trỗi vang lừng, tràn phang báo cái ẩn hiện trong mây. Từ đỉnh đầu của sư bỗng có làn hào quang xẹt thẳng lên trời. Sừng sốt ngấm nhìn hiện tượng nhiệm mầu hiển hiện trước mắt mình, Thuật nảy lòng thành kính hướng lên hư không đánh lễ liên tục. Mãi đến khi nghe tiếng âm nhạc nhỏ dần rồi im bật, chàng mới sờ tay vào mũi sư để biết chắc rằng người đã thị tịch. Tuy vậy, Thuật cẩn thận chờ thêm hai ngày nữa mới gom cây lá, lễ lạy từ biệt rồi mới châm lửa thiêu xác. Lửa tàn, chàng góp nhặt tro trắng và những viên xá lợi đựng đở trong chiếc bình bát, đặt trên tảng đá. Chàng lại tìm được vài bụi lan rừng trang trí chung quanh, như vậy, tạm coi như có chỗ thờ kính trang nghiêm trong thời gian bốn mươi chín ngày mà chàng đã quyết định lưu lại. Hàng ngày, đến giờ ngộ chàng kính cẩn quỳ và niệm Phật, thời giờ còn lại, chàng nghiền ngẫm tự truyện của ân sư để học hỏi đạo pháp và hành trạng của người...

Nội dung di thảo bằng chữ nôm như sau :

Tổ phụ ta vốn người Minh Hương, sinh cơ lập nghiệp tại Hà Tiên từ thời Tông Đức Hầu Mạc thiên Tứ. Cha ta tên Hồ thới Thuận, mẹ là Nhan mỹ Lan, kết hôn đã bảy năm vẫn hiếm muộn nên thường đến chùa Phù Dung lễ bái Quán Thế Âm Bồ Tát để cầu sanh con trai. Một hôm mẹ ta chiêm bao thấy Phật Bà trao cho một con công trống, người vừa đưa tay đón nhận thì con công lại hóa ra đứa bé trai kháu khỉnh. Sau đó, người thợ thai rồi hạ sanh ra ta nhằm ngày rằm tháng chạp năm Đinh Mùi, tức năm Thiệu Trị thứ bảy (1847). Do linh ứng này, người đặt tên ta là Từ Ân để tạ ơn Bồ Tát. Hà Tiên nổi tiếng là xứ Phật, nhà nhà chăm chỉ tu niệm, ta lại thường theo mẹ đến chùa lễ Phật nên rất sùng mộ đạo. Tuy vậy, ta vẫn ham vui sống như bao kẻ thế tục và tuyệt nhiên chẳng bao giờ thoáng nghĩ đến con đường xuất gia tu tập. Biền cố làm đảo lộn đời ta đã xảy ra vào năm ta được mười ba tuổi và nhân cái chết của chị Mai, con gái út của thầy ta, cụ đồ Nguyễn trọng Sĩ. Chị Mai vừa mười tám xuân xanh, đẹp đẽ, tài hoa và thùy mị, khiến bao nho sinh tơ tưởng mê mết. Chị chỉ trúng gió buổi chiều, thì ngay ngày hôm sau đã lìa đời. Chị phụ giúp thầy dạy dỗ đám học trò nhỏ, lứa tuổi của ta, nên tình chị em khá gần gũi. Ta đến nhà thầy phụ giúp tang ma, cứ lăm lét nhìn thân xác xám xịt ghê rợn nằm bất động, rồi mang ra so sánh với hình ảnh nàng con gái rạng rỡ, tươi cười ngày hôm qua, mà bỗng run rẩy kinh hoàng. Ta tự hỏi : “bao giờ sẽ tới lượt mình?” Từ đó, ta không ăn uống ngủ nghỉ gì được. Ta cứ thao láo nhìn thấy thân ma của chính mình nằm chình ình trước mặt, cái thân đó tím bầm, sinh chương lên, nứt nẻ, rục rã, lầy thúi... thật là gớm ghiếc. Chỉ mới hai tháng mà sức khỏe của ta đã trở nên tồi tệ, ta nằm thoi thóp chờ chết, vì ăn uống thuốc thang gì cũng nôn mửa tháo ra ngoài. Mẹ ta gặp ai cũng kêu van nhờ xin cứu chữa cho con, nhưng tất cả thầy bà đều bó tay, chồn linh thiêng nào đi cầu cạnh cũng vô hiệu. Một hôm vừa gặp một du tăng lạ mặt, bà đã khóc lóc kể lể chuyện con, rồi nài ép xin cứu giúp. Nhà sư ân cần hỏi han tự sự, an ủi bà, rồi hoan hỉ đi theo về nhà chẩn bệnh cho ta. Sư từ bi nhìn ta thật lâu, trùi mền nắm tay ta, rồi mới từ hòa lên tiếng :

- Cái chết thật dễ sợ! phải không con?

Câu hỏi đúng y tâm bệnh của ta, ta cảm xúc hai hàng nước mắt chảy dài, nhưng không đủ sức đáp lời. Nhà sư lại chậm rãi :

- Thế nhưng đối với kẻ biết chọn con đường tu đạo giải thoát, thì vấn đề sống chết chỉ là chuyện trò đùa con ạ!

Lâu nay ta bị nỗi kinh hoàng về cái chết bám lấy tựa như bị một khối đá to dằn trên ngực không phương vùng vẫy, bất ngờ vừa nghe được rằng kẻ tu

hành coi sống chết tợ trò đùa, thì khối u uất nặng nề kia bỗng tan biến, ta cảm thấy nhẹ nhõm mừng rỡ ngồi dậy thì thào :

- Thưa thầy! Liệu con có thể đi ..đi.. tu...tu... được không thầy!

Cơ thể ta rất yếu ớt, ta gắng sức lập bập chưa hết câu đã mệt nhoài, thở chẳng ra hơi. Sư đỡ cho ta nằm xuống, rồi thương yêu dỗ dành :

- Con sẽ tu giỏi lắm! Thầy hứa dạy con tu! Nhưng bây giờ sức con còn yếu, con nên ăn uống tịnh dưỡng cho khỏe thì mới bắt đầu học đạo được!

Sức khỏe chưa hoàn toàn bình phục, ta đã khẩn thiết van nài cha mẹ cho đi tu. Cha mẹ ta tuy không muốn xa con, nhưng cảm thấy giữ con ở nhà thì mạng sống nó khó an toàn, nên đành bầm bụng đổi buồn thành vui cho con xuất gia học đạo. Thầy ta là du tăng không trụ trì tự viện nào, nên tạm mượn chánh điện chùa Bạch Vân, để làm lễ thí phát cho ta. Thầy ta pháp danh Hải Minh Bảo Chơn(5), vốn là đệ tử chùa Bát Nhã, núi Long Sơn, miền Trung, thuộc thế hệ thứ 40 thiền Lâm Tế, chi phái Liễu Quán, chiếu theo kệ truyền phái “Thiệt Tế Đại Đạo, Tánh Hải Thanh Trừng...” Đến lượt ta, thế hệ thứ 41 mang chữ Thanh, nên thầy ban cho ta pháp danh Thanh Trì, pháp tự Tâm Địa. Nếp sống của thầy là du phương tùy duyên hoằng hóa, nơi nào hợp thầy lưu lại dạy đạo, thấy vừa đủ thì lại ra đi. Thầy đưa ta đi khắp vùng Hà Tiên, đoạn sang vùng Bảy Núi, chung sống với đồng bào Chăm và Miên một thời gian, rồi đổ xuống đồng bằng sông Hậu. Nếp sống du phương vất vả – đôi khi được cúng dường thơm tât, tạm trú có mái che mưa nắng, có lúc cũng đói rét, ăn bờ ngủ bụi – tuy vậy, nếp sống này rất thích hợp với ta. Ta được ngắm cảnh thiên nhiên thay đổi, tiếp xúc đủ hạng người trong mọi tầng lớp xã hội, sắc tộc. Những bài thuyết pháp của thầy do đó cũng tùy trình độ cơ duyên kẻ đối thoại mà biến hóa chập chùng : thường thì giản dị, gần gũi với nếp sống dân quê, nhưng đôi khi gặp bậc cao nhân thì lại cao siêu diệu vợi khiến ta ngỡ nghêch tối tăm. Ta may mắn thân cận với thầy, vừa nghe pháp, vừa chiêm ngưỡng đạo phong của thầy qua nụ cười hoan hỷ, lối cư xử nhân hậu tế nhị..., thầy đi, đứng, nằm, ngồi, uy nghi nào cũng phảng phất đạo vị giải thoát để ta học hỏi. Thế nhưng thầy ta lại chủ trương tu sĩ trẻ cần nhập chúng tu tập đúng theo qui củ thiền môn, “hồ ly sơn hồ bại, tăng ly chúng tăng tàn”, tu sĩ trẻ xa chúng dễ sanh bại hoại làm gián đoạn đường tu. Ngoài ra, tu một mình ở chốn thanh vắng nếu chưa đủ công phu thâm hậu, rất dễ lạc theo lối tu tiên : sống trong quên lãng mà tự hào là biết buông bỏ, tiêu dao hưởng lạc mà ngỡ rằng đã ngộ đạo giải thoát.

Vì vậy, khi đến chợ Sa Đéc, bốn sư gởi gắm ta cho pháp hữu của người là thầy Như Diệu, thủ tọa chùa Phước Hưng(6), dạy dỗ. Ta lễ lạy thủ tọa làm vị y chỉ sư, và người chính thức cho ta thọ giới sa di, sự nghiệp tu hành của ta khởi sự từ đó. Sa di ở ngôi chùa phố chợ không phải làm ruộng cực nhọc, cơm nước đã có mấy dì cư sĩ công quả, nên chỉ chấp tác vài công việc nhẹ như lau dọn chánh điện, gánh nước, chẻ củi mà thôi. Phần lớn thời giờ, nhóm sa di chúng ta gồm tám chú, được khuyến khích đặt nặng việc tu học, mà căn bản là học thuộc lòng hai thời công phu và thông hiểu các bộ Sa Di Luật Nghi, Tì Ni Nhật Dụng Thiết Yếu... Ta vốn có lòng nhiệt tâm cầu đạo, đã từng tập tành bút nghiên chữ nghĩa, lại được y chỉ sư tài đức tận tụy dạy dỗ nên trình độ am hiểu Phật Pháp thâm sâu hơn mức đòi hỏi của một sa di. Đạo tràng nào khai mở khóa giảng kinh đại thừa, ta đều được y chỉ sư gởi đi tham dự chung với chư tỳ kheo. Nhờ vậy, ta càng tiến bộ vượt bậc, khiến cho chư tôn ba tỉnh miền Tây nức lòng khen ngợi. Thắng duyên này vô tình tạo mầm mống cho bệnh kiêu mạn khinh người nhen nhúm rồi bành trướng mãnh liệt trong tâm mà ta ơ hờ chẳng biết. Ta chạy theo lời khen và rất tự hào về khả năng, về sở học và về đức hạnh của mình. Ta nghĩ mình tài đức ghê gớm lắm, nên ngoại trừ hai vị ân sư, và hòa thượng Minh Phước, trụ trì chùa Phước Hưng, không ai đáng để ta kính nể cả. Từ đó, ta thích so đo đánh giá từng người, và vì vậy, ta phải “dòm hành” tìm lỗi kẻ khác. Nghe ai tu giải đãi ta chẳng ưa, nghe ai bừa bãi giới luật ta càng ghét cay ghét đắng.

Ta nương náo tại chùa Phước Hưng tròn bốn năm. Năm nào bốn sư cũng ghé chùa thăm ta, thông báo vài tin tức gia đình và sách tấn ta tu học. Lần nào ta cũng mừng rồi rít, hãnh diện trình bày thành quả tu học, và luôn luôn được thầy khen ngợi. Lần này, sau khi huênh hoang về sở học của mình, ta lại hứng chí lên tiếng than phiền đạo hạnh tội tệ của vài tu sĩ, kể lể không sót một chi tiết nhỏ. Bốn sư lộ vẻ không hài lòng. Người quở : “Kẻ quyết tâm cầu đạo luôn ý thức rằng cái chết sẽ xảy ra bất cứ lúc nào, khẩn trương tu tập quán sát tìm lỗi mình để sửa chữa còn sợ không có thời giờ. Sao con lại có thể rảnh rang tìm tòi soi bói lỗi của kẻ khác mà làm gì?”

Ta thoáng ngỡ ngàng về thái độ của thầy, nhưng chỉ bần khoản giây lát rồi quên mất, không lưu tâm nữa. Ngờ đâu, hai ngày sau ta được nhị vị ân sư vời vào phòng riêng dạy việc.

Bốn sư mở lời huấn vụ :

- Con ạ! Theo nguyên tắc thì pháp thế gian chính là pháp Phật, chôn trần tục và đạo tràng thanh tịnh chẳng phải là hai. Tuy nhiên, trên thực tế đạo tràng

là đạo tràng, trần tục là trần tục; người hành giả sơ cơ phải nương theo bậc thiện tri thức chọn đúng đạo tràng thanh tịnh để tu tập mới tránh lầm lạc, uổng phí cả đời. Bốn năm qua con được tu tập tại một đạo tràng tôn nghiêm do thầy tọa chủ đích thân dạy dỗ quả là một phước duyên hy hữu, con hãy lễ thầy để tạ ơn.

Ta bối rối chẳng hiểu ý bốn sư như thế nào, nhưng vẫn vâng lời lạy thầy tọa chủ. Bốn sư ôn tồn tiếp lời :

- Con hiểu khá nhiều sinh hoạt chùa chiền nơi phố chợ, ta nghĩ con cần có thêm kinh nghiệm tu tập tại miền thôn dã, nên đã xin thầy tọa chủ cho con rời chùa Phước Hưng, đến nơi khác tiếp tục tu tập.

Ta chẳng muốn xa chôn này, nhưng chẳng dám lên tiếng, đành đưa mắt tha thiết nhìn thầy tọa chủ cầu khẩn người cứu giúp. Thầy tọa chủ ôn tồn khuyên nhủ :

- Tu hành thì phải biết buông bỏ, không để tâm quyến luyến một điều gì, kể cả những thuận duyên tu tập như cảnh chùa, thầy bạn... vì lẽ, còn dính mắc thì còn bị phiền não làm chướng ngại sự nghiệp tu hành. Con phải dũng mãnh và dứt khoát, khi cần đi thì phải đi, không quyến luyến bịn rịn như kẻ thế tục. Ta tán đồng ý kiến của bốn sư con, là nên để con có cơ hội tu ở môi trường khác, hầu con có thể nhận thức được những điều mới mẻ, bổ ích cho sự nghiệp tu hành. Con ạ! Dù con ở chôn nào, nếu như con hằng tưởng nhớ đến những lời giáo huấn của ta, thì coi như đã có ta bên cạnh con.

Bốn sư đưa ta đến Châu Viên sơn tự, trên đỉnh núi Châu Viên vùng Đất Đỏ, tỉnh Đồng Nai, ký thác cho sư đệ của người là Hải Bình Bảo Tạng(7) dạy dỗ. Ta đỉnh ninh phen này sẽ được sư thúc trao truyền hạt giống thiền của giòng phái nên vui mừng khôn xiết. Không ngờ sư thúc lạnh nhạt giao ta cho thầy tri sự, thầy chỉ định ta theo các sa di khác làm rầy suốt một năm, mà chẳng đá động gì đến việc tu tập. Ta đang ở tuổi mười tám, thân thể cường tráng nên dù chưa từng lao động vất vả, nhưng đã quyết tâm chịu đựng thì cũng quen dần. Điềm làm ta chán nản là nhiệt tâm cầu pháp đã mỗi mòn, chờ hoài, chờ mãi mà thiên ngữ chẳng ai thêm đề cập, kinh luận chẳng ai thêm diễn giảng. Bi đát hơn nữa, là bất thành linh sư thúc lại cất cử ta sang phụ giúp cho sư Thanh Lực, khởi công khai phá đỉnh núi Kỳ Vân, để phát triển ngôi chùa Ngọc Tuyền tại đây. Tiếng là chùa, nhưng đúng ra cơ sở thờ phượng này chỉ có một căn nhà sàn nhỏ lợp tranh trống trải, vừa thờ Phật, vừa xử dụng như nhà kho, cũng vừa là nơi ngủ nghỉ. Nhóm sa di Châu Viên

không mấy cảm tình với sư Thanh Lực, họ gán cho sư hỏn danh là “thầy chùa lửa” bởi tánh nóng như lửa của sư. Sư chửi mắng đánh đập sa di không nương tay. Do đó, ngoại trừ chú Trùng Quang, nguyên là một đứa bé chăn trâu quen sống kham khổ và giỏi chịu đựng, không sa di nào muốn sang núi Kỳ Vân. Sư Thanh Lực tiếp đón ta bằng thái độ của bậc trưởng thượng, hông hách buộc ta phải tuân theo một mớ điều lệ rắc rối, rồi ra lệnh cho ta chấp tác tức khắc. Ta lẳng lẳng làm việc mà nổi căm hận cứ chực trào ra ngoài. Nhị vị ân sư là bậc đạo cao đức trọng mà đối xử với ta lúc nào cũng nhả nhận từ ái, trong khi một nhà sư tầm thường tại chôn “khỉ ho cò gáy” lên giọng hoạnh hợc thì làm sao ta không sinh tâm bất bình cho được. Thật ra, suy cho cùng đứng về phương diện vai vế thì sư và ta ngang hàng. Sư có đặc điểm nào đáng cho ta khâm phục đâu? Sư lớn tuổi hơn ta nên được thọ giới tỳ kheo trước ta vậy thôi, ngoài ra, về trình độ học Phật thì “xin lỗi Ngài, tôi không dám khinh Ngài... nhưng nếu Ngài muốn được như tôi, thì chắc còn lâu lắm!” Ta thâm nghĩ, rồi thâm ý cười vang, mặc kệ sư Thanh Lực lên tiếng trách mắng ta là thiếu uy nghi tế hạnh chi cũng được.

Tuy mới bắt hòa manh nha ngay từ buổi ban đầu, nhưng ta vẫn cố gắng chấp tác cần mẫn và tuân hành kỷ cương chặt chẽ, nên dù ghét ta, sư Thanh Lực cũng chẳng có cơ hội nào để nặng lời. Sáng ngày nọ, ta vô tình bắt gặp chú Trùng Quang đang bồi rôi ráp mấy mảnh bình trà đã vỡ. Biết chú đã làm bể bình trà của sư Thanh Lực, ta giả vờ ngu ngơ chẳng thấy, tránh sang hướng khác và thâm nghĩ “sắp có chuyện lớn rồi đây!” Đúng như dự đoán, chỉ mấy khắc sau, ta đã nghe tiếng sư gầm thét gọi hai đứa sa di đến trình diện. Sư cất vắn từng đứa. Cả hai im lặng, ngơ ngác như chẳng biết gì. Sư giận dữ gay gắt : “Hừ! Bây đúng là một lũ tôi bại! Thà chịu chửi mắng chớ chẳng ai đủ can đảm nhận lỗi mình!” Ta vốn khinh chú Trùng Quang là hạng thất học, nay nhìn vẻ mặt lầm lì trân tráo của chú lại càng thấy khó ưa. Ta cũng chịu hết nổi những lời nặng nhẹ của sư Thanh Lực, nên lên tiếng khai rõ cho xong :

- Chú Trùng Quang chớ ai!

Rồi nhỏ giọng nhưng cũng vừa đủ cho kẻ khác nghe, ta lầm bầm :

- Xí! Chỉ có cái bình trà bể mà làm như cháy nhà vậy!

Dứt lời ta dợm bỏ đi. Thành linh, sư Thanh Lực hùng hổ như con thú dữ, chụp lấy ta, xán ta hai tát tay thật mạnh khiến ta té lăn xuống đất. Ta điên tiết chụp lấy cái cuốc định đánh trả, may mà ta dẫn được, ta hầm hầm bỏ đi

vào chùa chụp mớ hành trang bước nhanh xuống núi, nhứt quyết sẽ không quay lại nữa.

Ta lầm lũi đi một mạch hai phần ba đường mới dừng lại thở hổn hển. Con giận theo từng bước chân giảm dần, đầu óc tươi tỉnh phần nào, ta bắt đầu lo lắng nghĩ đến những khó khăn trước mắt. Ta biết đi đâu tu bây giờ? Và sẽ ăn nói thế nào với nhị vị ân sư đây? Ta chợt cảm thấy lời lẽ và cử chỉ của mình đối với sư Thanh Lực hơi hỗn hào, nhưng ta vội tự bào chữa rằng tội lỗi xuất từ sư chớ không phải ta. Sư thô lỗ nên ta mới có phản ứng như vậy. Nhớ đến sư, cơn giận của ta bùng nổ trở lại. Sẵn thấy có viên sỏi to nằm vừa tầm chân, ta đá mạnh một cái cho hả. Nghe tiếng sỏi rơi lèng kèng trên sườn núi ta bỗng bàng hoàng nhớ một việc, mà càng suy nghĩ ta càng ái ngại khôn nguôi. Sáng nay, khi trời còn lờ mờ, ta đau bụng cần giải quyết gấp, nên phóng ra khỏi chùa thật nhanh, và vô tình đá một vật gì đó lăn lông lốc. Lúc đó, ta bực bội cảm râm : “Ai để đồ đạc bừa bãi quá!”, rồi ta vội bước đi không kịp tìm hiểu đó là vật gì. Thế rồi ta quên bẵng đi mất. Giờ này nhớ lại thật kỹ, ta nghi ngại vật đó dám là cái bình trà lắm! Ô...ơ! rõ ràng là cái bình trà rồi! Ô...ơ! ta mới đúng là thủ phạm, mà ta lại hồ đồ lên án chú Trùng Quang. Ôai bậy quá! tội lỗi quá! Ta vốn tự hào mình là một tu sĩ biết giữ gìn giới hạnh, chùng khảm phá ra mình phạm khẩu nghiệp nặng nề, ta hổ thẹn vô cùng. Hối hận quá, ta bắt đầu tự quán sát mình, càng quán sát ta càng thấy rõ lỗi mình. Ôai! Ta cống cao ngã mạn quá : ta đã khiếm nhã với chư tỳ kheo, ta khinh thường người thấp kém, ta nổi sân cuộn cuộn, ta vọng ngữ, nói lời trả treo nặng nề... ta lại thờ ơ không giữ chút uy nghi giới hạnh. Thật vậy, đầu đau bụng gấp gáp như thế nào, nếu ta nhớ quán các bài kệ :

“Tùng triều Dẫn đán trực chí mộ
Nhất thiết chúng sanh tự hồi hộ
Nhược ư túc hạ táng kỳ hình
Nhược nhữ nhứt thời sinh tịnh độ”

hoặc là :

“Đại tiểu tiện thời,
Đương nguyện chúng sanh
Khí tham sân si
Quyên trừ tội pháp”
thì bước chân ta khoan thai chùng mực, đầu hấp tấp vấp vấp để gây tai họa như vậy!

Ta bối rối cố suy tìm một giải pháp cứu vãn tình thế, cuối cùng ta nghĩ chuyện gì thì có thể bỏ qua được, nhưng hành động vu oan chú Trùng Quang, thì ta phải gặp chú để sám hối thì mới yên tâm.

Ta bèn lên quay lại chùa Ngọc Tuyền, lễ phép chấp ta thưa với sư Thanh Lực :

Thưa thầy! nghĩ kỹ con thấy con có nhiều điểm không phải! Con chỉ thấy chú Trùng Quang cầm mảnh bình bễ đã hồ đồ lên án chú. Sáng nay con hấp tấp đá một vật, lúc đó không rõ vật gì, nay suy ra thì có thể là cái bình, như vậy kẻ làm bễ chính là con rồi. Con phạm lỗi mà còn ương ngạnh vô lễ quả thật đáng trách! Con xin sám hối với thầy và chú Trùng Quang!

- Hay! Thấy lỗi mình và can đảm nhận lỗi, đó chính là hành động của bậc trượng phu! A! Ha! Chú đã thấy lỗi của chú lẽ nào ta không biết lỗi của ta! Ta nói năng thô lỗ nên cũng có lời xin lỗi hai chú!

Ta định xin lỗi xong sẽ ra đi ngay, nhưng nhận thấy sư bày tỏ thái độ hòa hoãn, nên đổi ý và ở lại tiếp tục tu hành.

Biến cố này đánh dấu một chuyển hướng quan trọng trong nếp sống tu tập của ta. Ta tự biết tâm mình là nguồn tội lỗi, nên lúc nào cũng đề phòng, theo dõi quán sát từng hành động, từng suy tư của mình. Càng lúc ta càng nhận diện rõ rệt được những lỗi nhỏ nhặt vi tế, càng thấy lỗi, ta càng khẩn thiết sám hối, nguyện sửa đổi để không còn tái phạm. Cảm thấy được tiến bộ, ta đem phương pháp theo dõi tâm niệm trong từng nhịp thở thực hành ngay trong nếp sống thường nhật : đang chấp tác hay đang ở uy nghi nào... mà một vọng niệm dấy lên ta phải nhận ngay ra chân tướng, khiến cho vọng niệm tự biến mất. Ta lần lần giữ được chánh niệm, những chuyện thị phi, chuyện lỗi phải của người biến mất tự bao giờ, lòng ta thanh thản nhẹ nhàng. Ta sống trên chùa núi, suốt ngày chấp tác, chưa chính thức tọa thiền, mà chẳng lúc nào không phải thiền. Thì ra, khi đã biết tu, thì lúc nào, nơi nào cũng tu được. Điều này có lẽ phản ảnh đúng theo lời dạy của cư sĩ Bàn Uẩn ngày xưa : “Gánh nước, bữa củi cũng là thần thông diệu dụng!” Khoảng một năm sau, khi gặp lại bốn sư ta thưa thỉnh về hai tát tay nẩy lửa giúp ta thay đổi thân tâm toàn diện. Bốn sư cũng tán thán : “Cái tát tay hay thật! Thầy Thanh Lực phải là bậc Bồ Tát nên tát tay mới hiệu nghiệm thâm sâu như vậy!”

Mùa Vu Lan năm Đinh Mão, lúc ta đã được 21 tuổi, bốn sư giới thiệu ta về chùa Giác Lâm, Gia Định, thọ giới tỳ kheo, đại giới đàn do hòa thượng Hải

Tịnh(8), làm đầu đàn truyền giới. Ta lớn lên trong thời kỳ mà quân viễn chinh Pháp xua quân xâm chiếm các tỉnh miền Nam. Thời gian sống trên núi, thỉnh thoảng ta có nghe sơ lược về hiện tình đất nước. Khi nghe thì lòng ta cũng dao động, nhưng sau đó, không ai nhắc nhở nữa, ta lại bận bịu tu tập nên quên lãng dần. Nay về đến Gia Định, mắt thấy đạo quân xâm lược súng ống hung hăng, tai nghe bao chuyện tàn ác của chúng, ta mới thấm thía được nỗi đau thương nhục nhã của người dân Việt. Ta không thể thanh thản tu tập như xưa được. Ta không thể nhắm mắt làm ngơ cho đành. Người Pháp đã xâm chiếm ba tỉnh miền Đông từ năm Nhâm Tuất (1862), nay chúng lại dồn quân về Mỹ Tho, đe dọa chiếm nốt ba tỉnh miền Tây. Ngày thọ giới, đáng lẽ là ngày vui trọng đại của ta, lại là ngày buồn khổ trước thảm họa nước mất nhà tan : kinh lược sứ Phan thanh Giản tuần tiết, trọn miền Nam rơi vào tay quân xâm lược. Hưởng ứng hịch Cần Vương, nhân dân khắp sáu tỉnh miền Nam đồng loạt đứng lên trưng cờ khởi nghĩa chống kẻ xâm lăng, và bị kẻ xâm lăng cùng đám tay sai đàn áp dã man. Trong thời gian này ta tiếp tục lưu trú tại chùa Giác Lâm tham dự khóa giảng về luật nghi, nhưng tinh thần ta cực kỳ dao động, nhiệt tâm cầu pháp giảm dần, việc tu tập ngày càng giải đãi. Một số tăng ni hoàn tục đáp lời kêu gọi của Phong Trào Cần Vương. Gắng gượng ở lại tu tập chỉ còn vài người, trong đó có tỳ kheo Thiện Hữu, đệ tử chùa Khải Tường(9), một ngôi chùa lớn tại Gia Định vừa bị chánh quyền thực dân triệt hạ. Thầy Thiện Hữu lại móc nối ta cùng tham gia hoạt động cho nhóm Thiên hộ Võ duy Dương đang kháng chiến tại Đồng Tháp. Ta còn đang phân vân thì đã nghe tin trên con đường chuyên chở gạo tiếp tế cho nghĩa quân, thầy đã bị sát hại tại Gò Bắc Chiêng. Ta đau đớn đến tận nơi xin lãnh xác thầy về an táng, rồi ta bỏ chùa thất thểu ra đi mà chẳng biết đi về đâu và làm việc gì. Cầm vũ khí giết người ta không làm được. Còn tu mà lòng lại phần uất cùng cực thì còn tu chi nữa!

Do phước duyên dun rui như thế nào mà thầy Như Diệu, trong chuyến đi hoằng pháp hiếm hoi đã vô tình bắt gặp ta đang lang thang vất vưởng như kẻ không hồn tại xã Mỹ Thuận. Không thắc mắc han hỏi nguyên do, thầy đưa ta về chùa Phước Hưng tịnh dưỡng. Một tháng sau bốn sư ta cũng lại tìm đến. Sau khi hội bàn, hai vị ân sư nhất quyết tin tưởng rằng ta sẽ gặp kỳ duyên tại nước Trung Hoa, nên khuyên ta xuất dương cầu pháp. Ta nghĩ đây có lẽ là phước chước mà quý thầy bày ra để tránh cho ta khỏi bị tình trạng an nguy của đất nước ảnh hưởng mà chệnh mảng tu tập. Thời gian qua, sống với vị thầy đạo đức, tâm ta thanh thản phần nào, lòng thiết tha cầu pháp hưng khởi trở lại, nên ta hoan hỉ vâng lời. Theo bốn sư sắp xếp thì ta sẽ quá giang tàu buôn người Phước Kiến, hàng năm theo gió nồm xuôi về vùng Hà Tiên buôn bán đôi chác, rồi chờ đến mùa gió bắc sẽ trưng buồm về nước. Về Hà Tiên

thì ta lại có dịp viếng mộ cha và thăm mẹ già đã xuất gia hơn ba năm tại Phù Dung tự. Từ lâu ta vẫn ước mơ về nhà thăm mẹ, nhưng sợ tình thương của bà làm nhụt chí khí xuất gia, nên còn ngần ngại. Chùng gặp được bà, ta mới ngạc nhiên nhận thấy người người mẹ yếu đuối ủy mị ngày xưa, đã trở thành một tu sĩ tinh tấn điềm đạm. Bà chẳng những không gây bận bịu, mà còn sách tấn ta tu tập, tạo cho ta thêm hứng khởi trên bước đường dẫn thân cầu pháp.

Thời giờ còn lại ngắn ngủi, ta rộn ràng đây đó viếng thăm Hà Tiên thập cảnh, nơi nào cũng đẹp đẽ đáng yêu, ngắm nhìn mãi không chán. Ta cũng tận hưởng những giờ phút thanh thản đạo vị bên cạnh hai vị ân sư, mặc dầu thầy trò chỉ sống bên nhau bình thường, không hề đề cập những vấn đề liên quan đến việc tu tập. Thật ra, trong thời gian này ta có điểm chưa thông suốt là giòng thiền Lâm Tế của ta vốn nổi tiếng về việc xử dụng công án, mà tại sao thầy chẳng hề trao cho ta công án nào để tham cứu cả. Ta muốn đạo đạt lên thầy chút bản khoản này nhưng lần lựa mãi mà chẳng thấy cơ duyên thuận tiện. Không ngờ, bốn sư biết rõ từng động niệm của ta, nên khi tiễn ta đến bến tàu, người nghiêm trọng giảng dạy :

- Thiền phái Liễu Quán của chúng ta tuy phát xuất từ giòng Lâm Tế, nhưng chư tổ Việt Nam nhận thấy lối dạy đạo bạo động như đánh hét hay căng thẳng như công án chỉ thích hợp với người Trung Hoa mà thôi. Bản chất người Việt là trầm lặng, hài hòa, hồn nhiên... mà đến với đạo, nên chư tổ chỉ khuyến cáo hành già hành “pháp buông bỏ”, theo tinh thần bài kệ của Đạt

Ma tổ sư :

Ngoài dứt các duyên

Trong bật nghĩ tưởng

Tâm như tường đá

Mới vào được đạo(10)

Thầy trầm ngâm một chút, rồi ôn tồn tiếp lời :

- Và đây là việc mà ta muốn nhờ con. Nguyên hai ta đều có chung nguyện vọng là mong đến núi Kê Túc tại Vân Nam để chiêm ngưỡng và đánh lễ thánh tăng Ma Ca Ha Diếp. Nay chúng ta tuổi đã cao, tự mình không thực hiện được, nên nhân khi con xuất dương, chúng ta ủy thác con đến đó đánh lễ một lần cho chúng ta mãn nguyện.

- Con nhứt quyết sẽ hoàn thành tâm nguyện của hai thầy. Xin hai thầy yên tâm!

Ta lại bịn rịn :

- Từ nào đến giờ thầy hướng dẫn cho con mọi việc, mai sau, tấm thân đơn chiếc xứ người làm sao con biết đi đâu và về đâu?

- Nếu con hằng quán chiếu thân tâm thì mọi việc đều tỏ rõ, đâu phải thắc mắc chuyện ở chuyện đi. Chỉ khi nào việc lớn đã xong, thì nên nương theo pháp danh Thanh Trì Tâm Địa mà chiêm nghiệm con đường lui tới.

Thầy Như Diệu trao cho ta tập kinh mỏng và ân cần dặn dò :

- Con giữ phẩm “Phổ Hiền Hạnh Nguyện” làm hành trang nơi xứ người. Bốn mươi năm nay, ta nương theo thập nguyện mà tu, hằng ngày lễ lạy và càng lễ lạy càng cảm thấy lợi lạc, nên ta muốn trao kinh nghiệm đó cho con.

Đê có thể tương trợ nhau trong cơn hiểm nguy, ba thương thuyền Trung Hoa ước hẹn cùng lên đường vào đêm trăng tròn tháng tám. Ta được thuyền trưởng Triệu thái Bảo hoan hỉ đưa đi, hứa sẽ cập bến Phổ Đà sơn cho ta khởi đầu hồng nguyện hành hương. Trời trong, gió bắc thổi mạnh, ba chiếc thuyền buồm thuận gió lướt sóng phăng phăng thật là ngoạn mục. Thuyền ghé Hội An đôi ngày thu mua tổ yến và một ít thực phẩm tươi, rồi tiếp tục cuộc hành trình một cách suôn sẻ. Sau khi thuyền vượt khỏi vịnh Hạ Long tiến sang vùng biển Trung Hoa, đoàn thủy thủ đang rộn ràng mừng vui sắp về đến nhà thì một trận bão dữ dội bất ngờ kéo đến. Thủy thủ đoàn hợp sức hạ buồm và cố gắng giữ tay lái, rồi cứ phó mặc cho những đợt sóng to đập vùi. Thế rồi một đợt sóng to như trái núi phủ chụp chiếc thuyền nhận chìm sâu dưới nước, rồi hất tung thuyền trườn lên nằm trên một hòn đảo nhỏ bằng phẳng nhô cao hơn mặt biển chừng một thước. Chiếc thuyền nằm kẹt cứng trên đó, mặc cho sóng to gió lớn cũng chẳng hề xô dịch. Do sự kiện hy hữu này chiếc thuyền chúng ta mới an toàn, trong khi hai chiếc thuyền kia bị nghiền nát tan tành trong biển cả. Hôm sau, khi sóng gió lặng yên, hòn đảo bỗng từ từ chìm xuống nước, thì ra, hòn đảo chính thực là lưng một con cá ông cực lớn. Điều lạ lùng là sau vụ thoát hiểm kỳ bí này, thủy thủ đoàn lại đối xử với ta bằng một thái độ cực kỳ cung kính. Ta ngạc nhiên, dò hỏi mãi, thì Triệu thuyền trưởng mới cho biết trong cơn hoạn nạn nửa tỉnh nửa mê, bỗng bọn họ thấy “Thiên Hậu Phật mẫu”(11) hiện thân khuyên đừng sợ hãi vì trên tàu có vị tu sĩ từng tạo phước duyên lớn với loài thủy tộc nên sẽ có

loài thủy tộc cứu giúp. Con hoạn nạn đã diễn biến đúng như vậy, nên mọi người sanh tâm sùng kính ta. Ta bỗng nhớ lại, thuở sơ tâm xuất gia, xúc động trước cảnh tôm cá bị tàn sát tập thể, ta đã chân thành phát nguyện tinh tấn tu tập mong sớm thành Phật để cứu độ thủy tộc các loài. Chẳng biết có phải do phước duyên phát tâm bồ đề ngày trước mà gặp may hay không? Ta không thổ lộ cho ai chuyện này, mà chỉ khiêm cung đáp :

- Tôi chỉ là một tu sĩ trẻ, đạo đức tầm thường thì làm sao có đủ phước duyên đùm bọc người khác. Tôi nghĩ, chúng ta thoát nạn một cách kỳ diệu là do cộng nghiệp của chúng ta, phước đức chung của chúng ta đóng góp lại, chớ không do cá nhân nào cả.

Dẫu ta thoát cách nào, viên thuyền trưởng một mực vẫn tin kính ta, nên khẩn khoản thỉnh ta về quê nhà tại Ôn Lăng, phủ Tuyên Châu, tỉnh Phước Kiến, để xin ta cho cả nhà thợ giới quy y. Ta dự định chỉ lưu lại chốn này đôi ngày, rồi sẽ vân du cầu pháp. Điềm không ngờ, là chuyện thoát hiểm trên biển khơi, phát xuất từ các thủy thủ truyền bá nhanh chóng khắp địa hạt Ôn Lăng. Câu chuyện lại được thổi phồng lên, thêm thắt nhiều chi tiết ly kỳ, rồi bỗng nhiên họ biến ta thành một nhân vật huyền thoại hành tung kỳ bí, đạo đức cao thâm. Từ đó, thiên hạ đổ xô đến quy ngưỡng ta, cúng dường trọng hậu và khẩn cầu ta xúc tiến thành lập đạo tràng để phổ độ chúng sanh. Ta hiểu khi cái danh hư ảo vượt quá cao so với đức độ thực của mình thì dễ sa đoạ, hưởng chi tu sĩ xa rời tăng chúng sống lẫn lộn tại tư gia thật khó chống đỡ trước bầy rập của cuộc đời, do đó, ta ngó ý sẽ sớm cất bước vân du cầu pháp. Trong đám đệ tử thân cận ta có Triệu tổ Diệp, con gái gia chủ. Triệu cô nương kẻ cận chăm sóc ta như một thị giả, tình cảm nhen nhúm tự lúc nào ta chẳng hay. Khi nghe tin ta dự tính ra đi, cô nương khóc lóc thảm thiết, năn nỉ mãi khiến ta quyến luyến chẳng nỡ lên đường. Một hôm, thừa lúc nhà cửa vắng vẻ cô nương vào phòng bày tỏ tấm chân tình thâm thiết yêu ta, mong được ta đáp lại. Thật ra, ta chỉ cảm thấy tội nghiệp nàng, nhưng trước những giọt nước mắt vẫn dài, ta chẳng nỡ lòng thẳng thắn chống đối. Đến khi cô nương dọa tự tử nếu như kiếp này không gá nghĩa được cùng ta, chẳng biết sao lòng ta mềm nhũn ra, nhiệt tâm cầu đạo biến mất, ta quên tuốt luật giới, gơ hai tay chực ôm nàng để an ủi vuốt ve. Trong giây phút nóng bỏng đó, tập kinh mỏng trên bàn vô tình bị cánh tay áo rộng của ta vương làm rơi xuống đất. Đó là phẩm kinh “Phổ Hiền Hạnh Nguyện”, mà ngày lên đường ân sư đã trân trọng trao cho ta làm hành trang nơi xứ người. Ta sững sờ nhìn quyển kinh, hình ảnh buổi chia tay cùng với lời dặn dò của của hai vị ân sư hiện rõ ràng trong tâm khảm, khiến cho cơn sốt dục tình đang hừng hực sôi nổi bỗng nhiên nguội lạnh lại. Ta điềm tỉnh chấp tay xá nàng, rồi

nhắm mắt tọa thiền chẳng đếm xỉa gì tới sự hiện diện của nàng nữa. Lúc đó, lòng ta quyết liệt nguyện thà cắn lưỡi chết chứ không để tâm vọng động nữa. Ta quán thân bất tịnh, quán người đẹp khả ái kia thật ra chỉ là một thân ma biết đi, thân ma đó sẽ có lúc hư hoại, nằm bất động, lầy thúi gớm ghiếc. Có lẽ, nhận thấy thái độ cứng rắn của ta, nàng lặng lẽ bỏ ra ngoài. Ta thoát hiểm trong đường tơ kẽ tóc, càng ngẫm nghĩ ta càng xấu hổ, và hiểu rõ là nếu không có đức độ của hai vị ân sư yểm trợ thì sự nghiệp tu tập của ta đã tan thành mây khói rồi. Hôm sau, ta giã từ gia chủ rồi lên đường tức khắc. Ta lầm lũi đi suốt ngày, không cần biết con đường trước mặt sẽ dẫn đến đâu, miễn là rời khỏi Ôn Lăng càng xa càng tốt. Đến khi định thần trở lại, ta nghĩ đến duyên phước của mình với Đức Phổ Hiền, nên quyết định hỏi thăm đường đến núi Nga Mi, tỉnh Tứ Xuyên, để hàng ngày đánh lễ Bồ Tát, cầu xin sám hối tội lỗi sâu dày của mình. Nga Mi được tôn xưng là linh địa, nơi Bồ Tát Phổ Hiền từng thị hiện, nên ngoài ngôi đại cổ tự chính nằm trên đỉnh, còn đến năm ngôi chùa lớn khác nằm rải rác quanh núi. Ta bắt đầu hành hương từ chùa Phục Hổ dưới chân núi, đi lần lên chùa Vạn Niên, rồi đến Bảo Quang trên sơn đỉnh. Ta đến điện Tích Ngõa lễ hòa thượng Chân Ứng, thỉnh cầu Ngài cho nhập chúng tại chùa Bảo Quang, và được hòa thượng hoan hỉ dành cho một nơi cư trú để tùy nghi tu tập. Núi Nga Mi, cùng với Ngũ Đài và Phổ Đà, nổi danh là ba vùng linh địa tại Trung Quốc, thường xuất hiện những hiện tượng huyền bí, giúp cho tín tâm người hành giả thêm kiên cố. Vào những buổi bình minh nắng đẹp, trên kim đỉnh ta hân hạnh chiêm ngưỡng những vòng hào quang linh động tỏa ra từ hình dáng to lớn mà tương truyền là của Bồ Tát Phổ Hiền đang hiển linh ngôi dưới thung lũng. Đêm đến thỉnh thoảng ta cũng được ngắm hàng trăm quả cầu sáng rực bay lượn quanh đỉnh núi, mà người ta cho rằng đó là những ngọn đèn từ bi phát xuất từ công hạnh của Bồ Tát Phổ Hiền. Thuở sơ tâm xuất gia, tại vùng Bảy Núi, Châu Đốc, ta cũng đã từng chứng kiến những chùm ánh sáng di động này. Có lẽ, vùng Thất sơn huyền bí cũng là một linh địa, chốn ẩn cư của chư Bồ Tát chăng? Thời gian tu tập tại Nga Mi, ta có phước duyên được hòa thượng Chân Ứng giảng dạy giáo lý ảo diệu của kinh Hoa Nghiêm cùng các bộ luận giải của tông Hiền Thủ, nhờ vậy, tâm lượng ta được nở rộng ra và tự ngã cũng tan biến dần. Ngoài ra, trừ những lúc phải chấp tác hay dự các thời pháp, ta chuyên tâm lễ bái “Phổ Hiền Bồ Tát thập nguyện vương” từ lúc canh ba cho đến khi chiều tối. Càng lễ lạy ta càng cảm nhận công năng màu nhiệm của Phổ Hiền Hạnh Nguyện Vương trong việc đối trị bệnh ngã chấp sâu dày của ta. Thuở mới xuất gia, tuy ta cũng theo thời công phu lễ thập nguyện vương, nhưng lúc đó ta mang nặng bệnh ngã mạn, nên chỉ thấy được ba nguyện đầu : lễ kính Phật, xưng tán Phật, cúng dường Phật bằng lối nhìn thiên cận. Ta chỉ thấy Đức Phật quá khứ qua hình tượng, chứ đâu thể

nhập vào lý sự vô ngại để thấy ba đời chư Phật thể hiện dưới dạng muôn loài chúng sanh trong khắp pháp giới để mà lễ kính, xưng tán, cúng dường. Sau đó, trên đỉnh Kỳ Vân, nhờ sư Thanh Lực điểm hóa, ta bắt đầu không còn thấy lỗi người, mà hằng quan sát lỗi mình. Từ đó, ta mới hành lễ sám hối nghiệp chướng thâm thiết, đồng thời cũng phát triển được tâm tùy hỷ công đức qua lễ nguyện thứ năm. Ba nguyện đầu, nhờ vậy được triển khai, thể nhưng ta dừng lại ở điểm đó, chẳng tiến bộ xa hơn. Thông thường người hành giả, sau một thời gian dài khổ công tu tập, tưởng chừng tâm đã thanh tịnh, lại ngộ đạt vài kiến giải khá cao... thì bệnh ngã chấp lại mon men tái phát dưới dạng khác. Thật vậy, có một đạo ta chỉ thấy “ngã kiến đạo pháp” của mình cao siêu, giòng phái của mình chánh thống, pháp môn của mình thù thắng..., và dĩ nhiên ta không mấy quý trọng môn phái nào khác. Do bệnh hẹp hòi phân biệt, xưng tụng môn phái mình, chê bai môn phái khác, người hành giả không thể nào bước vào ngưỡng cửa của hạnh nguyện thứ sáu và bảy : “thỉnh chuyển pháp luân và thỉnh Phật trụ thế”, thì làm sao có thể đón nhận đạo pháp xuất phát từ kẻ ngoại đạo, từ chúng sanh muôn loài... để “thường tùy Phật học”, làm sao dung chứa muôn vàn sai khác để “hằng thuận chúng sanh”, và thực sự quên mình để “phổ giai hồi hướng”.

Sau sáu năm tu tập tại Nga Mi, ta cảm thấy tư lương đã chuẩn bị đầy đủ, nên quyết định xuống núi hành cước khắp nơi tham cầu Phật Pháp. Tiên khởi ta hướng về biển Đông, hành hương núi Phổ Đà, tỉnh Triết Giang, một thánh địa mà Bồ Tát Quán Thế Âm đã thị hiện nhiều lần trong hình dáng người nữ như hình tượng thờ kính hiện thời. Tuy Phổ Đà nằm trên một hòn đảo, nhưng do lòng sùng bái vị Bồ Tát “cứ khổ cứu nạn” khách hành hương luôn tấp nập, do đó, mặc dù diện tích đất đai nhỏ hẹp, nhưng ngoài hai ngôi chùa chính Phổ Tế và Pháp Vũ, còn có hơn hai trăm cơ sở thờ kính Bồ Tát được xây dựng rải rác khắp đảo. Cha mẹ ta, cũng như phần đông thiện tín tại miền Nam nước Việt, đặt niềm tin sâu xa vào vị “Phật bà”. Đó là nguyên nhân đã hướng dẫn ta đến chôn này, để hằng ngày đánh lễ Bồ Tát, nguyện cầu cho cha mẹ được an lành. Ta tạm trú tại am Phổ Môn, mỗi ngày đánh lễ một ngàn lạy, đến khi đủ ước nguyện ba trăm sáu mươi ngàn, thì mới hoàn mãn.

Rời Phổ Đà, trên đường đi Ngũ Đài sơn, ta viếng thăm Đại Đồng chiêm bái hàng ngàn công trình điêu khắc tượng Phật vĩ đại tuyệt vời của nhiều thế hệ nghệ sĩ, kéo dài hàng ngàn năm, trang trí trong hơn hai trăm động đá tại núi Ngũ Châu, đặc biệt nhất là động Vân Cương với tượng Phật Tỳ Lô Giá Na khổng lồ, đến nỗi người ta có thể đứng gọn gàng trên bàn tay Phật. Ta tiếp tục lên tỉnh Sơn Tây, đến Ngũ Đài sơn, nơi tương truyền là linh địa mà Bồ

Tát Văn Thù thường thị hiện. Ngũ Đài là một dãy núi to lớn với năm đỉnh cao nhất nhô lên như năm cái đài hùng vĩ. Phong cảnh ở đây vừa đẹp tuyệt vời, vừa đượm nét huyền bí linh thiêng, nên đã quy tụ hơn ba trăm ngôi tự viện lớn nhỏ đủ mọi tông phái, kể cả Mật Tông Tây Tạng và Mông Cổ. Ta lưu trú tại chùa Hiền Thông trọn mùa hạ để đi chiêm bái khắp nơi, và cũng tìm đường thăm viếng Long Môn động, chốn ẩn cư tu thiền của tổ Hám Sơn thuở xưa, nay dấu vết hầu như đã bị xóa nhòa. Sau Ngũ Đài sơn, ta tiếp tục du hành khắp nước Trung Hoa trong ba năm, chiêm bái hàng mười ngàn thắng tích và tự viện khác nhau, như các chùa Tây Thành, Giới Đài và Đại Chung tại Bắc Kinh, chùa Chân Như, núi Vân Cư tỉnh Giang Tây, chùa Thiếu Lâm núi Tung Sơn tỉnh Hà Nam, chùa Cổ Sơn tỉnh Phước Kiến, chùa Cao Môn tỉnh Dương Châu, chùa Tam Phật, Vô Xương tỉnh Hà Bắc, các chùa A Dục Vương huyện Ninh Ba, chùa Nam Hoa, Tào Khê và chùa Vân Môn, phủ Triều Dương tại tỉnh Quảng Đông... Trong thời gian này ta đã hân hạnh chiêm bái chư đại đức cao tăng, đủ mọi tông phái, kể cả các vị lạc ma Tây Tạng và Mông Cổ, mà truyền thống về giới hạnh tu tập hoàn toàn khác biệt với truyền thống của chúng ta. Ta cũng không ngần ngại tiếp xúc với những vị chủ chùa tuy tự nhận là tăng ni, nhưng có nếp sống phóng túng, rượu thịt bừa bãi, thê thiếp đùm đê... hành nghề cúng kiến cầu tài lộc, lên đồng nhập cốt, cúng sao giải hạn... Nhờ thời gian qua, tu tập “Phổ Hiền Hạnh Nguyện” tâm phân biệt hẹp hòi của ta đã chuyển hóa khá nhiều, vì vậy, dù ở môi trường tôn giáo nào, ta cũng có thể hội nhập hài hòa để tìm thấy bất cứ vị nào cũng có ưu điểm để ta “tùy hỉ công đức”, “thỉnh chuyển pháp luân” và “thường tùy Phật học” được cả. Ngay như đạo Gia Tô, một tôn giáo đã liên hệ mật thiết với thực dân Pháp trong mưu đồ xâm lăng nước ta, nên trước kia ta không mấy cảm tình, nay thì ta có thể hoan hỉ chấp nhận rồi. Thời gian lưu trú tại chùa Ngọc Phật, thành phố Thượng Hải, ta có dịp kết giao với sư huynh Felix thuộc giòng La Salle. Sư huynh đưa ta đi thăm các trại cùi, trại dưỡng lão và cô nhi viện do những bà sơ giàu lòng từ bi chăm sóc những kẻ thiệt thòi như một bà từ mẫu. Dù xuất hiện dưới hình thức tôn giáo nào, những vị chân chánh hành hạnh Bồ Tát cứu khổ cứu nạn chúng sanh cũng đáng để chúng ta tán thán và tâm thành học hỏi hạnh nguyện của họ.

Trong thời gian hành cước, ta hi vọng tìm được một đạo tràng tổ chức đúng theo quy củ thiền môn để chuyên tu thiền định. Thế nhưng Phật giáo Trung Hoa bây giờ đang gặp thời suy thoái, những đại tông lâm quy mô mà chư tổ thiền tông hưng long đạo pháp, nay đã suy tàn, nên ta chưa tìm được nơi thích hợp. Thật ra, khi gặp thuận duyên, ta cũng tham dự những khóa thiền thất tổ chức từ một đến mười hai tuần tại vài ngôi chùa chốn thị thành.

Trong hoàn cảnh bận rộn phục vụ nhu cầu tín ngưỡng bình dân, quý thầy vẫn nghiêm túc hướng dẫn những khóa thiền thanh tịnh, công đức vô lượng vô biên. Lần đó, ta dự khóa thiền thất bảy tuần tại chùa Hưng Thạnh, Nam Kinh. Vào giờ Tuất, ngày thứ hai, tuần thứ năm, trong khi chạy bảo hương(12) đến vòng thứ ba, vừa nghe tiếng bảng ra hiệu dừng lại thì ta bỗng thấy và nghe xuyên qua tường vách khắp cơ sở tự viện. Ta hiểu cái đạt này chỉ tạo chút tín tâm chớ không lợi ích gì cho con đường đạo nên chẳng quan tâm. Không ngờ “hiện tượng thần thông” này lại tái diễn nhiều lần, và đôi khi khiến tâm ta bị dao động mà lãng xao chánh niệm. Đó là lần ta vô tình nghe thấy thầy tri khách trong khi hàn huyên với thiện tín đã nhiệt liệt ca ngợi thiền rồi chê bai pháp môn khác. Ta nghiệm thấy đạo đức mình còn non kém nên tâm dễ động, vì vậy, ta phải tự cảnh giác đề tu sửa và phải mất một thời gian khá lâu “hiện tượng thần thông” mới không gây phiền toái cho ta nữa. Sau biến cố này, ta nghĩ nên tìm chốn thanh vắng ẩn tu để tránh bị ngoại cảnh chi phối. Ta có kết giao với ba người bạn đạo đồng nhiệt tâm tu thiền là Từ Thạnh, Quảng Thọ, Thiện Pháp. Thoạt đầu, chúng ta dự định đi Ngũ Đài sơn, nhưng ngại mùa đông giá buốt của miền Bắc, chúng ta đồng ý cùng về núi Vân Môn, phủ Triều Dương, tỉnh Quảng Đông tu tập. Tổ đình Vân Môn (chùa Quang Thái, núi Vân Môn) do sơ tổ Văn Yên khai sáng, là một đạo tràng to lớn nổi tiếng cả ngàn năm, nhưng nay đã mai một. Tăng sĩ thừa tự không còn ai, ngôi chùa Quang Thái bị bỏ hoang phế và hư hại nặng nề. Chúng ta được Âu thí chủ ngụ dưới chân núi cúng dường gạo và muối trong vài tháng đầu, sau đó, chúng ta trồng khoai sắn để tự túc. Chúng ta kết am cỏ mỗi người một nơi và giao ước không giao tiếp quấy rầy nhau, hầu mọi người có thể tập trung nỗ lực thiền tọa. Tuy vậy, hằng tháng vào ngày rằm, chúng ta đồng quy tụ về ngôi cỏ tự hoang phế quét dọn rồi lễ Phật. Đó cũng là ngày chúng ta gặp gỡ trao đổi kinh nghiệm thiền tập và sắp đặt đề cử một hoặc hai người mang hoa màu xuống núi nhờ Âu thí chủ trao đổi vài vật dụng cần thiết. Nếp sống đơn độc ẩn tu rất thoải mái, ta có thể thực tập thiền trong khi đi đứng và làm rẫy, nên thân tâm ngày càng cảm thấy thanh tịnh. Vào đêm rằm trung thu năm thứ hai trên đỉnh Vân Môn, ta vừa lễ Phật xong trở về am, ngắm trăng một lúc thì tọa thiền cho đến khi nghe tiếng khánh rung bên tai. Ta mở mắt ra thấy ba thầy lẳng xăng đứng chung quanh. Ta rất đỗi ngạc nhiên về sự phá lệ này, chưa kịp han hỏi thì sư Thiện Pháp đã vội giải thích :

- Chúng tôi nhận thấy thầy bỏ thời lễ Phật hàng tháng, nghĩ rằng thầy bệnh nặng, nên bàn nhau đến thăm. Đến nơi thấy thầy mãi miết tọa thiền nên mới rung khánh thức thầy.

- Uả! Tôi từ chùa trở về, tọa thiền chưa được bao lâu mà!

Thầy Quảng Thọ, lui cui dỡ nắp nồi cơm ra xem, bỗng chìa nồi cơm mốc meo ra, rồi lên tiếng :

- Ô! bữa nay là tháng mấy vậy thầy!

Nghe câu hỏi hơi lạ, ta lại thấy ba người bạn đạo trở mắt nhìn ta chằm chập nên ta ngần ngừ :

- Không lẽ, hôm nay không phải là đêm rằm trung thu sao?

- Chúc mừng! Chúc mừng! Thầy đã đạt đến công phu nhập định hiếm có – ba vị đồng reo lên –

Thì ra, hôm nay là ngày rằm tháng chín, ta đã nhập định đúng một tháng mà dường như chỉ trong khoảnh khắc. Kể từ hôm đó, ba thầy thường phá lệ đến thăm ta, để nhân cơ hội đó thi đua ca ngợi thiền và tán tụng nhau. Theo khẩu vị thì dường như ba vị đã bắt đầu tự xem mình ngang hàng với chư Phật, chư tổ. Ta nhận thấy chón này không còn thuận duyên tu tập nữa nên một mình đến chùa Quang Thái lễ tạ ân tổ Văn Yên, rồi âm thầm xuống núi.

Nhớ đến lời hứa với hai vị ân sư, ta đi Vân Nam hành hương núi Kê Túc. Ta quen với nếp sống cô độc trên Vân Môn, nên ngày đi, đêm thường nghỉ ở dưới những cội cây bên đường. Ta đến địa phận huyện Tân Châu vào tiết lập đông, khí trời lạnh buốt nên phải ngồi thiền suốt đêm để chống lạnh. Một hôm, ta nghe tiếng khánh rung, mở mắt thì thấy nhiều người nông dân đang xúm xít vây quanh. Chợt có người lên tiếng :

- Uả! Lão hành khát mù, mới rung chuông xin ăn, sao bỗng biến mất kìa?

Qua câu chuyện của họ, ta biết mình đã nhập định một thời gian dài. Họ thấy ta ngồi trơ trơ nhiều ngày, sờ mũi còn hơi thở, nên nghĩ ta đã trúng gió cứng đờ nên phát lòng từ mang về nhà cứu chữa. Họ thoa dầu, xoa bóp chân tay ta và kêu gọi mà ta vẫn bất động. Sau cùng, đến khi người hành khát (hay một vị Bồ Tát hóa hiện) rung chuông ta mới thức tỉnh. Lần xuất định này, mặc dầu tâm ta vẫn thư thái an lạc, nhưng không hiểu tại sao toàn thân bị tê cứng, nhếch môi cũng không làm được. Ta đoán rằng có lẽ trong cơn nhập định, những người tốt bụng đã đụng chạm thân thể ta, khiến máu huyết bị đảo lộn mà ra nông nổi này. Gia chủ thấy mắt ta chớp chớp tíu tíu hỏi han nhưng ta không thều thào chi được. Phải lâu lắm một ngón tay ta được thư giãn đôi

chút, ta ngo ngoe chỉ cái hàm bị cứng thì họ đoán ta bị câm và điếc không nói được phải ra dấu để xin nước. Họ bắt đầu đổ nước cháo chăm sóc ta chừng ba ngày thì tay chân ta cử động bình thường. Ta đã có thể nói được từ ngày thứ nhì nhưng ngay ngày đầu, vợ chồng gia chủ tưởng ta câm và điếc nên đã đối đáp cợt nhả những chuyện riêng tư chẳng chút dè dặt, nên nếu bây giờ ta lên tiếng thì lại gây bối rối cho họ. Do đó, ta đành “tùy thuận chúng sanh” đóng vai câm điếc cho đến ngày từ giã họ tiếp tục hành trình.

Ta hành hương núi Kê Túc lần đầu mà có cảm tưởng như đã từng sống tại đây một thời gian dài. Chân thành xúc động như kẻ tha phương trên đường về nhà, ta hân hoan tìm đến cửa Hoa Thủ, nơi vách đá bằng phẳng có đường lẫn ngang và dọc tựa như hai cánh cửa đá khổng lồ khép kín lại, với cái kẽ nằm giữa hai cánh cửa. Theo truyền thuyết, khi tôn giả Ma Ca Ha Diếp vào động này tham thiền nhập định chờ đợi Đức Phật Di Lạc hạ sanh, thì cửa đá đã đóng lại, cửa chỉ mở một lần khi tôn giả A Nan đến lễ bái. Ta ngồi tĩnh tọa cả giờ hồi tưởng nhị vị ân sư, rồi bắt đầu dâng hương lễ bái cùng một lần với nhóm Phật tử do thầy Quý Châu, trụ trì chùa La Thuyên, huyện Hạ Dương, phủ Đại Lý hướng dẫn. Vừa phủ phục xuống nền đá, hoát nhiên ta thấy cả một chuỗi đời sống động của tiền kiếp hiển hiện rõ ràng trước mắt. Khi đó ta mang thân xác một thanh niên trẻ tuổi, đang cùng hai người bạn thiết, mà trong kiếp này là nhị vị ân sư, hành nghề chài lưới tại hồ Nhĩ Hải. Một hôm, trong khi chúng ta đang ăn nhậu vui đùa, bỗng có vị tăng sĩ ôm bình bát đến tận bên cá khát thực. Chúng ta ngây ngất chiêm ngưỡng phong thái siêu thoát của tôn giả, chân thành cúng dường, và được Ngài điểm hóa mà phát tâm bồ đề. Chúng ta quyến luyến theo chân Ngài đến chốn này. Sau khi Ngài vào núi nhập định, chúng ta vẫn bèn lòng dựng lều bên vách đá, tiếp tục tu hành cho đến lúc lìa đời. Ba lần đánh lễ liên tiếp thì ba lần hiện tượng huyền diệu đó lại xuất hiện. Điều lạ lùng, là qua kinh nghiệm của hai lần nhập định cả tháng mà ta đã trải qua, khi xả định thì dường như thời gian trôi qua chỉ chừng một khắc, ngược lại, trong ba lần đê đầu phủ phục lễ bái không kéo dài hơn âm thanh tiếng chuông, thì ta lại cảm thấy như trở về sống với thời quá khứ bao năm trời. Ta phân vân thầm nghĩ : “Thời gian là cái gì kỳ dị, kéo dài thì dường như mù mịt vô tận, mà thu lại thì chỉ chừng một niệm”. Vào thời điểm đó, người thị giả của thầy Quý Châu bỗng mang chung trà đến dâng mời ta. Ta bận suy tư, hơi hồng đánh rơi chung trà xuống nền đá bẻ nát. Âm thanh chung trà bẻ hột nhiên thức tỉnh ta toàn diện, căn nghi dứt tuyệt, bao nhiêu vọng niệm về thời gian, không gian, chủng tộc, chúng sanh... tức thời tan biến. Thân tâm ta trạm nhiên rỗng lặng như hư không, ảnh hiện vạn pháp dung thông lai khứ. Ta vẫn tất ghi lại kinh nghiệm đó bằng bài kệ :

Hốt nhiên căn nghi bật dứt
Vọng niệm phân biệt tiêu tan
Thân tâm trạm nhiên rỗng lặng
Pháp giới hiển hiện rõ ràng...

Ta dự định dừng chân tại núi Kê Túc một thời gian để nghiêm túc tu trì hầu thanh lọc vọng tưởng vi tế vẫn còn mờ mịt bám víu, nhưng chùa am quanh núi Kê Túc đã mất nề nếp giới luật. Và có lẽ lo ngại bị “cạnh tranh”, họ chủ trương không chấp nhận tăng sĩ lạ mặt lưu trú trong “giang sơn” của họ. Vì vậy, ta đành phải ra đi. Bấy giờ ta mới nhớ lời dặn dò của ân sư ngày trước, chiêm nghiệm pháp danh “Thanh Trì Tâm Địa” và hiểu thầy khuyên ta nên hành hạnh trì địa để tiếp tục gột rửa thân tâm. Trên đường đi, ghé thăm gia đình người nông dân tốt bụng đã cứu mang ta khi ta nhập định, ta bèn nghĩ mình đã có nhân duyên với chốn này, và từ đó ta khởi đầu vai trò của một “lung á đầu đà” đắp đường sửa lộ. Ta vốn đặc biệt trân quý “Phổ Hiền Hạnh Nguyên Vương”, nên đầu ngộ được chút kiến giải qua thiền tập, ta vẫn hằng vâng lời dạy của Bồ Tát Phổ Hiền, phát nguyện vãng sanh về cõi tịnh độ của Đức Phật A Di Đà. Do đó, trong quãng đời còn lại, ta dồn nỗ lực hành pháp trì danh Niệm Phật, một phương pháp rất thuận tiện để áp dụng ngay khi đang lao động cực nhọc.

Ta an vui với nếp sống đắp vá đường lộ ngày qua ngày rất bình thường. Mãi đến khi ta vừa biết được rõ rệt ngày sẽ từ già cõi ta bà để sinh sang nước Cực Lạc, thì người bạn thân năm xưa tại chùa Giác Lâm, trong kiếp này là một nhà cách mạng lạc lõng xứ người gặp lúc hiểm nguy tìm đến chốn này lánh nạn. Thì ra, tuy pháp giới mênh mông mờ mịt, nhưng hễ có nhân duyên thì chắc chắn có ngày hội ngộ. Rồi đây, trên con đường vô tận hạnh hạnh Bồ Tát để cứu độ chúng sanh, trong bất cứ hình dáng nào : tu sĩ, thầy thợ, phu lục lộ... hay một nhà cách mạng, chắc chắn chúng ta sẽ hội ngộ hằng hà sa số lần, để hỗ trợ nhau và nhắc nhở nhau hoàn thành đại nguyện năm xưa tại chùa Giác Lâm : “Chúng sanh vô biên con thề nguyện độ. Nếu còn chúng sanh chưa thành Phật, con nguyện chưa thành Phật”.

- Hà! Hà! Năm xưa tại Gò Bắc Chiêng ta lo hậu sự cho người, nay lại đến phiên người hỏa táng ta. Cái đó dân quê mình gọi là : “có qua có lại mới toại lòng nhau!”, đúng không thầy Thiên Hữu?

Xin bảo trọng!

Sau khi làm lễ 49 ngày, Thuật cẩn thận mang bình tro và xá lợi của thầy vượt biên giới sang Lào, rồi về nước an toàn. Bị mật thám theo dõi ráo riết, trong khi công tác của tổ chức bệ bộn, nên ủy thác của thầy vẫn canh cánh bên lòng, mà Thuật vẫn chưa có cơ hội thực hiện được. Mãi đến ngày Phật đản, biết chắc cô em Đinh thị Xuyên theo lệ hằng năm đưa con về chùa Bửu Lâm, Cái Bè, lễ Phật. Thuật hóa trang thành người Trung Hoa trọng tuổi bí mật gặp cô em, kể câu chuyện kỳ ngộ tại xứ người, rồi trao cho cô em di cảo và bình cốt tro của thầy để nhờ lo liệu dùm. (Sợ chồng con liên lụy, bà Xuyên dấu kín nội vụ. Bà cũng chẳng dám ra miền duyên hải nên âm thầm rải cốt tro xuống sông Cao Lãnh, một nhánh của sông Tiền, chỉ mong giòng nước sẽ đưa tất cả ra biển Đông mà hoàn thành tâm nguyện của sư Thanh Trì Tâm Địa. Và phải đợi đến hơn bốn mươi năm sau, khi sắp sửa lìa trần, bà mới dám thổ lộ cho đứa cháu ngoại câu chuyện kỳ ngộ của ông cậu)

Có lẽ hạt giống đạo pháp đã được tàng trữ tự kiếp nào, nên chỉ chỉ gần gũi với nhà sư cam điếc một thời gian ngắn mà nếp sống tâm linh của Thuật có nhiều thay đổi. Thuật vẫn hoạt động cách mạng không ngừng nghỉ, nhưng chàng đã làm cách mạng theo hạnh nguyện của Bồ Tát : xả thân cho đại nghĩa, làm để mà làm chứ không mong cầu. Do đó, trong khi hoạt động vẫn có thể tu bằng phương pháp hằng quán sát tâm không để cho niệm tham sân si sinh khởi. Nhờ vậy, mà sau này, khi bị bắt, bị tra tấn và tù đày, Thuật vẫn hồn nhiên tươi mát, tâm không bợn một chút hận thù dù ngay đối bọn người đã đã man hành hạ chàng.

Tháng 11.1997

Ghi chú :

1. Đinh hữu Thuật tự Đinh hữu Xương, sinh năm 1874 tại Mỹ Xương, Sa Đéc, con trưởng của một gia đình năm anh em, cha là Đinh văn Chánh, mẹ Nguyễn thị Tài. Ông được gia đình gởi sang Pháp du học, nhưng bị trục xuất gởi về nước vì tình nghi đã nghiên cứu tìm học thể thức chế tạo vũ khí bị nghiêm cấm. Về nước ông tham gia hoạt động cho Phong Trào Đông Du tại miền Nam do cụ Nguyễn thân Hiến sáng lập dưới danh xưng “Khuyến Du học hội”. Năm 1908, Nguyễn thân Hiến bị Pháp truy nã phải vượt biên sang Nam Vang, rồi sang Trung Hoa phụ trách công tác ngoại vận, giao tổ chức quốc nội cho Nguyễn quang Diệu và Đinh hữu Thuật điều khiển. Năm 1912, Đinh hữu Thuật vượt biên qua Trung Hoa mở đường giầy đưa cán bộ xuất ngoại sang Nhật. Năm 1913, Ông cùng các chiến hữu Nguyễn quang

Diệu, Huỳnh Hưng... vượt biên đến Hồng Kông tạm trú tại nhà Nguyễn thần Hiến, chẳng may kho chứa vũ khí chuẩn bị đưa về Việt Nam bị lộ, cả nhóm bị nhà đương cuộc Anh bắt giải giao cho Pháp. Tòa án Hà Nội xử ba lãnh tụ Nguyễn thần Hiến, Nguyễn quang Diệu và Đinh hữu Thuật án chung thân khổ sai. Cụ Nguyễn thần Hiến tử tại nhà giam Hỏa Lò, Hà Nội. Nguyễn quang Diệu và Đinh hữu Thuật bị lưu đày sang Guyanne, Trung Mỹ. Hai nhà cách mạng đã vượt ngục sang Hoa Kỳ, rồi về nước tiếp tục sự nghiệp cách mạng. Năm 1933, ông bị đau nặng phải ngưng hoạt động, lên về nhà con gái nương náu một thời gian ngắn thì qua đời.

(Tài liệu liên hệ đến gia đình cụ Đinh hữu Thuật do hai cụ bà Nguyễn thị Quỳnh và Nguyễn thị Sáu cung cấp)

2. Câu ca dao này cũng phổ biến tại Cần Thơ với vài điểm sai khác :
Chùng nào xán nọ bung vành

Tàu binh kia liệt máy, thì mình mới xa nhau...

3. Phèn là màu vàng của chất phèn. Khi dùng như danh từ, phèn có nghĩa là chó phèn, tức chó màu vàng (cũng như chó trắng gọi là con cò, chó đen gọi là con mực...). Thời Pháp mới chiếm miền Nam, “phèn” là tiếng lóng chỉ đám người Việt (da vàng) mà đi làm chó săn cho ngoại bang.

4. Lung á đầu đà : tu sĩ khổ hạnh cầm và điếc.

5. Hải Minh Bảo Chơn : sư là đệ tử của hòa thượng Tánh Không Giác Ngộ, chùa Bát Nhã, núi Long Sơn, Phú Yên. Sư và sư đệ Bảo Thanh vào Nam hoằng pháp tại núi Chứa Chan, tỉnh Đồng Nai. Hòa thượng Bảo Chơn thường hành hạnh du tăng hoằng hóa khắp các tỉnh miền Tây.

6. Chùa Phước Hưng : còn gọi là chùa Hương Sa Đéc, do hòa thượng Minh Phước sáng lập năm 1838. Hòa thượng Như Diệu là trụ trì đời thứ hai của chùa.

7. Thiên sư Hải Bình Bảo Tạng (1818-1872), đệ tử hòa thượng Tánh Không Giác Ngộ, chùa Bát Nhã, núi Long Sơn (Phú Yên), thuộc thế hệ thứ 40, phái thiền Lâm Tế, chi phái Liễu Quán. Sư vào Nam hoằng hóa, tiên khởi dừng chân tại xã Bình Thạnh, Thuận Hải, xây dựng ngôi già lam tại núi Cỏ Thạch. Sau đó, sư lại đến Bảo Trâm, hoằng dương đạo pháp tại chùa Kim Quang, đoạn vào núi Trà Cú ẩn tu một thời gian. Rồi Trà Cú, sư vào vùng Đất Đỏ,

Bà Rịa hoàng hóa, lập chùa Châu Viên, núi Châu Viên, chùa Bửu Long xã Phước Hải và chùa Ngọc Tuyên núi Kỳ Vân.

8. Tiên Giác Hải Tịnh (1788-1875) : đệ tử của hòa thượng Tổ Tông Viên Quang. Sư nổi tiếng là bậc tăng tài hiếm có, thông tuệ khác thường, đức độ cao sâu, nên sớm đã được cử làm trụ trì chùa Từ Ân, Gia Định năm 1821, rồi được vua Minh Mạng vời ra Huế trụ trì chùa Thiên Mụ (1825), tăng cang chùa Giác Hoàng (1842). Sau mấy mươi năm ở Huế, sư xin mãi mới được về Nam, trụ trì chùa Giác Lâm, lãnh đạo và tổ chức phát triển phong trào Phật Giáo miền Nam buổi giao thời Pháp thuộc.

9. Chùa Khải Tường : Năm 1744, tổ sư Phật Ý Linh Nhạc (1725-1821) cùng một pháp hữu từ Trấn Biên vào vùng Gia Định kết am tranh trú ngụ để hoàng hóa. Đến năm 1752, chùa đã được xây cất khang trang, và lần lần trở thành một trong những ngôi chùa lớn tại Gia Định, được sắc phong là Quốc Ân Khải Tường tự. Khi Pháp xâm chiếm miền Nam, chúng viện lễ chùa đã từng chứa chấp nghĩa quân nên ra lệnh triệt hạ, để xây đồn binh. Theo cụ Vương hồng Sên thì vị trí chùa Khải Tường ngày xưa nằm trong khuôn viên đồn Ô Ma.

10. Nhị tổ hỏi Đạt Ma : “Làm thế nào nhập được đạo”. Tổ Đạt Ma đáp :
Ngoài dứt các duyên
Trong bật nghĩ tưởng
Tâm như tường đá,
Mới vào được đạo
(Ngoại tức chư duyên;
Nội tâm vô đoan.
Tâm như tường bích
Khả dĩ nhập đạo)
(Trích Thiền Đạo tu tập, Chang chen Chi, bản dịch Như Hạnh, trang 32

11. Thiên Hậu Phật mẫu : tục danh Lâm mi Châu, sanh ngày 23.3 năm Giáp Thân (1044). Theo truyền thuyết bà bẩm sinh thông minh đỉnh ngộ, năm tuổi đã biết đọc, mười một tuổi tu theo Phật giáo, mười ba tuổi được bí truyền thiên thư, căn cứ vào đó mà tu đắc đạo. Bà đắc thần thông nên thấy cha và hai anh đi thuyền bị nạn nên ra tay cứu vớt. Từ đó, những người đi biển gặp nạn, van vái tên bà cầu cứu, đều được thoát hiểm. Do linh ứng về sự cứu nạn trên biển khơi của bà, năm Canh Dần (1110), vua Tống sắc phong bà “Thiên Hậu thánh mẫu”. Người Trung Hoa sang miền Nam nước Việt bằng thuyền,

họ rất tin tưởng bà, nên từ Saigon đến khắp các tỉnh miền Tây, nơi nào họ cũng lập chùa thờ bà.

12. Bảo hương hay hành hương : thiền tập trong khi chạy, thực hành khi bắt đầu thời tọa thiền và giữa các thời tọa thiền.

---o0o---

Một Niệm Buông Lung

Thím Phan hân hoan mở toang hai cánh cửa bước vào phòng chứa hàng trăm bộ y phục móc san sát nhau, say sưa ngắm nhìn từng bộ không bao giờ thấy chán. Thím ngắm nghía cho niềm vui sướng được gia tăng, chớ thật ra, đầu nhắm mắt lại chẳng những thím vẫn hình dung rõ ràng vị trí từng món, mà còn có thể mô tả vanh vách màu sắc, kiểu cách, hiệu brand name nào, giá cả ra sao nữa! Đối với thím, chung diện mua sắm là một "nghệ thuật", và thím rất tự hào về tài nghệ siêu đẳng của mình. Người nắm vững được nghệ thuật mua sắm, ngoài khả năng tài chánh, còn phải có óc thẩm mỹ để phân biệt những đường nét sắc sảo, kiểu cách trang nhã, màu sắc tươi mát, hòa hợp đúng điệu với vóc dáng của mình, mặt khác, lại cần có khả năng hiểu biết phẩm chất từng tư liệu sản xuất, sành sỏi ngọn ngành từng nhãn hiệu tiếng tăm, "đánh hơi" chính xác chuyên hướng của thời trang, và sau cùng lại phải chịu khó lục lọi khắp các cửa hàng, thì mới mong khám phá được món vừa ý. Thím ngần ngừ trước bộ "lễ phục hải quân" trắng, viền xanh, nút màu vàng to, đượm nét thanh lịch và uy nghi. Nhìn bộ y phục này cơn giận ngày nào bỗng hâm nóng trở lại. Thím giận là giận cô bán hàng kỳ thị kém lịch sự, đáng lẽ thím quăng trả rồi hầm hầm bỏ đi thì mới phải, nhưng tiếc công so đo lựa chọn thím đành bấm bụng trả tiền mà nổi bực tức cứ đeo đẳng mãi. Thím chợt nhớ bộ này đã mặc dự tiệc mừng thượng thọ của một người đồng hương mấy tháng trước, e có kẻ thấy rồi thì nguy to, nên thím đưa mắt tìm cái khác. Thím thoát nghĩ đến chiếc váy ngắn (mini jupe) đỏ, đơn giản mà trẻ trung. Hôm mang chiếc váy này về nhà, thím bị cái "ông chồng cổ lỗ sĩ" trêu ghẹo là "cùn cùn quá", khiến thím đỏ quạu. Sau đó, dù chú đã nỉ non già già, mà giờ này nhớ lại, nổi hờn giận vẫn còn vương vấn trong lòng. Cuối cùng, thím chú ý đến bộ áo đầm kín cổ, dài phết gót màu rượu chát, vừa quý phái, vừa xinh xắn. Rồi thím lại ngần ngừ trước chiếc "xường xám" màu nước biển, với cành hoa cắm chường thêu tay khéo léo, mà thím đã may mắn khám phá hai hôm trước tại một cửa tiệm chuyên bán hàng sản xuất tại lục địa. Thím đang sẫm soi ngắm nghía, chợt lạnh mắt thấy con hai đuôi lấp ló, thím phì xuống thắm, rồi chà xác nó tan nát. Dù vậy, cơn giận vẫn chưa

ngươi, thím dặn lòng phải mua thêm long não, và nhớ xịt thuốc tiêu diệt hết giồng phá hoại áo quần này mới được. Đắn đo mãi vẫn phân vân trước hai bộ y phục xinh đẹp, thím bèn cầm cả hai bước ra, ồm ồm hỏi chồng:

- Anh ơi! em mặc áo nào hợp hả anh?

Chú Phan than thầm mụ vợ già mà ngõ vẫn còn trẻ trung, thịt chảy xệ ra mà đòi mặc xường xám bó chặt thiệt chẳng ra thể thống gì. Tuy vậy, nếu nói thật thì mất lòng vợ nên chú đành gật gù lên tiếng.

- Ô! áo nào em mặc cũng đẹp cả, "mỗi cái một vẻ, mười phen vẹn mười" mà. Ô! độ rày trời trở lạnh, em nhớ mang áo ấm kéo bệnh thì nguy!

Nghe chồng nhắc trời lạnh, thím đành mặc áo đầm kín cổ, mà vẫn còn tiếc cái xường xám, nên lầm bầm:

- Trời lạnh lẽo! chung diện chẳng thoải mái tí nào!

Vợ chồng Phan chuẩn bị dự tiệc tất niên tại nhà họ Tô, một trong hai người bạn thiết, đã kết giao với chàng hơn mười mấy năm trời, từ lúc họ vừa đặt chân đến xứ Hoa Kỳ, sau khi vượt thoát khỏi Hoa lục trong cơn quốc nạn. Người Hoa sinh sống tại vùng Cựu Kim Sơn tuy đông đảo, nhưng tìm được người đồng hương cùng nói thổ ngữ Tiểu Châu, từng là viên chức của chế độ Dân Quốc, lại cùng đam mê cờ tướng... là một điều hiếm có. Vì vậy, tuy chẳng hề lập thế kết nghĩa anh em, mà tình nghĩa bằng hữu của bộ ba "tướng, sĩ, tượng": Tô, Triệu, và Phan, rất ư là thâm trọng. Tháng nào họ cũng họp mặt uống trà, đánh cờ và đàm đạo. Hàng năm lại có tiệc tất niên để có dịp nhắc nhở về mảnh đất chôn nhau cắt rún ở bên kia bờ Thái Bình Dương. Họp mặt thì có dịp đầu hót vui vẻ mà lại có lý do chánh đáng chung diện, nên thím Phan trang điểm cực kỳ cẩn thận, chú hồi thúc mãi, thím mới chịu kết thúc màn "sắm tuồng" để lên đường.

Chiếc xe BMW mới toanh lăn bánh êm ru, thím Phan ngã người lún sâu vào ghế nệm da lim dim thích thú. Thím giựt mình nhòe dậy khi thấy con chó lông xù của người hàng xóm phóng uế sân trước nhà thím. Thím lầm thầm rủa: "con chó bản thiêu ăn hại này sao không bị xe mười bánh cán chết cho người ta nhờ!". Giận chó ghét chủ, cái mặt mâm xấu xí của mụ hàng xóm Hải Nam chờn vờn hiện ra trong tâm khảm của thím. Thế rồi, bao nhiêu chuyện khó ưa của mụ ta cứ thế mà tuôn tràn ra, nó chỉ vụt biến mất khi thím giật nảy mình chợt thấy một kẻ bụi đời băng ngang đường bừa bãi, thím hốt hoảng la: "Thăng! thăng!". Thím lầm bầm: "Sao lại có cái hạng

người gì biếng nhác, chẳng chịu làm lụng chi cả! chỉ có nước ăn bám vào xã hội, thảo nào thuế nước này chẳng cao?". Quả tim vẫn còn đập thành thịch, thím lại điếng người thấy chiếc xe thể thao lách ẩu, cắt ngang xe chú, khiến chú phải thắng gấp mới tránh tai nạn. Thím nổi giận xúi chồng: "Anh bóp còi mắng nó đi anh!". Phan cười hì hì rồi bỏ qua. Sống ở thành phố Cựu Kim Sơn đường hẹp xe đông này, Phan đã quen với cảnh thiên hạ lái xe cầu thả, chèn ép, giựt dọc rồi, nên chẳng nghĩ đến việc bóp còi chửi thề làm gì. Khi đi ngang khu bệnh viện San Francisco General Hospital, Phan chợt xúc động nhớ đến một người bạn đang thoi thóp chờ chết trong đó, chàng chép miệng thở than:

- "Bạn bè lứa tuổi mình, theo năm tháng mà rơi rụng lần lần... Năm trước lão Vĩnh Phát bỏ mạng, năm nay thì chú Trần quản lý cũng sắp đi doong rồi!"

Trần Thủ cũng thuộc bang Tiều Châu, làm quản lý tiệm thực phẩm đồ biển, chăm chỉ làm việc cho đến khi té xiêu, chở vào bệnh viện thì mới khám phá ra bệnh ung thư cổ họng và gan đến thời kỳ trầm trọng. Tuần trước vợ chồng thím ghé thăm, bệnh nhân đã nằm liệt giường, không nói năng ăn uống chi được. Bác sĩ đã phải khoét một lỗ dưới cổ, đúc ống cao su thẳng vào bao tử để tiếp tế thức ăn. Hồi tưởng đến hoàn cảnh thảm thương của con bệnh, thím bùi ngùi phụ họa:

- Tội nghiệp chú Trần quá! anh há! Sống như vậy thà chết còn hơn! Ô! anh à! chú Trần tuy làm quản lý tiệm hải sản, nhưng tự tay chú đâu có sát sanh, mà tại sao chú phải chịu quả báo ung thư cổ ghê gớm như vậy?

- Ô! theo một vài nhà nghiên cứu thì dân Tiều Châu mình, đời đời có thói quen ăn cháo thật nóng nên tỉ lệ ung thư cổ tương đối cao hơn giống dân khác! Đó lối giải thích khoa học, còn theo tin tưởng của tổ tiên ta, thì bệnh tật phát sinh từ những nhân duyên trong hiện kiếp hoặc tàng trữ từ kiếp trước, nhưng vấn đề tiền kiếp nhân quả thì ngoại trừ những bậc cao tăng đắc được túc mạng thông, có mấy ai tường tận. Ôi! mình làm sao dám lạm bàn chuyện này hở em!

Chú lặng yên một lúc, rồi như chợt nhớ ra điều gì, chú lại vui vẻ lên tiếng:

- A! có chuyện này lạ nè! Tại xứ Hoa Kỳ, có một người tên Edgar Cayce, theo đạo công giáo nhưng lại tin tiền kiếp và nhân quả. Không biết kiếp trước ông tu hành như thế nào, mà kiếp này ông ta có thể định tâm thấy kiếp trước của thân chủ, tìm ra nguyên nhân để trị bệnh. Ông truy tiền kiếp của vài người bị bệnh béo phì thấy trong kiếp trước họ lâm vào hoàn cảnh đói

khát, suốt ngày tư tưởng ước mơ chuyện ăn uống, nên kiếp này họ cứ thêm ăn, ăn không ngừng rồi sanh bệnh. Theo Ông ta thì người kiếp trước có những liên hệ mật thiết với thực phẩm sẽ quây quần với thực phẩm, họ cảm thấy hợp với ngành nghề thực phẩm: họ buôn bán, dự trữ, nấu nướng và có nhiều trường hợp họ thích ăn, ăn thật nhiều rồi sanh ra bệnh béo phì... Theo thuyết này, thì mình chỉ có thể suy luận rằng chú Trần kiếp trước đã có những liên hệ sâu xa với hải sản, nên kiếp này chú mới làm quản lý tiệm hải sản như vậy...

- Thuyết này cũng có lý a! Thảo nào quý thầy khuyên người tu pháp môn tịnh độ thì phải tha thiết, một lòng hướng về cõi tịnh độ thì mới có thể vãng sanh được!

- Khâm phục! khâm phục! bà xã tui tinh thông giáo lý quá chừng chừng hà! Vậy theo quan điểm đó mà lập luận thì ai tha thiết quyền luyện với vải vóc lụa là thì họ cũng tạo ra cái nhân duyên để kiếp sau quây quần với y phục phải không em? Như em, kiếp sau em dám làm chủ nhân ông một hãng xưởng sản xuất y phục nổi tiếng khắp thế giới chớ chẳng phải chơi đâu?

Thím nghe chồng tán hươu vượn mát lỗ nhĩ, cười hì hì đáp:

- Không cần lớn lắm đâu! chỉ được cỡ như Liz Clairebone, Ellentracy... là chung diện cũng đã đời rồi...

- Ày! đây là mình lạc quan mơ mộng nói chơi thôi! Chớ phân tích kỹ thì tuy cùng có những liên hệ mật thiết với vải vóc mà mỗi người lại có những nghiệp duyên riêng. Kẻ đại phước có thể làm chủ nhân, phước kém lần lần thì làm quản lý, thợ may, người bán hàng..., còn kẻ bạc ác thì cũng có thể gần gũi với vải vóc dưới dạng một con hai đuôi, con dấn..., phải không em?

Lời nói bông đùa của chồng bất ngờ khiến thím hồi tưởng lại giây phút thím giận dữ tàn sát con hai đuôi chui rúc trong bộ xường xám mà chột dạ! Thím nghĩ con hai đuôi có thể là thân tương lai của thím lắm, nếu như thím cứ tiếp tục đam mê áo quần và không biết vun bồi phước đức. Suy tư này ám ảnh thím mãi, khiến thím cứ quanh quẩn nhớ nghĩ cặn kẽ từng hành vi tư tưởng của mình từ khi bước vào phòng y phục cho đến khi nổi giận thăng trê tuổi lái xe thể thao hung bạo. Càng quán sát kỹ, thím càng ngạc nhiên thấy tâm ý của thím lăng xăng như khói vượn, vọng tưởng "thương ghét giận hờn" cứ liên tục nối tiếp nhau không ngừng nghỉ. Thím Phan vốn là một Phật tử thuần thành, quý chùa mến đạo, thím tham gia tọa thiền, rồi lại qui ngưỡng pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh tịnh độ. Thím yên chí rằng mình có căn

tu, tâm sẵn thanh tịnh, nên dù chọn pháp môn nào thím cũng tin chắc mình sẽ đạt được thành quả tốt đẹp. Bây giờ thím mới giật mình nghiệm rõ rằng, dù tọa thiền hay niệm Phật, mà tâm thím loạn động như bão biển như thế này thì có ích lợi chi đâu! huống chi, tuy thím tự nhủ mình tha thiết nguyện sinh về cõi tịnh độ, nhưng thật tâm thím chỉ lẩn quẩn thương ghét cõi ta bà: thím quyến luyến chồng con, đắm nhiễm nhà cửa xe cộ, đam mê quần áo, son phấn, và nồng nhiệt bon chen vui sống phủ phê ở chốn văn minh phù phiếm này... Thì ra, tuy thím niệm Phật ngày đêm mà tâm cứ "loạn cào cào", còn ái dục thì dính mắc sâu đậm như dán keo "super glue", không buông bỏ được chút nào cả. Chư cô đức đã răn dạy rất rõ: "Ái bất trọng bất sanh ta bà. Niệm bất tục bất sanh tịnh độ". Thím làm sao vãng sanh tịnh độ nếu vẫn tiếp tục lối tu tập hời hợt hình thức như cũ. Khám phá được khuyết điểm của mình, thím nguyện phen này phải thường quán sát tâm mình để vọng niệm giảm dần, thím phải thực sự buông bỏ những thứ bám dính của cõi ta bà hầu có thể dốc lòng tha thiết niệm Phật cho đến khi được nhất tâm bất loạn.

Mụ vợ mãi chìm đắm trong cơn suy tư không khuấy rầy càng hay, chú Phan thoải mái lái xe bon bon qua cầu Golden Gate, đến thành phố Belvedere, đậu hẳn xe tại nhà bạn, rồi mới ôn tồn nhắc nhở:

- Tới nhà anh Tô rồi em!

Thím Phan bừng tỉnh, mở cửa xe bước ra ngoài, thì xe họ Triệu cũng vừa trở tới, nên thím dừng lại chờ bạn, tíu tíu chào hỏi.

Thím Triệu ngắm nghía thím, đoạn trầm trồ:

- Chời! bộ áo đầm sang trọng quá mức! Xem chị trẻ hẳn ra!

Thím Phan khoái chí cười hỉ hả, nhưng vẫn ra giọng khiêm tốn đáp:

- Ô! cũng thường thôi chị ạ!

Đoạn thím mới "bỏ nhỏ":

- Em mua nó ở Fifth Saks Avenue á! chỉ có hai trăm năm mươi sáu đồng hà chị!

Thật ra, thím mua chiếc áo đầm này với giá "sale" năm mươi sáu đồng tại một "out-let" chuyên bán sản phẩm có tí vết của các hiệu nổi tiếng. Tí vết mình mua mình biết chớ mấy ai thấy được nên "tội gì" thím không nỏ cho

sương miệng. Thím chiếu cặp mắt "nhà nghề" quan sát y phục bạn, biết rõ bộ này bán tại tiệm Ross chỉ có ba mươi tám đồng, nên mống niêm chút khinh khinh trong lòng. Thím lại nhận thấy bạn đã lớn tuổi mà mặc áo đầm bông lòe loẹt, cùn cùn, lòe cặp giò ốm nhom đen đũi, nên chỉ phô bày ra nét quê mùa chớ chẳng "sexy" hấp dẫn gì cả. Tuy vậy, thím cũng giả vờ thích thú rồi khen đáp lễ:

- Trang phục của chị trẻ trung xinh xắn làm sao á! chị lựa khéo lắm! đẹp lắm!

Rồi thím thì thầm với bạn mẩu chuyện "cấm bọn đàn ông nghe":

- Chị biết không? Ở tiệm Đại Đồng, hàng lục địa mới về! đủ loại đủ kiểu vừa đẹp vừa rẻ! Em mới "tảo thanh" cách nay hai ngày, chọn được cái xường xám thù khéo không thể tả! chị nên đi lựa nhanh kéo trễ!...

Thím Triệu thích chí gặt đầu lia lịa, nhưng chưa kịp bàn bạc gì thêm thì gia chủ đã vồn vã bước ra đón khách. Triệu và Phan thân mật xáp vào ngồi quây quần với Nghĩa và Danh, hai người em trai của họ Tô. Họ vừa lai rai lon bia, vừa theo dõi trận đấu bóng bầu dục hào hứng trong truyền hình. Hai người đàn bà thì tự nhiên bước thẳng vào bếp, tay bắt mặt mừng với nữ gia chủ và hai cô em dâu, rồi hội nhập ngay vào không khí ồn ào vui vẻ như cái chợ ở đây. Người ta nói chỉ cần có ba người đàn bà là đủ để họp chợ, huống chi ở đây có đến năm bà. Họ tung tăng đầu hót đủ mọi đề tài, từ chuyện tình ái lãng nhãng của bàn dân thiên hạ, chuyện vàng bạc hột xoàn, chuyện xe hơi nhà lầu, họ chuyển sang đề tài ăn uống, rồi đến nghệ thuật nấu nướng. Ai cũng muốn chứng minh mình là tay biết nhiều, sành sỏi đủ mọi thứ, thành thử họ cứ tranh nhau bàn cãi sôi nổi, dường như, nếu được đầu hót suốt cả tuần lễ, chắc họ cũng chưa cạn hết ý. Điều đáng phàn nàn là đã mấy phen thím Phan áp a áp ứng gọi đề tài trang điểm ra, nhưng bọn họ cứ vô tình mãi mê thảo luận chuyện khác, thành thử thím chẳng có cơ hội thuận tiện nào để khoe bộ y phục sang trọng và "nở" cho sương miệng cả!

Cơm nước sẵn sàng. Chủ khách vừa cụng ly mừng nhập tiệc, bỗng beeper của chú Triệu kêu tí tít. Nhìn hàng số hiện trên beeper, Triệu bần khoản nói: "Có chuyện gì gấp mà máy đưa nhỏ gọi kìa!". Chú vội rời bàn ăn, gọi điện thoại đến người nhắn, rồi mặt mày chú bỗng xanh dờn, chú run rẩy thốt từng câu đứt quãng: "Trời! Trời!... thằng Xén hả!... bệnh viện nào? đường Clarendon phải không...?". Cả đám lo lắng nhìn chú Triệu, trong khi thím quính quíu nắm tay chồng hỏi:

- Chuyện gì vậy anh?

Chú phều phào:

- Con báo tin thằng Xén bị tai nạn lưu thông, mạng sống rất nguy ngập, hiện đang chở vào UCSF Medical Center cứu cấp...

Nghe tin đưa em út của mình lâm nạn, thím Triệu hét lên hai tiếng "Trời ơi!", rồi ngất xỉu.

Cả bọn xúm lại xoa đầu, giựt tóc mai cho thím tỉnh dậy. Vừa mở mắt, thím đã bù lu bù loa khóc lóc hỏi chồng:

- Anh ơi! anh nhắm thằng Xén qua khỏi không anh!

Chú Triệu đã lấy lại bình tĩnh thường nhật, lên tiếng an ủi vợ:

- Chắc không đến nỗi nào em à! Em đừng lo lắm! Anh phải đến bệnh viện ngay mới được. Em mệt, em ở lại đây với các bạn nhé!

- Không! em nóng ruột lắm! em nhất định đi theo anh hà!

Chú Phan lên tiếng:

- Để tôi lái xe đưa anh chị đi nhé!

- Cảm ơn Phan! Tôi đủ bình tĩnh lái xe! anh phải ở lại thù tạc với anh chị Tô, bỏ đi hết sao cho tiện!

- Chị còn yếu lắm! anh nên ngồi cạnh săn sóc chị! Tôi đưa anh chị đi, rồi trở lại cũng dư kịp mà!, Phan nài ép bạn.

Phan đưa vợ chồng Triệu ra đi, bữa tiệc tất niên chỉ còn lại bảy người gương gạo tiếp tục trong bầu không khí nặng nề. Cũng thức ăn đó, lúc nãy nó thơm tho hấp dẫn làm sao, mà giờ đây thím Phan cảm thấy nhạt nhẽo như nhai miếng cao su. Đầu óc thím quay cuồng bởi những hình ảnh của thằng Xén từ ngày nó còn là thằng bé con kháu khỉnh, thím vẫn thường nựng nịu cho quà bánh, cho đến ngày nó trở thành một thanh niên cường tráng, tốt nghiệp bằng tiến sĩ kỹ sư, tương lai sự nghiệp đầy hoa mộng. Ràng ràng mới tuần trước đây, thím còn bắt gặp nó đang hân hoan choàng eo éch tình nhân, thả rêu ở khu bến tàu rất ư là hạnh phúc. Thế mà giờ này, con người tràn đầy

nhựa sống đó chỉ còn là một cái xác máu me nhầy nhụa... thê thảm quá!
Nước mắt ràn rụa, thím Phan buông đũa thờ dài:

- Tội nghiệp thằng Xên quá!

- Chết như nó kể ra quá ghê rợn, chớ suy cho cùng chúng mình có ai thoát khỏi giai đoạn lia trần đâu?, Nghĩa bùi ngùi phụ họa.

Thím Tô tán đồng:

- Theo tôi! chết nhanh chóng dù sao cũng dễ chịu hơn tình trạng nhức nhối kéo dài, nửa tỉnh nửa mê, rên la kêu gào, sống chẳng ra con người nữa, mà chết cũng không xong... Ngay như khi đã già cả lẫn lộn, thân xác còm cõi tiều tụy, mà cứ sống hoài sống mãi cũng là một cực hình. Bởi vậy, sau lần viếng bệnh viện dưỡng lão chúng kiến cảnh tuổi già khổ nhục, tôi chỉ còn nghĩ đến chuyện tu hành chớ chẳng còn tha thiết điều gì trên cõi đời này nữa!

- Chị em mình đứng tuổi rồi! còn ham muốn gì nữa mà chẳng lo tu!... Điềm rắc rối là làm sao biết pháp môn nào hiệu nghiệm nhất để tu tập đây? Chẳng biết anh chị tu tập đạt được kết quả tốt đẹp gì không? Chớ phần tôi, thú thật tôi đã chạy theo thiên theo tịnh bao năm rồi, mà chẳng thấy đi đến đâu! tâm vẫn vọng động, vẫn tham sân si chất ngất... Lúc nào ơ hờ quên thì thôi, mà chợt nhớ tới cái chết gần kề, đôi khi tôi bỗng lo sợ đến thất thần!

Chú Tô ôn tồn góp ý:

- Tâm trạng của chị cũng chẳng khác gì nỗi băn khoăn của tôi mấy năm về trước! Ngày đó, tôi sững sờ nhìn bà cụ già tuổi ngoài chín mươi, nhăn nheo gầy còm lắt choắt, nằm lã dưới đất khóc lóc đòi ăn như đứa bé lên ba, mà chua xót rụng rời. Nghĩ đến ngày tàn của mình, tôi khủng hoảng tìm phương pháp tu tập. Mặc dù trong mấy mươi năm qua, tôi đã bỏ rất nhiều thời giờ nghiên cứu luận đàm, thiên tịnh mật duy thức thiên thai hiền thủ..., pháp môn nào cũng lơ mơ thử qua, nhưng thực ra tôi chẳng hề dẫn thân tu tập. Vì vậy, khi cấp bách muốn tu cho có kết quả thì lại ngờ nghếch chẳng biết lối nào. Nghe tôi than thở, anh Phan mới rủ tôi đi chùa Vạn Phật, thỉnh ý hòa thượng Tuyên Hóa. Ngài trích dẫn pháp từ của tổ Hư Vân [1] và phán dạy:

"Trên con đường tu, quan trọng nhất là tín tâm phải kiên cố. Kẻ tín tâm thiếu kiên cố lơ mơ tu tịnh vừa nghe thiên đôn ngộ "chỉ thẳng chân tâm thấy tánh thành Phật" vội bỏ tịnh theo thiên, lại nghe kinh điển cao siêu vội bỏ thiên

theo giáo, đoạn nghe mật nhiệm màu vội bỏ giáo chạy theo trì chú... thì càng tu càng thêm chướng ngại chớ chẳng ích lợi gì. Ngược lại, nếu lập chí vững chắc, phát tâm đồng mãnh, đã tịnh thì tâm tâm niệm niệm lục tự Di Đà liên tục cho đến khi được nhất tâm bất loạn, đã thiền thì phải sống chết bám giữ câu thoại đầu sao cho tâm kết thành phiến, công phu thuần phục như vậy thì mới mong thoát khỏi căn trần, đại dụng hiện tiền, con đường giải thoát của thiền tịnh đâu có gì sai khác!". Ôm áp lời dạy của Ngài, từ đó, tôi phát nguyện một lòng niệm Phật cầu vãng sanh tịnh độ, và chí thiết tu tập ngày càng tinh tấn. Điểm đặc biệt, là khi đã phát tâm chí thành niệm Phật, tôi có cảm giác mình đón nhận được hồng ân chư Phật gia bị nên thân tâm ngày càng nhẹ nhàng thư thái.

- Ủa! ngày xưa tôi nghe anh bàn luận về thiền cao siêu lắm mà! sao bây giờ anh chuyên sanh tịnh độ như vậy?, thím Phan thắc mắc.

Tôi ôn tồn đáp:

- Thật ra, lúc nào tôi cũng tôn quý thiền tông, nhưng cái nhìn của tôi không còn một chiều như ngày xưa nữa. Thuở mới phát tâm, vừa học lóm được vài sáo ngữ thiền tôi những tưởng sở học Phật Pháp của mình cao siêu lắm, thậm chí tôi tự cao tự đại xếp mình vào hàng thượng căn chỉ cần tu một kiếp là đã thừa sức ngộ đạo thành Phật rồi. Thế nhưng, khi tìm hiểu sâu rộng và thực sự bước vào ngưỡng cửa thiền, tôi mới hiểu ngộ đạo chân chánh là chuyện vô cùng hiếm hoi, trong khi ngộ nhập ma đạo lại rất dễ dàng. Ngày xưa, người đệ tử xuất gia theo thầy học đạo bao năm trời, khi thầy xét đã hội đủ giới đức cần thiết thì mới trao câu thoại đầu để tham quán, rồi thường trực theo dõi để hướng dẫn đệ tử, vậy mà, số người bỏ ra cả đời để tu thiền có mấy ai đạt được đạo màu đâu? Ngày nay, sách vở và băng thuyết giảng thiền tràn ngập, người ta theo đó nghiên cứu rồi rủ nhau tu thiền, không cần thầy hướng dẫn, cũng chẳng màn quan tâm đến căn cơ, đức hạnh gì cả. Chẳng lạ gì có người mới tọa thiền vài ba tháng, tham sân si ngập tràn, mà mở miệng toàn nói chuyện chứng đắc, hui hui đặt mình ngang hàng với chư Phật với chư tổ, rồi nặng lời bài xích phỉ báng pháp môn khác... Thấy người rồi nghĩ đến mình, tôi tự biết đức mỏng, tham sân si sâu dày... nên tu thiền chắc khó thoát khỏi lưới ma, nên tuy hằng khâm phục thiền nhưng chỉ đứng vòng ngoài vỗ tay tán thưởng mà thôi!

- À! thì ra là như vậy! Thế rồi anh chọn tịnh độ vì đó là lối tu tắt dễ dàng chẳng?, thím Phan lại chất vấn.

- Tôi thiết nghĩ, đúng ra, tu ở cõi ta bà tuy hiểm nghèo nhưng nhờ gặp đủ mọi nghịch cảnh nên có thể tiến bộ nhanh hơn tu tại cõi tịnh. Thí dụ như ở trung phẩm hạ sanh tại cõi Cực Lạc, hành giả sau khi được chư Bồ Tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí thuyết pháp phát tâm Bồ đề chứng được sơ quả Tu Đà Hoàn, rồi phải tu liên tục một tiểu kiếp thì mới có thể chứng được quả vị A La Hán. Trong khi ấy, tại cõi ta bà, từ quả vị Tu Đà Hoàn tiến đến A La Hán có thể đắc liền ngay trong hiện kiếp, cùng lắm cũng chỉ kéo dài đến bảy kiếp người mà thôi. Có thể hình dung, cõi ta bà như là một cánh rừng rậm bao la, hành giả tu ở đây phải leo trèo đạp chông đạp gai phát tâm đại hùng đại lực mở đường tìm đến bờ giải thoát. Con đường đạo gian nan hiểm trở này lại chính là con đường chim bay nên thời gian tu có thể rất ngắn, mà cũng có thể dài vô tận nếu như hành giả sa chân ngã gục hay bị làm đường lạc lối. Tu tịnh độ là nương theo lời dạy chư Phật, theo lối đi ít gập ghềnh và tương đối ngắn để ra khỏi rừng rậm ta bà đến xa lộ Cực Lạc. Đến đây rồi, thì đường đi quang đặng, phương hướng rõ rệt, lại được tam thánh dắt dìu, nên cứ từng bước vững vàng mà tu cho đến khi thành đạt, không còn lo sợ chuyện sa chân đọa lạc nữa.

Tóm lại, theo tôi con đường tịnh độ là con đường tu an toàn chớ không hẳn là lối tu tắt.

Nghĩa lại góp ý:

- Em đồng tình với anh, là mấy chữ "lối tu tắt" không ổn lắm, nhứt là khi nghe, em cảm giác nó hơi hợm làm sao á! người ta có thể hiểu lầm mà có thái độ thiếu nghiêm chỉnh khi nghiên cứu pháp môn tịnh độ đó anh!

Thím Phan lại hỏi:

- Tóm lại, anh chọn pháp môn tịnh độ, vì đó con đường tu an toàn nhờ có thể dựa hẳn vào tha lực của Phật A Di Đà phải không anh?

- O! quan niệm tha lực cũng dễ bị hiểu lầm lắm! Thật ra, dù tu bất cứ pháp môn nào người hành giả cũng phải "tự mình đốt đuốc lên mà đi" phải kiên trì tu tập mới đạt được kết quả. Công năng đầu tiên của câu niệm Phật là tu sửa thân tâm sao cho tham sân si giảm dần, vọng niệm bớt sanh khởi..., tâm thanh tịnh thì mới có thể đạt đến trình độ niệm Phật nhất tâm bất loạn mà vắng sanh được... Tóm lại, tu tịnh độ tuy nương vào tha lực nhưng tự lực cũng vẫn là yếu tố then chốt trong sự tu tập. Không biết vận dụng tự lực để tha thiết chuyển hóa, thì pháp môn niệm Phật tu sửa tâm cao siêu sẽ biến

thành lối tu mê tín, cầu đảo, van xin... do đó, càng tu tâm càng vọng động điên đảo, chẳng ích lợi bao nhiêu!

Danh vốn ít nói mà lần này cũng góp ý:

- Ủa! vậy mà từ lâu em cứ tưởng thiền là lối tu thuần tự lực còn tịnh thì hoàn toàn tha lực chứ!

- Thật ra, suy cho cùng pháp môn nào cũng phối hợp tự và tha lực. Ngay như thiền tuy đặt nặng tự lực, nhưng yếu tố tha lực cũng vô cùng vô tận. Người hành giả nương theo giáo pháp của chư Phật, chư tổ lại được đàn na tín thí - nói cho đủ là cả pháp giới chúng sanh - yểm trợ thì mới có thể tu hành được. Thiếu sự yểm trợ của chư Phật, chư Bồ Tát và pháp giới chúng sanh thì một niệm an lành còn không có, huống chi nói đến chuyện tọa thiền và giác ngộ. Kẻ tu thiền nếu tự cho mình là bậc thượng căn tài trí phi phàm, tự tu tự ngộ, không nương nhờ vào tha lực nào cả, rất dễ sanh tâm cống cao ngã mạn mà rơi vào ma đạo.

- Hay quá! nếu không nghe anh giải thích, chắc em cứ nhìn thiền tịnh qua những nhận xét nông cạn như cũ!, Danh lên tiếng.

- Anh trình bày rõ ràng lắm! Tuy vậy, anh vẫn chưa trả lời thẳng câu hỏi của tôi là nguyên nhân nào đã thúc đẩy anh quyết định chọn pháp môn tịnh độ vậy anh Tô?, thím Phan lại vặn hỏi.

- Tôi cũng chất vấn người bạn tu tịnh độ y chang như vậy thì anh đáp: "Tịnh độ là pháp môn thù thắng được chư Phật, chư Bồ Tát và chư tổ nhiệt liệt tán thán, chư tôn túc luận giải minh bạch, lại đưa ra những bằng chứng vãng sanh rất cụ thể, tôi nghĩ anh là người học rộng hiểu biết chắc chắn anh đã từng nghiên cứu qua, tôi lập lại cũng bằng thừa. Phần tôi, tôi thích thuyết nghiệp báo nhân duyên, nên cũng nhìn pháp môn tịnh độ theo thuyết này. Tôi nghĩ niệm Phật với Tín, Hạnh, Nguyện là tạo nên nhân duyên thanh tịnh, mà nhân đã thanh tịnh thì quả phải là quả thanh tịnh; nói khác, nghiệp tức chánh báo thanh tịnh thì trụ xứ tức y báo phải là cõi tịnh độ. Vì vậy mà tôi tin chắc rằng nếu tôi niệm Phật chân thành thì đương nhiên tôi sẽ được vãng sanh". Nhờ sự hướng dẫn của anh bạn, đúng ra, là do lòng cảm phục đức hạnh của anh ta, mà tôi đã tìm được đường hướng tu tập phù hợp với căn cơ của tôi.

- Người đó là ai? ai vậy anh?, thím Phan hỏi dồn dập.

- Cũng chẳng phải ai xa lạ đâu chị. Người đã chuyển hóa tôi chính là "Ông xã" của chị đó!

Thấy thím Phan trở mặt lộ vẻ không tin, Tô mỉm cười tiếp lời:

- Đó là sự thật chị à! Tụi này giao du với nhau đã hai mươi năm trời, tính nết xấu tốt thế nào làm sao đâu nhau được. Tôi vốn quý đức khiêm cung nhân hậu của anh. Tôi lại để ý thấy từ ngày anh tu tịnh độ, thì dường như phiền não biến dạng dần, con người anh ngày càng tươi mát, thanh thản hơn. Anh tiếp xúc hài hòa với tất cả mọi người, kể cả thành phần bất hảo! Có lẽ, dưới con mắt của anh ấy, ai cũng là người tốt cả, vì anh có bao giờ hờn giận, chê trách ai đâu! Đức hạnh của anh như vậy đáng cho tôi tâm phục lắm chứ! Nghe bạn khen chồng, thím Phan thích thú lỗ mũi nở phồng, nhưng thím giả vờ như không quan tâm lắm. Thím đối đáp vài câu vớ vẩn đưa đẩy sang câu chuyện khác, rồi lặng yên mà lòng miên man nghĩ ngợi: "Ông xã của thím tuy đứng đắn trung hậu, nhưng chuyện tu tập thật ra còn thua sút cả thím, thế sao chú Tô lộ vẻ khâm phục như vậy kia? Tô đùa giỡn chẳng? Mình phải hỏi ông xã cho ra lẽ mới được?...". Thế nhưng buổi tiệc đã tàn, thím chờ đợi sót cả ruột mà cái ông chồng "ăn cơm nhà, vác gà voi, lo chuyện tào lao thiên hạ", mãi đến hơn quá khuya mới chịu "dẫn xác" trở về. Chú vẫn tất cho biết Xén bị thương nặng ở đầu, ngực và gãy hai chân. Vết thương đầu nguy hiểm nhất, bác sĩ đã cố gắng giải phẫu, nhưng kết quả vẫn còn mù mịt..., mạng sống mong manh lắm. Chú chờ bàn giao vợ chồng Triệu cho đám con cái họ, mới an tâm lui gót thành thử về trễ. Vợ chồng Tô nài ép Phan ăn miếng cơm, nhưng Phan mệt nuốt không trôi, chỉ uống tí nước rồi viện cớ hôm sau phải đi làm, để xin phép chia tay.

---o0o---

Xe vừa lăn bánh, thím đã ron ren dò hỏi:

- Anh à! bấy lâu nay anh có tu tập gì không anh?

- O! thì khoảng mười năm về trước đó, sau khi viếng chùa Vạn Phật về, hai vợ chồng mình đồng phát nguyện tu tịnh độ, chẳng lẽ bà lại quên? Dĩ nhiên là thím không quên, nhưng chuyện đó xưa quá rồi. Thím đâu có ngờ chú vẫn chặt lòng chặt dạ với pháp môn tịnh độ, trong khi đó, cũng cùng thời gian này thím đã thử vòng vòng biết bao lối tu rồi: thím bỏ tịnh sang thiên, từ thiên nhảy sang lối tu lạ của bà Vô Thượng Sư, đoạn chạy theo phong trào nhân diện để "cứu nhân độ thế", và hiện thì đang gấp ghé bước vào ngưỡng cửa mật tông. Thím vẫn còn ngờ vực chồng, nên hỏi tiếp:

- Ủa! ông vẫn còn tu Niệm Phật à! tu gì mà "êm ru bà rù" chẳng nghe tăm hơi chi cả vậy?

Ồ! tu nghĩa là sửa thân tâm thì cứ lẳng lẳng mà sửa, chớ đâu phải đóng kịch màn tuồng mà quảng cáo rùm beng, vậy bà!

- Ấy! tôi thắc mắc chỉ vì có mấy thuở tôi nghe ông tụng niệm đâu? thời khắc tu tập của ông như thế nào mà tôi chẳng hay biết gì cả?

- Lạ thật! hôm nay bỗng nhiên bà lại nổi hứng truy tôi dữ quá ngen? Bà không thấy, bởi vì mỗi sáng trong khi tôi dậy sớm để lễ và niệm Phật thì bà còn ngủ yên. Ngoài ra, thì tôi thàm niệm Phật suốt ngày: trong khi lái xe, đi bộ, sẵn sóc vườn hay làm thợ..., niệm thàm thì làm sao bà hay biết!

Thì ra chú thức dậy sớm để công phu, thế mà, mỗi sáng thức dậy trễ, thấy có trà cà phê pha sẵn, thím đình ninh ông chồng già sanh tật rọ rạ ngủ không được phải bò ra nấu nước để nhâm nhi. Thím bẽn lẽn hỏi:

- Anh gia công tu tập bèn bỉ như vậy mà có ngộ đạt được điều gì cao siêu chưa? anh kể thiệt cho em nghe đi!

- Ố! anh nào có đạt được cái gì lạ đâu? có một điều là những chuyện mà ngày xưa mình nổi sân hay buồn phiền thì nay mình có thể bình tĩnh đón nhận, kẻ thù người ghét lần lần cũng không còn, thời giờ nào cũng là thời an vui niệm Phật cả nên nổi chán chường bực dọc biến dạng dần, và lòng cũng cảm thấy thanh thản nhẹ nhàng hơn...

- Ủa! chỉ niệm Phật thôi mà cũng thay đổi nhường ấy sao anh?

- Ố! niệm với tâm buông lung hờ hững thì câu niệm Phật sẽ trở thành vô dụng, ngược lại, nếu thành tâm tha thiết niệm Phật, lúc nào câu niệm Phật cũng tỏ rạng trong tâm, thì vọng niệm làm sao sanh khởi, bụi trần còn nơi nào bám víu. Niệm Phật với chánh niệm thì hoa công đức sẽ đua nhau rộ nở. Đó là nói lý thuyết để nghe mà thôi, chớ như anh thuộc thành phần căn cơ kém chỉ nhờ siêng niệm Phật nên dễ được nhắc nhở mà sửa tâm. Như khi đang thàm niệm Phật chợt khám phá niệm tham, sân, si, mạn, nghi, anh bèn tự nhủ: "Mình đã nguyện vãng sanh về tịnh độ mà sao còn tham luyến cõi ta bà, còn tính chuyện hơn thua tranh chấp với người ta làm gì kia?"; sắp mở lời bất nhã, thì anh tự cảnh cáo: "Tâm bậy quá rồi, miệng mình là nơi cất tiếng xưng tán hồng danh Phật, mình phải lựa lời ngọt ngào hòa ái để trang nghiêm, chớ đâu có thể ăn nói bừa bãi được!". Tâm thường nhất như khi

phải chờ đợi ở bãi đậu xe mấy tiếng đồng hồ để em tung tăng mua sắm, lòng anh vẫn an vui thư thái vì anh nghĩ: "Hên quá! bà xã mình ưu ái dành cho mình thời giờ đặc biệt này để dốc lòng niệm Phật! cảm ơn bà quá mức!". Đó! anh cứ nường theo câu niệm Phật mà gắng công sửa tâm lần lần, nhờ vậy, anh cảm thấy có tiến bộ đôi chút.

Thím Phan hồi tưởng lại quãng đời vợ chồng mấy năm sau này với niềm xúc động sâu xa, lẫn lộn nửa thương yêu nửa nhột nhạt. Đàn bà vốn nhạy cảm, thím đã khám phá ngay biến chuyển tâm tư của chồng. Có thể nên thím mới thường khoái chi rêu rao với bè bạn: "Ê! người ta nói già sanh tật coi bộ đúng thiệt nghen! Ông xã tui, độ rày bỗng nhiên sanh tật dễ, ổng chiều chuộng tôi rất mực, dẫu tui có làm trời làm đất gì ổng cũng cười hề hề hết hà!". Yên chí chồng sanh tật dễ, thím lần lượt chồng mỗi ngày một chút, chồng vui vẻ không phản đối thì thím càng nộ nạt áp đảo hơn nữa... Giờ này, hiểu ra mọi việc, thím bỗng thương và quý chồng vô hạn. Thím nguyện sẽ noi gương chồng tu tập để chuyển hóa con người của thím. Suy nghĩ tới lui thật chín chắn, đợi đến khi chú lái xe đậu hẳn trong nhà xe, thím mới thở thê:

- Anh à! em nhất định rồi! lần này em sẽ tu, tịnh độ như anh mới được! Thím tưởng khi nghe lời tuyên bố hào hứng này chú sẽ mừng rỡ hoan hô bà vợ hai tay lẫn hai chân, ngờ đâu, chú im lặng đôi chút như chẳng hề nghe thấy, rồi mới lừng khừng lên tiếng can gián:

- Ái chà! Cho tôi xin đi bà! vợ chồng mình bấy lâu nay chung sống tương đối vui vẻ hạnh phúc rồi! Thôi thì mình cứ theo nếp đó mà tiếp tục, bày đặt thay đổi chi cho rắc rối vậy bà! "Chú có thái độ khinh khỉnh lạ lùng quá, chắc chú xem nhẹ khả năng tu của thím", thoáng nghĩ điều đó cơn giận bốc lên ngàn ngạt khiến thím run rẩy cả toàn thân. Bình thường có lẽ thím đã dấy tê tê gây gổ rồi, nhưng lần này không biết do động lực nào kèm hãm, thím chỉ mở cửa xe bước ra đóng cái râm, rồi ngoe nguẩy bỏ đi một nước. Thím vùng vằng đến bộ ghé nệm nằm phệt xuống thờ dài thườn thượt, nước mắt rung rung...

Chú Phan rón rén ngồi cạnh vợ, vuốt ve an ủi, rồi cất tiếng ngọt ngào:

- Em à! anh can ngăn em thật ra cũng có chút lý do. Anh chưa nêu rõ lý do vì nghĩ em sẽ giận anh nhiều hơn mà thôi!

Thấy mẹ vợ vẫn bùng thụng không thềm trả lời, chú tiếp tục phân bua:

- Bây giờ, nghĩ lại anh thấy thà nói rõ một lần rồi năn nỉ em, còn hơn là để em âm ức hoài vì chẳng hiểu ngọn ngành. Nè! em nghe kỹ coi anh có nói thêm bớt hay sai trái gì không nghen! Phải nhìn nhận là em tu đủ thứ hết, nhưng chỉ tu hùng hổ "nước nọ" [2] vài ba tháng rồi bỏ cuộc. Khởi sự theo pháp môn nào, y như rằng, em hăng say ca ngợi pháp môn đó, chỉ trích chê bai pháp môn khác, gặp ai cũng cao giọng thuyết giảng để lôi kéo người ta theo về phe của em. Em à! nói chuyện đạo mà không đúng lúc, đúng người, đúng căn cơ... thì tội nghiệp cho lỗ tai người ta lắm, huống chi em có thói quen là hay nổi hứng bất tử khoác lác cần bướng rằng mình đã chứng đắc thứ này thứ nọ để "nộ" người. Em ngồi thiền chưa xếp tọa cụ, áo quần son phấn se sua, tham luyến đua đòi đủ thứ, vậy mà em dám hí hửng cho rằng tâm em an lạc, dứt trừ hết vọng tưởng rồi! Em tập tễnh ngồi chồm hổm bịt lỗ tai theo bà Vô Thượng Sư mấy tuần thì đã "sửa" [3] lên rằng em đã nghe được âm thanh cõi Phạm thiên. Em mới chạy theo nhân điện vài bữa là đã khoe ngồi thiền điện chạy rần rần, tự chữa bệnh cho mình chẳng ra hồn mà mở miệng "dao to búa lớn" nào là "cứu nhân độ thế" nào là "phổ độ chúng sanh". Tóm lại, nếu em tu như vậy đó thì anh trăm ngàn lần van xin em đừng tu, bởi càng tu thì tâm càng vọng động chớ chẳng ích gì. Thôi! chẳng thà em cứ nhớn nhoe vui sống, đua đòi chạy theo thời trang..., em có hứng chí "nổi cho xóm tụ" thì lổi nỏ mua vui đó cũng không đến nổi chết ai, còn lổi "nổ" khoe khoang chứng đắc khẩu nghiệp nặng nề kiếp kiếp đọa lạc, nguy hiểm khôn

lường.

Chú nhìn thím thăm dò phản ứng rồi mới ngáp ngừng tiếp lời:

- Sự thực là như vậy đó em! Chớ nếu như em bình thường tu sửa thân tâm thì đó là điều quý hóa anh phải mong cầu chớ sao lại cản ngăn!

Thím Phan chơi với rưng ròi. Tự thưở giờ thím chỉ được chồng rót vào tai toàn bằng lời lẽ âu yếm ngọt ngào, lần này, chú lại thẳng thừng vạch rõ khuyết điểm của thím thậm tệ như vậy, thím làm sao chịu đựng nổi. Có lẽ do những biến cố dồn dập trong ngày ảnh hưởng, nên tuy giận hờn tức tưởi mà thím không dấy nẩy đôi co đàn áp chồng như thường lệ. Thím chỉ lặng lẽ suy tư để tự quán sát mình, nhờ vậy thím thức tỉnh lần lần. Thím hiểu là những điều chú nói không có gì quá đáng, thím phải phục thiện thay đổi lối tu toàn diện, nếu như thím không muốn bị đọa lạc. Vì thế, thím quyết định phen này sẽ đồng mãnh mà âm thầm tu niệm cho chồng thán phục mới nghe.

Nghĩ sao làm vậy, thím vừa thay đổi quần áo vừa thàm niệm lục tự Di Đà. Mới niệm được năm câu, trong khi đem máng bộ đồ dầm trong phòng chứa y phục, thím chợt nhớ tiệm Đại Đồng quảng cáo đại hạ giá 50% vào ngày

mai, phần sấp Lancôme tại Dillard chỉ cần mua hai mươi lăm đồng thì có quà cả trăm... thế rồi tâm thím cứ nhờn như quay cuồng với lụa là son phấn... Mãi đến khi xong xuôi mọi việc, thím chuẩn bị chúc chồng ngủ ngon, thì mới sực nhớ rằng đang niệm Phật bỗng buông lung thả tâm lang thang đi theo những chuyện không đâu mà chẳng hay. Thím thẹn thùng hỏi chồng:

- Anh ạ! đang niệm Phật mà tâm rong chơi thì phải dùng phương pháp gì để khắc phục vậy anh?

- Niệm Phật lần chuỗi đỡ lắm. Trong khi đang niệm đầu tâm có rong chơi, nhưng nhờ tay còn lần chuỗi miệng còn máy móc nhóp nhép, nên dễ giữ mình tỉnh lại, mà đem tâm về với câu niệm Phật. Niệm Phật thậm không chuỗi, hễ tâm đi chơi thì đi tuốt luột quên mất đường về. Trong trường hợp này, mỗi người nên tự tìm cái gì làm chuẩn để thỉnh thoảng nhắc nhở mình kiểm soát lại thân tâm. Phần anh, cứ mỗi giờ đồng hồ tay của anh kêu "tít" một tiếng, nghe tiếng kêu này anh liền kiểm soát lại mình, xem "con trâu tâm" của mình lang thang ở đâu? có phá làng phá xóm chi không? Anh nghĩ nếu mình có đồng hồ treo tường, loại mười lăm phút gõ chuông một lần, để nương vào tiếng chuông thức tỉnh tâm thì cũng tốt!

Thím hăng hái:

- Đúng lắm! ngày mai em phải đi mua ngay mới được!

- Em à! niệm Phật mà tâm đi chơi cũng là chuyện bình thường! Vấn đề quan trọng là khi khám phá ra thì mình phải biết hổ thẹn mà khẩn thiết đem tâm về với câu niệm Phật. Nếu tha thiết hành trì như vậy, bền bỉ từng phút từng giờ, ngày này sang ngày khác, năm này sang năm khác... thì chắc chắn thân tâm sẽ được chuyên hóa.

Nghe chồng an ủi, thím Phan lên tinh thần, tự nhủ: "thua keo này thì bày keo khác, lo gì!". Phen này, thím quyết định sẽ thậm niệm Phật một trăm câu trước khi ngủ mới được. Thím niệm được mười câu thì chợt thấy cửa sổ còn mở nên bước đến đóng lại. Bầu trời đêm đẹp quá! Vàng trắng lười liềm lửng lơ trên đỉnh núi thơ mộng lạ! Niệm buông lung lại đến với thím. Cảnh trăng đỉnh núi vô tình khơi dậy kỷ niệm buổi ban đầu gặp gỡ của người con gái đang xuân với chàng thanh niên họ Phan trên đỉnh Cổ Sơn, Phước Kiến khoảng hơn bốn mươi năm về trước. Lòng xuân phơi phơi thím khẽ ngâm nga:

"Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy,

Ngàn năm chưa dễ đã ai quên!..."

Rồi những kỷ niệm ngày xưa êm ấm tuần tự quay về tràn ngập tâm khảm của thím, thím lâng lâng lên giường yên ngủ trong giấc mộng thần tiên.

Tháng 05.1998

Ghi chú :

1. Hòa thượng Hư Vân (1840-1959) là một vị thiền sư lỗi lạc nhất của nước Trung Hoa cận đại. Ngài xuất gia năm 19 tuổi, thọ cụ túc giới với hòa thượng Diệu Liên, chùa Cổ Sơn, Quảng Châu. Kế đó, do sự hướng dẫn của bậc thiện tri thức Ngài đến núi Thiên Thai, am Long Tuyền thọ pháp với pháp sư Dung Cảnh trong vòng 7 năm và được thầy cho hạ sa năm 36 tuổi. Sư hành cước khắp các đại tùng lâm và thánh tích Trung Hoa, cùng các nước Tây Tạng, Bhutan, Tích Lan, Miến Điện. Đặc biệt trong thời gian này sư đã dành hơn 2 năm lễ lạy xá lợi Phật tại chùa A Dục Vương, 3 năm tam bộ nhất bái từ am Pháp Hoa, núi Phổ Đà đến núi Ngũ Đài để báo đáp ân sanh thành dưỡng dục. Trong thời gian này, Ngài đã trải qua hai lần đại định và đã hốt nhiên ngộ đạo vào năm 56 tuổi, nhân khi nghe tiếng một chung trà bể. Ngài đã trùng tu hàng trăm ngôi cổ tự, đặc biệt nhất là những công trình kiến thiết vĩ đại tại chùa Chúc Thánh, Kê Túc Sơn, và các tổ đình thiền tông: chùa Nam Hoa (Tào Khê), chùa Quang Thái (núi Vân Môn) và chùa Chân Như (Vân Cư).

Ngài đã đại hùng đại lực hoằng dương Phật Pháp trong thời kỳ tôn giáo bị đàn áp nặng nề tại Hoa Lục. Ngài bị công an địa phương bao vây chiếm Vân Môn, tra tấn dã man, nằm liệt giường như đã chết hẳn đến mấy lần, mà cuối cùng vẫn sống lại một cách mâu nhiệm, khiến những kẻ chai đá phải đem lòng kính nể. Ngài bị đày đến chốn hoang vu (núi Vân Cư, Giang Tây), thế nhưng, chỉ một thời gian sau, Ngài đã trùng tu chốn ấy thành một đạo tràng tôn nghiêm vĩ đại, với hàng ngàn tăng chúng tu tập. Ngài thị tịch năm 120 tuổi.

Tuy đắc ngộ thiền tông, nhưng tùy duyên Ngài vẫn xương minh tịnh độ và các pháp môn khác. Phê trích dẫn trong truyện là pháp nhũ của Ngài cho các tu sĩ tịnh độ, nhân ngày giỗ thứ ấ của tổ Ấn Quang, năm 1952, tạ Thượng Hải. Do đó, các đại đệ tử của Ngài như hòa thượng Tuyên Hóa, Hoa Kỳ, Pháp sư Khoan Tịnh, núi Cửu Tiên, Phước Kiến, Hoa Lục, vẫn giữ truyền thống hoằng dương tịnh độ tông.

Giáo sư John Blofeld, trong quyển The Wheel of Life cho biết đã có duyên đến chùa Nam Hoa hầu chuyện với Ngài. Tác giả đã nêu thắc mắc, là tại sao ở chốn thiền môn chính thống như Nam Hoa, lại có thờ Phật A Di Đà và giữ các thời khóa tụng niệm. Ngài đáp : “Thiền và Tịnh độ đâu có gì khác biệt”... “Nếu suốt ngày họ trì niệm danh hiệu Đức A Di Đà, biết chú tâm vào hồng danh này, khi làm ruộng, lúc nghỉ ngơi, khi gặt lúa, lúc lùa trâu vào chuồng, họ trì niệm cho đến lúc nhất tâm bất loạn, thì cái ảo ảnh nhị nguyên của vô minh, cái tâm phân biệt, có chúng sanh, có chư Phật, sẽ chấm dứt và họ sẽ chứng ngộ được thực tại mâu nhiệm ngay. Dù người ta nói đó là tha lực tiếp dẫn của Đức A Di Đà, gọi là thiền, hoặc gọi là Nhất Tâm, thì điều này có gì khác biệt đâu? Cái khả năng giải thoát mà người ta cho rằng vốn ở bên ngoài (tha lực), thật ra vẫn ở bên trong (tự lực), lúc nào cũng sẵn có kia mà...” (Phần ngoặc kép này được trích nguyên văn từ quyển Ngọc Sáng Trong Hoa Sen, bản dịch của Nguyên Phong)

2. Nước nấp: giai đoạn đầu; chỉ có nước nấp nghĩa là chỉ hăng hái lúc đầu mà thôi. Tiếng lóng này phát xuất từ giới đấu gà chọi. Trước khi cho gà so tài, hai bên cho hai con gà xáp lại vờn mặt nhau vài lượt cho chúng hăng lên, rồi mới thả xuống cho giao đấu chánh thức. Giai đoạn vờn mặt này gọi là nấp gà. Gà nước nấp là loại gà lúc mới vờn nhau tỏ vẻ rất hung hăng, nhưng khi giao đấu thật thì hèn kém chạy dài.

3. Sứa: tiếng lóng ám chỉ lời nói ba hoa thánh tướng của kẻ say.

---o0o---
Hết